

TRUNG-HỌC **HOÀNG DIỆU**



đặc san Hoàng Diệu

...
em có về thăm trường Hoàng Diệu?

bụi còn mù mịt gió tháng giêng

để thấy lại em thời con gái

cặp sách trên tay rất dịu hiền ...

TRUNG HỌC HOÀNG DIỆU



Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Trung Học Hoàng Diệu Ba Xuyên

năm hai ngàn không trăm mười

thầy

đặc san *hội ng ơ*

xin được làm hòn sỏi nhỏ lót chân
đưa bước ta về ngôi trường tuổi nhỏ
làm học trò hồn nhiên bên trang vở
mắt long lanh nghe bài giảng đầu tiên

lời

đặc san *hội ng ơ*

xin được làm trang sách rất ngoan hiền
trải lên đó lời yêu thương chữ nghĩa
chuyện ngày xưa chưa bao giờ được kể
chuyện bây giờ mới nói được cho nhau

ng ơ

đặc san *hội ng ơ*

xin được làm cây bút vẽ muôn màu
vẽ bè bạn, cô thầy, ai còn, mất
tô màu sắc lên vui buồn vinh nhục
chia nỗi buồn và vui nỗi vui chung

đặc san *hội ng ơ*

xin được làm nơi bè bạn trùng phùng
thăm hỏi thầy cô quăng đời lưu lạc
bao nhiêu năm tóc thầy trò dù bạc
tình sư-đồ vẫn . . . “bán tỵ vi sư”

đặc san *hội ng ơ*

xin là một trong vạn nghìn trang sử
chữ một dòng: tôi yêu nước Việt tôi

tháng năm hai ngàn mười
thay mặt ban biên tập
phan trường ân

Ban Chấp Hành
Hội Cựu Học Sinh Hoàng Diệu Ba Xuyên
Nam California
Nhiệm Kỳ 2008 -2010

Hội Trưởng:	Chung Văn Chương
Phó Hội Trưởng	Trịnh Kim Long
Tổng Thư Ký	Quách Ngân
Thủ Quỹ	Kiều Công Thành
Trưởng Ban Liên Lạc	Nguyễn Hồng Ân
Trưởng Ban Xã Hội	Lưu Ngọc Hà
Trưởng Ban Báo Chí	Phan Trường Ân

Hội Cựu Học Sinh Hoàng Diệu Ba Xuyên
và ban chủ biên

đặc san *hội ng.đ*

trân trọng cảm ơn

Quý Thầy Cô
Quý Thân Hữu
Đồng Môn các Niên Khóa Hoàng Diệu

đã nhiệt tình cổ vũ, hỗ trợ mọi mặt

cho đặc san *hội ng.đ*
được hoàn mỹ

Có một số hình ảnh chúng tôi chưa xử dụng
hoặc đã dùng nhưng không tìm được tác giả
để xin phép,
xin thành thực tạ lỗi.

đặc san ghi dấu ngày *hội ng.đ* thầy trò Hoàng Diệu
ba mươi | tháng năm | năm hai ngàn mười
California, USA

TÔN SỰ TRỌNG ĐẠO

Toàn thể
Cựu Học Sinh

Trường Công Lập
HOÀNG DIỆU

các niên khóa
xin được
Thành Tâm Tri Ân

Ban Giám Hiệu,
Cựu Giáo Sư
và Nhân Viên

TRƯỜNG TRUNG HỌC CÔNG LẬP
HOÀNG DIỆU
BA XUYỀN

đã
một đời tận tụy
dạy dỗ
vun trồng
những thế hệ
học sinh Hoàng Diệu
nên người
hữu ích cho xã hội
và cho đất nước



DANH SÁCH BAN GIÁM HIỆU VÀ GIÁO SƯ TRƯỜNG TRUNG HỌC HOÀNG DIỆU, BA XUYỀN 1957 - 1975

HIỆU TRƯỞNG:

Mai văn Kiêm	1957- 1960
Bùi văn Nền	1960 - 1963
Trần Cảnh Xuân	1963 - 1965
Phan Ngọc Răng	1965 - 1970
Lê Xuân Vịnh	1970 - 1973
Lâm Cộng Hương	1973 - 1975

GIÁM HỌC:

Nguyễn Trí Lục
Hoàng văn Ngọc
Võ Tấn Phước
Lê văn Đức

TỔNG GIÁM THỊ:

Vũ Tեն Căn
Huỳnh Kim Báu
Mai văn Kiêm
Tô Quốc
Trần Lộc
Lê Kim Tiết Tháo
Lê Vĩnh Tráng

GIÁM THỊ:

Nguyễn thị Ba	Tô Hạt Châu
Trần thị Hoa	Trần thị Đại
Huỳnh thị Hội	Trần thị Liên Hương
Nguyễn thị Liễu	Ngô Kim Lý
Nguyễn thị Thừa Nghiệp	Trần thị Nguyệt
Nguyễn văn Xay	Trịnh Học Kỳ

THƯ KÝ

Nguyễn Hạnh Phước
Sử Xuân
Trần Bá Lang

LAO CÔNG:

Chú Liêu Huôl - Chú Kuôl

DANH SÁCH GIÁO SƯ TỪNG GIẢNG DẠY TRƯỜNG HOÀNG DIỆU

Phan Quang An	Việt Văn	Saigon, VN
Lâm Hoàng Anh	Hóa Học	California, USA
Nguyễn thị Ngọc Ánh	Việt Văn	
Triệu Nguyệt Ánh	Sử Địa	California, USA
Trần Ngọc Ân	Thể Thao	Đã Mất
Nguyễn Tôn Bá	Sử Địa	Saigon, VN
Võ văn Bá	Toán, Lý, Hóa	
Huỳnh Kim Báu	Sử	California, USA
Cao văn Bảy	Anh Văn	Georgia, USA
Lê Quang Bảy	Lý Hóa	
Từ văn Bé	Việt Văn	Sài Gòn, VN
Lâm Biều	Pháp Văn	
Nguyễn Bình	Toán	Đã Mất
Ngô Trọng Bình	Anh Văn	Pháp
Điền Thị Bông	Việt Văn	
Vũ Tiến Căn	Việt Văn	
Thạch Chanh	Anh Văn	Sóc Trăng, VN
Mai Hữu Chấn	Pháp Văn	VN
Lý thị Chất	Nữ Công Gia Chánh	Đã Mất
Huỳnh Minh Châu	Lý Hóa	
Nguyễn Minh Châu	Hoá Học	
Điền Chi	Vạn Vật	
Nguyễn Hồ Bạch Cúc	Việt Văn	
Đỗ Kim Cúc	Toán	Canada
Trương Văn Cừ	Việt Văn	
Nguyễn Ngọc Cường	Sử Địa	Đã Mất
Ngô Hoàng Đạo	Sử	
Hoàng Đình Diệp	Công Dân	Saigon, VN
Mrs. Mcdowell	Anh Văn	
Nguyễn Tử Diệu	Sử Địa	
Nguyễn thị Kim Dung	Pháp Văn	Sóc Trăng, VN
Phạm Xuân Dũng	Toán	
Dương Thị Hồng Đăng	Vạn Vật	
Thái thị Đây	Việt Văn	Đã Mất
Châu thị Đào	Toán	Aus
Lê Đình Diệu	Anh Văn	Đã Mất
Nguyễn Ngọc Diệp	Pháp Văn	
Nguyễn Minh Định	Pháp Văn, VV	California, USA
Lê Kim Đỉnh	Pháp Văn	California, USA
Trần thị Kim Đôn	Vạn Vật	California, USA
Trần văn Đức	Sử Địa	Bình Dương, VN
Ngô Tứ Đức	Thể Dục	
Nguyễn Ngọc Đường	Toán	California, USA
Tiêu Gúa	Hóa Học	
Lợi Minh Hà	Toán, Lý Hóa	Aus
Trần Văn Hạnh	Anh Văn	VN
Nguyễn thị Hằng	Anh Văn	
Quach thị Hía	Việt Văn	
Lữ thị Hiếm	Việt Văn	

Dương Văn Hiến	Anh Văn	Canada
Trương Đình Hiến	Việt Văn	Saigon, VN
Lê Ngọc Hiến	Toán	AUS
Lý Ngọc Hiến	Lý Hóa	Sóc Trăng, VN
Trần Phạm Hiếu	Pháp, Triết	Đã Mất
Châu Liên Hoa	Hóa Học	Cần Thơ, VN
Lê Như Hoa	Vạn Vật	California, USA
Ngô thị Hoa	Toán	Đã Mất
Quách Kim Hoa	Công Dân	
Diệp Hồng Hoa	Vạn Vật	California, USA
Lê Công Hoàng	Sử Địa	AUS
Mạch Kính Học	Pháp Văn	
Trần Đình Hòa		USA
Nguyễn văn Hội	Toán	Saigon, VN
Hứa Diệu Hồng	Hóa	Sóc Trăng, VN
Nguyễn Quang Hồng	Anh Văn	Maryland, USA
Phương Hồng	Toán	USA
Lý Hùng	Toán	
Nguyễn Khắc Hùng	Anh Văn	
Lâm Huông	Toán	
Đặng thị Huệ	Toán	
Mai Chấn Hưng	Vạn Vật	Mất Tích
Phạm Quang Hưng	Lý Hóa	
Phan Văn Hưng	Lý Hóa	
Nguyễn Khắc Hưng	Lý Hóa	
Trần Thị Hương	Anh- Vạn Vật	Sóc Trăng, VN
Lâm Cộng Hưởng	Toán	Sóc Trăng, VN
Liêu Khên	Sử Địa	
Trịnh Thị Khên	Toán	Saigon, VN
Lê Thành Khoa		
Trần Đăng Khoa	Công Dân	
Huỳnh Hữu Khương	Thể Dục	
Phạm Văn Kiệm	Thể Dục	
Mai văn Kiêm	Sử Địa	Đã Mất
Tiêu Kiên	Sử Địa	Đã Mất
Trịnh Học Ký	Thể Dục	
Đào Xuân Lan		
Mai Thanh Lan		
Nguyễn Hoàng Lan		
Nguyễn Thanh Lan	Việt Văn	
Nguyễn Thái Lân	Pháp văn	
Dương Quý Lang	Anh Văn	Sóc Trăng, VN
Nguyễn văn Lang	Vạn Vật	
Mai Thành Lân	Toán	
Nguyễn Ngọc Lân	Lý Hóa	
Đặng văn Lâu	Sử	
Phạm thị Lê	Việt Văn	California, USA
Trang Mỹ Lệ	Sử	California, USA
Trịnh Kim Liên	Lý Hóa	Texas, USA
Trần thị Liêng	Hóa	
Nguyễn Tư Liệu	Công Dân	
Huỳnh Hữu Lộc	Sử Địa	

Lâm Ngọc Linh	Lý Hóa	California, USA
Ngô Xuân Long	Toán	
Nguyễn Hữu Long	Toán	New Hampshire, USA
Nguyễn Ngọc Long	Lý Hóa	
Võ Phi Long		AUS
Trần Lộc	Toán	Sóc Trăng, VN
Trương Tấn Lộc	Pháp Văn	Sóc Trăng, VN
Lý An Lợi	Toán	California, USA
Quách Thị Lợi	Việt Văn	Sóc Trăng, VN
Nguyễn Hiền Lương	Lý Hóa	
Trần Quốc Lương	Toán	
Trần Thanh Lương	Thế Dục	
Quách Lý	Anh Văn	
Tạ Ngọc Mai	Việt Văn	AUS
Trần Thị Ánh Mai	Vạn Vật	
Đào Ngọc Minh	Hóa Học	Sóc Trăng, VN
Trịnh Hội Minh		
Lý Hồng Mộng	Toán	Saigon, VN
Nguyễn Thị Mười	Lý Hóa	California, USA
Thái Thị Muối	Việt Văn	Đã Mất Canada
Tôn Thị Mỹ		
Nguyễn thị Na	Vạn Vật	
Quách Ngân	Lý	California, USA
Nguyễn Hương Nghi	Việt Văn	
Trần Thanh Nghi	Anh Văn	
Hoàng văn Ngọc	Vạn Vật	California, USA
Dương Công Ngọc	Công Dân	
Dương thị Thanh Nguyên	Pháp Văn	CAN
Hồ thị Ánh Nguyệt	Vạn Vật	
Đặng Thanh Nguyệt	Hóa	Texas, USA
Nguyễn thị Thu Nguyệt	Việt Văn	
Thích Chân Ngữ	Việt Văn	
Phan Văn Nhiều	Toán	Saigon, VN
Cần Phan Nhiếp	Vạn Vật	Thủ Đức, VN
Trang thị Nhỏ	Việt Văn	
Trang Ngọc Nói	Vạn Vật	California, USA
Huỳnh Ngọc Nữ		
Trần Nữ	Lý	
Bùi thị Hoàng Oanh	Việt Văn	
Đỗ thị Phụng	Việt Văn	
Huỳnh Kim Quang		
Ngô Minh Quang		
Tô Quốc	Việt Văn	Đã Mất
Nguyễn văn Sâm	Việt Văn	Victorville, NV
Bùi Thế San	Vạn Vật	
Trần Kiều Sanh	Anh Văn	
Nguyễn Đình Sinh	Công Dân	Đã Mất
Hoàng Việt Sơn	Anh Văn	Cần Thơ, VN
Lê Hồng Sơn	Sử, Thế Dục	
Lê Ngọc Sơn	Lý Hóa	
Hồ thị Ngọc Sương	Sử	
Phạm văn Phái	Việt Văn	Sài Gòn, VN

Vũ Ngọc Phan	Pháp Văn	California, USA
Tiêu Kim Phiêu	Vẽ	
Nguyễn Văn Phú	Toán	
Châu Thị Phui		AUS
Trần Phước	Sử Địa	
Võ Tấn Phước	Việt Văn	CAN
Trần Phương	Toán	Đã Mất
Trần Cảnh Phương		Toán
Phan Ngọc Răng	Vạn Vật	Đã Mất
Nguyễn Hiền Tâm	Việt Văn	Saigon, VN
Nguyễn thị Minh Tâm	Anh Văn	California, USA
Diệp Duy Tân	Vạn Vật	
Nguyễn Ngọc Thanh	Pháp Văn	
Bùi Sỹ Thành	Pháp văn	France
Trần Quế Thanh	Việt Văn	
Lê Khắc Thanh	Toán	Saigon, VN
Lê Kim Tiết Thảo	Việt Văn	Bến Tre, VN
Đỗ Như Thắng	Triết	Đã Mất
Nguyễn Trọng Thắng	Toán	Đã Mất
Trần Xung Thấu	Toán	Saigon, VN
Phạm văn Thế	Nhạc, Vẽ	Đã Mất
Võ văn Thiên	Nhạc	
Nguyễn Tư Thiếp	Triết	AUS
Trần Thanh Thu	Vạn Vật	
Vũ Thị Thu	Việt Văn	USA
Trần thị Thanh Thủy	Vạn Vật	Đã Mất
Phạm Công Thừa	Lý Hóa	
Nguyễn Văn Thuận	Lý	
Bùi Văn Thuật	Sử Địa	
Trần Thị Tín	Anh Văn	Đã Mất
La Tòng	Địa	
Nguyễn Văn Tòng	Việt Văn	Bến Tre, VN
Lê Vĩnh Tráng	Việt Văn	Saigon, VN
Liễu Minh Trân	Toán	California, USA
Nguyễn thị Kỳ Trân	Việt văn	
Huỳnh thị Tố Trinh	Việt Văn	
Bích Trinh	Pháp Văn	
Phạm Thế Trúc	Pháp Văn	
Huỳnh Vĩnh Trung	Lý	VN
Lê Vĩnh Trường	Toán	Washington, USA
Nguyễn Phạm Tuấn	Toán	
Dương Minh Tự	Toán	
Phan thị Tươi	Việt Văn	CAN
Huỳnh Thị Tố Trinh	Việt Văn	
Tôn Thất Văn	Hội Họa	Đã Mất
Mai Thanh Văn	Vạn Vật	
Mai Lâm Vân	Pháp	VN
Nguyễn Bá Vinh	Lý Hóa	
Lê Xuân Vịnh	Việt Văn	Thủ Đức, VN
Lưu Văn Xuân	Lý Hóa	
Trần Cảnh Xuân	Anh Văn	California, USA
Nguyễn Phương Yển	Pháp Văn	

Lịch sử thành lập TRƯỜNG TRUNG HỌC HOÀNG DIỆU Ba Xuyên

A- TIỂU SỬ VỊ ANH HÙNG HOÀNG DIỆU (1828-1882):

Hoàng Diệu, vị anh hùng dân tộc đã nêu cao tiết liệt bằng tinh thần bất khuất, không đầu hàng giặc và hi sinh vì đại nghĩa. Người đã để lại nét son cho lịch sử dân tộc và tên tuổi người là niềm tự hào của mọi người Việt Nam.

Hoàng Diệu tên thật là Hoàng Kim Tích tự Quang Viễn hiệu Tinh Trai sinh ngày 10-2-1828 tại làng Xuân Đài, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Thân sinh của ông là Hường Huệ mất khi ông còn nhỏ tuổi. Ông được sự nuôi dưỡng, của người mẹ tảo tần, đảm đang. Ông đậu cử nhân 1848, đậu Phó bảng năm 1853 và ra làm quan nổi tiếng thanh liêm. Chưa đầy 50 tuổi ông đã giữ chức Binh Bộ Thượng Thư. Năm 1880, đứng trước tình thế khó khăn ở miền Bắc, vua Tự Đức đã chọn Hoàng Diệu giữ chức Tổng Đốc Hà Ninh (Hà Nội và Ninh Hải-tên gọi Hải Phòng thời bấy giờ) trấn nhậm hai nơi xung yếu nhất.

Bấy giờ Pháp đã đặt xong bộ máy cai trị ở 6 tỉnh thuộc địa Nam kỳ và quyết đánh chiếm Bắc kỳ. Vì vậy, khi nhận nhiệm vụ, ông thừa hiểu tình thế và chuẩn bị đối phó. Ông luôn quan tâm đến việc phòng thủ nhất là ngoại thành.

Ngày 25-3-1882, Trung Tá Hải quân Henri Rivière rời Sài Gòn với hai chiến hạm tiến quân ra Bắc. Đến ngày 2-4-1882 Henri Riviere kéo đến Hà Nội và đóng tại Đồn Thủy với chiêu bài bảo vệ Pháp kiều. Thấy vậy một mặt Tổng Đốc Hoàng Diệu sai Tuần Phủ Hoàng Hữu Xứng tiếp đãi tử tế, một mặt ra lệnh sửa sang đồn lũy để sẵn sàng đối phó. Sau đó ông cùng các quan Án Sát Tôn Thất Bá, Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng, Đề Đốc Lê Văn Trinh ... cùng nhau uống máu ăn thề quyết sống chết theo thành.

Ở Hà Nội, Henri Rivière cho lính mang súng ghèngh ngang, khiêu khích. Hắn tập trung

bốn chiến hạm trang bị đại bác và 600 lính hải quân, thủy quân lục chiến để chuẩn bị tấn công. Ngoài ra còn ba chiến hạm khác nằm tại Hải Phòng chờ tiếp viện. Lúc 5 giờ sáng ngày 25/4/1882 (nhằm mồng 8-3 năm Nhâm Ngọ), Trung tá Henri Rivière gởi tối hậu thư bắt buộc Tổng Đốc phải ra lệnh giải binh và mở cửa thành, đồng thời 8 giờ sáng Tổng Đốc phải đích thân đến dinh hàng phục, có mặt cả các quan văn võ.

Nhận được thư, Hoàng Diệu hết sức căm tức nhưng ông rất bình tĩnh, triệu tập các quan lại bàn việc đối phó. Ông ra lệnh cho binh sĩ sẵn sàng trong tư thế ứng chiến, đồng thời sai Án sát Tôn Thất Bá đến gặp Henri Rivière đề nghị hoãn lại một hôm.

Vào 8 giờ 15, Pháp đã bắt đầu nổ súng, án sát Tôn Thất Bá chưa kịp đến Đồn Thủy đã vội vàng bỏ trốn vào làng Nhân Mục. Các chiến hạm dưới sông Hồng pháo kích dữ dội vào thành. Nhiều kho tàng trúng đạn đã phát hỏa.

Mặc dù đang bệnh, Hoàng Diệu vẫn cùng Hoàng Hữu Xứng dẫn đầu tướng sĩ lên mặt thành bố trí, chống cự.

Giặc bắn phá liên tục và tiến quân ồ ạt. Nơi cửa đông, Đề Đốc Lê Văn Trinh bỏ chạy, ở cửa tây, Lãn Binh Lê Trực không giữ nổi phải rút lui. Tại cửa nam, Lãn Binh Nguyễn Minh Đường ráng sức chống cự nhưng cũng không giữ nổi phải lui quân.

Ở cửa bắc, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hoàng Diệu, có Phó Lãn Binh Hồ Văn Phong phụ tá đã chiến đấu quyết liệt. Đến 11 giờ, kho súng thuốc trong thành phát hỏa làm binh sĩ nao núng và bắt đầu tan vỡ.

Trước tình thế nguy nan, không cứu vãn nổi. Tổng đốc Hoàng Diệu cười voi về phía hành cung và viết tờ biểu trần tình:

“Thần: sức học nông xoàng, trao dùm quá lớn. Riêng mình một phương gánh nặng, đương khi ba cõi chưa yên

Một kẻ học trò, việc côi ngoài vốn chưa từng học

Mười phần giao ước lòng già đầu lại dám tin

Thần từ vân mạng, nay đã ba năm

Chỉnh đốn giáp binh, sửa sang thành lũy

Không những là vững bền bờ cõi, mà chính để ngăn chặn cộp beo

Không ngờ: Tổ chim đương dằng thịt, dạ thú bỗng giống cuồng

Ngày tháng hai năm nay, bỗng thấy người

Pháp: Thuyền quân chen đậu, đồn lũy gấp tăng

Thần lập tức: Tư cùng lân hạt, tâu với chiều đình, xin cấp viện binh để mau kịp việc

Thế mà: Mỗi lần chiều thư hạ xuống, bắt lỗi thần là đóng yên quân mà kìm hãm lương thực, buộc tội thần là trong khi chống giữ để lỡ cơ nghi !”

(Bản dịch của Trần Công Chính)

Đoạn cuối tờ biểu ông viết:

“Tướng lược không tài, tự nghĩ sống là vô ích, thành mất chẳng cứu, ví bằng chết cũng chưa đền (...)

Dám đầu trung nghĩa gọi là, chỉ vì sự thế bắc buộc

Đất trung thổ trở nên địch địa, sống thẹn cùng phường nhân sĩ Bắc hà

Lòng cô trung thể với Long thành, chết nguyện theo Nguyễn Tri Phương dưới đất

Mấy hàng huyết lệ, muôn dặm quân môn

Nguyễn ánh sáng nhật nguyệt soi tỏ tấm lòng son của tôi mà thôi”

(Bản dịch của Hoàng Xuân Hãn)

Viết xong tờ biểu, ông bái vọng về triều rồi ra gốc cây to bên cạnh Võ miếu thất cổ tuần tiết. Lúc đó khoảng 12 giờ ngày 25-4-1882 (nhằm mồng 8-3 năm Nhâm Ngọ).

Về sau, hài cốt của ông được vua Tự Đức cho đem về chôn cất tại quê nhà Điện Bàn Quảng Nam. Hiện ở đây còn đền thờ ông.

B-

TÓM TẮT LỊCH SỬ TRƯỜNG TRUNG HỌC HOÀNG DIỆU:

Từ ngày thành lập đến nay, Trường Hoàng Diệu đã trải qua biết bao thăng trầm biến đổi:

I.

Giai đoạn Từ 1949 Đến 1957:

Trường Hoàng Diệu bắt đầu xây dựng từ năm 1949 trên một mảnh đất hoang, ao vũng bùn lầy, rộng gần ba mẫu tây (2,7 ha) do một người Pháp làm chủ, nằm trong phạm vi bốn con đường: Mạc Đĩnh Chi, Đề Thám, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Đình Phùng, mặt tiền phía Mạc Đĩnh Chi.

Năm 1949, xây dựng dãy đầu tiên gồm 7 phòng học đúc nóc bằng, bê-tông cốt sắt (dãy C hội trường hiện nay).

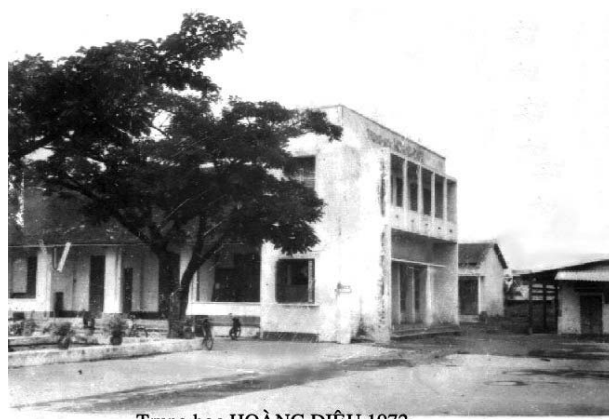
Năm 1956 xây dãy thứ hai (song song với dãy cũ) gồm 7 phòng lợp ngói móc lót gạch bông, có hai hành lang (nay là dãy văn phòng, dãy A).

II.

Giai Đoạn Từ 1957 Đến 1975:



Ngày 1-10-1957 trường trung học tỉnh lỵ Ba Xuyên khai giảng, lấy tên là “Trường Trung Học Công Lập Khánh Hưng”. Trong thời gian này, trường chỉ sử dụng dãy vừa làm văn phòng vừa phòng học với ba lớp đệ nhất (lớp 6)



Trung học HOÀNG DIỆU 1972

có 157 học sinh. Tất cả bàn ghế trang bị đều do Ty tiểu học cho mượn. Bù lại, trường phải cho Ty tiểu học sử dụng dây C để dạy các lớp tiểu học. Lúc này trường chưa có hiệu trưởng chính thức, do đó ông Mai Văn Kiêm, Thanh tra tiểu học kiêm tạm giữ chức quyền hiệu trưởng.

Năm 1958 xây dãy phòng thứ ba (dãy D) lát gạch bông, ngói móc, có một hành lang, hợp với hai dãy trước thành hình chữ U.

Từ năm 1960-1961, trường mới có hiệu trưởng chính thức là ông Bùi Văn Nền và năm 61-62 bắt đầu mở lớp trung học đệ nhị cấp (lớp 10 trở lên).

Ngày 6-10-1961, trường chính thức mang tên “Trường Trung Học Công lập Hoàng Diệu” do nghị định số 1371/GD/PC/NĐ ký ngày 30-9-1961 cả Bộ Quốc gia giáo dục.

Niên khóa 1962-1963, trường đã có 14 phòng học gồm 23 lớp. Chia làm hai buổi: 4 lớp đệ thất (2 anh, 2 pháp), 4 lớp đệ lục (2 anh, 2 pháp), 4 lớp đệ ngũ (2 anh, 2 pháp), 4 lớp đệ tứ (2 anh, 2 pháp), 4 lớp đệ tam (2a, 2b), 3 lớp đệ nhị (1a, 2b). Học sinh xong lớp đệ nhị (lớp 11) phải đi Cần Thơ thi tú tài phần nhất (tú tài I).

Năm 1962, xây dựng cổng trường đầu tiên ở đầu dãy A nhìn thẳng ra đường Nguyễn Du, đồng thời xây hàng rào phía trước. Lầu thư viện ở đầu dãy A được xây dựng trong thời gian 1965-1967.

Năm 1970-1971, xây hai dãy E và F. Năm 1972, trường có khá nhiều thay đổi: cổng trường được dời từ đầu đường Nguyễn Du đến vị trí hiện nay nhìn thẳng vào sân cò, xây dựng kiến cố và đẹp hơn, hàng rào trường cũng được xây mới ở phía mặt trước, sau đó xây tiếp tục bao quanh toàn trường (từ năm 1972-1988). Cũng trong năm này dãy B cũng được xây dựng. Giữa sân trường (ngay cổng vào) có một hồ sen nhỏ và vườn hoa cũng được hình thành.

Năm 1973, Sở Học Chánh tỉnh Ba Xuyên được thành lập, đã mượn dây C xử dụng đến năm 1975.

Cùng với Trường Trung Học Công lập Hoàng Diệu là trường bán công “Phụ Huynh học sinh”, các trường tư thục Trần Văn, Lam Sơn, Tố Như,

La San, Proridence, Bồ Đề ... Trường dạy nghề Nông Lâm Súc, hoạt động dưới sự thanh tra của hiệu trưởng công lập.

Khi học xong bậc tiểu học, tất cả các học sinh sẽ tham gia kỳ thi tuyển vào lớp đệ thất (lớp 6), các học sinh trúng tuyển sẽ vào học Trường Trung Học Công lập Hoàng Diệu, các học sinh thi rớt sẽ theo học ở các trường bán công hoặc tư thục. Trong quá trình học ở các trường tư thục nếu học sinh có thành tích học tập giỏi, hạnh kiểm tốt sẽ được xét tuyển vào trường Hoàng Diệu.

Hệ thống giảng dạy bao gồm hai bậc học: Trung học đệ nhất cấp (từ lớp đệ thất cho đến lớp đệ tứ, tức từ lớp 6 đến lớp 9), các học sinh được phân chia theo sinh ngữ chọn lọc (Anh văn hoặc Pháp văn) và Trung học đệ nhị cấp (từ đệ tam đến đệ nhất, tức lớp 10 đến lớp 12), các học sinh được xếp lớp theo phân ban đã chọn (A,B,C,D) và bắt đầu học thêm sinh ngữ 2.



Khi đi học tất cả học sinh phải mặc đồng phục: nữ sinh áo dài trắng, quần trắng hoặc đen, nam sinh áo sơ mi trắng ngắn tay, quần xanh dương, giày ba ta trắng.

Trong những năm đầu thành lập trường, học sinh mang phù hiệu tròn bằng kim loại. Sau đó thay bằng phù hiệu vải. Đến năm 1974, học sinh còn phải mang bảng tên bằng mica.

Các Hiệu Trưởng của Trường:

- GS Bùi Văn Nền : 3 năm (1960 - 1963)
- GS Trần Cảnh Xuân: 2 năm (1963 - 1965)
- GS Phan Ngọc Răng: 5 năm (1965 - 1970)
- GS Lê Xuân Vỉnh: 3 năm (1970 - 1973)
- GS Lâm Cộng Hưởng: 2 năm (1973 - 1975)

Nguồn: hoangdieust.net

mùng ngày

Hội Ngộ Thầy Trò Hoàng Diệu

30 tháng 5 năm 2010

đặc san *hội ngộ*

thực hiện:

Hội Cựu Học Sinh Hoàng Diệu Ba Xuyên

Ban Chủ Biên:

* Trịnh Kim Long * Quách Ngân
* Trương Ngọc Thủy * Lưu Bửu * Kiều Công Thành
* Đỗ Thủy * Ngọc Ánh * Hồng Nhan
* Đỗ thị Minh Giang * Mạnh Sao Mai * Chung văn Chương
* Phan Trường Ân

Trình Bày & Kỹ Thuật:

Phan Trường Ân

phát hành nhân ngày hội ngộ Thầy Trò Hoàng Diệu
30 tháng 5 năm 2010 tại
Santa Ana, California,

Thư từ, bài vở, ý kiến xây dựng cùng mọi liên quan khác, xin gửi về
Hội Cựu Học Sinh Hoàng Diệu Ba Xuyên
2323 W. Bern Ln
Santa Ana, CA 92706



Thầy Trần Cảnh Xuân

- 1963-1965 : Hiệu Trưởng TH Hoàng Diệu

- 1965-1967: Hiệu Trưởng TH Tân An:

- 1969: Thanh tra Đặc Biệt, Chánh văn Phòng

Tổng Trưởng Giáo dục.

- 1973: Du học Hoa Kỳ

- 1975: Master Giáo dục tại Michigan

- Đồng sáng lập viên Hội Khoa Học và Kỹ Thuật VN

- Hiện định cư tại San Diego, California

Chính Sách ĐỒNG HÓA và sự DUY TRÌ TIẾNG MẸ

Thầy Trần Cảnh Xuân

Từ khi bản hiến pháp Hoa Kỳ ra đời vào năm 1787 cho đến nay, chính phủ liên bang chưa bao giờ ban hành một điều luật nào ấn định tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức của Hoa kỳ. Người Mỹ mặc nhiên xem tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức của Hoa Kỳ.

Vì Hoa Kỳ là một quốc gia của người di dân đến định cư từ khắp nơi trên thế giới, nên vấn đề thống nhất ngôn ngữ luôn là mối lo ngại của chính phủ, nhất là đối với những cộng đồng có đông dân và có quyết

tâm duy trì ngôn ngữ và văn hóa riêng của họ. Để có một khái niệm về tương lai của người tị nạn Việt Nam ngày nay, chúng tôi xin đơn cử một vài trường hợp điển hình của một vài dân tộc khác đã đến trước chúng ta. Họ đã tranh đấu thế nào để duy trì ngôn ngữ của họ, thái độ của chính phủ và của dân chúng Mỹ đã bày tỏ như thế nào để thực hiện việc đồng hóa những dân tộc không nói tiếng Anh.

Vào năm 1683 người Đức đã đến định cư tại vùng Pennsylvania, và đến năm 1775 đã có hơn 225 ngàn người với tỷ lệ là một phần ba dân số tại đó. Đến năm 1962 đã có hơn 6 triệu người Đức sang định cư tại Hoa Kỳ. Điểm đáng lưu ý đối với người Đức là họ luôn cố gắng bảo tồn ngôn ngữ, văn hóa và truyền thống cố hữu của dân tộc họ. Họ thiết lập các trường tư thục để dạy chương trình Đức ngữ, và đòi hỏi Đức ngữ phải được giảng dạy tại các trường công lập các tiểu bang Ohio, Maryland, và Indiana, nơi tập trung của kiều dân gốc Đức. Vào năm 1904, có đến 4100 trường trung, tiểu học công và tư thục đã dùng Đức ngữ làm chuyển ngữ. Sau nhiều thế hệ, đến năm 1910, có hơn 9 triệu người Mỹ gốc Đức vẫn nói tiếng Đức như tiếng mẹ. Tuy nhiên 80 năm sau, ngày nay chúng ta khó tìm được một trường công hay tư thục nào dùng Đức ngữ làm chuyển ngữ nữa. Lý do đưa đến sự đồng hóa bắt nguồn từ khi chính phủ Hoa Kỳ tham gia chống Đức vào Đệ nhất thế chiến. Tại quốc nội, chính phủ và dân chúng cổ động chống lại người Mỹ gốc Đức. Chánh phủ ban hành luật cấm sử dụng Đức ngữ tại học đường, trên báo chí và các nơi công cộng. Con em gốc Đức xử dụng tiếng Đức tại học đường cũng bị chế giễu đến mức độ chúng không còn muốn nói chuyện với cha mẹ trong gia đình bằng Đức ngữ nữa. Sự cưỡng bách ngôn ngữ đã đưa 9 triệu người Đức hội nhập hoàn toàn vào xã hội Hoa Kỳ. Và đến nay chỉ còn 2 triệu bảy trăm ngàn người Đức di cư từ sau đệ nhất thế chiến còn nói tiếng Đức trong gia đình.

Vào năm 1976, thống kê cho biết tại Hoa Kỳ có độ 2 triệu người gốc Pháp, trong đó có 43% xử dụng tiếng Pháp và Anh trong gia đình. Riêng tại Louisiana có đến nửa triệu người gốc Pháp. Theo hiến pháp của tiểu bang này vào năm 1845 thì tiếng Pháp và Anh là hai ngôn ngữ chính thức được xử dụng trong các cơ quan chính phủ và học đường. Tuy nhiên đến thời kỳ Nam Bắc phân tranh, và sau khi miền Nam bị thất trận, ngôn ngữ Pháp cũng bị xóa bỏ trong bản hiến pháp năm 1864. Mặc dù người Mỹ gốc Pháp tại Louisiana đã tham gia với miền Nam chống lại miền Bắc không

phải vì lý do ngôn ngữ, nhưng chính phủ vẫn xem đó là một cơ hội tốt để đồng hóa người Pháp. Gần một thế kỷ sau khi tiếng Pháp không còn là ngôn ngữ chính thức, ngày nay chúng ta hầu như không còn nghe ai dùng tiếng Pháp tại Louisiana nữa.

Kinh nghiệm trong quá khứ đối với dân Pháp tại Louisiana đã khiến cho chính phủ Hoa Kỳ đã hoãn việc nhìn nhận vùng New Mexico thành một tiểu bang. Hoa Kỳ đã chiếm được vùng đất gồm đa số là dân Mễ Tây Cơ, và đương nhiên họ dùng tiếng I-Pha-Nho hàng ngày. Thượng viện Hoa Kỳ đã tuyên bố rằng vùng đất New Mexico chưa sẵn sàng để sát nhập thành tiểu bang của xứ Hoa Kỳ cho đến khi nào dân chúng tại đó hấp thụ được ngôn ngữ và tập quán của người Hoa Kỳ.

Cuộc kiểm tra dân số năm 1910 cho thấy rằng số người Hoa Kỳ nói tiếng Anh đã chiếm đa số tại vùng New Mexico. Lúc đó, vào năm 1912, chính phủ Hoa Kỳ mới chính thức nhìn nhận New Mexico là một tiểu bang. Trong văn kiện sáp nhập có ghi điều kiện là “học đường tại New Mexico phải luôn luôn sử dụng Anh ngữ làm chuyển ngữ và tất cả nhân viên công quyền các ngành hành pháp cũng như lập pháp nói thông thạo tiếng Anh không cần phải qua sự thông dịch”.

Hiện nay, người Mỹ gốc Hispanic đông nhất trong các sắc dân thiểu số. Theo thống kê từ năm 1976, đã có gần 20 triệu người gốc Hispanic tại Hoa Kỳ, trong đó có người Mễ, Cuban và Puerto Rican, ba phần tư trong số đó sinh trưởng tại Hoa Kỳ, và 50% vẫn còn dùng tiếng I-Pha-Nho trong gia đình, và 59% là song ngữ. Lý do người Hispanic còn nói được tiếng mẹ nhiều như vậy vì phần lớn họ không có ý định định cư vĩnh viễn tại Hoa Kỳ, và sự đi lại giữa Hoa Kỳ và

Nam Mỹ rất thường xuyên.

Trong những năm từ 1880 đến 1920 người Đông Âu đã ồ ạt sang định cư tại Hoa Kỳ và đã tạo ra nhiều khó khăn cho xã hội Hoa Kỳ. Mặc dù người Đông Âu cũng gốc người da trắng, người Mỹ gốc Anh rất lo ngại. Họ phát động Phong trào Người Bản Xứ (The Nativist Movement). Cao trào đó lên tới đỉnh vào thời đệ nhất thế chiến. Phong trào Mỹ Hóa và hạn chế người di cư được sự hưởng ứng khắp nơi. Học đường đã đóng một vai trò chính trong công việc cưỡng bách văn hóa và đồng hóa thanh thiếu niên. Các cuộc trắc nghiệm về trí thông minh (IQ Test) đã được áp dụng cho người di cư. Kết quả của cuộc trắc nghiệm cho thấy trung bình điểm của người da trắng bản xứ cao hơn người Đông Âu. Họ cho rằng người Đông Âu kém thông minh và cần phải hạn chế du nhập vào xứ Hoa Kỳ. Do đó luật National Origin Quota năm 1924 ra đời nhằm hạn chế người di dân các nước Đông Âu. Thật ra kết quả của kỳ thi trắc nghiệm bị sai lệch vì người Hoa Kỳ đã căn cứ vào văn hóa của họ khi làm ra bài trắc nghiệm.

Ngôn ngữ cũng là một lý do đưa đến sự kỳ thị và bài ngoại trong dân chúng. Người bản xứ đã phổ biến tháp Babel để gây sự hoài nghi và sợ hãi đối với người di dân. Các phong trào Mỹ hóa đã đưa đến kết quả là người Đông Âu cũng bị hội nhập nhanh chóng vào xã hội Hoa Kỳ.

Vào năm 1908, một vở kịch mang tên là “The Melting Pot” đã được đưa ra trình diễn với ngụ ý là mỗi sắc dân khác nhau sẽ “hòa đồng” để thành một dân tộc riêng biệt lấy nền văn hóa Anh làm nền tảng, và từ đó danh từ Melting Pot được phổ biến để mô tả xã hội Hoa Kỳ.

Quốc hội đã thông qua đạo luật bắt buộc mỗi công dân Hoa Kỳ phải nói được tiếng Anh. Các lớp dạy Anh ngữ được mở khắp nơi để dạy những người đã có quốc tịch mà chưa nói được tiếng Anh, và cho những ai muốn vào quốc tịch.

Phong trào mệnh danh là “Nước Hoa Kỳ chỉ dành cho người Hoa Kỳ” đã được phát động mãnh liệt. Tinh thần quốc gia cực đoan và sự nghi ngờ người di cư là động lực mạnh mẽ nhất đã đưa đến vai trò độc tôn của tiếng Anh trong thời đệ nhất thế chiến. Tổng Thống Theodore Roosevelt đã công khai cổ xúy phong trào “Hoa Kỳ một trăm phần



trăm” và đã lớn tiếng khẳng định rằng “*Người di cư phải là người Hoa Kỳ có lòng trung thành trọn vẹn đối với quê hương mới của họ, nếu không họ chỉ là con số không. Họ không có chỗ đứng trên lãnh thổ này và họ nên rời nơi đây càng sớm càng tốt*”. (Diễn văn đọc tại St. Louis, Missouri, ngày 31-5-1916). Vào năm 1917, Tổng Thống Theodore Roosevelt còn cho phổ biến một quyết nghị mang chữ ký của đại diện nhiều sắc tộc: “*Chúng ta chỉ có một lá quốc kỳ. Chúng ta chỉ nói một ngôn ngữ. Ngôn ngữ đó là ngôn ngữ của bản Tuyên Ngôn Độc lập của Hoa Kỳ. Chúng ta không thể dung túng mọi mưu toan chống đối hoặc thay thế ngôn ngữ và nền tảng văn hóa của những người đã tạo dựng nên xứ sở này. Sự hùng mạnh của xứ sở này tùy thuộc vào sự đồng hóa nhanh chóng của những người di cư được quốc gia này đón nhận. Mọi mưu toan làm chậm trễ sự đồng hóa đều đi ngược lại quyền lợi tối cao của quốc gia chúng ta . . .*”.

Báo chí viết bằng ngoại ngữ cũng bị đả kích dữ dội. Tổng Thống Theodore Roosevelt đã cảnh cáo rằng “*Các báo chí ngoại ngữ là kẻ thù nguy hiểm nhất của quốc gia*”. Chính phủ đã cho cơ quan an ninh theo dõi và chỉ thị các nhà Bưu Điện không chuyển các báo ngoại quốc có chủ trương quá khích.

Tại tiểu bang Hawaii, con em người Nhật, ngoài giờ học tại trường, được dự các lớp dạy tiếng Nhật và văn hóa Nhật do cộng đồng người Nhật tổ chức. Thống Đốc tiểu bang Hawaii cho điều tra vì sợ rằng người Nhật đã dạy những điều phản lại Hoa Kỳ. Tiểu bang California đã xem việc dạy tiếng Nhật là mối đe dọa nền an ninh quốc gia. Quốc hội tiểu bang đã ban hành luật cấm dạy tiếng ngoại ngữ tại các trường công và tư. Người Hoa Kỳ gốc Nhật đã vô cùng phẫn nộ và đưa trường hợp đó ra trước pháp luật. Tòa án Tối Cao Pháp Viện đã phán quyết rằng tiểu bang California vi hiến khi ban hành luật cấm dạy ngoại ngữ tại học đường. Đến năm 1921, luật mới ban hành bắt buộc ai muốn hành nghề dạy học bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề của tiểu bang cấp phát.

Mãi đến sau thời đệ nhị thế chiến, người Hoa Kỳ da trắng đã không tìm thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ người Hoa Kỳ gốc Nhật thiếu tinh thần quốc gia trong khi có chiến tranh với nước Nhật. Sau đó chánh phủ có thái độ cởi mở hơn trong việc cho dạy tiếng ngoại ngữ tại học đường.

Vào năm 1920, để chống lại chánh sách cưỡng bách văn hóa và Mỹ hóa cực đoan của chánh phủ, nhà triết học Horace Kallen và một số học giả đã đưa ra thuyết

văn hóa đa nguyên (cultural pluralism). Lúc bấy giờ vì phong trào Mỹ hóa quá mạnh nên tiếng nói và tư tưởng của ông Kallen không được ai chú ý đến nhiều. Những người chủ trương văn hóa đa nguyên cho rằng quan niệm hòa đồng “Melting Pot” không phản ánh thực tại của xã hội Hoa Kỳ vì nó mang tính cách cưỡng bách và độc đoán. Chủ thuyết văn hóa đa nguyên chủ trương mỗi sắc tộc đều có quyền duy trì văn hóa và ngôn ngữ của họ, và đồng thời mỗi người phải tôn trọng văn hóa và ngôn ngữ của sắc tộc khác. Chánh quyền còn có nhiệm vụ khuyến khích việc duy trì văn hóa qua việc áp dụng chương trình giảng dạy tại học đường. Sự phát triển tư tưởng văn hóa đa nguyên được ông Michael Novak mệnh danh là “sự nổi dậy của những sắc tộc bất khả hòa đồng” (the rise of the unmelttable ethnics). Phong trào Phụ Nữ Bình Quyền (Feminist Movement) cũng bùng phát vào năm 1960. Chính người phụ nữ Hoa Kỳ cũng bị đối xử thiệt thòi như người thiểu số. Dân Mỹ da đen cũng đứng lên đòi bình quyền và đòi xóa bỏ mọi kỳ thị chủng tộc còn tồn tại trong xã hội Hoa Kỳ. Kết quả của phong trào đấu tranh của dân tộc thiểu số đã đưa đến luật di trú năm 1952, luật dân quyền năm 1964, và luật giáo dục năm 1968.

Các đại học mở thêm các lớp dạy văn hóa và lịch sử của người Á châu, người da đen, người Nam Mỹ, người bản xứ da đỏ, và phụ nữ. Luật giáo dục cấp trung tiểu học năm 1968 cho xử dụng tiếng mẹ của học sinh trong học đường. Việc xử dụng tiếng mẹ để giảng dạy đưa trẻ bắt đầu đi học không hiểu tiếng Anh để nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết của trẻ trong thời gian chuyển tiếp. Theo tinh thần luật giáo dục thì việc xử dụng tiếng mẹ chỉ là một phương tiện, và cứu cánh vẫn là giúp học sinh sớm hội nhập vào chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, có nhiều nơi, nhiều nhà giáo dục gốc Mễ đã bác bỏ quan niệm về việc xử dụng tiếng mẹ để làm phương tiện. Họ đòi hỏi tiếng I-Pha-Nho phải được tôn trọng ngang hàng với tiếng Anh và phải được giảng dạy song song để trẻ có khả năng xử dụng hai ngôn ngữ như nhau. Một chương trình song ngữ thực sự phải thực hiện mục tiêu đó đúng theo tư tưởng của nền giáo dục đa nguyên dành cho người thiểu số.

Phong trào văn hóa đa nguyên đã đưa đến việc ban hành luật giáo dục song ngữ vào năm 1974. Luật giáo dục song ngữ liên bang đã giúp cho các nhà giáo dục chủ trương bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ tiến mạnh hơn trong việc thực hiện việc giảng dạy tiếng

mẹ tại học đường. Các chương trình đào tạo giáo chức song ngữ đã được thiết lập tại các trường đại học vào thập niên 1970, đúng vào thời kỳ người tị nạn Việt Nam đầu tiên đặt chân lên đất Hoa Kỳ. Hiện nay có độ 80 giáo chức Việt Nam phục vụ tại các học khu trong tiểu bang California. Đến năm 1978, chánh phủ liên



Thầy Xuân (X) cạnh thầy Đường (trong ngày hôn lễ thầy Đường)

bang thấy rằng việc áp dụng luật song ngữ năm 1974 đã đi xa hơn dự liệu trong việc xử dụng tiếng mẹ tại học đường, và đã gây phản ứng không thuận lợi trong dư luận của người Hoa Kỳ. Quốc Hội đã tu chính và nhấn mạnh vai trò của tiếng mẹ chỉ là phương tiện trong thời gian chuyển tiếp. Sau đó, nhiều học khu đã đổi danh từ chương trình song ngữ thành chương trình ngôn ngữ hai (second language education), hoặc chương trình dạy tiếng Anh cho học sinh không nói Anh ngữ (English for Speakers of other Languages)...

Nói đến giáo dục song ngữ mà không kể lại vụ án của họ Lầu là một điều thiếu sót. Vào năm 1974, vụ án họ Lầu, người Trung Hoa tại San Francisco, kiện ông Nichols, trưởng khu học chánh San Francisco, đã giúp cho phong trào giáo dục song ngữ càng tiến mạnh. Con ông Lầu là một học sinh gốc Trung Hoa di cư. Học sinh họ Lầu không hiểu Anh ngữ và học khu lại không tuyển người nói tiếng Trung Hoa để giảng dạy. Phiếu điểm của Lầu quá thấp. Do đó gia đình ông Lầu quyết tâm đưa nội vụ ra trước pháp luật với lý do là học khu San Francisco đã vi phạm luật dân quyền khi con ông đã không được đối xử công bằng. Điểm của Lầu nhỏ hơn điểm của học sinh Hoa Kỳ có cùng khả năng trí tuệ. Tòa án địa phương đã cho rằng học khu San Francisco không vi luật vì đã đối xử rất công bằng đối với họ Lầu. Tuy nhiên, tòa án Tối Cao Pháp Viện đã phán rằng “nếu cho rằng đối xử đồng đều đối với hai cá nhân không có khả năng ngôn ngữ đồng đều là không có sự bất công thì nên giáo dục công

lập đã làm một việc khôi hài”. Như vậy, học khu San Francisco đã thực sự vi phạm luật dân quyền năm 1964. Có cơ hội đồng đều (equal opportunity) là điều quan trọng, nhưng đạt đến quyền lợi đồng đều (equal access) lại quan trọng hơn.

Luật giáo dục song ngữ tiểu bang California ấn định rằng nếu một trường có hơn mười học sinh không nói được tiếng Anh và nói cùng một ngôn ngữ thì học khu phải tuyển mướn một giáo chức song ngữ để giúp những học sinh đó. Nếu không tìm được giáo chức song ngữ gốc thiểu số thì người giáo chức Hoa Kỳ phải học văn hóa và ngôn ngữ của học sinh thiểu số trong thời gian ấn định. Điều này đã gây sự bất mãn trong giới giáo chức người Hoa Kỳ, vì trên thực tế điều đó không thể thực hiện được. Luật giáo dục song ngữ tiểu bang California đã hết hiệu lực từ tháng 6, năm 1987. Và các dự luật được quốc hội đệ trình để thay thế đều bị thống đốc tiểu bang phủ quyết. Mặc dù ngày nay tiểu bang California không có luật giáo dục song ngữ, nhưng luật giáo dục song ngữ liên bang và luật dân quyền vẫn còn ảnh hưởng sâu rộng đến mọi học khu. Bộ Giáo Dục tiểu bang vẫn kiểm soát chặt chẽ việc giảng dạy học sinh không nói được Anh ngữ tại mỗi học khu, trong đó việc xử dụng tiếng mẹ của học sinh vẫn được thực thi trong tinh thần chuyển tiếp.

Theo chánh sách hiện tại, người di cư thiểu số có cơ hội duy trì ngôn ngữ dễ dàng hơn hai mươi năm trước đây. Tại học đường, tiếng mẹ của học sinh được

tôn trọng, nghĩa là học sinh không bị cấm sử dụng khi cần phát biểu với giáo viên nói cùng ngôn ngữ. Tiếng mẹ của học sinh không bị xem thấp kém hơn tiếng Anh. Điều này giúp cho học sinh còn tự hào phần nào tiếng nói của mình.

Việc duy trì ngôn ngữ cũng còn tùy thuộc vào khuynh hướng và hình thức định cư của cộng đồng thiểu số. Người Trung Hoa đã đến định cư tại Hoa Kỳ từ giữa thế kỷ thứ 19. Họ có khuynh hướng sống tập trung và lập thành những khu phố điển hình của người Trung Hoa. Do đó, họ có thể giữ gần nguyên vẹn lối sống và ngôn ngữ của họ qua nhiều thế hệ.

Khuynh hướng sống tập trung là một yếu tố thuận lợi để duy trì ngôn ngữ. Mặc dù có một số người Việt Nam tỏ ý muốn sống cách biệt với cộng đồng, tuy nhiên vì nhu cầu vật chất cũng như tinh thần, đa số đã tìm cách để sống gần với cộng đồng hơn.

Sự tiếp tục đến Hoa Kỳ định cư của người Việt Nam cũng là một yếu tố thuận lợi cho việc duy trì ngôn ngữ. Theo luật di trú hiện hành, thân nhân người Việt còn có thể tiếp tục đến định cư như những sắc dân khác nhau sau khi chương trình “ra đi có trật tự” chấm dứt. Tuy nhiên, sự ra đi còn tùy thuộc vào chánh sách của quốc gia nguyên quán. Thời kỳ trước năm 1975, người Việt cả hai miền Nam Bắc đều không được phép di cư sang Hoa Kỳ. Trong khi đó, những quốc gia khác vẫn liên tục cho dân của họ đi định cư theo số phân định (quota) mà Hoa Kỳ dành cho mỗi quốc gia.

Thái độ của phụ huynh trong gia đình là yếu tố quan trọng nhất trong việc duy trì ngôn ngữ và văn hóa. Chúng ta cũng nên hiểu rằng việc duy trì ngôn ngữ có một giá trị tuyệt đối. Như vậy chúng ta không thể quả quyết rằng việc khuyến khích con em nói tiếng Việt trong gia đình là hoàn toàn đúng, vì mỗi gia đình có quan niệm và tiêu chuẩn riêng trong việc giáo dục con em. Nếu chúng ta quan niệm con em cần có sự tự hào về nguồn gốc, chủng tộc, giá trị xã hội, văn hóa và ngôn ngữ của mình thì việc sử dụng tiếng mẹ trong gia đình là cần thiết. Thực ra, giáo dục cho con em có niềm tin tưởng vào giá trị và văn hóa của gia đình quan trọng hơn, vì nó giúp cho con em có nhiều ý chí phấn đấu và tinh thần cầu tiến hơn trong xã hội. Điều quan trọng là phụ huynh cần biết những giá trị xã hội và văn hóa của mình để hướng dẫn con em một cách hữu hiệu. Biết tiếng Anh mà thiếu tinh thần phấn đấu và cầu tiến thì cũng thành vô dụng.

Vì Hoa Kỳ là một quốc gia tập chủng gồm nhiều sắc dân khác nhau về màu da, chủng tộc, tín ngưỡng; khác

nhau hơn về quan niệm và giá trị đạo đức. Do đó học đường không thể giáo dục con em về đức dục, chính gia đình là nơi đào tạo con em trên phương diện đạo đức. Việc giáo dục luôn luôn được thể hiện qua lối sống và sự trao đổi tư tưởng – trong sự bình đẳng và hiểu biết chứ không phải qua sự khống chế và chủ quan – giữa phụ huynh và con em, trong đó tiếng mẹ đóng một vai trò thiết yếu. Có thể đến thế hệ thứ ba, hoặc thứ tư về sau, tiếng mẹ sẽ là tiếng Anh. Tư tưởng cũng như lối sống sẽ biến đổi và xa dần với lối sống của thế hệ đầu. Sự hội nhập này sẽ không thể tránh được; vì ngôn ngữ, lối sống, tư tưởng đều thuộc về văn hóa, và văn hóa luôn luôn biến đổi để thích ứng với môi trường trong đó có gia đình, học đường và xã hội. Chỉ có những yếu tố di truyền mới không biến đổi như màu da, hình thù của chúng ta. Và chính yếu tố này là chất keo sơn gắn liền người Việt qua không gian và thời gian.

Gs Trần Cảnh Xuân

tháng 5 thấy lại . . .

trường xưa

*Tháng 5, giữa đất trời xù lạ
Bàng hoàng ta thấy lại trường xưa
Thấy nón lá ai che nắng hạ
Thấy Thầy đang giảng . . . giáo khoa thư!*

*Tháng 5, ta thấy ta ngày cũ
Đứng giữa sân trường đội nắng mưa
Thấy ta nắn nót từng con chữ
. . . thành bức thư tình mãi chẳng đưa*

*Tháng 5, gặp lại nhiều khuôn mặt
Còn bao nhiêu nữa đã yên mồ?
Ừ lạ, sao quên từng ánh mắt
Bốn mươi năm . . . còn tưởng là mơ*

*Tháng 5, hội ngộ đời lưu lạc
“Thầy, trò tóc bạc trắng như nhau” (*)
Lòng chợt ngậm ngùi nghe bạn nhắc:
“Chúng ta mất hết . . . chỉ còn nhau” (**)*

Phan Trường Ân
5/2008

**) Lời thầy HT Trần Cảnh Xuân*

*(**) Phát biểu của HD Nguyễn Rốp (2008)*

Theo lời yêu cầu của bạn hữu ở Âu châu và Bắc Mỹ, bài sưu tầm này phỏng ra từ nhiều tài liệu và được viết bằng 3 thứ tiếng hầu mong thế hệ con em chúng ta hiểu được phần nào văn hóa và nguồn gốc miền Tây của cha mẹ chúng... Người viết xin đặc biệt cảm ơn các bạn bè – Trần Thu Hương (Texas), Huỳnh Ngọc Minh (Oregon), Cathy Phan (California), Nguyễn Thị Mỹ Hương (France) và Nguyễn Thị Tuyết (Belgium) đã góp ý kiến và sửa chữa để cho bài viết được hoàn chỉnh và chính xác hơn...

Phần 1

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA DANH

Quê hương tôi có con sông dài
xinh xắn,

Nước tuôn trên đồng ruộng vắng,
Lúa thơm cho đủ hai mùa,

Dân trong làng trời về khuya
vẳng tiếng đê mê...

Tình hoài hương - Phạm Duy

Lời phi lộ: Từ thuở bé tôi đam mê mấy bản nhạc đầy ấp tình quê hương – làng tôi, tình hoài hương, Việt Nam quê hương tôi, hương đất, v.v.v..... Những bài hát ấy vẫn nằm mãi trong tiềm thức của tuổi thơ cho đến ngày nay...Tôi có một hoài bão rằng là một ngày nào đó sẽ tìm hiểu về nguồn cội quê hương xứ sở thân thương của mình... xứ miền Tây Nam bộ ...

Quê hương là nơi mà mình sinh ra đời và lớn lên ở đó, sống hầu hết thời kỳ thơ ấu với rất nhiều kỷ niệm. Ông cha ta thời xa xưa đều sống bằng nghề nông và thường định cư ở một nơi, đời nọ sang đời kia. Vì vậy nên khi nói đến quê hương là người ta liên tưởng đến một làng quê với lũy tre xanh, với đồng lúa vàng cò bay thẳng cánh...

Cho dù quê hương tôi còn nhiều điều chưa được tốt đẹp và hoàn hảo cho lắm, đồng bào tôi vẫn còn nghèo khổ lắm nhưng nơi đó vẫn là nơi mà tôi đã được dạy cho biết đó là quê hương tôi.

Quê hương vẫn là nơi mà chúng tôi vẫn nhớ, vẫn thương, vẫn mong muốn cho quê mình ngày càng khấm khá hơn, vẫn muốn trở về sống trong tình làng nghĩa xóm tràn đầy yêu thương, vui vẻ... Không phải đến bây giờ sau bao nhiêu năm sống xa quê hương, đất nước, con người mới thấy nhớ về quê hương xưa cũ. Cho dù ngày nay những người bỏ xứ ra đi đã có nhiều người làm nên sự nghiệp huy hoàng, nắm những vai trò cao cấp trong xã hội mới. Thế nhưng lòng hoài hương vẫn theo đuổi trong tâm tư trên bước đường lữ thứ.

Dải đất hình chữ S mà Chế Lan Viên ví như “một con tàu xé sóng”, đã chịu đựng quá nhiều đau thương bất hạnh trong suốt hàng thế kỷ

chiến tranh. Dải đất hình chữ S kia đối với tôi là hình ảnh của một giọt nước mắt chảy dài trong đêm tối, là bóng dáng co ro của mẹ Việt Nam đang ngóng trông những đứa con còn mãi miệt mài mưu sinh nơi đất khách quê người...xa tít bên kia bờ đại dương...

Tình quê hương đã nằm trong máu huyết của mỗi chúng ta. Miền Tây là nơi đã nuôi dưỡng và bao bọc chúng ta, nơi có những cánh đồng lúa vàng, thửa ruộng xanh rì, là nơi có dòng sông tắm mát của tuổi thơ với những cảnh cây nặng trĩu trái ngọt và bà con dòng họ làm ta mãi thổn thức mỗi khi nhớ về...Trải qua lịch sử mấy ngàn năm văn hiến của dân tộc Việt Nam, chưa bao giờ người dân Việt phải ra đi nhiều và tha hương lưu lạc khắp nơi như vậy. Chúng ta tưởng đã vĩnh viễn cách xa, là ngàn trùng ly biệt. Nhưng trong thực chất mỗi con người chúng ta vẫn còn cái tình đối với quê hương và cái nghĩa đối

tìm hiểu về

Văn Hóa
miền Tây

NGUYỄN HỒNG PHÚC

với dân tộc. Tình nghĩa ấy đã giúp dân tộc Việt tồn tại mãi đến ngày hôm nay.

Chúng ta luôn hướng về quê hương với những kỷ niệm thời ấu thơ, từng sống dưới những mái nhà tranh êm đềm bên cạnh lũy tre xanh, nhớ về con đường làng đến bờ kinh xanh sau làn khói lam chiều. Ngày xưa chúng ta ra đi phải gạt đi những giọt nước mắt vì ngày về thì quá xa. Ngày nay trở lại miền Tây sau bao nhiêu năm xa cách. Trên đường về làng xưa, qua những phố xá đông người, những con đường xưa bị đổi tên xa lạ, nhiều ngôi nhà mới cất nguy nga, tráng lệ bên cạnh những mái nhà tôn còn hoen ố màu của rỉ sét thời gian, con đường xưa yên tĩnh bây giờ trở thành những khu phố “thương mại” buôn bán tấp nập, với đủ kiểu kinh doanh hè phố, với những tương phản của cuộc sống, những náo nhiệt của tuổi trẻ và những suy tư của người già....

Mời bạn hãy cùng chúng tôi đi ngược dòng thời gian để trở lại chốn xưa, chia sẻ những bồi hồi xúc động khi thăm lại con đường xưa, xóm cũ đầy ắp kỷ niệm ấu thơ... Và để tìm hiểu thêm về văn hóa miền Tây, chúng ta thăm lại non sông cẩm tú ấy với Mỹ Tho Đại phố, qua bến Ninh Kiều diễm lệ bên cạnh dòng sông Cần Thơ, về Bạc Liêu để nghe lại bài dân ca dạ cổ hoài lang, đến Sóc Trăng để nghe lòng rộn rã hồi hộp khi dự lễ đua ghe Ngo, về Cà Mau thăm lại rừng tràm rừng mắm...

Kính dâng lên hương hồn cha, người đã sớm hun đúc cho con cái một tấm lòng luôn thiết tha với quê hương, để viết lên những huyền thoại về vang của dân miền Tây cũng như xứ sở Việt Nam ...



Miền Tây và Văn Hóa Óc Eo

Năm 1679, hai di thần nhà Minh là Trần Thắng Tài và Dương Ngạn Địch đem binh biển và gia quyến với 3000 người, hơn 50 chiến thuyền di tản về phương nam đến gần kinh đô Thuận Hóa, với lòng mưu cầu phục Minh sau này, đến để xin được chính quyền Việt Nam giúp đỡ. Chúa Nguyễn, Hiền Vương, nghĩ nếu từ chối và đuổi đi, thì đám tàn quân này vì cùng đường có thể đánh phá ta, nên tiếp đãi niềm nở, còn khoản đãi, phong chức và cho phép vào phía nam khẩn hoang, lập nghiệp ở Biên Hòa, Cù Lao Phố, và Định Tường – Mỹ Tho Đại phố với lời chỉ dẫn “đó là vùng đất mới của ta” [1][2].

Điều đáng chú ý là đoàn chiến thuyền này được đưa vào Nam có người hướng dẫn thân tình. Chúng tôi thời chúa Nguyễn vùng đất vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long được nghiên cứu kỹ lưỡng tường tận.

Tướng Trần Thắng Tài vâng lệnh Chúa Nguyễn dẫn một đoàn

quân với chiến thuyền đi về vùng Biên Hòa để khai phá và định cư lập nghiệp. Phần đất này là căn cứ xuất phát của người Việt đầu tiên xâm nhập bằng đường lối hoà bình vào lãnh thổ Miên. Dần dần người Việt đuổi dân Khmer về miền Tây Nam phần. Người Miên phải bỏ làng mạc và ruộng đất, sống ẩn náu trong các rừng rậm hoặc đầm lầy. Họ mở mang thương mại và chỉ trong ít lâu biến Cù Lao Phố thành một trung tâm thương mại trù phú. Đến khi Tây Sơn tiến đánh vào Nam, một phần dân cư ở đây di tản về Bến Nghé sinh sống. Họ chuyên thu mua và bán nông phẩm từ phía Định Tường chở tới. Bến Nghé sau này trở thành Chợ Lớn và hoạt động kinh tế vẫn còn nằm trong tay người Hoa. Trong lúc đó, tướng Dương Ngạn Địch dẫn một đoàn quân kéo về Định Tường định cư lập nghiệp. Cánh này chuyên về nông nghiệp. Họ lập ra những nông trại, dần dần mở mang ra thành Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long ngày nay. Vào thời đại này nền kinh tế miền Nam bộ rất phồn thịnh. Vào cuối thế kỷ 16 với sự thông thương buôn bán với những nước Tây phương như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Hòa Lan và Anh Quốc làm đất nước thêm trù phú. Vào thời đại này đạo Thiên Chúa giáo cũng bắt đầu gia-nhập vào đời sống tín ngưỡng của người Việt Nam.

Vào thời gian ấy năm 1695, Mạc Cửu từ Thái Lan qua, đặt chân ở Hà Tiên, lập ra thương cảng, một thời buôn bán phồn thịnh. Sau nhiều lần bị Xiêm La (Thái Lan) và Chân Lạp (Cao Miên) uy hiếp, Mạc Cửu chấp nhận thuận phục Nhà Nguyễn và được chúa Nguyễn phong chức quan, cai quản phần

đất Hà Tiên để về sau này nối liền với Rạch Giá [2].

Cũng vào triều đại nhà Lê Chiêu Thống, đất Bắc ngự trị bởi chúa Trịnh trong khi miền Nam là đất của Nhà Nguyễn, nên khi Gia Long (Nguyễn Ánh) tẩu quốc, chạy vào Định Tường, Ba Giồng, được dân chúng miền Nam khắp nơi niềm nở đón tiếp và phục vụ nhà vua tận tình. Trịnh Nguyễn phân tranh cũng vào thời đại từ 1627 đến 1772.. Từ khi hoàn toàn chinh phục miền Nam năm 1802, nhà Nguyễn chiêu mộ dân lập ấp đưa về miệt dưới như Ba Xuyên, Cà Mau, Rạch Giá. Trong chương trình lập ấp, tức tổ chức định cư về mặt xã hội, chính quyền nhà Nguyễn kêu gọi những tù phạm nếu hưởng ứng chương trình này họ sẽ được khoan hồng. Nhà Nguyễn theo đuổi mục tiêu chiến lược là mở rộng bờ cõi về phía Nam, thiết lập và củng cố chính quyền miền Nam, tổ chức phòng thủ chống ngoại xâm. Và lãnh thổ Nhà Nguyễn từ đó chạy dài tận mũi Cà Mau....Theo sự suy diễn thì chúa Nguyễn có công to lớn trong việc mở mang bờ cõi và khai thác vùng đất màu mỡ và trù phú bị bỏ hoang để trở thành miền Tây trù phú phồn thịnh hơn các nơi khác trên toàn quốc[2].

Để có một ý niệm khái quát, chúng ta không thể tách rời lịch sử của đất miền Tây ra khỏi lịch sử của nước Phù Nam, của nước Chân Lạp và lịch sử các nước chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ nói chung[2].

Cũng theo người làm sử [1] thì thành cổ Óc-Eo là một thương cảng sầm uất thời trung đại bị chìm dưới lòng đất, được nhà Khảo cổ tên Francois Malleret tiến hành khai quật vào ngày 10 tháng 2

năm 1944 (xã Vọng Khê, huyện Thoại Sơn cách thành-phố Long Xuyên 30Km về phía tây nam) đã làm “sống lại” một nền văn hóa cổ, đã hình thành và phát triển trên châu thổ sông Cửu Long từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VII sau công nguyên. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học dựa vào các kết quả khai quật khảo cổ đã chứng minh văn hóa Óc Eo là sản phẩm vật chất của Vương quốc Phù Nam. Qua những kết quả nghiên cứu, hình thái văn hóa Óc Eo - Phù Nam đã được hình thành khá rõ nét, với một số đặc trưng tiêu biểu như: một số kỹ thuật làm đầm lầy khá cao, thể hiện qua cách giải quyết đất thấp làm nơi cư trú bằng cách cất và nâng cao nhà sàn bằng gỗ, việc thực hiện hệ thống kênh đào tỏa rộng ở nhiều nơi trên đồng bằng châu thổ sông Cửu Long mà dấu vết còn quan sát được bởi nhà khảo cổ. Phần lớn những di tích kiến trúc của Phù Nam là những đền thờ và mộ táng với một loại hình kiến trúc gạch đá hỗn hợp có quy mô lớn bằng kỹ thuật xây nền và tường gạch dày đặc, lối lắp ráp những phiến đá granit lớn, v.v.v...

Văn hóa Óc Eo có những giao lưu văn hóa rộng lớn với những nền văn minh thời cổ đại như với văn minh Đông Sơn (những hoa văn trang trí và những hiện vật đồng kiểu tương tự như văn minh Đông Sơn); với Ấn Độ (những tượng thờ thuộc Ấn Độ giáo, Phật giáo, đồ trang sức, con dấu, văn tự...); với thế giới Địa Trung Hải và Trung Đông (huy chương La Mã, đồng tiền bằng đồng, tượng đồng, hạt chuỗi La Mã...); và với Trung Hoa (mảnh gương đồng, tượng Phật nhỏ). Tỉnh Tiền Giang vào những thế kỷ đầu công nguyên thuộc vương quốc Phù Nam và

những vết tích của nền văn hóa này hiện vẫn còn được lưu giữ ở bảo tàng viện vùng này.

Theo những khám phá của các nhà khảo cổ học, con người đã có mặt ở vùng đất miền tây Nam Bộ khá lâu đời. Nếu căn cứ theo những di chỉ cư trú và di cốt của con người ở Óc Eo, Ba Thê, Núi Nổi... thì từ cách đây từ 2,000-3,000 năm, con người đã có mặt ở vùng đất còn chứa nhiều nước mặn, sinh lầy, cây dại và dã thú này; đồng thời họ cũng để lại nhiều dấu ấn văn hóa khá đặc trưng về vùng miền, mà sinh động và thiết thực nhất là ở vùng tứ giác Long Xuyên và U Minh Thượng. Rất tiếc là các di tích của nền văn minh ấy chỉ cho chúng ta thấy rằng, nền văn minh ấy chỉ hừng khởi lên khoảng vài trăm năm rồi bị chìm lấp trong lòng đất miền Tây, với những hình ảnh hư ảo còn lại của một vương quốc Phù Nam trong sử sách.

Công cuộc mở đất phương Nam chỉ thật sự định hình từ những cuộc di dân lớn của người Việt ở đầu TK 17. Chỉ đến khi nhà Nguyễn tiến hành những cuộc di dân theo cách qui mô từ vùng Ngũ Quảng trở vào - Quảng Nam, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Thừa Thiên), và Quảng Nghĩa (Quy Nhơn), kết hợp với sự di dân lẻ tẻ sau thất bại của nhà Minh trước triều Mãn Thanh (do Dương Ngạn Địch, Trần Thắng Tài và Mạc Cửu cầm đầu), cùng với việc di dân lẻ tẻ trước TK 15 của những lớp cư dân cổ Khmer đến từ nhiều vùng trên đất nước Campuchia, tràn về theo sông Tiền, sông Hậu để tránh họa diệt tộc của vua chúa Xiêm La, và sự di dân tự nhiên của người Chăm Hồi giáo đến vùng Châu Đốc, kết

hợp với quá trình chuyển cư tại chỗ của cộng đồng các tộc người để lập làng lập ruộng, vùng văn hóa mang bản sắc miền Tây Nam Bộ mới thật sự hình thành. Nhờ quá trình sinh sống gần gũi giữa các cộng đồng dân tộc tạo nên những tiếp xúc văn hóa với nhiều đặc trưng khác nhau, làm nên tính chất văn hóa, kinh tế của một vùng đất miền Tây rộng lớn. Đây là một vùng văn hóa trẻ, phong phú, đa dân tộc, đa tôn giáo và đa màu sắc. Song những đặc trưng văn hóa của các tộc người anh em khác vẫn tồn đọng sâu đậm trong nông thôn của nhiều vùng - đặc biệt là những vùng có tính chất khu biệt như Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau.

Từ giả thuyết trên chúng ta có thể suy diễn rằng tổ tiên chúng ta là sự kết hợp của những tàn quân Tây Sơn lánh nạn để thoát vua Gia Long đến từ vùng Ngũ Quảng và An Khê (Pleiku) cộng với sự di dân của nhà Minh trước triều Mãn Thanh, sự di dân của người Khmer để tránh sự diệt chủng của vua chúa Xiêm La và người Chăm hồi giáo. Dần dần họ trở thành những nhà nông biết trồng trọt lúa gạo, biết dựng nhà, đóng thuyền, luyện kim, dệt vải, chế tạo đồng thao, vẽ tranh tạc tượng, suy nghĩ khoa học và cũng có thể sáng tạo được chữ viết. Và cũng do sự tình cờ của lịch sử hơn nghìn năm dài Bắc thuộc và hơn trăm năm lệ thuộc Pháp đã đóng góp nhiều cho nền văn hóa miền Tây...

Để tìm hiểu đặc trưng văn hóa miền Tây, tất nhiên phải quan sát tính cách con người để xem xét. Bởi vì con người là chủ nhân của mọi ngôn ngữ và hành động, tác

động sâu sắc đến âm nhạc, văn học, cũng như kiến trúc, những lễ hội và phong tục. Chúng ta thử tìm hiểu những nét đặc sắc của nền văn hóa miền Tây như tết Nguyên Đán, tết Trung Thu, tết Thanh Minh, tục thờ cúng và làm giỗ Ông Bà và tổ tiên, lễ cưới hỏi, lễ cúng trắng với đua ghe Ngo Sóc Trăng, lễ Phật Đản và Vía Bà Châu Đốc, dân ca miền Tây và Chợ nổi Cái Bè, Cái Răng, Ngã Bảy...

Chợ nổi Cái Bè/ Ngã Bảy/ Cái Răng/ Ngã Năm

Người dân miền Tây chủ yếu đi lại bằng kênh rạch nên tốt nhất chở ra một đầu mối ở sông để mà bán, từ đó hình thành một cái chợ nổi. Nhưng chợ nổi miền Tây rất sinh động, sinh động hơn cả chợ nổi ở Thái Lan, một khu chợ nhân tạo, trong khi đó chợ nổi của ta hình thành từ tập quán sinh sống với những sản vật phong phú miền Tây gồm các văn hóa nổi bật như: trao đổi, giao tiếp, hò đối đáp, đờn ca tài tử, hát bội và sân khấu cải

lương... Trong văn hóa sông nước miền Nam bộ thì chợ nổi Ngã Bảy, Cái Răng, Cái Bè và Ngã Năm có nét đặc thù riêng biệt. Theo sự nghiên cứu thì những chợ nổi này đã hình thành hơn trăm năm nay. [4]

Đối với những người mua bán ở chợ nổi, chiếc ghe dùng để chở hàng hóa cũng là căn nhà di động. Mọi hoạt động mua bán, sinh hoạt của gia đình đều diễn ra trên ghe. Khoảng không gian tuy hẹp nhưng cũng đủ gói ghém những vật dụng cần thiết cho cuộc sống hàng ngày.

Đến chợ nổi, bạn sẽ chứng kiến cảnh mua bán rau quả, đặc sản địa phương hàng hoá rất đa dạng, phong phú và có thể trao đổi hàng hoá nông sản của miền Tây Nam bộ như: xoài, mận, cam, bưởi, vú sữa, ổi, hành, ớt... Rất nhiều loại hàng quán khác mọc ven sông như phở, hủ tiếu, cà phê, quán nhậu nổi ngay cả xăng dầu cũng có... Từ ngàn xưa, khi tiền tệ chưa xuất hiện, việc trao đổi mua bán của người dân miền Tây sông nước



qua hình thức “hàng đổi hàng”. Ngày nay, hình thức này đã không còn tồn tại. Vì thế cư dân gần đây đã tái hiện lại phong tục này mà chính du khách là người trao đổi với những chủ ghe bán loại trái cây, rau quả mà khách thích. Nét đặc trưng trong cách thức mua bán ở chợ nổi là không phô trương hàng hóa hoặc rao hàng như các chợ trên đất liền, mà từ lâu người ta đã dùng tín hiệu. Sản phẩm miệt vườn được treo trên một cây sào cắm trước mũi ghe gọi là “cây bẹo”. Người mua chỉ cần nhìn vào “cây bẹo” là biết ngay ghe bán thứ gì.

Mỗi chợ nổi miền Tây có một nét đặc trưng của từng địa phương. Ví dụ chợ nổi Ngã Bảy ở đây mặt sông mênh mông rẽ về bảy ngã. Từ các ngã, thuyền bè tấp nập tụ về đây. Chợ ở trên mặt đất có những thứ gì, thì chợ nổi cũng đủ những mặt hàng mà người dân cần, từ cái kim sợi chỉ cho đến quần áo, thức ăn, rượu thịt... còn các loại trái cây thì nhiều vô kể. Từ chợ nổi, người ta sẽ được cập bến để lên chợ rần. Cái tên chợ rần Ngã Bảy cũng đã rất quen thuộc với du khách quốc tế. Đến tham quan chợ rần, bạn sẽ được mời uống rượu rần và được xem những màn biểu diễn múa rần rất mạo hiểm. Chợ Ngã Bảy quanh năm có rần, rùa, chim, sóc, kỳ đà ... phục vụ du khách. Trong khi chợ nổi Cái Răng thu hút khá đông du khách đến tham quan và tăng gấp bội vào những ngày giáp Tết nhờ ở gần trung tâm thành phố. Đến chợ này bạn sẽ có dịp trò chuyện với các nhà vườn xung quanh về những kinh nghiệm trong việc trồng cây trái ngon ngọt của họ. Đôi khi khách còn được nhà vườn biểu những loại trái ngon, vật lạ làm quà hoặc

mua với giá rất rẻ. Sản phẩm chợ nổi Cái Răng để lại dấu ấn trong văn minh thương mại sông nước. Chợ Nổi Cái Răng được xem như là sản phẩm đặc thù của thành phố Cần Thơ cũng như sông nước đồng bằng.

Ngày nay khi ta đến với vùng đất Miền Tây đi qua sông Tiền, Sông Hậu sẽ được nghe nhắc đến những khu chợ nổi đặc trưng của Miền Tây như: chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang), chợ nổi Cái Răng, Phụng Hiệp (Cần Thơ), chợ nổi Ngã Năm (Sóc Trăng)...những khu chợ nổi này đã gắn bó với người dân và hơn nữa trong xu thế phát triển và hội nhập của đất nước những khu chợ nổi này đã trở thành một loại hình văn hoá du lịch hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế. Ngày nay, dấu đường bộ đã phát triển đến tận những vùng nông thôn hẻo lánh của thành phố miền Tây, nhưng các chợ trên sông vẫn tiếp tục tồn tại, tiếp tục họp tan theo con nước lớn ròng - một nét văn hóa đặc sắc của người dân miền sông nước đồng bằng...

Dân ca (Vọng Cổ và Cải Lương) Nam Bộ

Bản vọng cổ đã có sức sống mãnh liệt trong lòng công chúng, nó chiếm lĩnh tình cảm tất cả các tầng lớp từ trí thức, đến những người bình dân nhất... Chỉ có câu chữ nhạc trong khuôn khổ nhất định mà mỗi người đồn nghe khác nhau về âm sắc, người ca nhiều hơi, kỹ thuật giọng điệu cũng khác nhau, người viết lời khác nhau tạo hương sắc bản vọng cổ muôn màu muôn sắc tuyệt vời.

Ai là người sáng lập nhạc dân ca vọng cổ Nam bộ vẫn còn là đề tài để bàn. Theo sử liệu [3] thì

người miền Tây biết là năm 1919 bài Dạ Cổ Hoài Lang được sáng tác bởi nhạc sĩ Cao văn Lầu ra đời tại Bạc Liêu và cũng là sự khởi đầu của nền vọng cổ và cải lương Nam bộ. Từ bản chất phóng khoáng và nếp sống của dân miền Tây đã làm cho nền cải lương trở nên dân dã. Mặt khác do lòng luôn thương nhớ cội nguồn nên các điệu cải lương phản ánh phần nào nỗi buồn trong bài ca và cũng được người mộ điệu ưa thích. Bản vọng cổ và cải lương là giai điệu đời sống tình cảm của người miền Tây. Cũng ở vùng miền Tây này, tới đâu ta cũng gặp cảnh sông nước mênh mang, kênh rạch chằng chịt chia xẻ các miệt vườn, đem phù sa tắm mát cho cây trái. Ở mảnh đất giàu hoa quả và trí dũng này, tới đâu ta cũng gặp những điệu hò, điệu lý, tới đâu ta cũng gặp những cây cầu, từ “cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi” tới “cầu ván đóng đinh”, rồi cầu xi măng, cầu sắt... Ở đó ta sẽ gặp những nhóm “đàn ca tài tử” được hình thành từ một số người có khả năng đồng thời cũng say mê với những điệu hò, điệu lý và vọng cổ Nam bộ. Nhóm này là những người nông dân suốt ngày làm ruộng, làm vườn, nhưng đến những ngày có đám tiệc, đám giỗ, hoặc đám cưới gã thì tập trung lại thành một nhóm, người thì đàn, kẻ thì đánh phách, còn các cô gái thì hát những bài ca thể hiện tình yêu thương đất nước và con người.

Cải lương và nhiều bài hát còn lưu truyền cho tới ngày nay đều xuất phát từ miền Đồng Bằng Sông Cửu Long, bởi vì miền này trù phú, người dân có đời sống sung túc nên có thời giờ và điều kiện nghĩ đến những môn giải trí tao nhã. Qua đó, chúng ta thấy cải lương ra đời từ miệt vườn, thôn

thập những cái hay, đổi mới cái cũ theo nhu cầu, hoàn cảnh địa phương...

Phần 2

PHONG TỤC VÀ TẬP QUÁN

Tục thờ cúng Ông Bà Tổ Tiên và ngày giỗ

Thờ ông bà là một bổn phận và nhiệm vụ trọng đặc thù của người miền Nam. Trong quảng đại quần chúng xưa và nay, người ta thường nói “đạo thờ ông bà” là tín ngưỡng sâu sắc, nhưng không là một tôn giáo, “đạo” nói ở đây phải hiểu là đường lối do lòng thành kính và biết ơn của con cháu đối với cha mẹ, ông bà đã khuất. [5]

Khi tôi hoàn tất bài viết này thì hoàn cảnh xã hội ở Việt Nam đã phức tạp hơn trước những năm 1975 rất nhiều. Việc thờ cúng tổ tiên cũng đã phát triển rộng và đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của người dân miền Tây. Các nghi thức này không những nhằm chuyển những thông điệp mà còn để tỏ lòng biết ơn của chúng ta đối với những người đã

khuất.

Dân miền Tây tin rằng Ông bà có thể phù hộ con cháu họ là một trong những lý do khiến mọi người coi trọng việc thờ cúng tổ tiên và việc làm giỗ. Ngoài ra, vẫn còn có một lý do khác buộc chúng ta phải quan tâm đối với những người đã mất, đó là quan niệm thuộc nền tảng đạo đức và đạo lý làm người. Đạo làm con phải “uống nước nhớ nguồn”. Không ai tự nhiên được sinh ra, không ai tự nhiên lớn lên, tất cả đều phải chịu ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ và những người đi trước, “có tổ tiên mới có mình”. Sự biết ơn và tưởng nhớ công lao của tổ tiên chính là để thể hiện “đạo lý làm người”, một đạo lý tốt đẹp của người Việt Nam nói chung và người miền Tây nói riêng.

Cách thể hiện lòng biết ơn của con cháu đối với tổ tiên liên quan hệ chặt chẽ với hoàn cảnh kinh tế xã hội. Ví dụ, ngôi mộ mà gia đình tôi đã xây dựng cho cha tôi chứng tỏ gia đình có hoàn cảnh kinh tế hơi khấm khá, và mẹ tôi rất tự hào vì “mọi người cho rằng nó là ngôi mộ to và đẹp nhất Phụng Hiệp”. Chính điều này nhiều khi cũng gây ra không ít những sự ganh đua trong dòng họ. Vì thế, trong nghĩa trang ngày nay càng mọc lên nhiều ngôi mộ rất lớn và đẹp. Tuy nhiên, giá trị thực sự của một ngôi mộ chính là ở sự thành tâm của đạo làm con. Về đẹp của ngôi mộ không chỉ chứng tỏ sự thành công về mặt tài chính mà còn thể hiện sự tận tụy và nhân tính của một gia đình có nền tảng đạo đức tốt đẹp. Cùng với việc thờ cúng, sự quan tâm đến mồ mã cha ông chúng tôi càng làm nổi bật lên nhân cách tốt đẹp của gia đình.

Theo tục lệ người miền Tây,

ngày giỗ là “chung thân chi tang” có nghĩa là ngày tang trong suốt cả đời người. Mỗi năm vào đúng vào ngày người đã mất là một lần giỗ, cho nên người miền Tây thường quan trọng ngày cúng giỗ ông bà cha mẹ. Và cũng theo tục lệ này, bữa cúng phải có chén com xới đầy cùng những thức ăn thông thường mà khi người còn sống vẫn thích. Vì thế người miền Tây mới gọi tên cúng giỗ là “cúng com”. Những khách khứa cùng bà con thân thích, hợp mặt lại gọi lại những gì tốt đẹp của người qua đời, trước khi ngồi vào bàn ăn giỗ phải làm lễ dâng cúng với những lễ vật mình đem tới và chấp lạy trước bàn thờ. Trên bàn thờ đèn nhang đã được thắp từ trước, khi các thức ăn được bày lên. Gia trưởng trang phục chỉnh tề, xem xét kỹ các lễ vật có đầy đủ rồi mới bước vào chiếc chiếu được trải trước bàn thờ, quỳ xuống, hai tay chấp lại vòng ngang trán và vái bốn lạy. Một trong hai người chấp tay lạy thường là em hay con cháu gia trưởng, đứng hai bên bàn thờ, thắp ba nén hương, đưa cho gia trưởng vái một vái lui rồi trao lại đem cắm lên bát hương. Người chấp lạy thứ hai mở nút bình rượu, rót rượu và nước lên ba chén để trên đài, xong đầu vào đó rồi gia trưởng làm lễ khấn.

Nhìn chung người miền Tây thực sự tự hào về việc thờ cúng tổ tiên, hay nói khác hơn là việc này tạo cho họ cơ hội giao tiếp, phát triển mối quan hệ họ hàng, chia sẻ vui buồn và hợp tác với nhau vì lợi ích của cả cộng đồng.

Tôi nhớ buổi tối “đám tang” của Cha tôi, ngày họ hàng nội ngoại họp lại, bên nội tôi đa số từ Phong Dinh về và dòng họ ngoại tôi đa phần ở Sóc Trăng và Bạc Liêu,



một bữa ăn chung ấm cúng, đã tạo cho họ ngoại nội có điều kiện nói chuyện, trao đổi ý kiến để tạo thêm tình thân thiết họ hàng.

Có thể nói, tổ tiên ông bà và những người đã qua đời đóng một vai trò hết sức ý nghĩa trong đời sống người dân miền Tây nói riêng hay Việt Nam nói chung như hiện nay.

Tết Thanh Minh hay Lễ Tảo Mộ

“Thanh Minh trong tiết tháng Ba”

“Lễ là Tảo Mộ, hội là Đạp Thanh”

Thăm viếng phần mộ tổ tiên cũng là nét đặc trưng của văn hóa miền Tây, một tục lệ trong “đạo thờ ông bà” của dân tộc ta vốn từ lâu đã trở thành truyền thống. Dù điều kiện khó khăn thế nào đi chăng nữa trong cuộc mưu sinh, dù cả năm bôn ba làm ăn ở nơi xa, nhưng chốn quay về vẫn là gia đình. Nhiều gia đình cho rằng mỗi dịp tảo mộ cũng là một dịp giải bày với ông bà, tổ tiên những chuyện đã xảy đến trong năm với cả gia đình, dòng họ.[6]

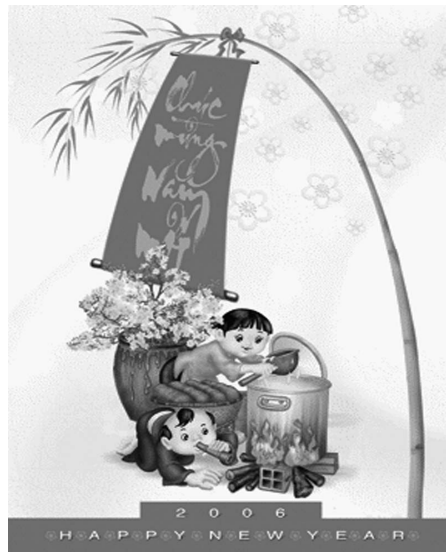
Ngày Tết Thanh Minh được tính theo ngày Dương lịch hàng năm vào ngày 5 tháng 4 (nếu vào năm nhuận thì sẽ là ngày 4 tháng 4). Thanh Minh nghĩa là thời tiết trở nên mát mẻ quang đãng, trong lành. Người ta đi thăm viếng, vun lại những nấm mồ, phát cỏ dại, chặt cây cối quanh mộ, sửa sang, tu bổ mộ phần những người quá cố trong gia đình, và cả những phần mộ của các vị tổ tiên nhiều đời trước đó. Đôi khi họ cũng thắp nhang cho những mộ phần vô chủ. Đồ cúng tế thường là một lễ mặn nhỏ gồm: nhang, đèn, trầu

cau, tiền vàng tiền bạc, rượu, thịt (chân giò, gà luộc hay khoanh giò) và hoa, quả. Dân miền Tây tin rằng ngôi mộ là ngôi nhà của người đã mất, vì vậy sơn phết và chùi dọn mộ bên ngoài là dọn nhà cho người thân đã mất của mình có chỗ ở an khang và tốt đẹp.

Tết Nguyên Đán

Đối với người Tây phương, Noel là ngày lễ quan trọng nhất trong năm. Nhưng đối với dân Việt, tết Nguyên Đán là ngày trọng đại nhất. [6]

Tết đối với người miền Tây được ví như sự tổng hợp của Giáng Sinh, New Year và St-Valentine của



người phương Tây. Cái Tết bắt đầu cho năm mới, hy vọng về mọi sự may mắn tốt lành của mùa xuân nảy lộc đâm chồi, đồng thời cũng bỏ lại tất cả những rủi ro, đen đủi của năm cũ. Người miền Tây có tục hàng năm mỗi khi Tết đến lại trở về sum họp dưới mái ấm gia đình và để hàn huyên tâm sự sau một hay nhiều năm xa cách. Tuy là Tết cổ truyền của dân tộc nhưng tùy theo mỗi vùng, mỗi miền của Việt Nam hoặc theo những quan niệm về tôn giáo khác nhau nên

có thể có nhiều hình thức, nhiều phong tục tập quán địa phương khác nhau. Nhưng đều có chung một điểm là có thể phân làm 3 khoảng thời gian, mỗi khoảng thời gian ứng với những sự chuẩn bị, ứng với những lễ nghi hay ứng với những hình thức thể hiện khác nhau, đó là: Tết Niên, Giao Thừa và Tân Niên.

Tết là dịp cho dân ta tạ ơn trời đất đã ban phúc cho mỗi gia đình làm ăn khấm khá hơn so với năm vừa qua. Nhiều người muốn được khấn vái trước bàn thờ, thăm lại ngôi mộ hay nhà thờ tổ tiên. Cũng có người muốn thăm lại nơi chôn nhau cắt rốn, thời niên thiếu với gia đình. Đối với những người xuất thân từ nông thôn miền Tây, kỷ niệm thời niên thiếu có thể gắn liền với sông nước, sân vườn.

“Về quê ăn Tết” đã trở thành một thành ngữ quen thuộc gọi lên cuộc hành hương về nơi cội nguồn. Dẫu đi đâu về đâu, ngày nay mỗi lần Tết đến tôi lại mang mang nhớ nhung cái “hồn” của chợ quê xưa. Tấm “hồn” đó là do sự lắng đọng của quang cảnh chợ Tết của tỉnh tôi, dọc hai bên bờ sông có hàng hoa đủ loại đua sắc, nào là mai vàng vạn thọ, hướng dương, thủy tiên v.v...

Hồ nước ngọt Sóc Trăng có đủ loại các trò chơi cho trẻ em và đủ gian hàng vui chơi giải trí, vẫn sống mãi trong tâm thức. Nhớ lại thuở bé, chúng tôi lo lắng chờ dịp tết sớm đến để có cơ hội diện bộ đồ mới để đi thăm và khoe với họ hàng ông bà ở Phong Dinh và khi về mang đầy ắp mấy bao tiền lì xì...

Tết cũng là dịp cho mọi người cảm ơn nhau trong suốt một năm trời sinh hoạt chia sẻ những vui buồn với nhau. Anh em đến

chơi với nhau hay đoàn tụ người phương xa, uống chén rượu, hoặc chén nước trà tàu, trà sen hoà với vài ba hạt dưa, ăn vài miếng mứt, nếu xom tụ hơn thì thịt kho hột vịt dưa hấu, tôm khô củ kiệu nhâm nhi ngày tết.

Bạn bè thăm hỏi lẫn nhau, mỗi người đưa một danh thiếp đỏ để mấy chữ chúc tặng nhân dịp năm mới. Tuy nhiên Tết cũng trở thành một nỗi lo âu và là gánh nặng cho lớp người với điều kiện kinh tế chật hẹp.

Tết Nguyên Đán là lễ tết đầu tiên của một năm. Tết được bắt đầu từ lúc giao thừa. Theo chữ Hán, Nguyên có nghĩa là bắt đầu, Đán là buổi sớm mai. Tết Nguyên Đán tức là tết bắt đầu đầu năm, mở đầu cho mọi công ăn việc làm với tất cả mọi cảnh vật đều mới mẻ đón xuân sang. Năm hết Tết đến, những sự may mắn mới đến, và bao nhiêu điều lo âu phiền toái của năm cũ đều theo năm cũ mà đi hết.

Tết Nguyên Đán đến là ngày xuân ấm áp cũng đến, mang lại hoa cỏ xanh tươi khiến cho mỗi người chúng ta thấy nao nao tâm hồn như những trẻ thơ, mặc dù sau một năm dài làm lụng vất vả có biết bao lo toan trong cuộc sống.

Người miền Tây thích trưng bày hoa Mai, vạn thọ hay các loại hoa nẩy lộc mỗi dịp Tết đến. Khác với miền Bắc, khí hậu có phần nào lạnh hơn, thích hợp cho hoa Đào khoe sắc. Cứ mỗi dịp Xuân về bất cứ người miền Tây nào, nhắc đến cây Mai là nhắc đến ngày tết cổ truyền dân tộc, nhắc đến bánh tét bánh chưng, cây nêu tràng pháo, bánh mứt tràn trề.

Tôi vẫn nhớ gia đình thường sửa soạn cho ngày tết bắt đầu từ tháng chạp (tháng 12 âm lịch). Nhà nhà đều lo mua gạo nếp, mua đậu xanh để gần đến ngày gói bánh tét. Bên

cạnh đó, mẹ tôi đi chợ sắm sửa những vật dùng cho ngày Tết. Mẹ tôi mua sẵn gà, bánh mứt, trái cây, hương để cúng và biếu họ hàng gần xa. Trước tuần lễ tết chúng tôi thường lau chân đèn hay bộ lư toàn bằng đồng óng ánh. Chúng tôi phải lau cho chúng bóng loáng như sự sáng sửa cho cả năm mới đến. Trước đây mẹ tôi còn mua pháo tết nhưng ngày nay lạng tiếng pháo cũng bớt đi phần nhộn nhịp vào những ngày tết. Chúng tôi những học trò tha hương cầu thực thể nhưng nhân dịp tết cũng cố gắng chuẩn bị món quà nhỏ biếu thầy cô. Bước vào bất cứ nhà miền Tây nào trong thời điểm cuối năm cũng có thể nhận thấy ngay không khí chuẩn bị Tết nhộn nhịp, từ việc mua sắm, may mặc đến việc trang trí nhà cửa, chuẩn bị bánh trái, cỗ bàn, đón tiếp người thân ở xa về...

Không những lo sửa soạn các vật dụng vào dịp tết mà người dân miền Tây còn lo sắm một bộ quần



áo Tết. Đặc biệt là các cô gái mới độ xuân thì, ngày xuân là dịp các cô chưng diện để cho mọi người ngắm nhìn đặc biệt là các cậu con trai mới vừa đôi mươi, đang tìm hồng nhan tri kỷ.

Tết Nguyên Đán được bắt đầu từ mừng một đến hết mừng bảy (lúc hạ nêu). Và cũng trong bảy ngày tết mọi gia đình đều chưng bày những câu đối dán trên tường, và cũng dán trên trái cây để cúng váy Ông bà tổ tiên bằng những mảnh

giấy màu đỏ. Theo tục lệ Trung Quốc màu đỏ tượng trưng quyền lực vô hình có thể xua đuổi tà ma để con cháu năm mới làm ăn khấm khá và phát tài hơn. Chưng bày mâm ngũ quả trên bàn thờ của gia đình trong những ngày Tết mang ý nghĩa giữ gìn bản sắc văn hóa độc đáo của dân miền Tây. Chính vì vậy, người miền Tây dù ở phương trời nào, đến ngày Tết cổ truyền vẫn không bỏ qua tục lệ này, như một sự nhắc nhở, cho bản thân và cho con cháu, về cội nguồn của mình...

Xông nhà ngày Tết là một việc hết sức trọng đại vì thế hầu như nhà nào cũng kiêng kị rất cẩn thận. Bởi nếu không những điều xấu sẽ vận vào bản thân mà còn ảnh hưởng đến gia đình mình. Vì sợ “dông” nên phải chọn người xông nhà không xung tuổi với chủ nhà.[11]

Người miền Tây còn có thói quen chọn người có tên đẹp như Phúc, Lộc, Thọ, Tài, Lợi...mời đến xông nhà để cả năm sẽ thuận lợi, may mắn. Người xông nhà đầu năm phải là người có tài lộc, hiền hậu và có đức hạnh tốt. Người ta thường chọn những người gia cảnh song toàn, con cháu đông đàn dài lũ, làm ăn thịnh vượng, vì thế mới có lệ “hẹn trước”, mời đến xông nhà. Nếu buổi sáng mồng một mà vẫn chưa có ai đến xông nhà thì gia đình sẽ cử một người trong gia đình đi xông đất nhà người quen hay người thân trước và như vậy khi trở về nhà mình, người ấy sẽ là người xông đất của chính gia đình họ. Người miền Tây tin rằng chuyện xông nhà rất quan trọng vì nó ảnh hưởng cho công việc làm ăn và tài lộc cho gia đình cho cả một năm mới. Họ kiêng kị mọi chuyện có ảnh hưởng không tốt đến gia đình trong năm mới như việc quét

nhà, lau dọn nhà cửa, họ để vậy trong ba ngày tết không được quét rác ra khỏi cửa nhà, nếu như vậy là mang đi cả sự may mắn trong năm

Tết Trung Thu

Ở phương Tây trẻ con hoá trang đủ kiểu háo hức dự lễ Halloween cùng bố mẹ thắp đèn, đi từng nhà xin bánh kẹo trong khi đó con nít miền Tây náo nhiệt chuẩn bị dự đại lễ Trung Thu.

Mỗi năm đến rằm tháng tám âm lịch là Tết Trung Thu. Tết này dân ta thường coi là tết của trẻ con, nhưng ngày trước có nhiều nhà cũng chi phí vào các lễ này cũng nhiều.

Đồ chơi của trẻ con trong Tết này là những chiếc lồng đèn làm bằng giấy với những hình ảnh tượng trưng cho các con thú như: voi, ngựa, kỳ lân, sư tử, rồng hươu, tôm cá, bướm bướm, bọ ngựa...hay những hình ảnh đèn cù, đèn xé rãnh, đình chùa, ông nghệ đất... [6]

Trẻ con tối hôm Trung thu dắt díu nhau từng đàn từng lũ, rước đèn, rước sư tử, trống đánh vang cả đường, tiếng reo hò, tiếng đùa rầm rĩ. Lại nơi nọ trống quân, nơi kia hát trống quít. Tất cả những sinh hoạt này được gọi là Trung Thu thưởng nguyệt. Nhớ thuở bé cả tuần trước đại lễ chúng tôi lo chế biến lồng đèn bằng giấy voi đủ kiểu tùy theo ý thích từng trẻ



em hay hàng xóm. Sự cạnh tranh chưng bày lồng đèn nhiều khi gây ra rối loạn cho bà con xóm gần xóm xa. Con gái thì thi nhau làm tài khéo léo như gọt đu đủ thành các thứ hoa nọ hoa kia, nặn bột làm con tôm, con cá coi thật là đẹp.

Ngày nay trẻ em miền Tây ở hải ngoại quên đi tết Trung Thu ngoại trừ những cộng đồng to lớn. Các em hoà mình vào cộng đồng phương Tây và dự lễ Halloween. Thực ra lễ này giống lễ Vu Lan nhiều hơn Trung Thu. Theo người miền Tây thì lễ Vu Lan là dịp bố thí ma quỷ để mong những linh hồn chưa siêu thoát để yên cho con cái sống sót được nhiều sức khỏe và làm ăn khấm khá...

Lễ cưới và hỏi của người miền Tây

Ở miền Tây ngày xưa tục tảo hôn (cưới xin) của dân ta có những điều không phù hợp với thời đại văn minh. Vợ chồng cưới nhau quá sớm cho nên thế hệ Ông cha ta thường có con cháu đầy nhà và nghĩ rằng có con cháu đầy nhà là có phúc nên nhiều gia đình có con lúc mười bốn mười lăm tuổi, sự phát triển trí lực chưa đầy đủ đã có vợ có chồng rồi. Nhiều khi con gái miệng còn hôi sữa đã về làm dâu nhà người ta. Vì vậy khi sanh con ra nhiều đứa trẻ còm cõi, khẳng khiu, khó nuôi, yếu ớt hoặc mang tật nguyên làm cho giống nòi không mạnh mẽ. Hơn nữa, tuổi trẻ là lúc học hành, tìm hiểu cuộc đời để có thể xây dựng mái ấm gia đình sau này vững mạnh, nhưng lại lấy vợ gả chồng thì coi như cả tương lai chỉ còn trông vào con cái thôi, trí tuệ không bao nhiêu.[6][7]

Ngày nay xã hội miền Tây đã thay đổi nhiều, trai gái có lấy nhau cũng phải chờ đến mười tám hai



mười mới lấy hay có thể trễ hơn. Bây giờ bậc cha mẹ cũng thường để cho con cái tự ý lựa chọn theo tính ý của mình và sự ép hôn đã giảm nhiều. Hai bên gia đình trai gái cũng không còn xem chuyện giàu nghèo là điều quan trọng trong chuyện cưới xin vì đó là sự thuận tình hai bên trai gái mà thôi. Có như vậy thì chính cô dâu và chú rể sau này cũng dễ hòa nhập với hai bên gia đình không phải buồn rầu nhiều vì lễ giáo độc đoán.

Trước khi tổ chức lễ cưới thì hai bên nhà trai và nhà gái đều phải không có tang chế hay vừa mất tang. Lễ Cưới thì nhà trai viết thư hay cử người đại diện hỏi xem nhà gái muốn những lễ vật nào. Người ta gọi là tục thách cưới. Nhà gái muốn những vật gì thì phúc đáp hay yêu cầu cho nhà trai. Nhà trai nếu có thể đáp ứng được thì mới chọn ngày lành tháng tốt, đính ước ngày cưới với nhà gái.

Quê hương miền Tây với những sông rạch chằng chịt, người dân thường di chuyển chủ yếu bằng đường sông. Có nhiều nơi mỗi ngày chỉ có một chuyến đò đưa rước để người dân có thể đi chợ và mua bán trao đổi hàng hóa với nhau. Chính vì lý do đó mà những đám cưới ở vùng quê miền Tây thường tổ chức vào buổi tối. Người Việt Nam thường đãi đám cưới riêng biệt giữa nhà trai và nhà gái. Từ sáng sớm, các cô gái, chàng trai đã tụ tập lại để giúp đỡ cho nhà gái.

Người giết heo, kẻ mổ gà vịt, người khác xắt rau, cái để nấu nướng. Không khí của một đám cưới vùng quê thật vui vẻ. Đây cũng là dịp để nam thanh nữ tú gặp nhau và từ đó nảy sinh những mối tình thật đẹp. Sau buổi trưa, cỗ bàn đã xong xuôi tiệc bắt đầu từ trưa cho đến chiều. Buổi tối là lúc họ hàng nhà gái tụ tập lại để cô gái lạy tạ ông bà, cha mẹ, bà con để xuất giá theo chồng. Bên nhà trai thường rước dâu về vào buổi tối để sáng sớm hôm sau là đãi tiệc bên họ nhà trai.

Khi rước dâu phải chọn giờ lành tháng tốt. Trong đám cưới có một ông già hiền lành hay ngày nay tiến bộ hơn là chàng trai trẻ ăn nói lưu loát cầm một khay rượu với bao lì xì nhỏ màu đỏ đi trước hay gọi là chủ hôn, rồi đến các người dẫn lễ, người bung mâm trầu cau, người khiêng heo mà ngày nay tiến bộ hơn người ta nhờ các anh chàng trai trắng đẹp trai trong vùng hay bạn bè người thân... Chú rể thì khăn áo lịch sự đi cùng với chủ hôn. Khi đến nhà gái, dâng bày đồ lễ, người chủ hôn nhà trai hay người đại diện nhà gái khấn lễ với tổ tiên rồi thì chú rể vào lễ bái. Hương án được bày ra sân, trên hương án có gà, xôi, giầu (trầu), rượu, tể tơ hồng xong rồi hai vợ chồng mới cưới được vào lạy. Sau thủ tục xin phép nhạc gia và nhạc phụ, chú rể sẽ chuẩn bị rước dâu.

Khi đưa dâu thì nhà gái cũng như chủ hôn, chú rể cô dâu, bà con họ hàng nhà gái cùng đi sau. Đến nhà trai rồi thì bà mai dẫn cô dâu vào nhà chú rể lạy tổ tiên rồi đến cha mẹ chồng. Nếu chú rể còn ông bà thì cũng phải lạy ông bà bên chồng. Ông bà cha mẹ chồng thường thì mỗi người chúc mừng cho cô dâu chú rể bằng ít tiền tùy hỉ.

Sau tiệc đãi ăn uống xong thì họ hàng luôn có phần mang về do nhà trai tặng, thường thì xôi rượu thịt, bánh, trái cây, giò chả, v.v.v...

Ở thành thị việc thách cưới ngày xưa thường nhiều hơn ở vùng quê và cũng không có lễ cưới vào ban đêm. Đám cưới thường vào ban ngày và sau đó đón cô dâu về nhà liền. Trong khi cưới và khi đón dâu, hai ông bà cầm hai cái lư hương ngồi trong xe che lọng xanh đi trước, rồi các người theo phụ mỗi người đội mâm cau trùm vải đỏ. Trong mỗi mâm có rượu, hoa quả trái cây. Ngày xưa thì đi bộ, sau đó đi xe kéo, hay xe song mã. Ngày nay cuộc sống có khá giả hơn thì mượn xe Mercedes-Benz để đưa đón dâu. Cô dâu chú rể chỉ tổ chức tiệc cưới cho bạn bè hay đồng nghiệp vào ban đêm hay vào cuối tuần cho thuận tiện những người tham dự ngày hôm sau phải đi làm việc. Tối hôm cưới, người chồng lấy trầu cau mà nhà trai được nhà gái trả lễ cho vợ chồng, trao một nửa cho vợ, rót một chén rượu, mỗi người uống một nửa và lễ này được gọi là lễ hợp cẩn.

Sau lễ cưới được ba hôm, đến hôm thứ tư thì hai vợ chồng làm lễ xôi chè đem về bên nhà vợ lạy tổ tiên, lễ còn được gọi là tứ hỉ.

Phần 3 LỄ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Lễ Cúng Trăng Ooc-Om Bok và Đua Ghe Ngo

Lễ Ooc-Om Bok, tiếng Khmer có tên khác là lễ Cúng Trăng (vì tổ chức vào đúng đêm hôm trăng rằm và bắt đầu từ khi trăng lên) của người Khmer Nam Bộ sống ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long: Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang. [8]

Xuất phát từ một tín ngưỡng dân

gian cho rằng mặt trăng là thần bảo vệ mùa màng, người Khmer hằng năm cứ đến ngày rằm tháng 12 theo Phật lịch, tương ứng tháng 10 âm lịch, tổ chức lễ Ooc-Om Bok để tỏ lòng biết ơn vị thần đã làm cho mùa màng tốt tươi, mang lại lương thực dồi dào cho con người. Đặc điểm của nghi lễ này là sự có mặt của những em nhỏ, được người ta lấy những hạt cốm dẹt dút vào miệng để “lấy khước”.

Vào lúc này, thời tiết bắt đầu khô ráo, gió chướng thổi nhẹ, lúa ngoài đồng bắt đầu chín lổm đổm. Đặc biệt đối với tuổi trẻ, vào những ngày này trai gái thường rủ nhau đi chơi, ngắm trăng, tâm sự và tỏ tình. Để chuẩn bị cho đêm lễ cúng Trăng người ta đào lỗ trước sân nhà, hay sân chùa (nơi dự định cúng lễ) để chôn hai cây trụ tre, cây tầm vông, bên trên có một cây xà ngang dài độ 3 mét, giống như một cổng chào có trang trí hoa lá. Dưới cổng có kê một chiếc bàn phủ vải đẹp, bên trên để một lọ hoa, nhang, đèn và các thứ cúng gồm có trái cây như chuối, bưởi, cam, thơm cùng các loại củ có chất bột như khoai lang, khoai mì, khoai môn và bánh kẹo, đặc biệt là món cốm dẹt được chế biến từ những bông nếp vừa chín đầu mùa lấy từ ngoài đồng về. Mọi người từ già đến trẻ đều mặc đẹp, dọn dẹp trang hoàng nhà cửa để đón trăng.

Buổi tối, khi ông trăng rằm



to như chiếc đĩa màu vàng đỏ và vừa nhô lên khỏi ngọn cây thì dân chúng đã tề tựu đông đủ tại nơi khuôn viên chùa, hay ở nơi sân nhà, hoặc nhiều nhà cùng tập hợp nhau lại tại một địa điểm rộng rãi, thuận lợi nhất để chuẩn bị lễ cúng. Bà con đến dự lễ được mời ngồi trên những chiếc chiếu hay tấm đệm trải sẵn trên đất, hai tay cung kính chắp lại để ra trước mặt hướng về phía mặt trăng đang lên. Một cụ già làm chủ lễ đứng ra đọc lời khấn, nói lên lòng biết ơn của con người đối với thần, xin thần tiếp nhận những lễ vật và cầu mong trong những ngày tháng tới, thần Trăng sẽ đem lại cho mọi nhà, mọi người những niềm vui mới: sức khỏe, thời tiết tốt đẹp, mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, cuộc sống thái bình, no ấm... Theo quan niệm của người Khmer, tục thả đèn nước nhằm xua tan bóng tối, sự ô uế và buồn bã, giống như lễ tống ôn, tống dịch của người Việt, để chỉ còn lại sự bình yên, niềm vui và tình đoàn kết xóm làng.

Riêng ở Sóc Trăng song song với lễ Cúng Trăng dân địa phương còn tổ chức cuộc đua ghe ngo với sự tham dự của nhiều đội đua ghe đến từ những sóc, thôn hay tỉnh lân cận. Trước khi ghe Ngo được làm lễ “xuống nước”, các vận động viên phải tập bơi trên những “giàn cây” được ráp trong các con mương rộng. Giai đoạn này chủ yếu là để tập thể lực và rèn nhịp bơi theo hiệu lệnh của đội trưởng. Trước khi đua khoảng một tuần, các vị sư mới làm lễ xin “Niết” cho phép hạ thủy để đội đua tập bơi thực sự trên sông nước. Khi đua, các ghe còn “so kè” đường nước. Điều “tối kỵ” trong trước khi đua là không để ghe của đối thủ đụng mũi vào lườn ghe mình vì sợ đối phương “ếm bùa” làm ghe có thể gãy đôi

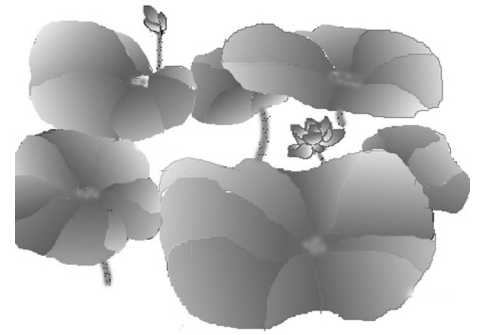
khi đua. Theo thông lệ xưa, khi hai ghe đang đua nhưng nếu ghe kia vì bơi thua nên cố ý đụng làm cả hai chiếc bị chìm thì coi như xử huê.

Trong lúc đua ghe ngo, việc cầm giữ lái để chiếc ghe đi đúng hướng kết hợp nhịp bơi của những mái chèo phải thật nhịp nhàng là yếu tố quyết định đến tốc độ của ghe. Tốc độ của ghe đua khi về đích có thể đạt đến trên 30km/h nên nếu cầm lái yếu rất dễ làm ghe bị lật úp, đặc biệt là ở những khúc quanh. Kỹ thuật đóng ghe cũng là một bí quyết chỉ có các nghệ nhân biết, đặc biệt là nghệ thuật “dần cây cần câu” ở giữa lườn ghe ngo. Ngoài việc giữ cho chiếc ghe Ngo (vốn là chỉ một thân gỗ độc mộc) được chắc chắn, chịu đựng được nhịp nhún và lực của các tay bơi, chiếc cần câu còn phải có được độ dẻo nhất định sao cho với mỗi nhịp nhún của các tay chèo thì mũi ghe cũng “cất mũi” rướn tới. Để được ngồi ở mũi ghe, ngoài kinh nghiệm về bơi đua, người ngồi mũi còn phải là “mạnh thường quân” trong bốn Sóc, phải là người đã có nhiều đóng góp về tài vật cho đội ghe như góp gạo, mổ heo, bồi dưỡng đường, sửa đê “o bế gà” của Sóc mình.

Tuyến đường dài khoảng 5km dọc hai bờ sông Maspéro chật kín người và xe, tiếng hò reo của những cổ động viên làm náo nhiệt cả dòng “sông Trăng” thơ mộng. Không chen kịp chân đến khu vực khán đài, nhiều người đã leo lên mái nhà, ngọn cây và lội xuống sông xem đua ghe ngo. Suốt đêm ngày lễ hàng ngàn người Khmer ở các tỉnh miền Tây không ngủ mà tiếp tục kéo về thị xã để cùng nhau... đi bộ giữa dòng người chật ních tất cả tuyến đường chính của thị xã để xem hội diễn nghệ thuật quần chúng và trình diễn trang phục dân tộc thiểu số tỉnh Sóc Trăng.

Lễ Phật Đản và Vía Bà Châu Đốc

Chúng ta chỉ nghe kể và biết đến quang cảnh tung bừng vào dịp lễ Phật đản nào là chư Thiên rải hoa, có nhạc trời trỗi vang lòng, có nước trời tuôn xuống tắm gội và Ngài đi bảy bước trên hoa sen... song chúng ta không để ý nên chẳng hiểu thấu được nhiệm vụ, trọng trách, sứ mệnh gian nan cực cùng của Phật khi Ngài sinh vào đất nước Ấn đây đây thần quyền, áp bức và bất công này.[9]



Người viết không có ý định bàn về tôn giáo chỉ muốn biên sơ qua về quan niệm Phật học và ảnh hưởng của đạo Phật trong đời sống hàng ngày của dân miền Tây mà thôi.

Theo trí nhớ người viết thì người dân miền Tây hằng năm đi dự 2 đại lễ, ngoài Tết Nguyên Đán – lễ Phật Đản và Vía Bà Châu Đốc. Lễ hội Phật đản ở nước ta được tổ chức quy mô hoành tráng mang tính lễ hội của dân tộc, vì thực ra ngay từ thời kỳ đầu Phật giáo mới du nhập, Đại lễ Phật đản đã được cộng đồng Phật giáo bấy giờ tôn vinh. Cơ sở để thực thi tổ chức lễ Phật đản đã được định hình từ một nền Phật giáo quyền năng trước đó, xuất phát ở trung tâm Phật giáo với các hình thái sinh hoạt tín ngưỡng, học thuật phát triển. Hình ảnh rước Phật Tứ Pháp trong ngày Lễ Phật đản để cho dân chúng

mọi nơi được dịp chiêm ngưỡng lễ bái cầu nguyện là điều tất nhiên. Trong ý nghĩa, ngôi chùa không chỉ là trung tâm văn hóa, giáo dục, học thuật của Phật giáo mà còn là nơi quy tụ, kết nối sự yêu thương, tinh thần đại đoàn kết cả dân tộc được thể hiện trên mọi lĩnh vực. Do đó, lễ hội của Phật giáo là quy luật tất yếu. Một mặt nó đáp ứng và giúp cho mọi người khi nhìn thấy sự tôn vinh hình ảnh Đức Phật đản sinh mà phát nguyện tự tìm thấy Đức Phật của mình trong chính bản thân mình, mặt khác từ đây sẽ kết nối liên thông giữa mọi tầng lớp trong xã hội, hãy đến với nhau bằng tinh thần từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha theo thông điệp “Dù ai buôn bán ở đâu, tháng tư ngày tám rủ nhau hội chùa”...

Theo tín ngưỡng miền Tây thì hàng năm vào ngày 25 tháng tư âm lịch dân ta nô nức đến dự lễ Bà Chúa Xứ Châu Đốc. Đây cũng được xem là bắt đầu của cuộc hành hương về Núi Sam để vía Bà...Nhớ lúc còn bé chúng tôi rất nôn nóng đêm trước khi khởi hành với hàng vạn Phật tử khắp nơi đổ xô về núi Sam Châu Đốc để hành hương. Trên xa lộ hàng hàng lớp lớp xe cộ nối đuôi nhau trông cảnh rất nhộn nhịp không khác gì ngày tết vì mọi người cùng có một chí hướng duy nhất là đi hành hương vía Bà Chúa Xứ Châu Đốc.[10]



đáng Tối cao, Thượng đế, Đức Phật hay hơn nữa là sự tự tin ở chính bản thân mình. Để có niềm tự tin thì ta phải thành công nơi chính mình, phải thấy được cái hay cái đẹp trong lòng mình. Để khắc phục được “niềm tin” ta phải sống sâu sắc trong từng giây phút của đời sống, phải biết sử dụng nó một cách lợi ích cho mình và cho người khác. Ta phải tập buông bỏ lòng tự hào và ích kỷ để sẵn sàng hòa nhập mình vào tất cả. Nếu ta có đời sống nội tâm vững vàng như vậy, thì có đặt câu hỏi về niềm tin hay không cũng không còn là vấn đề quan trọng nữa. Cho nên đức tin có hiểu biết luôn dẫn đầu trong mọi thành công...

Thay lời kết:

Nếu như mỗi người trong chúng ta đều tự thấy con đường của chính mình cùng với lịch sử dân tộc đang trải qua...càng ngày càng xa rời cội nguồn thì nhất định sẽ có một ngày đó chúng ta sẽ nhớ lại nơi “chôn nhau cắt rốn” của mình hoặc sẽ nhớ lại từ “quê cha đất tổ” ngược dần đến mảnh đất miền Tây nơi đó có “Cha ông Ta” đã bỏ công gây dựng và khai sáng nền văn minh của cả một dân tộc như dân tộc Trung Quốc có Hoàng Đế là đại diện, Nhật Bản có Thái Dương Thần Nữ là thủy tổ, còn dân tộc Việt Nam là con Rồng cháu Tiên...

Là một người con xuất thân từ xứ sở miền Tây, trong tôi lúc nào cũng có lòng tự hào của dân tộc miền Tây yêu dấu, với những hoài niệm thời thơ ấu không thể nào xóa bỏ được dấu vết của quê hương trong tiềm thức. Sống giữa cộng đồng với nhiều chủng tộc khác nhau, chúng ta rất hạnh diện là người Việt Nam, và giữa những người Việt với nhau, chúng ta tự hào là một đứa con

miền Tây.

Chúng ta đã gắn bó với quê hương từ dòng máu, từ làn da và sẽ mãi mãi ấp ủ một quê hương mang theo như một người con xa xứ, như một kẻ ly hương không bao giờ quên câu ca dao, tiếng mẹ ru con vừa da diết, thiết tha vừa ẩn chứa nỗi nhớ niềm thương về một chốn quê xa, những giọng hò trên sông và sáu câu vọng cổ của xứ sở Miền Tây...

Khi chúng ta sống trên đất khách và hòa nhập với nền văn hóa tây phương chúng ta đã hiểu rất nhiều và ta thường ví như “ăn cơm Tàu ở nhà Tây và sống với nhiều tiện nghi kiểu Mỹ”. Rốt cuộc rồi “ta về ta tắm ao ta dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”. Câu ca dao bất hủ này không muốn biện hộ rằng xứ sở quê hương miền Tây chúng ta là nhất và cũng không có nghĩa là quê hương ta có đời sống khá hơn tiện nghi ở hải ngoại, ngược lại miền Tây chúng ta vẫn còn nghèo lắm, xứ sở thân yêu chúng ta vẫn còn rất nhiều thiếu thốn về mặt vật chất cho nên chúng ta luôn có một hoài bão là muốn thấy dân miền Tây càng ngày càng có nếp sống khấm khá hơn... Đây là trách nhiệm của tất cả chúng ta nên giữ gìn, quảng bá và phát huy nền văn hóa miền Tây một cách hiệu quả, bảo tồn bản sắc văn hóa Nam Bộ nói chung và Miền Tây nói riêng.

Khép lại câu chuyện về ký ức xa xứ của một Việt kiều ở cái tuổi ngũ tuần muốn tìm hiểu về nguồn cội miền Tây thân yêu một thuở, dội vào những âm thanh náo nhiệt của những tiếng bong bong từ chiếc ghe ngo, những bài ca vọng cổ từng vang bóng một thời và những âm hưởng của cuộc sống êm đềm ở miền Tây. Tôi vẫn nghĩ rằng một khi văn hóa của một dân tộc mãi

mãi mất đi thì người dân sẽ không còn nguồn cội, tuổi trẻ thế hệ kế tiếp sẽ hỏi rằng nền văn hóa chúng ta từ đâu có và sẽ đi về đâu...

Nguyễn Hồng Phúc

Nhân dịp tết Canh Dần 2010

Commented and edited by a former group of Hoàng Diệu:

Nguyễn Thị Tuyết

Cathy Phan

Huỳnh Ngọc Minh

Trần Thu Hương

Tài liệu tham khảo:

1. Tìm hiểu đất Hậu Giang – Nhà Xuất bản Phù Sa, Sài gòn 1959. Sơn Nam. Pages 25-35
2. Việt Nam Sử Lược – Trần Trọng Kim. Bộ Giáo-Dục Trung Tâm Học Liệu xuất bản -1960. Pages 137,139,140
3. VietNam Tourist Guide-book
4. <http://www.dulichanz.com/Cho-noi-Net-dac-trung-cua-song-nuoc-mien-Tay/>
5. <http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx>
6. <http://www.baomoi.com/Home/VanHoa/www.baodatviet.vn/Tung-bung-dua-ghe-ngo-tai-Soc-Trang/2171862.epi>
7. <http://www.tracevietnam.com/vietnam-culture-list.asp?qCCId=1>
8. <http://www.tracevietnam.com/vietnam-culture-detail.asp?qCLId=277>
9. <http://www.giacngo.vn/chude/dailephatdan2553/2009/05/14/5B4012/>
10. <http://muaban.ccom.vn/showthread.php?t=2918>
11. <http://www.lyhocdongphuong.org.vn/News/03/Tuc-chon-nguoi-xong-nha-dau-nam/7/2197/>
12. Lịch sử Việt Nam – Phan

Thầy ơi!

Năm tôi học lớp đệ thất, bước chân đầu tiên vào trường Trung Học Hoàng Diệu. Chung quanh tôi đều xa lạ, bạn bè mới, thầy cô mới, ngôi trường mới. Có những lúc ngồi trong lớp học tôi cứ muốn chạy ngay về trường cũ, ngồi vào chỗ học hồi năm lớp nhất có cô giáo, cùng bạn bè quen thân tôi vui sướng biết bao. Giờ đây tôi như đang lạc lõng.

Nhưng ngày qua ngày tôi bắt đầu quen dần với cái mới. Lúc đầu tôi chỉ trò chuyện với vài bạn ngồi cạnh như Thu Vân, Bach Vân (hai chị em) sau đó tình bạn lan dần lan dần đến những bạn học xa hơn. Chị Nhựt Mai làm lớp Trưởng, chị Nhung lớp phó hai chị lớn tuổi nhất lớp. Giờ sinh hoạt lớp cuối tuần thì lớp trưởng bắt giọng cho cả lớp hát bài “Cô Gái Việt” là bài hát tiêu biểu của lớp.

Ở lớp đệ thất không giống như hồi học lớp nhất chỉ học với một cô. Ở đây mỗi một môn học có những “thầy, cô” phụ trách thành ra năm học này tôi có nhiều thầy cô mới. Thầy Trang dạy môn viết văn, Thầy Bá dạy Sử Địa, Thầy Hoàng Mai dạy toán, thầy Tấn môn công dân, thầy Vũ Ngọc Phan thì dạy môn Pháp Văn, tôi học khá giỏi môn này nên được thầy Phan thương mến nhiều. Giờ tiếng Pháp học sinh nào trả lời đúng câu hỏi của thầy được thầy ghi điểm “Bon” vào sổ tay.

Cuối tháng tổng kết số điểm “Bon” thầy tính ra điểm ghi vào sổ chính của trường. Lớp tôi thường rủ nhau viếng thăm thầy cô vào những ngày lễ Tết đặc biệt là với thầy Phan vì thầy vui tính gần gũi và yêu thương học trò. Có lần thầy cho bọn tôi xem tập ảnh của thầy bất ngờ có một tấm ảnh thầy mặc khăn đóng áo dài đen rơi ra ngoài thì tôi nhanh tay chụp lấy tấm ảnh bỏ vào túi áo.

Về nhà tôi tự tay làm khung ảnh bằng giấy cứng bọc ngoài bằng giấy kiểu màu trắng đến giờ tôi vẫn còn giữ. Dù đã hơn nửa thế kỷ ảnh của thầy đã bị xóa mờ theo thời gian nhưng hình ảnh và bóng dáng thầy vẫn còn rõ nét và khắc sâu trong lòng em.

Thỉnh thoảng khi có thời gian rảnh rỗi em lấy khung ảnh của thầy ra lau bụi và thầm gọi “thầy ơi”!

Lệ Hằng

Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh. Nhà Xuất bản Đại Học Chuyên Nghiệp Hà Nội 1991

13. Việt Nam Văn Học Sử Yếu – Dương Quảng Hàm. 1941 Nhà Xuất bản Xuân Thu.

14. A History of VietNam

from Hong Bang to Tu Duc. Oscar Chapuis. Greenwood Press 1995

15. Việt Sử Toàn Thư – Từ Thượng Cổ đến Hiện Đại – Phạm Văn Sơn. Nhà Xuất bản Xuân Thu – 1960. Page 370

16. VietNam-Culture.com. Đọc từ tài liệu Internet

Đầu niên học 1961, xã Phú Tâm có 8 người trúng tuyển vào trường trung học công lập của tỉnh. Bốn nữ gồm Trần Túy Lan, Quách Mỹ Lợi, Lý thị Tú Nhung, Trịnh Quốc Phương và bốn nam có Kim Canh, Ngô Đức Đồng, Lâm Vĩnh Huy và Trần Kiến Võ. Chỉ hai người Phương và Đồng chọn sinh ngữ Anh. Còn lại đều chọn sinh ngữ Pháp. Ngày đó Anh vẫn đã bắt đầu vươn lên song song với những chương trình viện trợ Mỹ. Nhưng đối với tỉnh lẻ Anh vẫn vẫn còn là một ngôn ngữ khá mới mẻ, bởi vì thầy giáo thời đó được đào tạo từ chương trình Pháp. Lên lớp nhì học trò đã bắt đầu học Pháp văn vỡ lòng. Năm đó tôi đã được thầy Hóc Sên dạy bập bẹ những bài récitation.

Ma Main

Voici ma main, elle a cinq doigts

En voici deux, en voici trois

Celui ci le petit bon homme

C'est le gros pouce...

L'index qui montre le chemin

C'est le second doigt de ma main

Entre l'index et l'annulaire

Le majeur paraitre un grand frère...

Thầy dạy thật tỉ mỉ. Dạy đọc từng chữ, bỏ giọng từng câu. Vừa đọc vừa xoè bàn tay ra diễn tả điệu bộ. Đây hai ngón, rồi đây ba ngón. Ngón trỏ chỉ đường thế nào, ngón giữa làm anh cả phải giờ làm sao. Nhờ đó mà nhớ mãi. Cũng như bài học thuộc lòng trong giáo khoa thư tựa “Ngày khai trường”.

Hôm nay là buổi khai trường

Chúng em cắp sách lên đường xôn xao

Muôn chim ca hát đón chào

Muôn hoa thắm nở nụ đào cười xuân...

Có trò chạy nhảy tung tăng

Có trò dầm thắm nghiêm trang đứng nhìn...

Thầy chỉ dẫn cần từng điệu bộ thể hiện đâu là cái xôn xao của

ngày khai trường, đâu là nét bờ ngõ của học trò mới và thế nào là cảnh quen thuộc vô tư nô đùa của học trò cũ sau 3 tháng hè vắng bạn. Thầy dạy tận tụy nhưng cũng khá nghiêm khắc. Phía sau lưng tấm bảng là chỗ để chiếc roi mây sẵn sàng tét đít những học trò lười biếng. Nhiều đứa sợ đến nỗi khi sắp lớp, rủi ro đứng vào lớp của

đó bắt đầu biết mơ mộng.

Ngay đầu niên học trường đổi tên. Trường Trung học Khánh Hưng được đổi thành Trường Trung học Hoàng Diệu. Vậy là niên khoá 1961-1968 của tôi hãnh diện là niên khoá mở đầu cho giai đoạn mới lịch sử của Trường Trung Học Hoàng Diệu, tôi thực sự hãnh diện với tên trường mới. Khi đem tên



Ơn Cha - Nghĩa Mẹ - Công Thầy

Trần Kiến Võ

Thầy, về nhà năn nỉ cha mẹ tìm cách xin đổi lớp.

Tôi mang đúng tâm trạng của một học trò mới trong ngày khai trường khi vào Đệ Thất Trường Hoàng Diệu. Lạ cảnh, lạ người, tôi xuống gần cuối lớp tìm chỗ trống cho riêng mình ẩn nấp. Chỗ ngồi bàn gần áp chót kê bên cửa sổ ngó ra sân trường, một chỗ ngồi định mệnh mà tôi thích nhất suốt đời học sinh, phía trên là bàn học của phái nữ. Thế giới riêng của bấy nhận Ngã Năm chiếm trọn 3 bàn liền nhau. Cả đàn lúc nào cũng huyền thuyên trên dưới trái phải làm anh học trò trường làng vốn đang cô đơn cũng bị lôi cuốn và từ

vị tướng tiết tháo đặt tên cho ngôi trường đó cũng là một cách giáo dục gián tiếp. Nhắc đến tên trường chính là muốn gọi đến gương trung quân ái quốc của tiền nhân, nêu cao tinh thần trách nhiệm ở mỗi người. Làm tướng không để một tấc đất lọt vào tay giặc, ví dù thành có mất thì tướng cũng phải mất theo thành và học trò Hoàng Diệu phải làm sao xứng đáng với danh xưng là hậu duệ của ngài Tổng trấn Bắc Thành.

Lớp học của tôi nằm mãi tận phía trong cùng. Bước vào cổng xuyên qua giàn bông giấy hoa nở quanh năm, rẽ trái chui qua bóng mát của tàng cây phượng vĩ. Bể

qua hết sân trường rồi leo lên mấy bậc thang nữa mới đến dãy hành lang lớp học. Sân trường trồng cây điệp che bóng mát, lối đi được trải lớp đất nung cho đỡ lầy lội. Vì sân trường thấp nên vào mùa mưa đôi khi lối đi bị ngập nước, đâu đó còn bắt gặp cả bầy nòng nọc ngúc ngoắc dưới mương. Sau những trận mưa lớn, bọn nam sinh có những buổi mục kích hứng thú khi đứng dọc hành lang nhìn các cô nữ sinh vén tà áo dài khoe gót son nhún nhảy từng bước để đến lớp mình.

Xóm tôi cũng có chị Bích Ngọc học lớp trên, nhà ở tận phía trong. Chị hơn tôi một tuổi, bà ngoại của chị mọi người gọi là Bà Năm, giàu nổi tiếng cả làng đều biết. Nhà lầu tường gạch dày hai ba mươi, ruộng cò bay thẳng cánh, nhà có cả xe hơi đưa đón. Má tôi gọi bà bằng chị. Má chị là người đẹp của làng lúc nào cũng trang điểm tươi mát. Thỉnh thoảng còn gọi em gái tôi đến nhà chung diện, sơn móng tay v.v... dĩ nhiên em tôi rất thích, Ba chị là một sĩ quan khá đẹp trai. Nhờ được hấp thụ nét đẹp từ cha lẫn mẹ cho nên không ngạc nhiên khi mỗi bước chân chị đi ngang không thiếu người trầm trồ liếc trộm. Những buổi đi học sớm tôi đã dò tìm bàn học của chị, định bụng hôm nào tan học ra về sẽ chơi trò viết vài chữ bỏ học bàn gởi chuyện làm quen. Mãi suy tính chưa thực hiện được ý định thì đâu đó xuất hiện một ánh mắt làm tôi phải buông xuôi. Thoảng nghe có tiếng chim hót bên khung cửa đã làm tôi thêm rộn rã. Hình như có ai gọi tên mình. Những lời thì thầm, tôi xé mảnh giấy viết vội.... rồi xếp nhỏ dấu điểm, chuyền tay giữ kín. Đây không phải như trò đùa như ý định viết cho chị Ngọc học lớp trên mà là thực tế dành cho bạn cùng lớp. Chỉ bài cho nhau những lúc bí, bạn tôi đang cầu cứu đến mình.

Ai đã từng học với Thầy Lâm Biêu môn Pháp văn đều phải công nhận thầy nghiêm khắc có hạng. Thầy chê trách hay mắng mỏ là chuyện thường, bóp chát với nam sinh cũng không là chuyện lạ. Bị thầy cật vấn làm sao không run, không sợ hãi? Với nữ sinh thì còn mặt mũi nào khi bị quở trách giữa lớp. Nhất là những nàng tiểu thơ chưa bao giờ bị ai to tiếng chê bai!

Đôi khi trong cái rủi của người lại là cơ hội tốt cho ta. Ngàn năm một thuở. Tính khắt khe của thầy lại là dịp may để nâng tôi lên mặt làm “anh hùng cứu mỹ nhân” gặp



nạn. Còn gì hân hạnh cho bằng có dịp để tôi trở tài, dù rằng chỉ là tài mọn chỉ bài. Khi được việc tôi công kênh như có ai đeo vào cổ tôi một vòng hoa chiến thắng. Có thể chứ! Để khỏi uống công thuộc nằm lòng những bài r citation thời tiểu học, uốn lưỡi... 7 lần để đọc mấy chữ h ng ru, h ng r t, h ng r . Thơ th i m n nguyện làm sao khi cái học mình đã có chỗ dùng. Cảm ơn thầy H c S n.

Năm Ðệ Lục tôi mò lên bàn trên ng i. Một phần mình cũng đã có chỗ đứng trong lớp, phần kia có lẽ để tránh tiếng bạn bè? Đây đó đã có tiếng xì xầm to nhỏ. Học trò thường là vậy. Lấp, ghép khi thấy bạn bè gần gũi dù chỉ để hỏi bài hay xã giao. Rồi mai đây chỉ xem đó như một trò đùa dễ thương của tuổi học trò. Tôi tự nh  phải

chuyên tâm học, Má tôi vẫn thường khuyên bảo “Má cho con đi ăn học chứ không phải cho đi học ăn à nghe”. Chữ “ăn” của Má là bao gồm cả “ăn lẫn chơi”, lúc nào tôi cũng tự cảnh giác đừng để sa ng . V ng lời Má, tôi nguyện cố gắng để khỏi phụ lòng người.

Lên Ðệ Ng , giờ Việt văn, thầy Từ văn B  thường lấy những bài luận văn hay đọc cho cả lớp nghe. Trong đó thường có bài của chị Lợi bên lớp A. Bài chị viết sao hay quá! Cái gì mà “cát bụi rồi cũng trở về với cát bụi”. Bài luận học trò mà cũng ph ng ph t giọng điệu triết lý nhân sinh. Tôi phục chị quá chừng. Không biết chị học ở đâu và đọc những sách báo nào. Rồi cô bạn nhỏ đọc thuộc l u bài Lá Rụng. Cái điệp khúc “lá rụng” chán ng n kia mà cũng có nét đ m m , hấp dẫn đến thế sao? Mình không cảm nổi. Tự thấy mình quá thua kém bạn bè, tôi tự nh  sẽ cố gắng đọc thật nhiều, học thật nhiều để hôm nào bài mình cũng sẽ được thầy đọc cho cả lớp nghe. Mà phải vang dội sang bên các lớp khác nữa k i. Ư c mơ kia của tôi đã không bao giờ thành hiện thực, có phải chăng mình không có khiếu về văn chương?

Tôi đã từng nghe bạn bè bàn nhiều về các lớp A, lớp C có rất nhiều tay cự ph ch. Có đ ra là bạn cũ với nhau thời tiểu học, có đ ra có chị học lớp A nên thông tin khá chính xác. R ng là nhiều bạn bên đó vừa học giỏi, vừa có m u văn nghệ, biết làm thơ và nhất là trình độ hiểu biết hầu như bao trùm cả mọi lĩnh vực. Nhờ đó họ có rất nhiều bạn bè cùng nhiều người chiếu cố. Nghe họ bàn về F. Sagan, J.P. Satre tôi cứ ng  ng n. Nói đến Thanh Tâm Tuyền, Mai Th o tôi mù tịt. Thế thì làm sao tôi hiểu được hiện tượng Krishnamurty là gì. Bạn bè r  “c p cua” để xem Le Monde sans Vole

tôi nhất. Hỏi Brigitte Bardot, Gina Lolo Brigida tôi chỉ biết trở mắt nhìn. Đến khi bạn bè kể về Angélique et le Roi, tôi đọc được trong ánh mắt say mê khi chúng kể chuyện. Chúng đặt tên nàng tiên của lòng mình là Angélique. Tôi định hỏi Má tôi rằng những đứa bạn kia thật sự chúng đang “học ăn hay ăn học” hả Má, chúng vừa học vừa chơi, chơi trong lúc học và học cả trong khi chơi? Nhưng vì tôi không dám hỏi nên phải tự tìm lấy câu trả lời. Tôi bàng hoàng ngẩn ngơ, thấy mình lạc lõng quê mùa nên vội vàng học theo gương Nguyễn Công Trứ, đốt đuốc đi chơi đêm

cho theo kịp ngày tháng. Tôi xông vào nhà sách Tiến Hoá, chọn lấy một đồng sách, về nhà lại cảm thấy “buồn nôn”. Văn hoá chữ nào phải thức ăn đâu mà ngấu nghiến dồn dập. Thức ăn ăn quá liều còn bị bội thực hưởng hồ chữ nghĩa.

Ôi! Có muốn làm một Bùi Giáng cũng không thành hay giả điên dùng cây khều mặt trời như Phạm Công Thiện cũng không được. Thế mới biết muốn điên khùng không dễ gì bắt chước!

Lên Đệ Tứ lớp học lại đổi về dãy cũ năm Đệ Thất. Chỗ ngồi bên khung cửa còn đó. Không phải khung cửa hẹp của André Gide mà là khung cửa của Nguyên Sa, khung cửa của định mệnh! Mái tóc hôm nay đã dài hơn năm cũ,

đủ để những làn gió thoảng bất chợt bay ngang, vờn vào mắt, hất vào môi. Cho bàn tay nào gỡ tóc rối. Ngón tay nào mong manh không đủ bám da thịt mềm.

Qua khung cửa tôi còn thấy được đàn thiên nga đang đùa giỡn dưới ánh trăng, mảnh trăng hạ tuần trong giờ tập thể dục buổi sáng. Nhìn những chiếc quần ngắn được gắn thun bó đùi chẳng khác gì những chiếc váy xòe, tưởng mình đang ngắm vũ điệu ballet nơi sân khấu lộ thiên. Tôi đâm ra mê trăng, tưởng mình là ánh trăng tỏa xuống vạn vật, tôi muốn nhờ ánh trăng chuyển hộ

bồng có bóng Thầy xuất hiện, đó là Thầy Võ Tấn Phước.

Người Thầy tầm thước lại phẳng phất dáng dấp của một văn nhân. Với nụ cười bao dung độ lượng, Thầy tự giới thiệu vừa tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Việt Hán và lớp Đệ Tứ B này là nhiệm sở đầu tiên của Thầy. Đọc tên Thầy, không biết Thầy lấy tên tôi làm họ? Hay tôi đã trộm họ của Thầy làm tên của mình? Tên Thầy thật hay và có ý nghĩa. Ngay lúc đó trong đầu tôi xuất hiện một ý tưởng ngộ nghĩnh. Hay mình thử khắc tên thầy bằng chữ Hán xem Thầy có đọc được không. Tôi về

nhà hỏi Ba tôi một vài tên trong điển tịch Tàu rồi ghép lại, vì sự thật số vốn liếng Hán tự của Thầy Tô Quốc dạy năm Đệ Thất đâu có thấm vào đâu. Không ngờ chữ khắc lên mặt bàn bị Thầy bắt quả tang,

ngay cả khi cố tình khắc sai tên Thầy một chữ cũng bị Thầy vặn hỏi. Quả thật, Cử Nhân ban Việt Hán có khác.

Bài giảng mở đầu Thầy nói chuyện về Văn Hoá, chắc chắn Thầy đã soạn kỹ cho bài giảng này. Nghe thầy giảng thao thao bất tuyệt, cả lớp im phăng phắc chăm chú nhìn thầy. Xen vào bài giảng, Thầy kể chuyện khảo hạch của giáo sư Vương Hồng Sển trên Đại Học cho mọi người nghe. Có



Lớp Đệ Lục B, niên khoá 1962-1963-
Cô Đỗ Kim Cúc đây Công dân giáo dục chụp chung ảnh
Dây phông đáy chữ U

thông điệp của mình và bỗng dưng tôi cảm thấy yêu thơ Hàn Mặc Tử. Cuối năm đó, học sinh Bạc Liêu lên trường bán báo Xuân, tôi mua được tập Thơ Thơ và Gửi Hương Cho Gió. Thập thò nơi khung cửa tôi như chết lặng trong khu vườn thơ tuổi ngọc. Khi đọc xong những bài thơ trữ tình tôi cảm thấy mình lạc bước vào một thế giới khác. Thèm được “chết trong lòng một ít” cho biết mùi với đời... Đang ngơ ngẩn, ngẩn ngơ, rồi một hôm

cái gì mới trong cách giảng dạy của Thầy. Đúng như nhận xét mà Thầy viết lại trong “Một Thời Để Yêu” của một trò nào đó đã viết cho Thầy:

*“Thầy vẫn dạy bài Việt vẫn năm cũ
Như ngày xưa riêng đôi mắt em
nghe”*

Học trò ngày xưa của Thầy cũng đã nghe Thầy giảng trong tư thế đó. Nghe không chỉ bằng đôi tai mà còn gồm đôi mắt và cả con tim nữa. Nghe chờ đợi, nghe như bị ai hớp phải hồn. Học trò tỉnh lẽ đôi quá phải không Thầy? Chúng em thêm một luồng gió mới, một chút gì gần gũi hơn giữa thầy với trò. Cái khuôn khổ giáo dục cũ tuy cần nhưng vẫn chưa đủ, cũng như món ăn phải thêm chút gia vị cho hương nồng, thêm màu mè cho thêm sắc. Học trò của Thầy nay đã biết rạo rực, mộng mơ... biết suy tư trước những biến động của tình hình, hiểu được vị trí của mình trước cơn quốc phá gia vong. Nghĩ gì? Làm gì? Và Thầy đã đến thật đúng lúc.

Tôi vẫn nhớ mãi đề bài luận thầy bắt làm trong lớp, phê bình câu nói của Vương Dương Minh: “Người không có chí như thuyền không lái, như ngựa không cương, trôi dạt long đong không biết đâu là bờ bến”.

Thuở ấy, học trò Thầy chỉ biết học chứ làm gì biết lập chí, biết vạch cho mình một hướng đi. Mà đi đâu, làm gì bây giờ, khi xung quanh vẫn quan niệm học để có mảnh bằng cho miếng cơm manh áo. Ấu trĩ trong suy nghĩ, những tưởng cứ gió chiều nào ta xoay qua chiều đó là xong, đâu ngờ không chỉ là gió mà là bão! Có ai ngờ có một ngày “Tang điền biến vì thương hải”. Đã là bão thì xoay đâu cũng không thoát, bị bật gốc trốc rễ, rồi cũng chết. Mảnh bằng ngày xưa cũng lốt không vững được nổi cơn.

Hôm nay tôi vừa bước vào lứa

thơ cô Phạm thị Lê

Hương Thời Gian

*Nơi ấy năm nay đào nở muộn.
Sao em không nán lại một hôm?
Vội rời phố cũ ngày tôi đến.
Bến cảng chiều nay đượm sắc buồn.
Ép dài hoa thắm vào trang giấy.
Một chút hương thừa vút cánh bay.
Muốn níu thời gian quay trở lại.
Ai gửi tình ai theo bóng mây?*



Màu Kỷ Niệm

*Màu sim tím, một căn nhà cuối phố,
Vòm cây xanh rợp bóng lối vườn sau.
Ai mơ mộng bên hồ sen trắng nở,
đệt vắn thơ cho áo tím nguyên màu?*

tuổi 60. Chưa thể gọi là già nhưng chắc chắn học trò Thầy cũng không còn trẻ nữa. Bạn bè gọi đùa đó là giai đoạn “bình minh của tuổi già”, bắt đầu một giai đoạn mới, thông dong suy ngẫm sự đời.

Chúng tôi được như hôm nay là nhờ cơm cha, áo mẹ, công thầy, nghĩa bạn tạo nên. Cảm ơn quý Thầy Cô đã tận tụy chỉ dạy, nhờ đó mà học trò của quý Thầy Cô đến ngày nay vẫn còn đứng vững, dù chỉ với một chân.

Những lúc mỗi một tìm vui trong cuộc sống lại nhớ đến Thầy Nguyễn Bình dạy toán năm Đệ Nhất. Mỗi lần Thầy đọc bài giảng cho chép, chốc chốc lại nghe vang điệp khúc: “Cho Tôi Một Vì Sao”. Thay vì một hoa thị Thầy đòi cho được một “vì sao” để ghi dấu đầu dòng và để bắt đầu cho các tiểu mục khác. Dù đang chép bài cho môn toán khô khan, bù đầu nhức óc, nhưng nghe đến đó tôi không khỏi mỉm miệng cười. Vì trong sa

mạc vẫn còn có ốc đảo.

Trong bối cảnh dù điều kiện khắc khe đến mấy nếu biết tìm nguồn vui cho lẽ sống chúng ta sẽ bắt gặp những nụ cười, những nguồn an ủi. Nhớ đừng bao giờ chán nản buông xuôi. Đừng bao giờ đầu hàng nghịch cảnh. Đối diện, sẵn sàng chấp nhận thương đau nhưng luôn luôn hãy ngẩng cao đầu. Vững tiến.

“Cho tôi một vì sao”.

“Cho anh một vì sao”.

“Cho em một vì sao”.

Những vì sao lạc, hãy cùng gom về làm hội hoa đăng, làm đẹp Hoàng Diệu, làm đẹp Sóc Trăng và quyết tâm làm đẹp cho quê hương Việt Nam yêu dấu! Phải xứng đáng là đứa con của Ba Mẹ và nhất là đừng để phụ công ơn Thầy đã hết lòng dạy dỗ.

Trần Kiến Võ
HD1961-1968

thơ Lý Thừa Nghiệp

gặp lại bạn ở Sydney

* tặng Lâm Hào Dũng & Khôi.

Mặt đất này đâu có chi lớn rộng
Đi man thiên rồi cũng gặp một ngày
Nửa cuộc đời, hay giấc ngủ say
Thì sá gì vài nét nhấn trên mặt.

Dù đã có vài đũa về với đất
Nghe để reo và sâu bọ hát hò
Đánh giấc dài, rửa sạch sầu lo
Từng cánh nhận bay về chốn cũ.

Mình đi giữa mùa đông xứ Úc
Lạnh Sydney làm nhớ nắng Sóc-Trăng
Khi lên đường sao chẳng hẹn về thăm
Đồng lúa chín vàng thơm trời Bỏ-Thảo.

Cũng có lúc chợt thấy đời vô đạo
Sương mù giăng lớp lớp ở trong lòng
Con ngựa già còn gõ nhịp lưu vong
Đi cho hết những con đường phiêu bạt.

đồng bằng



Hỏi thăm lục tỉnh xa gần
Lên xe về với đồng bằng mùa xuân
Qua phà đợi một vầng trăng
Xem con nước chảy về căn cội nào
Bát com cổ thổ ngọt ngào
Lòng tôi từng bạt mửa rào trắng bay.

Đường nào về tới chân mây
Thấy người cắt lúa chất đầy thúng giềng
Những con mắt biếc láng giềng
Thuở trai mới lớn tình duyên thiệt thà
Lòng người hay điểm tinh ba
Còn chan chứa nỗi thiết tha ban đầu.

nói với thằng cháu nhỏ

Gs Nguyễn văn Sâm

*Chỉ cá tròng dương theo hộ tang
Viên Linh- Thủy Mộ Quan*

Cháu sanh ra đời,
Hưởng đầy đủ mọi thứ Tự Do,
Đừng tưởng rằng khi không mà có
Ông bà và các đảng sanh thành ra cháu trái bao gian khổ
mới đến được bến bờ này
nhờ vòng tay mở rộng của những người ở đây
khi đồng chủng bên kia thù hằn rẻ rúng
mọi thứ bao vây,
không cho đất sống
đuổi khỏi nơi làm việc, bắt thả lên rừng
tự đào giếng tìm nước bằng cái xuồng cùn,
bệnh hoạn thuốc men cậy nhờ lá cây cỏ dại
những bữa ăn chỉ toàn khoai sắn
bên đĩa muối sả hay nước tương kho quẹt
đánh lừa khẩu vị bằng vài ba trái ớt dưa cay
Chiều năm sáu giờ mặt trời cũng biến mất đi trong sợ hãi
Cả thành phố cúp điện dài dài
Nơi nơi tối tăm cai trị
Công an khu vực hằng bữa kêu lên ậm ọ ử lý
Chuyện này chuyện kia cố ý hành dân
Vải tính từng tấc, gạo đóng từng cân
Phải đi
Phải đi
“Cột đèn biết đi chắc nó cũng ra biển từ lâu”
Lệnh dên trên biển nhiều lần.
Ngục tù đồn bông hai ba lượt.
Đói khát liên hồi,
Thèm từ củ khoai đào, đọt rau úa tới ly nước chín để nguội
qua đêm.
Vết chút đường cặn còn lại dưới đáy thùng lóc lẩn trong xó
Đứa bé - người sanh thành ra cháu sau này- mê sáng trong
hầm tàu hôi dầu nồng nặc
Qua mấy ngày ối tới mặt xanh
giật mình thức dậy khóc bù loa:
Cây cà-rem của con sao ba giật mắt?

Cả nhà ứa nước mắt cầu mong
 đừng ai để nước trùng dương làm thủy mộ
 và cá ngan khơi theo hộ tang!
 Đến được bờ bên Tự do
 Thỉnh thoảng cả nhà vẫn còn nửa đêm thức dậy
 bàng hoàng
 Tưởng như vẫn đương ở tại quê nhà, trong vòng rào
 trại lảng
 Âu lo, hồi hộp ngại ngày mai hừng rạng,
 Những cú đá đập thù hằn dành cho người bỏ nước
 vượt biên.
 Con ơi, quê hương đổi thay rối loạn, kẻ thắng người
 thua
 Kẻ thắng điều hành theo cách thể vô tâm thì người
 thua ở lại chỉ thêm lòng đau xót long phiến
 Những đứa bé con nhà gia giáo phải đi ăn cắp, ăn
 xin, đánh giầy, moi đồng rác
 Thập thò đứng chờ người lớp mới ăn thừa để húp
 một chút nước còn sót lại trong đó có mấy cọng tằm.
 người học rộng ngồi sửa xe đạp lè đường, bơm gas
 xó chợ, đập ba bánh, chạy xích lô
 thân ngọc ngà đứng chào khách trong công viên,
 thập thò gốc cây cuối phố ,
 đàn bà bó thịt, nịt gạo trong quần lấm lét mỗi lần xe
 qua trạm kiểm soát thu mua.
 những thằng nhóc cỡ con mình rờ rẫm xét tra la tổ
 muôn nhà bữa đói bữa no.
 cột trụ gia đình biến biệt tù giam cải tạo
 hơn ba mươi năm rồi nhắc lại vẫn thấy mắt cay xè,
 trái tim quặn thắt.
 Ông tâm niệm đặt sinh mạng gia đình trên may rủi
 chuyển đi
 Điểm đến phải là nơi vô cùng trân quý,
 Không phải chỉ cầu thực tha phương
 lẫn lóc xứ người năm này tháng nọ làm tên tỵ nạn
 Như chùm gởi, như thiêu thân, như ốc mượn hồn..
 Cho rong rêu bám đời vô vọng
 Loanh quanh trong ích kỷ tỵ hiềm
 Mà sống phải làm những gì có ích cho đời không vụ
 lợi bản thân.
 ước vọng phai lán theo tháng năm,
 thời gian trôi và thời cuộc xoay dần.
 ông thất vọng về chính mình quá đỗi
 tự an ủi chưa làm chuyện gì để lương tâm hỏi lỗi
 Trong suốt cuộc đời phải ray rức mình hơn
 Khi con thành nhơn,
 Chắc ông không còn nữa.
 Chỉ để lại lời dặn dò
 Sống xứng đáng cho ra người mang hai dòng lịch
 sử.
 Quê hương là nơi con sinh trưởng học hành
 Là nơi con lớn lên thành người thời đại

Hòa đồng với dân bản xứ
 Ngược mặt tự hào rằng mình và họ chẳng khác gì
 nhau..
 Nhưng máu dòng giống vẫn tiềm tàng mãi mãi
 trong huyết quản, trong màu da khác loại.
 Dù con ở đâu trên thế giới này
 cũng vẫn là người nhân ái Việt Nam
 Hãy nhớ điều đó con ơi, đừng phỉ tay chối bỏ
 Những người cùng dân tộc sống xa quê
 Hãy thương dân mình lưu lạc khắp muôn nơi
 không bóp chặt bụn xin kiếm chút lời từ công lao vất
 vả
 của đồng hương mưu sinh trên xứ lạ
 Thông cảm với những lo toan tính toán chi li của
 đồng bào trong nước.
 Khi vôi vỉnh, xin xỏ bạc tiền để phòng ốm đau bệnh
 tật thiên tai.
 Hãy kết nối bạn bè với người Việt tha hương tứ xứ
 hôm nay
 họ cũng héo ruột như ông cha con khi nhớ về đất
 xưa quê cũ
 Về kỷ niệm tuổi thơ một thời chiến tranh, bão lũ
 Nay đã xa cách ngàn trùng
 về bạn bè hàng xóm, bà Bảy, ông Tư..
 về họ hàng gần xa những người muôn năm cũ
 cháu hãy biết đau buồn vì đất đảo, núi rừng, vùng
 biển, tài nguyên
 của tiền nhân bao ngàn năm để lại.
 Bị mất dần vào tay quân phương Bắc tham lam
 Nỗi nhục của người không còn Tổ Quốc
 Đau đớn lắm con ơi!
 Là công dân Mỹ
 Phải biết tự do này ôi sao là quý
 Bao xương máu xưa xây dựng mới nên.
 sống lương thiện, xứng đáng người công dân, ông
 cho rằng chưa đủ,
 Khi cần thiết,
 Phải xả thân bảo vệ chẳng tiếc thân mình.
 vì con ơi!
 nhờ Đất nước này cư mang ưu đãi
 Bao triệu người gốc Việt như con
 mới có được hôm nay.
 Cơm no, áo ấm, cuộc đời Tự do và tấm lòng nhân ái
 Phải yêu quý nơi mình sanh ra và yêu cả đồng bào
 quê Cha
 Ông đã sống hết đời mình và tự hào sống đáng
 Ông tiếc nếu không kịp nhìn thấy lũ cháu nhỏ lớn
 lên thành đạt
 Biết nghĩ suy và nói thông thạo tiếng Việt Nam...

Nguyễn Văn Sâm
 Sinh nhật lần thứ 70/2010.

Cuối cùng thì tui cũng mua được căn nhà sau gần một năm trời đeo đuổi giấc mộng Cali, câu chuyện bắt đầu từ lần ghé thăm cô bạn đồng hương vào mùa hè năm ngoái ở trên Victorville, một thành phố núi với bốn bề sa mạc mênh mông mà mới nghe qua cũng đủ tưởng tượng ra hình ảnh mấy cây xương rồng trơ gan cùng tuế nguyệt trong mấy phim cao bồi xưa có cỡi ngựa và bắn súng ì xèo.

Trong khi nền kinh tế Mỹ đang tuột dốc vì khủng hoảng, kéo theo hàng loạt những vấn đề khó khăn khác như thất nghiệp, bớt lương, giảm giờ, lạm phát ... thị trường địa ốc cũng rớt giá thê thảm theo biến động chung. Sự tình cờ khi cả bọn đang ăn cơm và tán chuyện thời sự râm ran như những chuyên gia kinh tế thứ thiệt thì chợt cô bạn chỉ sang căn nhà hàng xóm phán “nhà cửa bây giờ rẻ lắm, hồi trước trị giá mấy trăm, bây giờ nhà bank kéo, rao bán chừng hơn trăm ngàn ...”. Một chút tò mò làm tui buột miệng “Hỏi thử coi bi nhiêu?”, anh chồng cô nàng sốt sắng bốc phone gọi realtor mở cửa xem cho biết. Nhà mới cất chừng vài năm, mọi thứ trong ngoài đều còn mới mà giá cả thì rẻ bất ngờ, anh xã tui khoái quá liều mạng trả giá mặc dầu trong túi không có đến 2000 đô...

Dĩ nhiên cái nhà đó vượt khỏi tầm tay vì nhiều lý do chính đáng, nhưng lại khơi dậy nỗi mơ ước của đôi vợ chồng già khoái túp lều vàng trên thành phố thơ mộng yên bình này. Nói ra thì có vẻ đua đòi, nhưng cái lý do đơn giản mà hai đứa tui đều thích ở Cali bởi vì có nhiều bạn bè, bạn chồng bạn vợ kể ra thì nhóc, đủ để kết bè kết đảng vui thú điền viên. Già rồi mà phải sống cu ky ở trong hóc bò tó cảng biển mấy chục năm, ra vô không có ai bầu bạn kể ra cũng oải thiệt, nên khi nói ra ý tưởng muốn “mu” qua CA là hầu hết bạn bè thân quen đều ok xúi dục, dù biết “ở xa mới chân, ở gần mới miệng”, gần nhau dễ gặp tám cho đã ...và các quân sư hiến kế đưa ra lý do thực tế lúc này là thời điểm thuận lợi nhất để mua được nhà giá rẻ, lãi suất thấp ... chứ lúc trước thì đừng có mơ... Sau khi tham khảo ý kiến ý cò của nhiều quân sư trên

net (anh xã tui biết tánh vợ khoái tám trên mạng với bạn bè, mà hể tám thì không chừa chuyện gì nên vụ mua nhà thì dĩ nhiên là cả thế giới đều biết là vậy), vợ chồng tui bèn quyết định về VN gom góp chút vốn liếng còm hy vọng đủ down một căn nhà ngoại ô nhỏ ở Victorville.

Địa thế nước Mỹ giống như anh chàng hào phóng và thẳng thừng nên mọi việc xây dựng đều được sắp xếp theo nguyên lý trật tự đầu đó rạch ròi, bởi vậy việc xê núi -vạt rừng- bình địa sa mạc để úm ba la ra thành phố sầm uất là chuyện dễ dàng đối với dân Mèo.

Victorville là một thí dụ, tui thật sự bị mê hoặc với nhà cửa được kiến trúc nhiều kiểu dáng sang trọng trên đồi cát, những con đường thênh thang uốn lượn lên dốc xuống đèo... Cũng thông xanh, đào trắng, bông hồng đỏ thắm bên thềm nhà ai. Cũng buổi sáng buổi chiều se lạnh và nắng vàng như mật ong trên thảm cỏ xanh mượt ngoài sân golf.

Con đường lớn nối liền các thành phố lân cận tạo nên bộ mặt nhộn nhịp của vùng núi cao hơn 4000 feet này, dĩ nhiên nó không ồn ào tốc độ như Los hay quạnh hiu như Port Arthur mà tui đang sống.

Victorville là thành phố trẻ nên hồn nhiên dễ chịu trong cảm nhận ban đầu của tui khi đến đây, có thể tui hăng tiết vệt khi quảng cáo cho khu đô thị mới này, nhưng cái thật tế nhất là nhà đẹp mà rẻ, dĩ nhiên cũng có bạn bàn ra, phán một câu xanh lè “..Ừ ham rẻ, sa mạc nóng mắc dịch, lại vùng núi hay bị động đất, lúc đó ngồi khóc tiếng Miên luôn..”.

Nói gì thì nói, năm nào ở PA cũng chạy bão toé khói, thiên tai thì bó tay! Né đâu cũng vậy thôi.

Tui tiếp tục những chuyến đi về Cali để xem hàng chục căn nhà, để ký giấy tờ ngã giá kỳ kèo hơn thua cùng bọn “đầu cơ tích trữ” tiền rừng bạc bể mua bằng

một
điều
ước
NGỌC ÁNH



tiền mặt, thấp hơn mình chút đỉnh nhưng nhà bank dễ OK. Hàng tháng trời tui tốn nhiều thời gian ngồi trên mạng để tìm nhà bán trong mấy trang web mà thằng bạn tui chịu khó lục lọi cung cấp thông tin, tui xem giá cả, diện tích, xem bề ngang bề dọc, xem thiên văn địa lý, phong thổ...bên cạnh cuộc chạy đua không cân sức này tui có thêm 2 tên bạn nhiệt tình tiếp ứng là KCT và ĐTT, tui nó chạy tới chạy lui đi coi nhà dùm vào mỗi cuối tuần, chụp hình tả cảnh từng căn, để việc mua nhà của tui thêm phần bề bộn ... Nói chung là qua thời gian ngâm cứu chuyện sale sold, tui bỗng trở thành chuyên gia địa ốc không biết lúc nào, rành sáu câu mấy cái vụ interior, exterior ... trong listing, hay interest rate trong từng thời điểm.

Nhưng với số tiền khiêm tốn trong tay, dĩ nhiên là lần nào cũng bị giờ thứ hăm lăm thua hoài, tui thất chí hát nghêu ngao “từng căn nhà bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ...”

Sau nhiều lần mua nhà hụt, tui nghiệm ra chân lý là chuyện nhà cửa cũng giống như chuyện duyên số vợ chồng, phải có duyên . . . tiền định mới gặp quới nhơn hiền tài, mới ăn đời ở kiếp được . . . Gặp cái nhà tốt, vô ở êm ấm hoà bình, gặp cái nhà ma ám, vợ chồng uýnh lộn hoài thì cũng đẹp tiêm sớm.Thời thì mình chưa tới số mua nhà, phải đành chịu vậy, có đưa mách nước “dzái ông Địa cúng heo quay đi, thế nào cũng được mà”. Ủ, dzái thì dzái, tui đâu ngán.

Lần qua CA hồi trước Tết, sau khi hụt mất một căn nhà ưng ý mà tui tốn công . . . mơ cả tháng trời... Tui buồn đi lang thang lên Roseville nhà nhỏ TH chơi, sự háo hức về túp lều lý tưởng bây giờ đã xẹp như quả bóng xì lổ một, định ngủ nhà nó một đêm tâm tình cho đã rồi mua vé bay về TX và thề rằng “thôi thì thôi nhé, cũng gần ấy thôi”. Đang ăn cơm (lại ăn cơm) thì phone reo, bà realtor báo phải về gấp, có căn nhà muốn bán, cần ký giấy mua ngay kéo hụt mất. Có vẻ như ánh sáng le lói cuối đường hầm, mặc dù tui không còn hào hứng lắm về cuộc chạy sô này, hồ sơ phải gửi liền qua mail trong ngày, cần phải có máy in, máy fax hay máy scan để ký và gửi ngay cho họ. Nhà nhỏ TH chỉ có máy scan, nhà H có máy in, mà hai nơi này cách nhau ba giờ lái xe . . . tính tới tính lui không xong nên hai đứa lật đật về lại nhà Kh. may ra còn kịp thời gian hẹn, trên đường về TH réo um sùm “chời ơi, tao chậm tiêu quá, mày đi tới đâu rồi, quay lại đi, tao sẽ mua cho mày cái máy in, xong rồi đem trả . . . để ợt mà hồng nghĩ ra!”. Thiệt tình tui cảm động hết sức với cái sáng kiến tuyệt chiêu này của con nhỏ bạn hiểu

khách . . . nhưng xe gần tới San Jose rồi, đành hẹn nó năm sau ghé lại chơi.

Thủ tục ký kết cù cưa cũng mất hai tháng trời trong sự hồi hộp của một trò chơi đi tìm ẩn số, không biết rủi may thế nào . . . “cái nhà là nhà của ai?”

Cuối cùng thì duyên may cũng lù lù đến sau một thời gian dài rã giò mòn mỏi, căn nhà thứ 101 mới về tay tui, không cần chọn lựa phong thủy mà vẫn chánh hướng Đông Tây đàng hoàng, số nhà cộng lại chín nút hên hết biết, chỉ cách cô hàng xóm thân thiết mấy phút đi bộ. Tóm lại mọi thứ đều trở nên hoàn hảo vào phút thứ 89. Hôm đi nhận chìa khoá mà ông xã tui vẫn còn thấp thỏm lo huốt lần nữa, tuổi già vốn hoài nghi mà.

Tui cũng cẩn thận coi ngày lành tháng tốt để dọn vô nhà mới, nấu chút cơm canh làm lễ ra mắt “thần hoàng bốn cảnh”, cũng bày đặt “nhất bái thiên địa, nhị bái tông đường . . . phu thê tam bái...” có anh bạn hóm hỉnh chọc “coi chừng động đất cấp 4 đêm nay...” Xời ơi, sao biết hết chơn dzậy! Động đất chưa thấy, chỉ thấy lạ nhà khó ngủ nhưng tui thật sự thoải mái với không khí trong lành buổi sáng, ngồi ở phòng ăn nhìn qua cửa sổ thấy xa xa ngọn núi phủ tuyết trắng xoá như . . . Phú Sĩ Sơn (xạo chút xiu cho vui, chứ có đi Nhật đâu mà biết), nhà xây ở trên đồi, lảng giềng lịch sự, khu nhà khang trang, khung cảnh hữu tình nhìn xuống cái hồ xanh biếc bên dưới thung lũng . . . trong lòng chợt thấy khoái và muốn khoe tùm lum cho bạn bè biết, dù trong đám bạn bè có nhiều đứa nhà đẹp gấp mấy lần căn nhà ngoại ô của tui, nhưng tui đọc được ở đâu đó câu này “nỗi buồn nói ra chỉ vui đi một nửa, còn niềm vui nói ra thì được nhân lên gấp bội”. Thôi thì kể với mọi người về niềm vui có căn nhà mới của tui như một lời cảm ơn về câu chúc lành hôm Tết của ai đó “chúc vạn sự như ý”, chỉ cần một sự như ý là thấy đời hả dạ, sướng rên mé đầu hiu rồi phải không các bạn? Cảm ơn sự tiếp sức động viên của mọi người đã dành cho tui trong chặng đường còn lại. Ủa, sống mà hồng có bạn bè thì cô đơn biết bao nhiêu, phải không quý vị? Ờn trời, tui có đầy đủ cả bạn lẫn bè.

Nhà mới lại nhân sinh nhật của anh xã, tên bạn chỉ cốt VN ôm cái bánh sinh nhật lại tặng Núng để chúc mừng U70 làm núng thấy mình như được tặng Lực, thêm KCT lại xông đất nên mọi việc sẽ Công Thành . . . Hè này HD họp mặt, tui sẽ rất welcome nếu bạn bè phương xa về dự, sẵn dịp ghé nhà tui bày trận nhậu một bữa quắc cần câu . . .

Ngọc Ánh

Nhân dịp có chuyện qua Mỹ, tôi đã đi thăm các bạn cùng thời trường Hoàng Diệu. Tại nhà Thu Hương (68-75) ở Sacramento, tôi may mắn được gặp anh Tứ Lễ, khoá đầu đàn trường Hoàng Diệu, Minh Cảnh, Phạm Kiệt, Đức Phước, Lê Toàn đều cùng khoá 68-75. Được gặp thêm anh Quan và chị Tuyết là đồng môn đàn anh chị, cùng các nứng Ngôn (Lê Toàn) nứng Cường (Thu Hương) và các cháu, nhiều lắm. Bữa tiệc tại nhà Thu Hương đã diễn ra trong niềm vui chan hoà, vui không giới hạn. Không biết chủ nhà đã mở bao nhiêu chai rượu, chỉ nhớ cuối cùng lúc hai giờ sáng còn Phạm Kiệt và tôi ngồi mày mày tao tao.... Dưới đây là chuyện từ sáng hôm sau.

+

Lake Tahoe, chị Tuyết và anh Quan

Chín giờ sáng, tôi xuống nhà dưới là đã có mặt đủ. Mọi người ngồi nhắc chuyện hồi đêm mà cười muốn chảy nước mắt. Hồi hôm tiệc kéo dài, tôi uống quá nhiều, đứt dây nhớ, tối được phòng ngủ là nhờ các bạn kè lên! Tôi và Phạm Kiệt rề rề mắng mỏ nhau trước khi kết thúc bàn rượu mà giờ tôi cũng không còn nhớ gì. Chắc rượu nói chớ không phải tôi! Mọi người kéo dài câu chuyện tới hơn một giờ chiều mới

chia tay đầy lưu luyến. Còn lại Trần Thị Hai, vợ chồng Thu Hương nứng Cường và tôi, sẽ đi chơi Lake Tahoe và tối sẽ ghé nhà chị Tuyết, anh Quan ăn cơm do anh chị mời.

Tôi lên xe mà thấy lòng nặng trĩu, lo âu vì đây là lúc rượu bắt tôi nghỉ và ngủ bù cho nhiều đêm thiếu ngủ, cho cơ thể suy yếu vì tải quá nhiều rượu cần hồi phục. Nứng



GẶP ĐÂY

đây ắp

VUI MỪNG

THƠ KÝ LỤC

Cường đã nhiều lần giới thiệu với tôi về vẻ đẹp hoang sơ của Lake Tahoe và rất muốn tôi coi qua cho biết, nên nứng Cường, tuy cũng khá mệt vì rượu vẫn vững tay lái lên hồ ở độ cao gần hai cây số so mặt nước biển. Đã đầu xuân nhưng tuyết vẫn còn dày, trắng xóa một vùng. Trần Thị Hai định cư ở San Diego ba năm nay, vui ra mặt vì gặp... tuyết thiệt lần đầu. Theo nứng Cường đây là nguồn nước tiềm tàng cho cả bang Cali. Giới chuyên môn đo độ dày của tuyết là biết khả năng cung ứng nước trong năm, để có giải pháp xử lý nếu lớp tuyết không dày như mong đợi. Cái hay là do khí hậu, thời gian tuyết tan rất dài nên không lãng phí nước. Lake Tahoe hiện ra trong cái đẹp kỳ vĩ. Hồ trên đỉnh núi, rộng mênh mang uốn lượn, nước xanh trong. Giữa hồ có đảo nhỏ đầy sự tích có thật. Trên đảo có nhà uống trà của chủ nhân người Na Uy xây cách đây trên 80 năm. Thời đó trên núi cao này làm sao có đường nhựa mà đi, vẫn có người giàu đầy máu phiêu lưu tìm tới, để hôm nay hậu sinh có cái mà thần phục, mà thưởng lãm. Tôi chợt nhớ Đà Lạt ta. Nếu xưa không có ngài Yersin lặn lội, trèo núi vượt núi đầy gian nan, chưa chắc nay có Đà Lạt mộng mơ như vậy!

Xe xuống núi qua những khúc cua cù cỏ run tay những lái xe yếu bóng vía để về nhà chị Tuyết anh Quan theo hẹn. Mãi tới bảy giờ tối mới tới nơi.

Anh Quan và núng Cường làm chung sở nên hai nhà chơi thân. Có lẽ do bạn của bạn là bạn, có lẽ do đồng môn nên anh Quan chị Tuyết mời tôi tới nhà dù chỉ mới gặp gỡ lần đầu. Nhà rất đẹp từ ngoài vào trong. Bàn ăn đã sẵn. Ngoài chủ nhà có thêm anh Trịnh Bến Thành, bạn học anh Quan. Chị Tuyết vẫn còn nét đẹp thuở học sinh, rất vui vẻ chăm lo bữa ăn toàn món Việt. Tôm và bò nhúng dấm cuộn bánh tráng chấm mắm nêm. Có kèm thêm sả, gừng, dưa leo, chuối chát. Chị Tuyết kể đi mấy chợ mới mua được một trái chuối sống! Nghe mà cảm động. Còn rau xà lách, rau thơm thấy mà muốn ăn vì rất tươi xanh, mát mắt. Ngoài ra còn thịt heo quay. Anh Quan hết sức vui vẻ làm chủ xị và xung phong mở hàng chai rượu ngon của mình. Anh còn rất khỏe mạnh, ăn uống đều tốt. Anh ăn ngon lành, chắc thức ăn chị Tuyết làm ngon. Tôi thấy rau tươi, mắm nêm cũng muốn xơi lắm chớ, ngặt cái bụng cứ động đây. Bởi vậy tôi no con mắt, dù cái bụng kêu ro ro! Nên ăn không bao nhiêu, uống lại càng tệ, mặt mày nhàn nhô vì

...khó ỉ trong người, nên đã góp phần làm giảm vui buổi đầu gặp gỡ. Ngoài cơm, chị Tuyết còn lo bánh, trái, kem, kẹo...Mà càng nhiều thứ tôi càng... ái ngại vì sự mất lịch sự của mình, không dám bỏ đồ ăn vô bụng. Tôi không có nhiều thời gian hỏi thăm về quê quán anh chị Quan. Chỉ biết hai người đều là đồng...huong. Nay hai người sống trong căn nhà rộng và rất sang trọng vì con đi học xa.

Rồi cũng chia tay, sau khi ghi hình làm kỷ niệm. Khuya rồi, anh Quan chị Tuyết vẫn ra tận xe chia tay lưu luyến. Tới lại lâu đài núng Cường đã gần 11 giờ đêm. Trần Thị Hai giùm lo nấu mì gói cho tôi. Không muốn để mình tôi lẻ loi với tô mì gói, ba người kia cũng ngồi xuống xơi mì chắc cho tôi vui.

+

Rừng Hương

Buổi sáng thứ hai ở nhà Thu Hương, tôi thức sớm, lo dọn hành lý để lát nữa rời nhà. Thu Hương gõ cửa, hỏi tôi có muốn đi bộ. Trúng ý quá vì bao ngày ở Mỹ tôi bị bó chân trong khách sạn.

Nhà Thu Hương trong khu vực có cổng gác, và hàng tháng phải bỏ ra số tiền không nhỏ vào chi phí thuê người gác và tu bổ khu rừng mệnh mông kế bên. Bù lại, được hưởng một môi trường trong lành, bình yên và

rất thiên nhiên vì đầy tiếng chim kêu cả ngày, tiếng gà (rừng) kêu buổi ban mai. Thu Hương từng kể tôi về khu rừng này, và rừng đang hiện ra trước mắt tôi trong sương mai mờ và chạy dài tít mắt. Theo đường nhựa chúng tôi tới gần rừng hơn. Thu Hương kể trong rừng có hoẵng, có chồn, có cáo, có suối, có đầm...Suối có rùa có cá. Đầm có vịt trời đi lại nghênh ngang. Tới bên rừng, Thu Hương chỉ đường mòn trong rừng và mọi người theo đường đất đỏ len lỏi dưới các tán sồi cổ thụ. Vừa dứt đông, cây chỉ lơ thơ lá. Khi vào xuân cây ra lá xum xuê, sẽ không thấy ánh mặt trời nếu đi trong rừng. Ven hai bên đường đầy hoa trái dại. Nhưng mới vào xuân trái dại còn bé xiu. Vào rừng rồi, vắng bóng người, thấy thật thanh bình. Nếu bỏ được những bon chen của cuộc sống, đây thật là thiên đường cho ai đứng tuổi. Quay trở lại, nắng đang lên, rất rạng rỡ làm tâm hồn ta như thêm phơi phới. Ở cái lung cạn bên đường, tình cờ thấy bồn bồn mọc đầy, bên trong chim trú ngụ cũng khá đông. Tôi nhỏ một cây con trên cạn sát mặt đường, tước lấy cái lõi, trắng tươi. Bồn bồn thật rồi. Thu Hương nói sắp tới sẽ làm dưa bồn bồn! Thu Hương nói chuyện này như giỡn nhưng tôi tin Thu Hương

sẽ làm thiệt, bởi thấy Thu Hương rất chu đáo việc nhà. Khi tôi quyết định sẽ ghé Sacramento, tôi hoàn toàn chưa biết nơi này và chưa biết hết các bạn nào ở gần vùng này. Tất cả do Thu Hương liên lạc các bạn và sắp xếp cho tôi. Nhờ đó tôi có Thuỷ Danta giùm mua vé máy bay từ Los và dẫn đường qua đây. Tới nơi có nhiều bạn đã có mặt trước chào đón hết sức thân tình khiến tôi không thấy lạc lõng mà ấm lòng từ đầu, cũng nhờ đó tôi quá vui, uống nhiều, say sớm. Cũng tối đó, khi tôi không còn biết trời trăng, Thu Hương còn thức tiếp chuyện các bạn. Thật lâu mới gặp nhau, đáng lẽ tôi phải tỉnh một chút để tâm tình, nói chuyện nhà, chuyện bạn...mà tôi không làm được. Còn Thu Hương vì bạn ráng mở mắt tới bốn giờ sáng, ngủ gật gà rồi gục cái đập trên bàn mới tan sòng bạn lâu lâu gặp mặt.

Thu Hương hết lòng vì bạn, ai cũng thấy. Tấm lòng của cô bạn cùng thời xuất phát từ cá tính chan hoà, từ sự vui tính và rộng tính của mình, và đã chan lẫn qua núng Cường. Chính nghe có bạn ở quê gặp khó, Thu Hương còn nhờ tôi chuyển quà thăm hỏi. Cũng phải khen cô bạn này cho hết ý. Các con Thu Hương ngoan và rất gần bó với cha mẹ, rất biết thương cha mẹ

cho thấy Hương và núng Cường tâm đầu ý hợp và phối hợp chăm lo con chu đáo, hết lòng.

Bỏ lại khu rừng đúng nghĩa phía sau lưng trong nắng ban mai rực rỡ, cảnh vật giờ như đã vươn mình, rũ bỏ cái áo cũ, đón chào ngày mới. Đủ thứ tiếng chim trong hàng cây bên đường, gần đây nhà trên đồi cận. Có con chim nhỏ cất tiếng trong cao ngất nghe thật êm, không biết chim gì vì quá xa. Quả là không gian quá thanh bình, êm ả. Xoi trọn đoạn đường khá xa, chân đã giãn, nắng đã lên khá, coi như buổi đi bộ sáng rất xứng đáng, mất tròn một tiếng đồng hồ. Trần Thị Hai biết thêm mồ hôi xức lạnh, có kỷ niệm với khu rừng Thu Hương.

+

Mất dấu Kiệt lùn

Mất hơn hai tiếng chạy xe từ nhà Thu Hương lên San Jose, nơi Phạm Kiệt sinh sống. Nhà Phạm Kiệt trong khu hết sức yên tĩnh, có lảng giềng đồng bào!

Phạm Kiệt cùng em gái sông Hàn chung nhà mà Phạm Kiệt gọi là hiền thê ra đón. Ngồi nhau nhắc chuyện hôm kia! Lúc mà không ai nhớ mình đã nói gì, làm gì..., lúc đã đứt phim trong trí nhớ, để cười và để nhớ.

Phạm Kiệt cùng thời nhưng khác ban học nên hai tôi ít biết nhau. Hai

hôm trước ở nhà Thu Hương là lần đầu hai tôi gặp nhau kể từ sau 1975. Nhìn kỹ, Phạm Kiệt có tướng đẹp hơn tôi nghĩ. Ở quê nhà, tình cờ trước khi đi thăm bạn, thăm Kiệt; Tùng ông ngoại nói hồi trung học nó phá dữ lắm, tướng tá chỉ hạng...kém trung bình. Còn sức học hơn tướng tá một chút! Nhưng Phạm Kiệt trước mắt tôi khác hẳn, to, hơi cao, cân đối và đậm nét phong sương với mái tóc hơi dài đã lấm tấm muối tiêu. Giọng Phạm Kiệt chậm vừa, điềm tĩnh, dễ nghe. Chắc công việc kỹ sư phần mềm đã giúp chàng có nét lãng tử này có phong thái khác hẳn như các bạn tả lúc thời trung học. Có bằng kỹ sư, vậy là trình độ học vấn của Kiệt chạy theo tỉ lệ với chiều cao của mình! Còn đâu bóng dáng Kiệt lùn!

Cả nhóm kéo nhau ra sau, thăm hậu viên nhà bạn. Bất ngờ khi tôi thấy mấy núi vỏ chai rượu và bia. Tôi nhớ chuyện..hôm kia, khi Phạm Kiệt ồn ào tới nhà Hương Cường chung vui. Lần đầu tôi gặp Kiệt, nhưng tôi thấy như là bạn quen cũ thuở nào, ăn nói cởi mở vui vẻ từ phút đầu tiên. Bên bàn rượu, Kiệt hô hào đội bóng bàn rượu vùng San Jose phải tiến lên! Đội bóng rượu San Jose gồm núng Ngôn, Cảnh hù, Đức Phước và do Kiệt làm

trưởng đội! Đội bên đây có tôi, núng Cường, anh Quan. Cuộc giao chiến kéo dài và chỉ còn tôi với Kiệt ở phút cuối. Mục đích tôi tới để thăm bạn, nhưng vui quá, càng vui uống càng nhiều, uống càng nhiều càng sớm đứt dây nhớ. Ít khi tôi uống tới đứt dây nhớ, nhưng tối đó tôi không còn nhớ đoạn cuối bàn rượu, tôi đã mảy tao, thậm chí còn chửi thề tay đôi với Kiệt. Mà phần này do các bạn nói lại thôi, chớ tôi đứt dây rồi, lấy gì mà nhớ. Vậy mà vô phòng tôi còn lịch sự: Em xin phép ngủ chung anh Tứ Lễ, em ôm anh ngủ...Chỗ này Thu Hương tả lại khi gặp tôi sáng hôm sau, không biết Hương có dạm thêm gia vị không! Phải hỏi lại anh Tứ Lễ mới biết sự thật.

Do đứt phần cuối, nên tôi không biết kết quả trận đấu bên bàn rượu, nhưng khi thấy mấy núi vỏ chai, tôi mới biết mình thua chắc thôi, không còn tính khả năng hai bên cùng...hoài nữa! Tôi đã gặp Độc Cô Cầu Bại mà không hay! Phạm Kiệt mới kể là chiều cuối tuần, mấy anh em rảnh rỗi gặp nhau, nói chuyện xông không vui, nên có chút rượu bia cái miệng nó trơn hơn. Và cái núi kia là kết quả một quá trình dài. Kiệt cũng thật lòng là sau trận chiến ở nhà Thu Hương tới nửa đêm hôm sau Kiệt mới ăn nổi. Vậy

là Độc Cô Cầu Bại cũng mệt với đội tuyển Sacramento! Huê!

Còn tôi mang mấy tấm hình Kiệt về đưa Tùng ông ngoại coi, chắc sẽ được phán câu: Thắng Kiệt lùn sủn tao rành, không phải thắng này!

+

Núng Ngôn

Phạm Kiệt và hiền thê lên xe dẫn đường chúng tôi, khoảng hai mươi phút sau là tới nhà núng Ngôn Lê Toàn. Núng Ngôn ra đón, mời mọi người vô vườn sau, nơi chủ nhà đang bày món nướng.

Phần sau nhà núng khá rộng để con trai cung của núng tự xây một bếp ngoài trời tặng mẹ cháu. Và con trai núng đang đứng bếp, nướng thịt bò, thịt gà đãi bạn mẹ cha mình. Lê Toàn có tới ba trai lớn, học ba ngành nha, dược, y. Con gái nhỏ còn đang ở trung học. Y, nha, dược là những ngành đòi hỏi học sinh thật xuất sắc mới vào nổi. Chúng tôi nhà núng dạy con rất tốt, công sức núng và Lê Toàn rất lớn, nhà núng là một nơi sản sinh nhân tài sau này. Cô bạn cà phê Quyển Ký đường Hai Bà Trưng, học kế lớp tôi thời trung học nói nay cả gia đình đều đang ở bên Mỹ, đa số cũng ở gần gần nhau. Năm rồi có về thăm quê, nhưng thời gian ở Sóc Trăng ngắn quá nên tôi không có dịp gặp. Mọi người ra

ngồi dưới gốc cây quít to; tàng, trái đều xum xuê. Cảnh hù tới sau đó một chút. Khoảng tiếng đồng hồ sau Thủy Danta cùng hai công chúa cũng tới. Núng Ngôn làm chủ quán chia thịt nướng cho mọi người kèm bia.

Núng Ngôn tướng tâm thước, chắc chắn mà da trắng trẻo như thư sinh với kiếng cận, ai thấy cũng có cảm tình. Núng ít nói nhưng chịu nói. Núng kể là núng may mắn lắm mới gặp được Lê Toàn và may mắn lắm nên Lê Toàn đã cho núng làm cha của bốn đứa con siêng học và có hiếu. Thật tình là bậc cha mẹ ai cũng biết, nếu không biết cần mẫn vun trồng sao cây cho trái ngọt. Nhìn con, sẽ đoán biết cha mẹ đã góp phần nâng đỡ, đã đầu tư công sức ra sao. Bởi vậy, chắc chắn nhà núng là một nhà vô cùng hạnh phúc, đáng ngưỡng mộ.

Xuân Lan tới cùng ông xã, anh Xiếc. Xuân Lan học lớp Pháp với Thủy. Càng đông càng vui. Mọi người thêm dịp tay bắt mặt mừng. Núng lại trở tài...nướng. Các bạn nữ cùng nhau làm món gỏi cuốn chấm tương xay. Đông tay vỗ nên bộp. Một loáng là dư đủ mười mấy người ăn. Hình như món này chưa bao giờ ế, nhất là được các bàn tay điệu nghệ tạo nên. No nhưng không say, lại kéo nhau vô nhà vì trời sập tối, để

nghe núng trở tài hát karaoke tặng hiền thê Lê Toàn.

Giọng hát núng không xuất sắc nhưng đầm thắm, như thể dáng của núng, thiên về chiều sâu tâm hồn. Dù là đứng ở vai chồng hay vợ tôi đều chấm núng điểm tối ưu. Nhất là sau khi nghe một lần núng tâm sự với bạn là làm gì mà vợ vui tôi đều cố gắng làm, tôi tặng thêm núng dấu CỘNG trước điểm số.

+

Núng Cường

Gặp nhau tâm sự, ăn uống từ giữa trưa tới giờ, đã hơn bảy giờ tối, tới lúc phải chia tay. Núng Ngôn ôm nguyên chậu hoa rất đẹp ra xe tặng người đẹp Thu Hương. Hai mươi phút sau núng Cường đưa tôi tới phi trường San Francisco để tôi về lại Sóc Trăng.

Núng Cường là kỹ sư quản lý cầu đường, quen cực khổ mới theo được nghề này. Thỉnh thoảng phải nay đây mai đó cả tuần, đôi khi tới những nơi hoang sơ heo hút. Bởi đâu có đường, có cầu là núng phải đi. Sau cái chia tay này, mai núng phải đi cả tuần khá xa. Gốc núng tận ngoài Bắc nên giọng nói có chút là lạ nhưng dễ nghe. Năm trước núng có về quê vợ, gặp bạn bè vợ, cũng leo me bẻ xoài, cũng bù khú tới bến. Và núng xung phong cùng Thu Hương theo nhóm

người hăng tôi ra chơi tận Côn Đảo qua chuyến đi nhớ đời! Đi tàu biển quá nực nội, ăn uống trên tàu chỉ mì gói. Tối, núng lên boong nằm trên ghế đá phơi sương, ngắm sao, nghe tiếng rầm rì của máy và tiếng sóng vỗ rì rào mạn tàu, nhưng không biết núng có xuất được vần thơ nào không. Núng chịu cực giỏi vậy đó nên ra đảo núng không hề than vãn. Ở đảo núng xung phong cùng lợi bộ hàng cây số đi khám phá một vụn biển hoang sơ cực đẹp và đắm mình dưới nước biển trong tận đáy. Bởi vậy núng có nhiều kỷ niệm với Sóc Trăng và với tôi. Nay núng tốn công lo cho buổi tối thăm của tôi rất chu đáo. Chắc chắn rồi, bởi Thu Hương làm sao biết mua rượu, làm sao biết chế biến món gân dê đặc biệt. Chỉ có bàn tay núng thôi. Buổi họp mặt nhà núng hai hôm trước, núng chủ xị bàn tiệc, nhưng tử công cũng hạng thượng thừa. Bởi sau đêm vui quá mức, tôi đứt dây nhớ, Phạm Kiệt khi về giao tay lái cho hiền thê, núng vẫn tỉnh queo lái xe chở tôi từ một giờ chiều tới gần 11 giờ đêm! Núng còn khỏe chán, tập thể dục đều và tướng tá còn trẻ trung nhiều so mấy bạn nam của vợ. Núng có hai con trai đều học đại học. Chỉ cháu nhỏ ở nhà hôm tới tới, cháu rất ngoan, lịch

sự...

Nhờ núng bắt ép, tôi mới tới Lake Tahoe, tận mắt thấy thiên nhiên tại đây như bức tranh thủy mặc hoàn hảo, đẹp không biết lấy gì tả cho hết. Những rừng thông, tùng trăm tuổi trăm mặc trong tuyết lạnh phủ trắng núi đồi, bao quanh hồ thiên nhiên trong xanh phẳng lặng. Núng làm hướng dẫn viên nên tôi biết thêm sự tích là lạ của hòn đảo nhỏ trong hồ, càng thêm thích thú với quang cảnh hùng vĩ. Một nơi đáng đến, đáng nhớ, đáng bị ép đi!

Hai ngày hai đêm ở thủ phủ Cali tôi giao tôi cho núng. Núng đã lo tôi đi thăm các bạn. Tới nhà anh Quan chị Tuyết, tới nhà Phạm Kiệt, tới nhà Lê Toàn và nay đưa ra sân bay, kết thúc chuyến rong rã đầy ấn tượng. Núng tiếp tôi đưa hành lý xuống xe. Nhóm Sóc Trăng cùng qua đây với tôi, nhưng tách nhóm đi chơi riêng cũng vừa tới trước đó, cũng đang đưa hành lý từ trên xe xuống. Cái bắt tay, cái vẫy chào, lời cảm ơn thiết tình tới vợ chồng nhà núng. Không bịn rịn nhưng trong lòng tôi đầy cảm kích. Hẹn gặp lại nhau, nhưng chưa biết ở đâu...

HỒI KẾT

Đâu còn sự việc gì để viết thêm. Chỉ còn điều tồn đọng trong suy

nghĩ. Đó là qua chuyến thăm, chắc cái nhà không phải là vật luận bản lĩnh, vật luận giàu nghèo, cao thấp. Bởi ai cũng có hoàn cảnh riêng lúc còn trong nước, hoàn cảnh riêng ở xứ người... Tôi chú ý quan tâm ở đàn con. Mừng là con các bạn ai cũng học hành tới nơi tới chốn. Ai cũng đang và đã qua đại học, đa số là đại học có tiếng tăm. Thậm chí là học lên cao hơn nữa. Thế hệ đàn con rõ ràng có cơ hội tốt vượt qua những gì mẹ cha đã đạt được về mặt học vấn. Đó là tiền đề trở thành con người có ích cho xã hội và bản thân có thể đạt tới những tầm cao thành công mà các bậc mẹ cha chưa có điều kiện đạt tới. Chắc các bạn tôi rất vui mừng vì đàn con, bao năm vun trồng cây cho trái ngọt. Tôi cũng có chút vui lây trong đó. Với các cháu, tôi nghĩ là dòng máu, văn hoá Việt vẫn đang chảy trong tâm hồn các cháu. Các cháu sẽ có cách ứng xử với người thân, nhất là với đấng sinh thành đúng mực có gốc Á Đông, là sự trả nghĩa ơn xứng đáng bù lại những gì tốt đẹp mà các bậc cha mẹ đã hy sinh để các cháu có ngày hôm nay. Tự sự Mỹ du kết thúc ở đây dù tôi vẫn còn nhớ dáng hiên hiên, buồn buồn của khi đại ca khoá đầu đàn Hoàng Diệu, anh Tứ Lễ; vẫn nhớ công sức ba mẹ con Thủy Danta lo cho tôi tới nơi, nhất là gương mặt cười mở cửa con gái nhỏ Thủy, đôi đen Thái cực đạo; gương mặt luôn có chút vui vui và mái đầu bạc của Đức Phước; bước chân có phần nhanh nhẹn của vợ chồng Xuân Lan; các cháu giúp mẹ cha đãi bạn, con ngoan của nhà Lê Toàn, nụ cười hớn hở Trần Thị Hai...Hẹn cơ hội khác sẽ nói với nhau nhiều hơn...

Tháng 3 năm 2010

Thơ ký LỤC

**Núng: tiếng Tàu dùng để gọi anh rể.*



cây Sầu Riêng vườn cũ

Thầy VÕ TẤN PHƯỚC

Tôi rề lại cái băng cây, ngồi xuống ở đằng đầu. Cái băng được làm bằng tấm ván dầy, các chun được đóng dính luôn xuống đất. Tấm ván được cưa cắt rất thô nhưng vì nhiều người ngồi tới ngồi lui nên nó trở thành trơn láng. Ở trại chuyển tiếp để đi định cư, ai cũng thích đến đây, vì ít ra tại vị trí này, người ta có thể nhìn ra ngoài thấy được một khoảng trời nhỏ và ở dưới kia, cái sườn đồi thoải thoải có vài mảnh vườn, cây cối xanh mát.

Ngồi kế bên tôi là chú Hai thợ bạc, quê ở Sóc Trăng. Mỗi lần ra đây, tôi đều gặp chú. Khí hậu Mã Lai thật là kỳ cục. Ban đêm, trời lạnh teo ruột teo gan, ngủ phải đắp mền. Ban ngày trời nóng như đổ lửa, hơi nóng hừng hực từ sáng tới chiều, mồ hôi tươm ra đầy người. Ở tại lều không cách gì chịu nổi nên ai cũng tìm nơi để trốn nóng. Còn chỗ nào lý tưởng hơn chỗ này. Cái băng núp dưới bóng mát một bụi tre um tùm, ngoài kia dưới sườn đồi là phong cảnh kỳ thú. Thiệt ra ở vùng này còn nhiều nơi cảnh vật đẹp hơn nhiều nhưng dân tỵ nạn bị giới hạn trong vòng rào kẽm gai nên đâu có được ra ngoài mà đi đó đi đây. Có mấy người đi chữa bệnh về kể lại rằng ở ngoài kia, thành phố đẹp đẽ, sang trọng, sạch

sẽ, tiện nghi. Riêng tôi và chú hai thợ bạc thì chỉ biết xứ Mã Lai qua cái khung trời nhỏ xíu này.

Tôi ngồi ở đây mà đầu óc ở đâu đâu. Cái vùng đất mới mà tôi sẽ đến thì xa lạ quá, nơi đó có vẻ hấp dẫn lắm. Có nhà lầu chọc trời, có xa lộ thênh thang, có tuyết rơi trắng xoá, có đủ mọi thứ vui. Tôi tưởng tượng ra bao cảnh kỳ lạ mà tôi sẽ được mắt thấy, tai nghe trong một ngày rất gần. Nhưng có anh bạn đi trước, gởi thư về trại, trong có đoạn viết “...vừa bước ra khỏi máy bay như đi vào cái tủ lạnh, mũi thở ra khói, tay chun tê cứng..”, tôi chợt thấy ghê quá, quay qua chú Hai thợ bạc:

-Mai một qua bên, chú sợ lạnh hông chú Hai?

-Sợ chứ thầy Tư, Ở nhà tôi lúc nào cũng tắm bằng nước nóng như mấy ông ghiền thuốc phiện. Tại không nước nào nhận nên tôi đành phải chịu đi Canada. Tuổi già xương cốt chịu lạnh dở lắm. Người ta nói ở bên, xin lỗi thầy Tư nghe, đi tiểu ngoài đường, nó đóng lại thành cây nước đá. Nghe nói sợ quá. Mấy đứa nhỏ thì khoái chí. Tối tối tụi nó rủ nhau đi đến hội trường coi chiếu phim. Thấy tây tà trượt tuyết với nhảy đầm, coi bộ tụi nhỏ chịu dữ.

Tôi nhìn chú Hai thợ bạc. Chú ốm người, da xanh mét, mặt xương

xương, dáng khắc khổ. Muốn gởi chuyện cho vui, tôi nói:

-Thì lần hồi rồi cũng quen. Người ta chịu được thì mình chịu được, có gì mà lo. Tôi với chú qua bên, mình học một khóa nhảy đầm với tập trượt tuyết là xong hết. Người ta tới đâu mình tới đó. Vượt biên nguy hiểm, chết sống vậy mà mình còn làm được, nhằm nhò gì ba cái lễ tẻ đó!

-Ý thầy Tư, thầy tuổi trẻ thì còn được, tôi trên năm mươi rồi, tiếng Tây tiếng Mỹ một chữ cũng không biết, nói chi tới việc ôm đầm mà nhảy nhót.

-Vậy chú chịu cực, chịu khổ lẫn lộn qua đây để làm chi?

Chú Hai nhìn ra xa trả lời ngập ngừng:

-Tại bên mình khó sống quá, vừa nhứt đầu, vừa nghệt thở, nên phải đi. Chớ vui về gì. Tôi đâu có muốn nhưng hoàn cảnh bắt buộc. Thầy Tư nghĩ coi, cái tiệm thợ bạc nhỏ xíu cũng bị tịch thu. Tôi đành dẹp tiệm, dẹp búa. Tôi làm đơn xin về quê làm ruộng. Nhà nước cũng không cho, bắt phải đi xây dựng kinh tế mới. Cái chế độ gì có mắt không được nhìn, có tai không được nghe, có miệng không được nói, thì ở lại làm gì. Nói thiệt với thầy Tư, tôi ngồi đây mà đầu óc vẫn nhớ Bãi Xàu. Trước nhà tôi có cái

rách nhỏ, chiều chiều ra đằng trước cầu cá, cũng đủ vui. Lớn tuổi rồi, đâu còn ham muốn gì nữa!

Nói xong, chú ngó mênh ngó mông. Chợt chú đưa tay chỉ xuống phía dưới sườn đồi, hỏi:

-Cái vườn ở dưới đó trồng cây gì mà cảnh lá xanh um?

Tôi nhìn theo, trả lời ngay:

-Cây sầu riêng đó. Mấy cây này mới trồng chừng ba bốn năm, còn nhỏ chưa có trái. Nếu lớn hơn một chút thì mùa này đã có bông rồi.

Tôi nhìn cây sầu riêng Mã Lai lá nhỏ nhưng tàn rậm hơn sầu riêng ở Việt Nam. Thấy khu vườn này lòng tôi đâm ngẩn ngơ. Quê tôi là xứ của sầu riêng, măng cụt, bây giờ nó ra sao?

Tôi quay qua hỏi chú Hai:

-Ừa, chú chưa bao giờ thấy cây sầu riêng sao? Chú có ăn được sầu riêng không? Có nhiều người hề nghe tới mùi là chạy mất, họ nói hôi không chịu nổi.

-Tôi khoái lắm chớ. Cứ tới mùa trái cây là mua mỗi lần cả chục kí, ăn tới mờ con mắt... Nhưng tiếc quá, tôi chưa có dịp đi vườn để thấy cây của nó...

Tôi bèn mô tả cây sầu riêng cho chú Hai biết:

-Thông thường thì ở bên mình, cây trung bình có thân lớn cỡ cột nhà, cao hơn cột đèn đường

chút xiu, tàng thưa mà rộng, mùa có trái nhìn thấy mê lắm. Trái nó treo lủng lẳng đầy cành, gai đâm tua tủa. Những trái còn non nhỏ cỡ trái cau, trái quít, thường bị rụng rải rác quanh gốc. Hồi nhỏ tụi tôi lượm lấy, bẻ mấy cái gai nhọn, cắm lên cằm... để làm ông già râu!

-Trái nó to quá mà đầy gai, rủa nó rụng trúng đầu thì chắc chết!

-Vậy mà hình như chưa có ai bị rớt bể đầu vì sầu riêng. Chỉ có mấy anh đi ăn trộm mới sợ thôi vì trái nó chỉ rụng vào nửa đêm về sáng. Trái sầu riêng chín rụng ăn mới ngon. Nếu cắt cưỡng sớm, còn non ăn lạt nhách, nhiều khi bị sượng. Người sành điệu họ lựa chọn kỹ càng khi mua. Phải là thứ vỏ mỏng, nhỏ hạt, cơm đầy màu mỡ gà, ăn cái vị nó béo béo, đắng đắng mới đã. Chớ ăn sầu riêng mà lựa thứ cơm ngọt ngay, thì ăn chừng vài múi là ngán ngược. Ăn buổi sáng, buổi chiều còn nghe mùi thơm.

-Mà chú Hai ơi, ăn sầu riêng mà ăn một mình cũng chưa đủ ngon. Phải đi vào vườn với một cô bạn gái dễ thương, lựa một nơi im mát, gom cỏ khô lại làm đệm, khui trái sầu riêng chín thơm nức nồng, cầm từng múi bằng năm ngón tay, ăn hết rồi còn liếm com còn dính trên các ngón tay, mút

chùn chụt, nhìn nhau mà cười... mới đã thêm.

-Sao tả cảnh nghe mê quá vậy. Chắc thầy Tư ăn sầu riêng kiểu đó hoài?

-Phải được như chú nói, cũng đỡ. Nhiều khi tôi nghĩ tới còn tức mình. Hồi đó tới giờ, ngồi dưới gốc cây sầu riêng thì nhiều, còn ăn như vậy thì chưa bao nhiêu. Bây giờ ngồi đây, nhớ tới kỷ niệm mà trong lòng nao nao. Lúc đó tôi vừa được hai mươi tuổi...

Tôi gặp lại Phương do một sự tình cờ. Buổi chiều hôm đó, trời vừa sẩm tối. Tôi ở lớp học ra, đi ngay đến ngã tư đầu đường, để đón xe về tỉnh nhà. Chiếc xe lô ngừng lại. Tôi nhìn vào xe, thất vọng, trong khoang không còn một chỗ trống. Người ta ngồi đen nghệt, chen chúc nhau. Anh lơ xe mở cửa, nhảy xuống kéo tay tôi, đẩy vào. Tôi cố chen vào trong. Có vài tiếng cằn nhằn nhỏ nhỏ:

-Xe chật cứng, chỗ đâu mà chứa nữa!

Tôi vừa ngồi xuống vừa nghe bác tài xế trả lời:

-Bà con cô bác thông cảm. Chuyến chót hồng rước, người ta phải ngủ lại Sài Gòn sao? Thế là đâu vào đó. Ai nấy đành chịu chật. Tôi bị kẹt cứng tư bề. Phía trước, phía trong, phía sau là người ta, còn bên phải là cánh cửa xe bằng sắt.

Tôi không có cách gì để đặt chân cho gọn. Day qua, trở lại, sửa tới, sửa lui, cũng không ổn thỏa chút nào. Nhờ xe chạy có được chút ít gió mát. Ánh sáng về đêm của thành phố lấp loáng qua cửa xe. Đèn quảng cáo xanh xanh, đỏ đỏ. Đèn đường sáng trắng nhợt nhạt. Bầu trời lấp lánh đầy sao. Chiếc xe còn chạy loanh quanh chưa ra khỏi thành phố. Tôi yên chí nó sẽ chạy một mạch về tới tỉnh. Chật quá rồi làm sao chứa được nữa. Nào ngờ, qua một góc phố, chiếc xe từ từ ngừng lại. Có tiếng ồn ào:

-Trời đất ơi, cái xe nhỏ xiu như vậy, bác tài tính chứa bao nhiêu mạng?

Tôi thất vọng. Nếu có thêm người, tôi sẽ bị dồn vào trong. Còn đâu mà nhìn thấy phong cảnh bên đường với gió mát trăng sáng. Chưa kịp phản ứng gì, thì cửa xe đã mở, anh lơ nhảy xuống, đẩy người khách mới lên chỗ tôi. Tôi bắt buộc ở cái thế phải ép sát vào bên trong để nhường chỗ. Đúng là hộp cá mè. Hành khách bị ép như mấy con cá nằm sắp lớp, hết cục cựa. Bác tài vừa cho xe chạy, vừa cam kết:

-Thôi đủ rồi, không rước nữa. Bây giờ thì xe hơi chật. Xe chạy một hồi, nó lắc xuống đâu vào đó. Bà con cô bác thông cảm!

Không thông cảm với bác tài cũng không được.

Trời tối rồi, không lẽ bước xuống xe để ở lại Sài Gòn đêm nay. Mà bây giờ thì tôi đâu còn muốn bước xuống nữa. Người hành khách vừa mới lên là một cô gái còn trẻ, trong ánh sáng mờ mờ, tôi không thấy rõ nhưng có lẽ nàng đẹp lắm. Tà áo vàng được vén khéo qua bên, nàng cố thu mình cho nhỏ gọn lại, đáng khếp nép. Riêng tôi vì đụng chạm bên người nàng nên loay hoay, xoay ngang người lại cho thư thả. Ở cái thế này tôi thấy thoải mái hơn nhưng đồng thời cánh tay phải như ôm lấy người nàng. Tôi mắc cỡ quá, đâu có dám đụng, đành phải vói tay qua gác trên cửa xe cho đỡ mỏi. Trợn nửa người bên phải tôi ép sát nửa người bên trái của nàng. Tôi nghe một cảm giác êm ái bình bồng. Tôi đâu có ngờ hoàn cảnh trái ngang như vậy. Lần đầu tiên ngồi gần một cô gái lạ, tôi bối rối quá. Tôi thử nghĩ hàng chục câu hỏi để mong làm quen với nàng, nhưng thấy câu nào cũng vô duyên. Thôi đành ngồi im, làm ra vẻ đứng đắn, nghiêm nghị.

Bỗng chiếc xe quẹo gắt ở một khúc quanh, người nàng đè hẳn lên tôi. Như để đỡ mắc cỡ, nàng nói băng quơ:

-Chiều thứ bảy nào xe cũng chật nít!

Tôi bèn bắt chuyện:

-Dạ, dạ, cũng hơi đông.

-Chút xiu nữa là tôi

đón hụt rồi. Từ trường ra tới đây kẹt xe quá!

-Chắc cô học trường Luật?

Cô ta hơi nghiêng đầu qua tôi, hỏi lại:

-Sao anh biết?

Tôi thấy vui trong bụng, có dịp để nàng thấy tôi thông minh:

-Đa số sinh viên Luật thường đón xe chỗ cô vừa lên.

Nàng cười nhẹ nhàng, hàm răng trắng bóng đều đặn:

-Dạ không phải, tôi học ở Văn Khoa.

Tôi đoán trật lất. Nhưng không hề gì, miễn nói chuyện được với nàng là vui rồi. Tôi tuy không học ở đó, nhưng cũng biết chút ít:

-Xin lỗi, tôi hơi tò mò, cô đang theo chứng chỉ nào?

-Dạ, tôi học lớp dự bị..

-Vậy là cô được học với ông giáo sư Vương Hồng Sển. Tôi khoái được nghe ông nói chuyện. Hề sách nào có bài ông viết, tôi đều kiếm mua. Ông rành về đồ cổ... Chắc cô cũng thích các giờ ông ấy dạy?

Lại một lần nữa tôi bị hốt:

-Dạ, tôi sợ các giờ đó lắm. Kỳ rồi, tôi bị rớt vì môn Văn Chương Quốc Âm, nên kỳ nhì phải thi lại môn này.

Tôi không dám hỏi thêm. Tôi suy nghĩ hoài cũng không hiểu tại sao cô ta lại rớt môn Quốc Âm, cái môn được coi là

dễ hơn các môn khác. Vốn ít nói và hay rụt rè, tôi lại đành ngồi im. Thoang thoang, tôi ngửi thấy tóc nàng có mùi thơm nhẹ. Tự nhiên tôi cảm thấy trong lòng một xúc động bất ngờ. Trời đất nào xui khiến cho tôi gặp nàng như vậy. Bây giờ tôi phải nói câu nào nữa?

-Chắc cô về tới bến xe?



-Dạ không, tôi xuống Cầu Ngang.

Tôi lại tìm được câu đối đáp:

-Cô ở gần cái nhà ngói đỏ, có cổng sắt sơn xanh không? Đằng trước có bụi tre ngà?

Cô ta nghiêng đầu qua nhìn tôi:

-Chắc anh là bạn học của anh Bình? Căn nhà đó của tôi.

Đoạn nàng chăm chú nhìn tôi, thoang do dự, nàng tiếp:

-Phải anh là anh Hưng không, em là Phương đây!

Tôi vừa xác nhận thì nàng líu lo:

-Trời ơi, sao lâu quá

không thấy anh xuống nhà chơi. Ba má em với anh Bình thường nhắc tới anh hoài.

Tôi ngạc nhiên sung sướng. Không dè con nhỏ Phương ngày nào nhỏ xíu, đen thui, mới có mấy năm mà lớn đẹp như vậy. Những chuyện năm trước bây giờ được tôi và Phương nhắc lại.

lang vào trong đó để dấu, nóng quá bèn nhảy cà tung. Đọc đến đây, ông bảo ngừng lại và hỏi em:

-Nhảy cà tung là nhảy làm sao?

Em còn đang suy nghĩ chưa kịp trả lời, thì ông hỏi tiếp:

-Đâu cô nhảy cà tung cho tôi coi!

-Anh Hưng thử nghĩ cái cái phòng thi rộng mênh mông. Ở dưới cả mấy chục người ngó lên, em mắc cỡ quá, làm sao dám nhảy. Chờ hồi lâu không được, ông nghĩ là em không biết, nên cho dưới điểm trung bình. Em đành phải thi lại kỳ hai.

Tôi an ủi nàng:

-Gặp tôi mà ông biểu nhảy thì cũng rớt. Ai lại nhảy cà tung trước mắt mọi người, kỳ thấy mồ.

Phương cười nhẹ:

-Lạy trời cho mai một đừng gặp cái “Anh chàng sợ vợ” nữa.

Tôi chớp ngay lấy cái câu nói hớ đó, hỏi lại:

-Vậy chớ Phương muốn gặp anh chàng như thế nào, cho tôi biết các điều kiện đòi hỏi....để kiếm cái đầu heo.

Phương chống chế:

-Ơ anh Hưng, không phải vậy! Mấy năm rồi gặp lại, anh vẫn y như hồi xưa, cứ phá em hoài.

Từ đó tôi thường xuống Cầu Ngang thăm gia đình nàng. Bình thì đã vào quân đội, ít khi có nhà. Má nàng lần nào thấy tôi, cũng nói:

-Khi nào rảnh rồi cháu xuống đây chơi, đừng ngại gì hết, thằng Bình đi lính, hai Bác nhớ nó quá. Nhà đơn chiếc không có ai.

Còn Ba nàng thì ít nói, thường dẫn tôi ra sau vườn, bẻ trái cây cả đồng bắt ăn. Phương xinh xắn, dễ thương, lảng xảng làm các món ngon để đãi khách. Chúng tôi thường ăn dưới gốc cây sầu riêng lớn. Vườn nhà Phương rất rộng, các mương nước nhỏ đầy rong. Nước trong vắt, thấy được những con cá bải trầu, cá lia thia, cá lim kim, lội nhón nhơ dưới đó. Đất đen mầu mỡ, cây dâu, cây măng cụt, cây sầu riêng, có những tàn lá xanh um, mát rượi...

Tôi ngồi mà nghe lòng khoan khoái, mắt nhìn ánh nắng lấp lánh qua các khoảng lá thưa. Đâu đây có con chim hót trên cành, tiếng nghe trong trẻo quá. Phương cũng như chim líu lo:

-Trên nhà anh Hưng có vườn không? có trồng nhiều bông không? đôi khi lên tỉnh, em muốn ghé chơi cho biết mà sợ... anh Hưng không thêm tiếp.

Má Phương mắng yêu con gái:

-Cái con nhỏ này, mấy làm như cậu Hưng là người dung!

Phương vừa ngó xéo tôi, vừa trả lời mẹ:

-Thì má thấy đó, hôm

con gặp anh Hưng trên xe, ngồi gần cả giờ đồng hồ, ảnh đâu có thêm nhìn... bà con!

Tôi không biết trả lời ra sao, đành cười trừ! Ôi! những buổi trưa ấm cúng, lòng vui như mở hội. Tôi vẫn dẫn đo, rứt rề, chưa dám ngỗ ý với Phương. Học hành chưa thành, công danh chưa toại, bây giờ còn quá sớm để nói chuyện yêu đương....

Những ngày tháng kế tiếp qua mau. Ba má Phương sẵn có vốn, mở thêm căn tiệm cầm đồ ngoài chợ. Ngoài những giờ học, Phương còn phụ mẹ buôn bán, trông nom công việc sổ sách. Tôi lại có dịp gặp gỡ nàng nhiều hơn. Chúng tôi trao đổi chuyện trời mưa, trời nắng, chuyện học hành, thi cử. Toàn là chuyện đầu đầu, vậy mà cũng có để nói hoài, không chán. Có lần Phương hỏi tôi:

-Anh Hưng ơi, hiện thời anh thương ai nhứt?

Tôi trả lời, cười cười:

-Thì Phương biết rồi, tôi nói hoài! Đời tôi chỉ thương có chú lùn bán hủ tiếu dưới gốc me...

Mặt Phương hơi phụng phịu:

-Vậy chớ mấy người đẹp của anh, không ai bằng chú lùn sao?

Tôi giảng nghĩa:

-Đẹp đâu có ăn được. Còn hủ tiếu cây me ăn ngon, cho nên tôi thương ... chú lùn.

Phương nín thinh,

bậm môi tức tối. Tôi muốn giải hoà cho khuây khoả:

-Phương ơi, mấy ngày ở nhà không có buôn bán, em làm gì?

-Em đi chợ, mua cá, mua cua.

-Rồi sau đó Phương làm gì nữa?

Nàng trả thù tôi, trả lời tỉnh rụi:

-Thì em làm cá, làm cua.

-Vậy chớ không lúc nào Phương nhớ tới bạn bè chút xíu nào sao?

Phương bật cười, tươi như đóa hoa buổi sáng:

-Có chớ, lúc ghé ăn hủ tiếu cây me thì nhớ tới anh!

Tôi vừa làm điệu bộ thất vọng, vừa nhìn sững mặt nàng. Phương cười, khuôn mặt vuông vuông, rạng rỡ, làn da trắng mịn màng. Tóc cắt ngắn gọn, cái mũi thẳng cao, xinh xắn. Cặp môi trẻ trẻ. Hèn chi nàng nói chuyện tía lia. Ông trời sao thiệt bất công. Mặt Phương không một khuyết điểm. Tất cả đường nét đều hoà hợp, thêm vào đó là cái duyên dáng nữa. Còn tôi thì vừa xấu, vừa đen, được quen với nàng, đời tôi còn hạnh phúc nào hơn. Do câu chuyện đẩy đưa, bất chợt tôi thấy Phương dễ thương làm sao. Trong một thoáng ngẩn ngơ, tôi nói đại:

-Cô chủ tiệm cầm đồ ơi, sao cô đẹp quá vậy? Tiệm cô cầm vàng bạc, châu báu ngọc ngà mà có

cầm “người ta” không?

Phương trở mắt nhìn tôi. Hình như nàng chưa hiểu câu nói. Cặp mắt nàng tròn to, đen bóng, ngây thơ. Tôi nói tiếp:

-Có một sinh viên nghèo, học hành đang dở, hoàn cảnh túng bấn, cần cầm tạm để đủ tiền ăn học, miễn có cơm canh ngày hai bữa, mai sau có nghề nghiệp vững chắc, nguyện sẽ làm “tôi mọi” để trả công lần lờ.

Phương hiểu ra, cười nho nhỏ, thủ thỉ bên tai tôi;

-Anh Hưng muốn cầm thiệt không đó? Tiệm của em không khó khăn như mấy tiệm khác đâu. Miễn là sòng phẳng, siêng năng, trả nợ suốt đời...

Từ đó, tôi và Phương thương nhau. Rồi chiến tranh ngày một tàn khốc. Tôi phải vào quân ngũ, trôi nổi ngược xuôi. Những cánh thơ nồng nàn thay thế những lần gặp gỡ. Phương thường viết cho tôi biết, nàng đã phải nhiều lần từ chối những mối mai xung quanh. Tôi run trong bụng. Làm sao nàng có thể chờ đợi và nếu chờ thì đến bao giờ. Thân tôi, tôi còn lo chưa xong. Cười Phương bây giờ, chỉ làm khổ cho nàng, điều mà tôi không muốn. Yêu Phương, tôi muốn nàng được hoàn toàn sung sướng. Phương xinh xắn và dễ thương quá, nàng đâu thể vì tôi

mà chịu khổ cực. Rốt cuộc rồi thì tôi cũng phải chịu thua định mạng. Một buổi sáng mùa thu, tôi nhận được thư cuối cùng của Phương. Vào phòng riêng, tôi xé thư ra đọc. Nét chữ quen thuộc dễ thương ngày nào, quay cuồng trước mắt tôi:

“...ba má bắt em phải lập gia đình với một người không quen. Giữa tình yêu và gia đình, em phải chọn một. Gởi đến anh bức ảnh cuối cùng em chụp bên gốc sấu riêng ngày nào... như nỗi lòng em..”

Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra, ràn rụa. Những chữ còn lại, mờ nhạt. Cuối thư Phương không ký tên, tôi đọc được câu ca dao ở hàng dưới cùng:

*Đêm khuya thấp chút
dầu dư*

*Tim loang cháy lụn,
sầu tư một mình.*

...

Câu chuyện đã trên hai mươi năm rồi, bây giờ tôi còn nhớ lại như in. Cái kỷ niệm ngày xưa sao mà êm ái nhẹ nhàng quá. Tôi với chú Hai thợ bạc, ngồi im lặng bên nhau. Mỗi người một ý nghĩ vụn vặt, tản mác. Xa quê hương là xa hết những cảnh, những vật, những người thân yêu. Trước mắt tôi, bây giờ cũng có cây sấu riêng. Nhưng đâu phải là cây sấu riêng vườn cũ. Phương bây giờ đã có chồng, có con. biết được nàng hạnh phúc, tôi

mừng lắm. Nhưng rồi vận nước đổi thay. Hiện giờ vợ chồng con cái nàng vẫn còn ở nguyên nơi quê xưa. Liệu nàng có đủ sức khoẻ và nghị lực để vượt qua những khổ nhục mà chế độ mới đưa tới hay không?

Nhớ tới giờ phút này hình ảnh của hằng triệu người đang phải lam lũ, chân lấm tay bùn, cuộc xói trên vùng đất khô cằn miền kinh tế mới để phục vụ một thứ chủ nghĩa ngoại lai, tim tôi như muốn nghẹn lại:

-Chú Hai ơi! mấy người còn ở lại làm sao mà sống nổi với tụi nó?

-Rồi cũng phải sống chứ thầy Tư, hồng lẽ ... tự tử chết! Con ngựa đua bắt đem đi kéo cày thì cũng như con bò, con trâu vậy!

Nghe chú Hai thợ bạc nói, tôi nghĩ ngay đến Phương ngày nào. Trời đất ơi! cái sự thật sao mà chua xót quá. Tôi đứng dậy hết muốn nổi:

- Vậy thì chừng nào dân mình hết khổ, chú Hai? Hồng lẽ phải chịu như vậy hoài!

Chú hai thợ bạc vừa đi vừa trả lời:

- Thầy Tư đừng có lo! Luật tạo hóa tuần hoàn hết bỉ cực rồi tới thái lai. Như trái sấu riêng chín thì phải rụng. Ngày đó tôi với thầy Tư trở về, gầy dựng lại quê hương cũ. Cầu trời cho nó đừng quá tang thương, đổ nát...

Võ Kỳ Điền

thơ Thương Tử Tâm

chuyện đời xưa

*trên dòng sông nầy mưa đã xuống
chảy quanh co xuôi ngược đời nhau
sao người không về như hoa đợi
nở đón vàng trăng bện kiếp nào*

*trên con đường nầy căn nhà đó
trứng cá bốn mùa rụng vàng sân
trong ta cũng mấy mùa lá đổ
mười năm người đi đã mười năm*

*mười năm cô giáo đi dạy học
mười năm ta lưu lạc phong trần
tích xưa kể lại chàng đã khóc
ngày về Đại Ngãi Cửu Long Giang*

*mười năm cô giáo đi dạy học
sao chẳng dạy nhau giữ đời nhau
bây giờ cô giáo thôi dạy học
cuộc tình còn như chuyện đời xưa*

đất khách

kính tặng thầy Lê Vĩnh Tráng

*trương phu mộng lớn bình thiên hạ
sao bạc đầu đất khách ôm trăng
chiều chiều chân núi bên sóng vỗ
đâu dễ mộng tàn theo sóng tan*

*đã thề quên em thời lãng mạn
ngày qua sông đó mấy mươi năm
giang hồ xuôi ngược ta bèo bọt
mới chợt nhớ về khóc cố nhân*

*thì bạn tình ơi thôi đã lỡ
cố thấu dùm ta chí của ta
dưới trăng nguyệt ulla trên gươm lệ
đất khóc đời nhau sương sớm mai*

*nhà em bây giờ đông hay bắc
lưng còn có chống gậy ngóng trông
cố xứ ta làm sao về nữa
núi cao biển rộng với gươm cùn*

*núi cao cao quá như ta mộng
biển rộng nào đâu có dò ngang
gươm xưa mài hết đời chửa bén
đất khách đành cam gửi xương tàn.*

Chắc tôi cũng xứng đáng bắt đầu ôn lại một vài kỷ niệm của thuở ngập ngừng bước chân vô cớ Trường Trung Học Hoàng Diệu bằng mấy chữ Ngày xưa ...

Ngày xưa, tại một xã quê mùa, xa xôi tận vùng đất có năm con sông giao nhau, được gọi tên giản dị là Ngã Năm. Lớp Nhất chúng tôi được chính thầy Hiệu Trưởng Lê văn

Trở n g
dạy. Nhờ
kỷ luật
chặt chẽ
cùng với
sự tận
tâm của
vị thầy trẻ
đầy nhiệt
huyết, cố
công đào
tạo một



tầng lớp học sinh bé bỏng nên người. Kết quả, chúng tôi thi đậu vô trường trung học tỉnh về vang với hai học sinh hạng nhất là chị Ngô Kim Lý và anh Trần Công Lý, chị Lê thị Ba Nhỏ đậu hạng tư và còn lại đều đậu hạng khá cao trong số 200 học sinh trúng tuyển.

Niên khoá 1961-1962 có bốn lớp Đệ Thất A, B, C, D phân phối theo sinh ngữ Pháp, Anh. Tôi được xếp vào lớp Pháp văn Đệ Thất B gồm nam nhiều hơn nữ. Học sinh ngồi hai dãy bàn ghế gỗ dài. Những học tử nhỏ, xinh xắn chứa tập vở và biết bao điều bí mật. Ba dãy bàn đầu từ cửa lớp, dành cho nữ sinh, tôi nhập vô các bạn cùng quê ngồi bàn chót, sau lưng là đám con trai lóc chóc, loi chơi học cũng giỏi mà phá cũng dữ. Bọn nữ sinh bị mất guốc, vạt áo dài bị cột dính chùm là thường hay đôi khi cũng phải bẻ chút bánh, trái cóc, ổi chia cho bọn cái bang con trai ồn ỉ thòm thèm hoặc phải cho mượn cục

gôm, tờ giấy nháp. Phe con gái biết không phải vì họ “măng-ê” (mê ăn) hay vì lơ đễnh quên viết, tập mà chắc vì phe địch lấy có trao đổi ơn nghĩa cho thêm thân tình. Bù lại, họ cũng nhá cho kết quả bài toán đại số hay vài chữ Pháp rắc rối dù được hay không được yêu cầu.

Mỗi sáng trước giờ vô lớp, tất cả học sinh sắp hàng ngay ngắn dọc hành lang, hướng mặt về giữa khoảng sân rộng, làm lễ chào cờ. Đây cũng là dịp thuận tiện cho học sinh lớp này “chào hỏi” lớp kia. Những cái vẫy tay, những ánh mắt lục lạo một bạn thân hay những cặp mắt ngơ ngác tìm kiếm một bóng hình xa lạ nào đó để đo tần số và nhất là để làm quen.

Dù là dân kín cổng cao tường hay e lệ tiểu thơ, chúng tôi cũng phải có mặt đầy đủ tới khi thầy, cô cho phép mới được vô lớp.

Theo thời gian, tuổi vô tư đi qua. Chầm chậm, chúng tôi biết thế nào là e thẹn khi bắt gặp một ánh mắt xa lạ hay thích lim dim cặp mắt để tâm hồn lâng lâng bay theo những bông hồng hồng hồng, xinh xinh đang la đà bay theo chiều gió. Chúng tôi biết hẹn nhau đi vườn dừa Xoài Cả Nã, vườn dừa, vườn ổi, vườn đào để múi trái cây dính lắm tẩm trên vạt áo. Hồ Nước Ngọt êm đềm viên hàng liễu rũ nên thơ, ghi dấu những tà áo trắng, mái tóc dài, gót chân son. Nơi đây, biết bao nhiêu chàng và nàng đã gom làn gió sớm, đan sợi mây trời, nhạt sắc vàng của bầy



Ơi thời

áo trắng

Lâm thị Lệ
(HD 1961-1968)

cá lung linh dưới đáy hồ, hòa màu trời xanh lướt thướt, hàng liễu buông mảnh để dệt nên những vần thơ êm ả.

*... Thứ Bảy áo bay vàng đại lộ,
Riêng mình tôi dạo phố đầu hiu
Bởi mình đâu bóng sắc mỹ miều
Để người ta hẹn hò đưa đón...*

Tôi đã quên bài thơ, chỉ còn sót lại bốn câu nho nhỏ mang nét buồn nhẹ nhàng. Nhớ thơ Hồng Diễm Đỗ thị Minh Giang không phải vì nàng là cô gái trời bắt ... buồn, mà tôi thấy chính là hình ảnh tôi lững lơ trôi trong đó.

Nhóm tiểu thơ Ngã Năm, nhờ gió lành đồng ruộng, nước mặn mùa Hè, lơ lợ mùa Xuân nên lắm cô vừa đẹp mặn mà lại vừa học giỏi, trừ tôi. Nguyệt Loan, Ba Nhỏ, Bảy Nhỏ, Huệ, Kim Lý, Ánh Nguyệt, Phụng đều là những bông hoa quý một thời. Nhưng giỏi và đẹp, đôi khi lại là một trở ngại cho kiếp học trò của Nguyễn thị Phụng. Mới đậu xong mảnh bằng Trung học, tương lai tươi sáng vừa mở rộng đã phải khép lại để bước lên một chuyến xe hoa do người hùng Nguyễn Hữu Diệp lái, đưa nàng về dinh. Người đẹp đành bỏ mái trường Hoàng Diệu, xa thầy cô, rời bạn bè, già từ bảng đen phấn trắng, làm cô dâu trẻ trong bao nhiêu niềm luyến tiếc. Để năm sau đó, mỗi khi ôm tập tới trường, tôi thường ghé vào thăm Phụng đang ru đứa con gái đầu lòng.

Bốn năm dài chung lớp, tình cảm nảy nở, uơm mầm. Những thay đổi thật âm thầm, nhẹ nhàng len vào những mảnh hồn thơ. Ngăn tú học trò thấp thoáng vài cánh thiệp có hoa pensée tím tím hay một cành hồng đỏ thắm chờ đợi hoặc đóa hoa phượng lấm tấm điểm trắng, ép thành con bướm vươn cánh bay vào cõi mộng.

Chúng tôi học đòi lần bước vô khung trời mới đầy quyến rũ mà cũng lắm thương đau.

Năm Đệ Tứ nặng nhọc với kỳ thi Trung học sừng sững chờ trước mặt. Chúng tôi cố gắng gào bài, gia công góp giữ những kỷ niệm bên nhau và tình cảm cũng vội vàng, quỳnh quáng lớn dần. Đến nỗi dù là một học trò khiêm nhường như tôi, cũng hân hạnh cư mang vài tấm thiệp hoa lá thay lời. Gió tháng tư dịu dàng lướt qua mái hiên trường, nhẹ nhàng bông cồng rơi rơi... Trường tôi có nhiều cây cồng già rợp bóng. Mây xám xuống thấp giăng mắc trên ngọn cây, mây tan theo chiều gió thoảng đưa một chút hương thơm mùi giấy trắng. Con mưa Hè sắp trở lại nhắc chúng tôi hãy cố gắng học mau lên kéo muộn! Giữa giờ học, Thầy Phước tò mò đọc mấy chữ Hán Việt nho nhỏ khắc ở góc bàn bên nam sinh. Một cách bày tỏ với ai đó hay là một cách gìn giữ kỷ niệm vậy.



Thầy cô hết lòng giảng dạy, chúng tôi hết sức học mà vẫn quên, nhớ lung tung. Giờ thi môn Công dân, Thầy Diệp cho bài thi khó nhưng không khó bằng phải trả lời một câu hỏi nhỏ. Hình như tất cả đều bí, cả lớp đang lao xao, bối rối... bỗng dưng, Thầy bảo chúng tôi ngồi yên làm bài để Thầy lên văn phòng có chút việc. Ngàn năm một thuở, tiếng lật tập

xoèn xoẹt, tiếng hỏi nhau rớt rít... tôi cũng bàng hoàng, phân vân, cuối cùng quyết định lật tập! Cái đoạn ngăn ngắt giữa trang giấy, biết ngay mà. Mở lẹ, liếc nhanh. Chợt Thầy Diệp bước vô lớp, mọi hoạt động trái phép ngưng ngang còn tôi thì đứng bật dậy chào Thầy, một mình tôi chờ vợ. Thầy khoan thai tiến lên bọc giảng và khoát tay cho tôi ngồi xuống mà miệng thì nở nụ cười “mỉm chi cọt”. Trời ạ, phải chi tôi biết “thăng thiên” hay đất nứt ra cho tôi rơi xuống để biến khỏi cảnh nào lòng này. Cảm giác quê, sợ hãi trong giây phút ngắn ngủi đó lại là kỷ niệm hằn sâu trong lòng. Để bao năm sau, có dịp ngồi trên bọc gỗ, nhìn xuống, tôi cũng bắt chước cười mỉm chi cọt, nhắc đám trẻ xếp màn, cắt phim...

Rồi những kỳ thi sắp đến, bọn con gái hay rủ nhau coi bói. Ông thầy bói mù nói số tôi may mắn, cố gắng học nhiều hơn nữa, chắc chắn sẽ ... đậu! Không phải không tin tưởng vào khả năng của mình mà vì muốn trốn tránh chút hồi hộp, lo âu, bọn học trò hay nhờ lời người khác để tăng thêm chút niềm tin. Tâm hồn chúng tôi còn trống trải, mệnh mông quá, những muốn xoải cánh bay tới vùng trời cao rộng, mới lạ hơn.

Càng lên lớp cao hơn chúng tôi càng bị chia cắt để mỗi lần tựu trường lại vắng thêm vài gương mặt cũ. Thầy mới, bạn mới dù có khóa lớp nổi trống vắng mà hình ảnh những người xưa vẫn khó phai nhòa. Tôi muốn nhờ gió phiêu du đưa nỗi nhớ dâng cao, vượt qua sông sâu rừng thẳm, nhắn rằng mãi mãi ơn thầy, tình bạn vẫn là những giọt mật ngọt ngào.

Lâm thị Lệ



Vào tháng 9 hằng năm, miền Nam Việt Nam bắt đầu bớt mưa, thời tiết bớt nóng dần. Các gia đình miền Nam rộn ràng lo mùa tựu trường cho các con. Cha mẹ lo tiền còn các con ưu tư về năm học mới - môn học có khó lắm không, thầy cô giáo có nghiêm khắc quá không, lớp học nào, bàn ghế như thế nào, và các bạn cũ có học chung không? Sáng nay nhiều bà mẹ trẻ dẫn con đi xe lam ọp ẹp và lắc lư từ Bãi Xàu hay từ Xoài Ca Nã lên chợ Sóc Trăng, vào hàng vải. Bà nhìn những tấm vải 'xoa' Pháp cạnh vải 'xoa' nội địa Vinatexco. Bà xem giá tiền vải và số tiền bà có. Bà nghĩ 'Xoa Pháp bóng và mịn, nhưng xoa nội địa không kém mà lại rẻ hơn nhiều.'

Lưỡng lự một phút, bà mẹ hỏi con, "Xoa nội địa đẹp, phải không con?"

Con bà là học sinh chăm học, "Mẹ mua vải quần áo nội địa là được. Con chỉ thích mua sách thôi." Câu nói của con làm vui lòng bà mẹ vì chính bà ngày xưa lúc còn là học sinh tiểu học, bà thích đọc sách Tuổi Hồng và khi lên trung học, bà học thuộc lòng Truyện Kiều, Cung Oán Ngâm Khúc..., đọc và phân tích tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn. Bà mua hai bộ quần áo cho con. Cầm xấp vải trắng mịn trên tay, mặt cô bé tươi vui, mãn nguyện.

"Chắc là mấy con bạn của mình cũng mua loại vải này," cô bé thầm nghĩ. "Mình sẽ đẹp không thua

chúng bạn."

Gian hàng kế bên, người cha trẻ đang hỏi bé trai, "Con có thích vải kaki xanh biển này không? Ba thấy vải trơn bóng, màu tươi sáng. Lên quần trông đẹp lắm, con."

"Con thích. Ba mua cho con hai quần và hai áo sơ mi trắng để thay đổi."

Hôm nay là ngày tựu trường cho niên học mới. Tội mặc cái quần tây xám đậm, áo sơ mi trắng mới, tất cả vật xanh thẫm, và mang đôi dày đen mới đánh bóng ngày hôm trước. Các học sinh lớp đệ thất, trai cũng như gái, bắt đầu năm học đầu tiên của hành trình trung học bảy năm. Giống như các em đó, tôi bắt đầu dạy học năm đầu tiên của cuộc đời giáo chức. Nhưng khác hơn cuộc hành trình trung học bảy năm của học sinh, tôi còn phải đối diện với cuộc chiến tranh đang diễn ra ác liệt, cuộc chiến mà kẻ thù cũng là người Việt, cùng huyết thống, cùng cha là Lạc Long Quân và cùng mẹ là bà Âu Cơ, cuộc chiến tranh phải tham dự-người miền Nam phải bảo vệ tự do và quyền làm người của mình và miền Bắc phải bảo vệ cái số lương thực của mình và gia đình, cuộc chiến tranh không cần thiết đối với người Việt nhưng rất cần thiết cho các lãnh tụ Cộng sản Việt, cuộc chiến mà kết thúc là một cuộc tháo chạy sợ hãi đối với dân miền Nam, là một hiện tượng vỡ mộng, tuyệt vọng của dân miền Bắc, và nhất là màn lật tẩy trước sự ngỡ ngàng bàng hoàng về đời sống sung túc giàu sang dọc theo phố xá và trong các chợ, vẻ đẹp sang trọng của các cao ốc Sài Gòn đối với cán binh Cộng sản miền Bắc được nhồi sọ rằng dân miền Nam nghèo khổ đói rách cùng cực, một cuộc chiến mà 35 năm sau kẻ chiến thắng hằng năm ngửa tay ăn mày hàng tỷ dollars của kẻ chiến bại và lãnh tụ chiến thắng bị xua đuổi như tội phạm khắp các thủ đô tây phương.

Những giọt cà phê đen thơm sau cùng rơi xuống ly, trên lớp sữa trắng đặc. Thưởng thức xong, hăng hái tôi đi bộ tới trường. Cổng trường mở, học sinh lần lượt dắt xe đạp hay bước bộ vào cổng.

"Con nhớ chăm chỉ học hành, lễ phép với thầy cô giáo, nghe con," một bà mẹ dặn dò con gái mình.

"Đừng đùa giỡn trong lớp học, phải chăm chỉ chép bài và làm bài, con có nghe ba dặn không?" một người cha trẻ ngồi trên chiếc Honda đỏ nói với đứa con trai của mình.

Chuông reo. Trung học Hoàng Diệu có 4 dãy nhà tạo thành một hình vuông. Học sinh sắp hai hàng dọc trước cửa phòng học của mình: từ xa, những hàng

hình bóng đẹp và thân thương

Thầy VŨ NGỌC PHAN

ngang áo dài trắng, quần trắng nữ sinh hay áo trắng quần xanh nước biển nam sinh trông thật đẹp, giống như những thảm dài hoa trắng, vàng, đỏ ở Carlsbad. Từ trên ghế cao, thầy giáo nhìn xuống hơn 50 áo trắng nam hoặc nữ sinh kết tụ với nhau không khác một bức thảm vuông đầy hoa tulip trắng. Hoa tulip này đã ngã màu sau nhiều thập niên lặn dạn vì chiến tranh, tù đầy, vượt biên, và sợ hãi... Hình bóng Hoàng Diệu đã đổi thay với sự trở mình của thành phố Sóc Trăng. Tuy nhiên cảm xúc hồi hộp của nam nữ sinh lớp 6 ngày nay không khác nỗi niềm của học sinh lớp đệ thất năm xưa.

Cầm xấp bài Pháp văn về nhà trọ, tôi bắt đầu xem tổng quát: trình bày đúng như lời dặn, ngày tháng, tên họ, và lớp; chữ viết rất khác nhau, rất đẹp và đều đặn, không đẹp nhưng cũng rõ ràng, nói chung chấp nhận được. Tôi bắt đầu sửa bài; có bài nhiều lỗi, có bài không lỗi: suy nghĩ của tôi là gia cảnh của học sinh khác nhau. Tôi quyết định tìm phương pháp cụ thể giúp các em làm bài bớt lỗi: sửa lỗi ngay trên bảng và nói lý do tại sao sai. Những tiến bộ trên các xấp bài sau khích lệ tôi.

Một ngày nào đó tôi không nhớ rõ, hình như gần Tết, một đoàn nam nữ sinh, quần áo tự do, xanh, trắng, tím, vàng, đen, không biết là bao nhiêu người và thuộc lớp nào vừa đạp xe, vừa cười cười, nói nói, bông đùa với nhau những câu chuyện vu vơ, thân thiết, ngộ nghĩnh của tuổi thơ học sinh. Đoàn học sinh có tôi, giáo sư chủ nhiệm, cũng đạp xe, cũng hòa mình vui cười hồn nhiên, hướng về các đám ruộng trồng dưa hấu vàng ở Xoài Ca Nã. Trong lớp có một nữ sinh xinh xắn sống tại xóm đó. Ăn dưa hấu vàng thơm ngọt và miễn phí là một kỷ niệm thân thương in đậm trong trí nhớ của tôi về học sinh Hoàng Diệu và nhất là về người nữ sinh xinh đẹp, dịu hiền năm xưa mà chưa có dịp gặp lại. Trong ngày hôm đó cô Đính và các học sinh của cô cũng đi thăm quan, ăn, và mua dưa hấu vàng: đúng là duyên...

Mỗi sáng thứ hai đầu tuần, hiệu trưởng và giáo sư

phải dậy sớm hơn, đi tập hợp chào Quốc kỳ và suy tôn Ngô Tổng Thống trước dinh Tỉnh Trưởng Ba Xuyên. Thật sự tôi không thích hát bài ca suy tôn “Ngô Tổng Thống muôn năm,” vì tôi nghĩ đến một câu tương tự, “Hoàng Thượng, vạn tuế, vạn vạn tuế,” đó là phần đuôi sót lại của hoàng triều, do quan lại dựng nên. Tổng Thống là chức vị do dân bầu lên. Nếu dân không thích, thì thoái vị. Sau đó, nếu dân tín nhiệm lại, thì sẽ làm Tổng Thống. Đó là trường hợp của TT De Gaulle của Pháp. Ông là anh hùng cứu nước Pháp trong Chiến Tranh Thế Giới thứ hai và ông được bầu làm Tổng Thống. Nhưng ông thất bại vì chương trình tái tạo xứ sở. Ông từ chức. Nhưng sau đó, ông đã được bầu lại làm Tổng Thống, sáng lập nền đệ Ngũ Cộng hòa Pháp. Làm chính trị phải khôn ngoan, tránh voi không xấu hổ, Hàn Tín luôn tròn, sau đó làm tể tướng...



Tôi xa Sóc Trăng vào một buổi sáng trên một chiếc xe Jeep, không một người đưa, không một kẻ tiễn trong sương mai mờ ảo và cũng không có người đón khi tôi tới trường. Tôi cô đơn buồn rầu khi tới Ba Xuyên, một nơi rất xa lạ, nhiều sắc dân khác nhau, nước lợ, không nước ngọt và biển xanh. Rồi Hoàng Diệu, tôi tới trại nhập ngũ Quang Trung với tâm trạng chán nản. Hình ảnh học sinh, thầy giáo, phấn trắng

bảng đen, môn học theo nhau ra khỏi trí nhớ của tôi. Tôi bắt đầu học môn học bảo vệ sự sống của tôi: bắn nhanh và sát lẹ; bắn chậm là chết.

Và tôi đã trở lại nghề dạy học, thấy lại những sơ mi trắng quần xanh nam sinh và tà áo trắng quần trắng nữ sinh ngây thơ ngày nào. Tôi vui với nét hồn nhiên tuổi học trò của một trường trung học hẻo lánh gần Sài Gòn nhưng trong một quận hạt xôi đậu. Sau 7 giờ sáng, sau khi mở lộ tránh mìn bẫy, từng nhóm nữ sinh tà áo trắng tung bay theo chiều gió thổi hoặc nam sinh quần xanh áo trắng, chiếc cặp sách vở cột chặt vào khung đòn hàng, đạp xe ngang qua không khí đượm mùi thơm ngọt ngào hoa bưởi hoa quýt tỏa ra từ vườn cây hai bên đường. Mùa hè, tôi đeo quả mít nghệ vừa to vừa thơm hoặc bó chôm chôm đỏ

vàng ngọt lịm. Có hôm tôi đeo trên xe Honda của tôi những quả sầu riêng, múi to, hột nhỏ, dày cơm béo mịn về nhà. Tết đến tôi mua bưởi, để trên bàn thờ tổ tiên, vừa biếu bà con. Bưởi thơm ngon ngọt mà nhiều nước. Cũng giống như ở Xoài Ca Nã, ăn tại vườn thì không phải trả tiền, nhưng phải mua để đem về nhà. Tại xã Phú Mỹ gần ngã ba đi Vũng Tàu, Long Thành, tôi thăm các vườn sầu riêng và chôm chôm của phụ huynh học sinh. Cây chôm chôm to cao có hình cái dù mở, úp xuống. Còn cây sầu riêng gốc to bốn người ôm không hết. Phụ huynh học sinh cho biết là cây rất cao khi các phụ huynh này còn nhỏ tuổi.

“Cây cao quá, làm sao hái trái sầu riêng?” tôi hỏi.

“Quả sầu riêng gần chín thì sẽ rụng vào ban đêm. Nên tuyệt đối ban đêm không ai dám ra ngoài sân.” Phụ huynh nói tiếp, “Vào ngày Tết gia đình viết giấy mừng tuổi và dán trên thân cây sầu riêng.” Cây sầu riêng trồng sát nhau bao phủ cả xã Phú Mỹ, cũng như cây dương liễu phủ kín bãi biển Nha Trang cho tới Hòn Khói dưới chân Đèo Cả và cũng giống như cây dừa phủ kín các xã miền biển tỉnh Phú Yên, và vườn Pears hay Peaches bông trắng xóa hai bên đại lộ 5 và 58 gần San José. Các em học sinh quận Nhơn Trạch lễ độ, ham học, ngoan hiền, không khác nam nữ sinh Hoàng Diệu.

Sáng ngày lễ phát thưởng cho học sinh, một niên học tôi không nhớ, tôi đang bận rộn tổ chức âm thanh, phần thưởng:

“Thưa thầy?” tôi giật mình quay lại.

“Có chuyện gì, T.?” Một nữ sinh lớp 11 đứng khóc.

“Em biết em đứng hạng 4, nên không được phần thưởng,” T. nói.

“Như vậy cha mẹ em rất buồn. Xin thầy cho em một phần thưởng nhỏ để cho cha mẹ vui.”

Suy nghĩ một lúc lâu, tôi chấp thuận: Cha mẹ T. vui, thì sẽ cố gắng lo cho con học hết chương trình trung học.

Trường phải đóng cửa lúc 5 giờ chiều. Học sinh sẽ về tới nhà trước 6 giờ vì giờ giới nghiêm bắt đầu từ 6 giờ chiều cho tới 7 giờ sáng hôm sau. Năm rưỡi chiều, giáo sư chạy xe tới bến đò Cát Lái. Chủ quán biết trước nên đã hấp sẵn vài kí chem chép và ướp đông lạnh bia 33 cho các thầy chờ đò. Giòng sông Cát Lái là nước xà hai, lúc mặn lúc ngọt theo thủy triều lên xuống, nên chem chép sinh sôi nẩy nở mau lẹ. Thật là tuyệt hảo, kỷ niệm không phai mờ: ngà ngà say, lái xe máy Honda qua cánh đồng lúa khi xanh khi vàng, gió mát thoảng qua trong hoàng hôn lơ mơ tối trên con lộ đồng quê vắng khách, nói những câu chuyện tâm phào, thật là hạnh phúc. Qua cầu Giồng Ông Tố, chạy xe lên đò Thủ Thiêm thừa hành khách, về tới nhà vào lúc Sài Gòn nhộn nhịp đi mua sắm dọc theo đường Tự Do, Lê Lợi, hay chen lấn mua vé xem cải lương, hoặc nhìn ngắm lần chót “bộ cánh” xem có đúng mode chưa để vào vũ trường đi valse hay slow với nữ vũ công theo tiếng đàn du dương. Sài Gòn sống vui nhộn nhịp về đêm tới khuya.

Nghiep nhà giáo luôn theo tôi. Ra tù, môn ngoại ngữ giúp tôi có chén cơm trong một xã hội không có công việc làm. Phong trào học Anh văn nở rộ với giai đoạn mở cửa với các nước phương Tây. Lớp học gồm trẻ con và người lớn, đông đến cả trăm người. Thật là vất vả. Mục đích học đã thay đổi: học để đi nước ngoài tỵ nạn hoặc tìm cuộc sống tự do và sung túc.

Tôi vô cùng cảm động khi được nhìn lại, tiếp xúc thân mật, hoặc đọc các e-mail của những hoa tulip, hoa hồng, hoa cúc...đang trong thời trung niên, thời kỳ sung mãn với con cháu thành đạt, hạnh phúc trong các buổi hội ngộ cựu học sinh. Những giây phút đầu tiên gặp lại thật là ngỡ ngàng - hình dung và tưởng mạo giữa thầy và trò rất khác biệt khi xưa tại trường Hoàng Diệu. Hơn 40 năm sau, trong buổi hội ngộ tại phòng khách tư gia thầy Trần Cảnh Xuân ở San Diego, độ trên 20 người, vừa thầy vừa cựu học sinh, đứng ngồi, quần áo đẹp đẽ, vẻ mặt tươi vui, đang hàn huyên, một chị xinh đẹp, sang trọng bước vào phòng,

“Để tôi đoán tìm xem ai là thầy Phan?” Hoàng Mai nói, quan sát nhìn mặt từng người.

“Đây rồi. Em nhận ra vì tiếng nói của thầy.”

Thật là xúc động. Hình dáng diện mạo thay đổi, khó có thể nhận ra. Nhưng giọng nói thì không. Những cô gái bé tí thơ ngây ngày nào không còn nữa, mà là các ‘ladies’ thành công, tài giỏi, có chỗ đứng cao trong xã hội Mỹ. Các bé trai hiền lành, chăm học đã trở thành các quân nhân, viên chức ưu tú, đảm lược, anh hùng trong chiến trận. Tôi rất hãnh diện về các cựu học sinh Hoàng Diệu.

Có nhiều hình dáng thân thương không còn nữa hoặc không biết bây giờ đang ở nơi nào, Việt nam hay một nước thứ ba: một thoáng buồn lướt qua tâm hồn tôi. Lá đã đổi màu, vàng, nâu, nâu đậm, rồi từng chiếc một rơi theo chiều gió...

Từng ngày còn lại, tôi và các cựu học sinh thân thương hãy hưởng trọn niềm vui trong hình bóng thân thương của ngày xa xưa cách đây 50 năm.

Phan Vũ

Tôi muốn viết và trình bày ra đây một cách vắn tắt những điều tôi đã học hỏi, thu nhập được trong tiến trình tập luyện Taichi, vài bộ môn khí công và dưỡng sinh trong mười ba năm qua và nó đã có ảnh hưởng tốt thế nào đến sức khỏe của tôi một người đã hơn 62 tuổi ta. Từ những kinh nghiệm này chỉ cần một người trong các bạn “thử” một vài chiêu là tui dzui rồi đó.

1-

Thời Mẫu Giáo và Trung Học - trước 1967

* Lúc học mẫu giáo bị bệnh “ghê ngứa” hết cả mình mẩy nhưng sau khi lành thì may không có theo.

* Bảy năm ở trường THHD tôi bị bệnh nhức đầu (migraine) suốt đường như là bị mỗi tuần một lần.

* Sức khỏe tương đối khá ít bị bệnh.

2-

Thời Đại Học và Đi Làm - trước 1967

* Bệnh nhức đầu (migraine) giảm hẳn sau một năm sống ở Úc

* Chơi nhiều bộ môn thể thao như quần vợt, banh đập tường, golf, bóng chuyền, vũ cầu ...và học võ Nhu Đạo, Hiệp Khí Đạo, Taekwondo

* Từ từ bỏ nhiều môn thể thao sau khi lập và bận rộn với gia đình, công việc và con cái.

* Cũng bị bệnh cảm nầy nọ và thường xuyên bị sổ mũi dị ứng (hay fever) nhất là vào sáng sớm.

* Chân mỗi mệt và tim đập mạnh sau mỗi lần cắt cỏ quanh nhà.

* Sức khỏe dưới trung bình nhưng không có bị bệnh gì nặng.

3-

Những Thay Đổi - từ 1997

* Đi học Taichi ở trường được ba tháng sau đó tôi “mê” luôn, để rồi tiếp tục tập thêm cho hết 85 thế từ video và sách của grandmaster

Fu Sheng Yuan (đời thứ năm của Dương Taichi).

* Những năm về sau tôi khảo cứu, học hỏi và thực tập thêm nhiều bộ môn khí công và dưỡng sinh.

* Giờ đây cắt cỏ không mệt so với khi trước.

* Sức khỏe có vẻ trội hơn xưa.

4-

Lời Kết Thúc

Đa số các bạn nhất là ai tuổi đã được hơn năm bó và có theo dõi thường xuyên mục sức khỏe trong báo chí, sách vở v.v...thì chắc đồng ý rằng muốn có được một sức khỏe khả quan thì chính cá nhân đó nên tập luyện một trong những bộ môn khí công hay dưỡng sinh nào đó.

Theo tôi ai muốn học môn Taichi thì nên tìm một trường để học với thầy rồi sau đó có thể luyện thêm ở nhà. Tôi biết có rất nhiều người học thuần thuộc Taichi nhưng một thời gian sau thì chán nản vì thấy chậm quá và hiệu quả cho sức đến chậm. Theo tôi Taichi là môn học khó nhất trong những bộ môn dưỡng sinh.

Những bộ môn khí công hay dưỡng sinh thì dễ hấp thụ hơn vì thường chỉ có vài động tác chính

thời, chỉ cần bạn chăm chú ghi nhớ thì trong vòng đôi ba tiếng có thể thuộc để luyện riêng. Một điều nên ghi nhớ là động tác càng lẹ bao nhiêu thì trái lại hơi thở sẽ ngắn đi và không thể nào đi sâu vào hai buồng phổi được. Mà hơi thở càng vào sâu thì càng có lợi cho sức khỏe và điểm này đã được chứng minh rất nhiều lần qua những cuộc khảo cứu y học và những tường trình trên sách báo.

Lý do tôi học nhiều bộ môn nhất là khí công là để đỡ bị chán khi tập một mình ở nhà riêng nhưng nếu bạn nào thích tập với đám đông ở công viên hay trong phòng tập thì không cần học nhiều môn.

Xin các bạn nhớ rằng

“một ngày ăn một trái táo bác sĩ sẽ chạy hết ráo” hay là

“một ngày ăn một quả chuối bác sĩ hết tiền bỏ túi” và câu sau này của tui

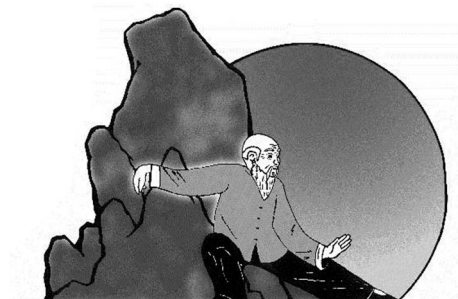
“ tập khí công mười phút mỗi ngày bác sĩ sẽ chạy dài dài”.

Lâm Thiện Hoa

April 2010

Sức Khỏe

& Hạnh Phúc



LÂM THIÊN HOA

một thời áo trắng



Trần Thu Hương

Thuở đó của tôi là khoảng năm 1968, con gái con trai còn học riêng. Lớp Đệ thất A2 gồm 56 đứa con gái. Tối giờ, nhắm mắt tôi vẫn đọc được vanh vách tên của cả lớp. Sở dĩ tôi nhớ họ tên, chữ lót của từng đứa vì tôi là trưởng lớp suốt mấy năm liền.

Sức học của tôi chỉ vào loại kha khá, tụi nó bầu cho tôi vì thứ nhất tôi hơi lớn con, ngồi bàn kế chót quanh năm, thứ đến tôi thuộc dạng đầu têu, hay trêu hay cười nên có tôi lớp được ngại, có chuyện để cười suốt. Ngồi cùng bàn với tôi mấy năm liền là Trần Ngọc Ánh, trưởng ban Xã hội Báo Chí, và Dương thị Hồng Thạch, lớp phó. Bàn trên có Lê Thị Thanh, trưởng ban văn nghệ. Bốn đứa tôi bị thầy Tâm vào năm lớp 7 đặt tên Tứ bà la sát vì hay cãi lý với thầy.

Trong lớp còn nhiều nhóm nhỏ khác, kết hợp do ngồi chung bàn hay nhà ở cùng xóm, cùng đi về mỗi ngày như nhóm 5 con mèo gồm Bạch Thủy, Kiển, Mỹ Dung, Thu Oanh, Thu Vân luôn đóng đồ ở bàn nhất. Trương Thị Diệu, Diệp thị Phấn và Huỳnh Kim Hoa cùng ở Lịch Hội Thượng. Nguyễn thị Hiền chung xóm với Lê thị Thanh Vân. Lý thị Kim Dung đi chung với Nguyễn thị Thắm và Trần thị Vân. Xóm nhà lá thứ thiệt toàn mấy chế bự con như Lý thị Chan Tha, Trần Thị Nhiên, Châu Mỹ Hoàng ...ngồi ngay sau lưng tôi. Trước mặt có Thu Hà, Diệp Mỹ Ngọc, Dương thị Mỹ. Còn dãy bên tay trái toàn người đẹp

Tăng thị Mai, Ánh Tuyết, Minh Nguyệt, Lê Thúy, Hoài Lan, Tuyết Hạnhnhiều lắm kể không hết. Năm đệ Thất không có gì đáng nói vì mọi người mới vào Trung học, chưa thân thích vì hầy còn bỡ ngỡ nhiều với các môn học mới mẻ, với chiếc áo dài vương vúi

những bước chân chưa biết e ấp, làm dáng. Tất cả đều để hết tâm trí vào những giờ toán với cô Vĩnh Trường dáng nhỏ nhắn, rất vui vẻ, chiều học trò hết cỡ, thường cô hay cho làm toán chạy nên chúng tôi hết sức hồi hộp căng thẳng để hầu chiếm điểm 20 cho những cuộc chạy thi này. Cô Vĩnh Trường thường cùng cô Hoàng Oanh quê ở Kế Sách dạy môn Việt văn mặc áo xoa màu hồng cam giống nhau đi dạy. Màu áo ngọt ngào làm cho bọn tôi ngẩn ngơ, thêm thuồng. Cô Tín phụ trách môn Anh văn, nét dung dị nhưng rất sang cả và khó tính nổi tiếng trong trường, học trò phần đông ngán cô nhưng đó là người tôi mê nhất mới lạ. Ngày đầu tiên vào lớp, cô đe rằng “Có biết bao trẻ không có cùng điều kiện tới trường lớp như các em mà phải lăn lóc ngoài đời tự kiếm cơm để nuôi thân hay nuôi gia đình. Cho nên nếu các em không ý thức được bốn phận của mình để cố công học tập thì đó là điều đáng tiếc và kẻ đó không xứng đáng được ngồi trong lớp này!”. Dù sao đi nữa, tôi rất thích giờ Anh văn của Cô và tôi rất say mê nhân dáng của Cô nên khi nghe tin Cô mất tôi đã bàng hoàng thương tiếc cho người tài hoa bạc mệnh.

Giữa năm học, chúng tôi có thêm bạn từ lớp A1 sát bên cạnh. Trần Thị Hai và tôi trở thành đôi bạn thân thiết, đi đâu cũng có nhau. Bọn tôi thường đội mưa, dang nắng đi lang thang. Nếu cần cột hai vạt áo dài lại với nhau để leo cây hay rượt bắt, lội sinh... chúng tôi chẳng từ. Thế nên năm lớp 6 kết thúc với ba chiếc áo dài đều rách ngang lưng vì đi đứng vụt chặc, vì bị đứa khác dẫm lên hay vì rượt bắt vui quá nên hơi mạnh tay?

Sang năm đệ Lục, thầy Trần Lộc dạy Toán, Thầy Dương văn Hiền dạy Anh văn, có Thầy người Mỹ tới dạy mấy lần, làm cho bọn tôi khiếp vía. Thầy Mỹ này vô lớp xí xồ xí xào, một mình nói một mình nghe. Tụi tôi mãi bận quan sát thầy đâu còn tâm trí (chưa nói tới khả năng) để hiểu thầy nói gì. Thầy gọi nhỏ Lê Kim Hoàng lên đứng trước lớp đọc bài. Hoàng cầm cuốn sách lên bảng, xoay mặt lại chưa kịp đọc chữ nào thì thầy lại đứng sát bên cạnh nó, con bé bối rối nhích ra xa, thầy cắc cớ đi theo. Hai ba lần lúống cuống hết qua trái rồi qua phải, con bé te tái đi về chỗ ngồi, khỏi đọc luôn. Bọn chúng tôi cười thì cứ cười nhưng cũng kinh hoàng sợ tới phiên mình có mà trời cứu.

Thầy Tâm đến mang theo một luồng kinh phong làm ảnh hưởng rất mạnh tới đời sống tinh thần chúng tôi vì phong cách dạy học khác thường. Chúng tôi không học theo chương trình giáo khoa như các lớp khác mà theo kiểu tùy hứng của thầy. Tôi còn nhớ chính tả của thầy thường là những bài văn xuôi thầy lượm lặt đâu đó mà cách hành văn rất mới mẻ, biểu hiện cuộc sống trước mắt ... chẳng hạn như câu chuyện về một công chức ngày hai buổi đi về còm còm, rồi một hôm phát hiện ra mình đau bao tử, rồi đau gan, rồi ồ í e... Nhóm chữ ồ í e từ đó lan truyền trong bọn tụi tôi thay cho động từ chết, mất, hay qua đời.

Mới mười hai, mười ba tuổi, bọn tôi đã thuộc lòng thơ Quang Dũng, Yên Thao, Huy Cận, Xuân Diệu, Hữu Loan...Thầy dạy luôn cả anh Bình của tôi, lớp đệ Tam thời bấy giờ với cùng phong cách nên mỗi lần Thầy quay bài roneo cho lớp anh tôi, còn dư lại thầy đem



phát cho bọn tôi để... rộng đường dư luận. Tôi còn nhớ thầy hay bút chiến với thầy Tòng, tác giả bài Bàn chân người con gái mà tụi tôi phải đọc trong giờ văn xuôi. Thầy Tòng khen Đồi mắt người Sơn Tây của Quang Dũng hay, thầy Tâm nói “để tôi vác dao đi tìm QD” Cách nói lơ lửng của thầy làm thầy Tòng bất bình nên viết nên một bài ai oán cho rằng vì lời khen của thầy mà QD có khi phải rơi vào tay...đồ tể. Thầy Tâm lại phải viết đáp lại một bài phản trần; đó chỉ là cách nói mớ xề để xem thi tài của QD mà thôi. Các thầy bút chiến với nhau thì tụi nhỏ chúng tôi có thêm nhiều giấy để hôm nào trời mưa không ra sân chơi được, chúng tôi rủ nhau xếp thuyền thả trôi trên những đường nước nhỏ chảy từ máng xối xuống đọng lại thành vũng trên lối đi. Thầy dạy chúng tôi cách viết chính tả bằng phương pháp truy nguyên. Lâu rồi nên tôi quên, chứ hồi đó tôi rành sáu câu vọng cổ. Cái gì mà dùng môi, răng, cửa, màng cửa để phân biệt “từ kép điệp âm đầu” với bằng bằng trắc trắc. Giờ chính

tả lúc nào tôi cũng lúng điểm 20. Môn văn của thầy tôi cứ về nhất. Thi đệ nhất bán niên, Thầy ra mẹo một câu “Thơ lục bát có dùng vần bằng không” và tuyên bố đưa nào trả lời đúng câu này là đưa đó thông minh. Câu hỏi dễ ợt. Cả lớp đều viết xuống “Có.” Riêng tôi trả lời “Chỉ dùng vần bằng” Ngày phát bài thầy nói lớp này chỉ có mình con Hương thông minh. Có thiệt hay không tôi đâu cần biết. Chỉ biết tôi khoái lắm trong bụng là đủ rồi.

Cuối năm tôi lại được thầy tặng cho cuốn Văn chương tranh đấu miền Nam của Nguyễn văn Sâm với lời đề trang trọng “Tặng Đệ nhất văn chương Trần Thu Hương”. Trời ạ, cuốn sách dày cỡ gang tay, với trình độ của đứa con gái nhỏ mới mười hai tuổi, tôi khuan về nhà mà ngơ ngẩn không biết phải làm gì với nó dù tôi rất tự hào mình thuộc loại một sách. Anh Bình tôi đoán già đoán non “chắc thầy nghèo không còn gì ngoài sách nên mày mới ngáp được cuốn này” Báo hại mấy ngày sau đó tôi cứ gia công đọc lấy đọc

để coi mấy ông nói cái gì có mà phòng hờ thầy hỏi tới thì hoạ may cũng biết trả lời cho đỡ mất mặt bầu cua. Hơn 35 năm sau gặp lại, thầy quên tôi tuốt luốt, nhưng khi tôi nhắc thầy có tặng tôi quyển sách đó thì thầy khựng lại “chắc là em phải giới thiệu tôi mới tặng em cuốn đó à nhe” Một lần nữa, tôi không thêm biết mình giỏi thật hay giỏi giả, tôi ngấm ngấm khoái chí, nhất là trước mặt nhỏ Ánh, bạn thân của tôi và là vợ của tác giả tai hại Nguyễn Văn Sâm này. Thầy Tâm không kiêu cách, không thích thừa gửi, khi trả bài cứ việc ngồi tại chỗ nói oang oang, thầy chả phiền hà gì. Tụi tôi còn nhỏ, bản tính hiếu động, ưa chuộng cái gì đi ngược lại với lẽ lối, qui cũ nên rất ưa là thích thú với phong cách phóng khoáng quái gở của thầy, thậm chí có đứa được trốn lại đầm quá đà nên có khi bị ăn hột vẹt muối cả khạp. Thầy làm bộ phạt vậy thôi, hôm sau lại xóa bỏ rồi thầy trò hếch hạc cười với nhau. Cũng vì cung cách hếch hạc, thầy bị rắc rối với ban Giám Hiệu, sau đó thầy đổi về Sài Gòn. Tôi học ở thầy kiểu phát âm các chữ “nên, hết” mà phần lớn người miền Nam không để ý nói cho đúng. Thầy chỉ dạy một năm nhưng ảnh hưởng tới cả cuộc đời chúng tôi trong khuynh hướng thưởng thức văn học, nghệ thuật. Có lần nhân ngày lễ, thầy dẫn đám con gái nhỏ đi chùa Dơi tham quan. Sau chuyến đi lý thú, thầy bày cho chúng tôi làm

báo giống như các anh chị lớp lớn để viết lên cảm nghĩ của những đứa con gái ngây ngô nhưng rất ưa là dễ thương. Thầy đặt tên tờ báo Hoa Học Trò, bọn tôi tưởng mình ngon lắm, gân cổ chê nghe sao cái lương quá, thầy nói còn đỡ hơn hoa mồm chó.

Thầy Tòng còn viết bài “Hắn” để mô tả thầy Tâm đi dạy quanh năm lẹp xẹp với đôi dép mòn mỏng dính có thể dùng để làm dao cạo cho bộ râu quai nón của một đồng nghiệp cùng trường. Người bị ám chỉ đó là thầy Điền Chi, dạy môn Vạn vật, nội cái tên cũng đủ mừng tượng ra nét mặt na ná người Nhật của thầy. Thầy chạy chiếc Suzuki đen xì, chắc hết tiền đồ xăng triền miên hay sao mà rất thường hay ngừng lại, nghiêng bình xăng lắc lắc, vỗ vỗ trước khi tiếp tục vô số rồ ga.

Lên đến năm lớp Tám (không còn gọi đệ ngũ như trước), chúng tôi học văn với thầy Tháo. Thầy nho nhã, giọng hơi khàn, rất nhiều khả năng thu hút người nghe, nhưng lại khốn khó, lao đao cho bọn tôi vì phải trở về lẽ lối cũ, phải học bài thuộc lòng, phải bình luận thơ văn đúng cách chứ

không được quyền phát biểu theo ý riêng của mình. Ngày đầu tiên thầy hỏi bài, con nhỏ bạn quên đứng lên nghiêm chỉnh trả lời. Thầy nhắc “Em đứng lên” làm cả lớp bật cười khan vì tưởng tượng nếu chính mình bị gọi. Phải mất một thời gian dài tụi tôi mới khép mình lại với kỷ luật học đường và khuôn khổ học hành thời đó.

Cũng năm này, lớp tôi được thầy Hoàng Việt Sơn phụ trách môn Anh văn. Thầy đã dạy chúng tôi thứ văn phạm chính thống của người Anh mà mãi về sau khi tôi lên Sài Gòn học chuyên sinh ngữ, những bài thi viết của tôi đều được chấm điểm cao do khả năng văn phạm của tôi khá vững vàng. Khi ấy tôi mới nhận thức được sự may mắn của mình và đó cũng niềm hãnh diện cho trường nói chung.

Thầy Thu dạy Vạn vật cao khảng khiêu, tay dài ngoằng, mặt khó đăm đăm trông rất ngầu, lúc vào lớp cũng đeo cặp kính đen. Nhưng thầy cưng tôi, tôi nói gì thầy cũng cười, cũng bỏ qua, còn con nhỏ bạn tôi thì bị phạt đuổi ra khỏi lớp. Nó cầu nhàu “chắc tại mày giống vợ Thầy” (Thầy góa vợ!!!)

Tôi cũng bắt đầu biết đến lớp 8A3, bọn con trai cạnh lớp tôi. Mọi chuyện bắt đầu từ mấy cây chổi. Thời đó học sinh phải chia thành từng toán để thay phiên mỗi ngày quét lớp, lau bảng, giữ vệ sinh sạch sẽ trong lớp. Quay đi ngoảnh lại là mất toi mấy cây chổi, chúng tôi tức chết được nên để ý rình xem ai ăn cắp mất chổi của lớp. Thì ra thủ phạm chính là mấy



anh chàng láng giềng, mấy chàng đi học sớm để thum chối cửa lớp tôi. Bọn tôi chẳng vừa gì, cất cử vài đứa ở lại sau khi tan học để cướp lại chối mình và đem giấu trong lớp A1. Ha ha, ngày hôm sau vào lớp một bài thơ viết trên bảng đen to tổ bố mà tôi còn nhớ rất rõ.

Đã mang tiếng những thư hùng

Dùng nên ăn cắp chối thùng làm chi

*Để cho lớp 8 khinh khi
Thanh danh của lớp còn gì ...bạn ơi!!!*

Ôi, đúng là vừa ăn cướp vừa la làng, tụi tôi cười gằn chết vì bài thơ bất hủ đó. Nhưng cũng nhờ những xô xát nhẹ nhàng ấy mà chúng tôi lần lần kết giao, trở nên bạn thiết hời nào không hay và giữa hai lớp cũng có những mối tình vang vọng một thời. Ở đó tình cảm của đứa con gái mới lớn đã rung động vì ánh mắt si dại của một anh chàng hiền lành nhưng nổi tiếng bụi để rồi thành một dấu ấn đậm trong tôi cho đến hôm nay.

Sang năm lớp 9, chúng tôi đã lớn, chuyển sang học buổi sáng. Áo dài bây giờ không còn là nỗi khổ mỗi khi đến trường. Chúng tôi để ý chọn hàng tơ lụa bóng loáng chứ không chuộng vải ka tê. Sau này có đứa thú nhận với tôi “Hồi đó thấy TH mặc áo dài tơ, K phải chơi hụi để dành tiền mua vì



má không sấm cho”. Dãy lớp 9 của chúng tôi nằm cách Miếu Bà Hỏa cái ao đầy bông lục bình tím và bèo xanh. Trường mở lối đi tráng xi măng nhỏ dẫn thẳng từ cổng vào.

Sau tiếng chuông vào học, vô phúc cho đứa nào đi trễ, bước chân sẽ trở nên cứng ngắc, lọng cọng vì tất cả học sinh đứng xếp hàng đông nghẹt trước cửa lớp thường “địa” vào mục tiêu này. Tôi đã là một nạn nhân trong số ấy. Lần đó, sau khi vào lớp tôi mới nhớ ra mình chưa mang sổ điểm danh cho giáo sư nên vội vàng phóng lên văn phòng. Vừa bước ra khỏi lớp, tôi hết hồn khi thấy lớp 9A4, vẫn còn nhốn nháo ngoài hành lang chờ giáo sư. Không lẽ lộn trở lại tay không, tôi bậm gan bước ngang đám con trai, đứa huýt sáo, đứa hò hét, phần đông hè nhau kêu tên tôi “Trần Thu Hương ... 1,2,3,4...” To tiếng nhất là Võ thanh Phương, con thầy Thiên. Ngoài mặt tôi giả vờ tỉnh

tuồng chứ thật ra trông đánh thùng thùng trong bụng. Nói đại nếu lỡ vấp té một cái chắc tôi bỏ học đi ở đợ luôn chứ nhất quyết không trở lại trường. Tôi ráng lết đến văn phòng, thầy Trần Lộc đang đứng chống nạnh hỏi “Tụi nó chọc em phải không?” Tôi chưa kịp hoàn hồn thì thầy phăng phăng bước về hướng tụi nó và ...bắt cả lớp quì gối với tụi chọc gãi. Tôi kể lại chuyện này vì hôm rồi tôi về VN, trong buổi họp mặt, Trần Minh Đức có nhắc lại “mối hận lòng” với nụ cười hiền hòa, thân thiện.

Chúng tôi học Sử Địa với thầy Liêu Khên, thầy hay đệm tiếng “nghĩa là”. Cả lớp kháo nhau thủ sẵn tờ giấy và cây bút chì, thi nhau gạch và đếm xem hết một giờ học thầy sử dụng bao nhiêu nghĩa là. Thầy hiền lắm nhưng có lần cũng phát cáu vì tụi học trò ranh mãnh truyền nhau đề thi gian lận. Hồi đó tôi chỉ thấy thầy giận dữ nhưng bây giờ nhớ lại

tôi biết thầy thất vọng và buồn. Mong rằng thầy tha thứ cho tuổi nhỏ khờ dại của chúng tôi. Thầy Trần Kiều Sanh dạy Anh văn, lúc nào thầy cũng chải chuốt và có nét hao giống như tài tử Khương Đại Vệ của màn ảnh Trung Hoa thời bấy giờ. Thầy dễ dãi với học trò nên giờ học lúc nào cũng vui nhộn, thoải mái.

Ở lớp 9, thầy Phan Quang An là giáo sư quốc văn của bọn tôi, thầy rất hiền, giảng bài giọng đều đều. Chúng tôi bắt đầu học thuộc lòng Kê Sĩ của Nguyễn Công Trứ, rồi tập tành làm mưỡu, làm thơ đường luật noi gương yêu nước của tiền nhân. Anh và tôi sau mấy lần bình thơ lại bắt đầu giở quẻ ăn đàng sóng nói đàng gió “đêm khuya khi mọi người chống cằm ngáy pho pho, chỉ có mình ngài NCT thao thức nghe tiếng quốc kêu não nề não nuốt...” Thầy đọc bài bình giảng của bọn tôi, cố giấu nụ cười vì những lời tán hươu tán vượn

có tính cách trào phúng mà bọn tôi cố tình lộng giả thành chân. Thỉnh thoảng Thầy cho tụi tôi làm thuyết trình với đề tài tự chọn. Về điểm này thầy chắc hài lòng vì khi tụi tôi lên trước lớp nói chuyện cũng trông cũng chỉnh tề lắm, chứ không nghịch ngợm như thường lệ.

Tôi suýt quên bằng thầy Thừa, chúng tôi kêu lên thầy Dư thiếu Thừa, thầy hiền như Phật, nhưng ông Phật này ốm nhom. Thầy dạy Lý hóa và là vua meo của bình phương, của những bài toán rất kỳ thú. Tới bài ròng rọc, chúng tôi lại tinh nghịch “ròng rọc còn có tên rõ rẻ, kéo nghe rột rột.” Mặc chúng tôi quậy, thầy lúc nào cũng điềm tĩnh giảng dạy tận tình. Sau mỗi một bài toán khó thầy thường khoan khoái búng viên phấn cái vèo làm mấy em ngồi bàn đầu giật mình, né. Có lần tôi thấp tùng nhóm anh Mã thành Long tới thăm chúc vui Thầy ngày Noel, lúc bấy giờ thầy đang ở trọ căn nhà sau lưng trường Hoàng Diệu, đường vô vườn ông Ba Khâm, thầy hơi thắc mắc tại sao các em đạo Phật lại ăn mừng Thiên chúa giáng sinh. Và tôi chắc rằng đa số chúng ta vẫn nhớ rõ về thầy, khi thầy kinh ngạc, thầy giương mắt tròn xoe, nhìn trần trối, không nói nên lời, trong lúc chúng

tôi ra sức thuyết phục tại, vì, bị...

Hè năm lớp 9, chúng tôi khám phá con đường Giao Hạ nhờ mấy lần đi tập diễn hành gần dinh Tỉnh trưởng. Khúc đường rất ngắn, chạy từ hông dinh ra đường Trần Hưng Đạo, rợp bóng hai hàng phượng lá xanh, hoa đỏ đan vào nhau. Bóng mát thu hút bọn tôi tha thẩn nhặt cánh phượng rơi cứ y như trong thơ nhạc. Lúc đầu vì con đường này là nơi cư ngụ của các ông lớn trong tỉnh nên mấy chú gác cổng xua “Các cháu đi chỗ khác chơi.” Mấy con khỉ cứ phải lỳ mặt, nhe răng cười duyên mãi các chú mới làm lơ cho bọn tôi lê la, vất vẻo dưới mấy gốc phượng già giữa trưa nắng chang chang hay đập xe loanh quanh mà mắt thì cứ ngược nhìn lên cảnh phượng trên cao như thể với tay thì sẽ hái được mấy vản thơ vương vãi trên ấy. Bây giờ con đường vẫn im nằm đó, hôm tôi về cũng vài lượt đi qua để nghe lòng lâng lâng, ngậm ngùi nhớ lại quãng đời thơ ấu tuyệt vời nhất của tôi, và cũng để nhớ lại mấy câu thơ rất lãng mạn mà anh chàng nào đó đã viết tặng cho đứa bạn tôi khi nghe tả về con đường này.

*Em có về qua con đường
Giao Hạ*

*Ngắt dùm anh vài cánh
lá phượng xanh*

Viết yêu thương trải đầy

thơ Đỗ thị Minh Giang

Khúc Hạ Buồn

*Tan học anh về chung lối đi
Lặng nhìn chẳng dám nói điều chi
Chân bước ngập ngừng tim nín thở
Sợ ai biết được niềm tư duy.*

*Mộng mơ đêm viết tờ thư nhỏ
Lén gửi trao người anh mến thương
Lớp học kẻ nhau thêm vấn vương
Thì thắm ao ước đời chung lối.*

*Cuối hạ nắng buồn xuyên kẽ lá
Ve sầu ca mãi khúc chia ly
Góc trường mình bện giữa mùa thi
Ánh mắt trao nhau sâu già biệt.*

*Đâu ngờ phút cuối mình bên nhau
Xa tầm tay với phận lao đao
Ký ức bần sâu bao kỷ niệm
Một thời áo trắng hồn xôn xao.*

*Hơn nửa đời người hạnh ngộ nhau
Bốn mươi năm ngỡ mới ngày nào
Nắng Cali sao nghe lạnh lạnh
Ngon sóng lòng dâng thoảng nghẹn ngào.*

08-09 08-09



bài học

Pháp văn

Trịnh Kim Long



Tôi là một học sinh trung bình trong lớp, tôi thích ở vị trí này vì nó tạo cho tôi cảm giác an nhàn và bình yên trong cuộc sống, nhưng khổ nỗi những môn học về văn thì tôi lại là một trong những đứa ở cuối sổ.

Khoa học tây phương nghiên cứu sự hình thành bộ óc của con người thì bộ óc được chia ra nhiều khu vực khác nhau như khoa học kỹ thuật, chính trị, âm nhạc, ngôn ngữ... nếu trong khu vực nào phát triển mạnh thì người đó sẽ tài giỏi hơn người. Do đó tôi nghĩ khu vực về ngôn ngữ của mình bị chai cứng cho dù có thầy giỏi. Đồng thời tôi có cố học cách mấy cũng chẳng tiến bộ đến đâu. Tôi nhớ lại khi lên lớp Đệ Lục B niên khóa 1962-1963, phòng học nằm trong dãy ngang, cạnh dãy của chữ U căn thứ nhì đếm từ quán nước đá. Thầy Trần Phương dạy toán cũng là giáo sư hướng dẫn của lớp. Thầy thấy tôi ham chơi nên đề nghị tôi làm trưởng ban kỷ luật. Một hôm, tới giờ chơi bọn tôi ba đứa Ong

Vĩnh Hoàng, Lê Minh Liệt và tôi, chơi bắn cu li... nửa chừng chuông reo vào học mà bàn chơi đang dang dở, chúng tôi cố chơi cho hết bàn thì các bạn đã vào lớp, cả ba cùng hè nhau chạy... vì quá gấp rút tôi trượt chân té ngoài hành lang đầu va vào tay nắm cửa tường chừng bể sọ, đứng dậy ôm đầu đau vào lớp, về tới nhà sợ bị đòn nên dấu luôn ba má, vài ngày sau cái đầu móp y như quả nẩy hột xoài và chứng tích đau thương này vẫn còn hằn trên đầu tới ngày hôm nay, có lẽ vì thế mà khả năng ngôn ngữ của tôi bị hạn chế? Hay thật sự chỉ là biện minh để che dấu cái ngu dốt của mình?

Khi vào lớp Đệ Thất, môn Hán văn do thầy Tô Quốc giảng dạy, chúng tôi thường chọc nhau cố học đi để sau này về già mang bút lông ra chợ vào dịp Tết viết vài ba câu đối để có tiền dưỡng già. Mỗi tuần một giờ thầy giảng mười chữ Hán, vị chi được gần ba trăm chữ đến cuối năm, thế mà ngày hôm nay tôi chỉ còn nhớ được ba chữ nhất, nhị, tam. Nhất một gạch, nhị hai gạch, tam ba gạch, còn các chữ đơn giản khác khi cần tôi phải lật lịch Tam Tông Miếu....

Tôi học Pháp văn xuyên suốt bảy năm ở trường Hoàng Diệu do các giáo sư có chữ Tây đầy người. Thầy Lâm Biêu cần mẫn trong việc giảng dạy nhưng mỗi lần Thầy không vừa ý chuyện gì là Thầy cứ đi từ đầu lớp đến cuối lớp... quơ cái cặp da trên tay lên đầu lũ học trò, trúng ai nấy chịu! Sự việc này đã làm cho Trịnh thị Lan phải bỏ học. Đến lớp Đệ Lục và Đệ Ngũ, Thầy Phạm Thế Trúc với quần áo sang trọng, đẹp trai, con nhà Tây học... Thầy dạy được vài tháng thì trở về Đà Lạt, hình như để lo việc ứng cử Dân biểu. Cô Thanh Nguyên thương học trò, Cô Dung hiền lành dạy lớp kế tiếp. Các năm Đệ Tứ, Đệ Tam, Đệ Nhị và Đệ Nhất thì môn này do Thầy Trần Phạm Hiếu giảng dạy... với điều thuốc luôn luôn trên môi, tánh tình trầm tĩnh nhưng gần gũi, đúng là nhà triết học phương Tây. Được thụ huấn với những Thầy có khả năng và lương tâm chức nghiệp như thế mà ngày hôm nay tôi chỉ nhớ mang máng vài ba chữ Pháp, lỗi tại tôi... lỗi tại tôi....Thỉnh thoảng bạn bè gửi qua e-mail cho tôi những bản nhạc, lời hay ý đẹp... bằng tiếng Pháp, tôi phải lần mò cả ngày mới hiểu được! Vào năm 2005, tôi đến thăm Thành Phố Quebec - Canada và được biết người dân nơi đây nói tiếng Pháp nhiều hơn tiếng Anh. Người hướng dẫn giới thiệu khu phố bán đồ lưu niệm, muốn đến các cửa hàng này phải đi qua con hẻm nhỏ chuyên bán tranh vẽ những thắng cảnh của thành phố, tôi dừng lại mua hai bức tranh, người bán đóng hộp cẩn

thận... tôi liền nói “merci beaucoup”, ông ta nhìn tôi mỉm cười thân thiện đồng thời bót lại cho tôi năm đồng. Cầm năm đồng trong tay không hiểu mình mua lăm hay vì mình nói tiếng Pháp, thôi thì đành nào cũng có lời rồi. Nếu tôi nhớ hết những chữ mà thầy cô của trường Hoàng Diệu truyền đạt và nhân lên cho năm thì có thể tôi có đủ tiền để du lịch vòng quanh thế giới. Nghĩ lại đã muộn, lỗi tại tôi...

Sinh ngữ một đã dở như thế thì sinh ngữ hai “Anh văn” lại còn tệ hơn nhiều. Năm Đệ Tam được chúng tôi coi là năm để dưỡng sức. Riêng Anh văn lại là môn học mới nên thiếu giáo sư, thời khóa biểu ghi từ 3 giờ đến 5 giờ chiều, đó cũng là thời gian lý tưởng để chúng tôi “cúp cua” đi xem chiếu bóng. Chúng tôi ngụy biện cho việc trốn học của mình “Đi xem xi nê cũng học Anh văn vậy, có khi còn thực tiễn hơn vì vừa nghe Mỹ nói cộng thêm phụ đề nữa thì còn cách học nào bằng”. Thực ra, vào rạp rồi mới thấy mấy tên cao bồi Mỹ cỡi ngựa, bắn phá lung tung xem không kịp thì còn thời giờ đâu mà nghe với đọc... tôi đã phải trả một giá đắt cho sự trốn học này... Khi lên Đệ Nhị gặp Thầy Nguyễn Minh Định dạy Anh văn thì hơi ôi, Thầy giảng bài mà tôi nghe như vịt nghe sấm. Nhưng rất may cho cả lớp, vì những câu hỏi của Thầy đều được Sử Xuân Vĩnh Lộc trả lời trọn vẹn. Chỉ khổ cho tôi, vì tôi ngồi trước SXVL cho nên Thầy Định trở Lộc xí xô xí xào liên tục còn tôi cúi đầu nín thinh làm trái độn cho hai người. SXVL cảm thông sự “lạc lõng” của tôi nên thường tìm đến tôi chuyện trò nhiều hơn... nào là việc học, tương lai, cách trồng và thưởng thức hoa quỳnh hương nở về đêm...SXVL là người học trò rất thông minh và siêng năng, cho nên cuối năm Đệ Nhất anh nhận được phần thưởng “Học Sinh Xuất Sắc” toàn tỉnh Ba Xuyên do Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu trao tặng, tôi thực sự vui mừng cho anh, hy vọng sau này anh đem sự hiểu biết của mình ra phục vụ tỉnh nhà...

Năm sau chúng tôi học Anh văn với thầy Cao văn Bảy, mỗi khi sắp hàng ở hành lang chờ lệnh Thầy cho phép vào lớp, chúng tôi thường đọc lên “Ta về trồng bảy cây cao, nhớ Cao văn Bảy bỏ vào thùng thăm”, rồi cả đám cười vang, vì lúc đó Thầy CVB ra ứng cử Nghị Viên Dân Biểu của Tỉnh Ba Xuyên. Anh văn của Thầy thì không chèn vào đâu được, mỗi lần có phái đoàn ngoại quốc vào thăm trường đều được Thầy ra tiếp đón. Nhưng tôi chẳng học được bao nhiêu vì đã mất căn bản từ những lớp dưới... Học trò rất thương Thầy cho nên khi Thầy qua Mỹ theo diện H.O. tại Cali, nhiều đứa học trò cũ đến thăm thầy trong đó

có gia đình tôi và chúng tôi hân hạnh được thầy mời dự đám cưới con trai của Thầy. Giờ thì gia đình thầy đổi về Atlanta, thỉnh thoảng thầy và tôi chúc Tết và thăm hỏi lẫn nhau qua điện thoại. Tôi quá dốt Anh văn nên khi định cư Mỹ phải trở vào trường học vài tháng ESL để sau đó lao vào thị trường lao động để kiếm cơm. Lâu năm lên lão làng...cho nên tôi có được vài chục nhân viên dưới quyền, với chức vị đó nên mỗi ngày phải vào báo cáo xếp nhỏ, hàng tuần họp với xếp lớn. Hành trang về Anh văn đâu có bao nhiêu mà phải trình bày trước khoảng mười tên Mỹ to lớn, mắt xanh, mũi lõ, không biết họ có hiểu tôi nói gì không mà ai cũng gật đầu lia lịa... miệng thì ok, ok, good, good... Tôi cũng chẳng bận tâm việc này lắm, bài học 1975 vẫn còn đó. Đối với người Mỹ khi nào làm được việc cho họ thì lúc nào cũng ok, ok, good, good...tôi khi không cần mình nữa thì chẳng còn tình cảm hay thương tiếc! Bài học 1975 tôi nhớ hoài đến chết, mong các bạn cũng hiểu như vậy...

Hán văn, Pháp văn, Anh văn dở như thế thì Việt văn của tôi còn tệ hơn rất nhiều. Năm đầu tiên vào Hoàng Diệu tôi được học Việt văn với Thầy Lê Vĩnh Tráng, Thầy dạy có hai cách nhập đề, một là trực khởi, hai là lung khởi. Tôi thích cách thứ hai vì nó có thể kéo dài bài luận, nhưng vì không có nhiều ý tưởng nên cuối cùng phải dùng cách thứ nhất. Hầu hết những bài luận văn của tôi làm đều bị phê là thiếu ý tưởng, sai văn phạm, nhiều lỗi chính tả. Để cho bài luận dài ra tôi thường viết chữ thật lớn, mỗi chữ cách nhau một phân và chừa chỗ phê bình của giáo sư gần phân nửa theo chiều dọc. Dầu cho làm cách nào đi nữa thì chữ cuối cùng của câu kết không khi nào qua được trang thứ ba. Đệ Lục được thầy Từ văn Bé, Đệ Ngũ được thầy Lê Kim Tiết Tháo hướng dẫn Việt văn. Thời gian này tôi được dạy về Lục Vân Tiên, Bích Câu Kỳ Ngộ cùng với thơ đường, thất ngôn bát cú, song thất lục bát...nhưng mà tôi chẳng làm được bài thơ nào ra hồn hay nhớ trọn các bài mà mình đã học. Đến sau 1975, tôi vào ở tù mới nhớ được bài “Hồ nhớ rừng”, và giờ đây thì nhớ được bài “Qua đèo Ngang” của bà Huyện Thanh Quan, trong đó có câu “Nhớ nước đau lòng con quốc quốc”.

Đến năm Đệ Tứ, lớp Việt văn là điều tôi muốn nói. Khi hay tin có giáo sư tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn về dạy Việt văn cho lớp Đệ Tứ của chúng tôi, lòng tôi mừng khắp khởi, hy vọng có luồng gió mới thổi tới. Sau lời giới thiệu của thầy Giám Học Nguyễn Trí Lục được biết Thầy dạy Việt văn là Võ Tấn Phước, dáng Thầy trông lịch sự, quần áo trắng

nếp, ăn nói từ tốn đúng là con nhà giàu học giỏi, đẹp trai. Thầy thu phục cảm tình học trò ngay từ phút đầu... nhưng sau vài tuần, tôi không còn cảm tình với Thầy nữa bởi vì Thầy bắt làm bài luận liên tục, cứ cách một tuần là phải nộp bài mới. Đây là cách hành hạ thể xác lẫn tinh thần tôi vì mỗi lần Thầy ra đề tài làm luận thì tôi phải trăn trở suốt đêm, bận rộn trong đầu suốt ngày. Không biết viết gì để nộp bài cho Thầy đây.

Tôi có đọc được chuyện vui cười như thế này. Thầy ra đề tài luận “Hãy tả một gia đình nghèo”, có một trò viết:

Gia đình em nghèo,
Cha em nghèo,
Mẹ em nghèo,
Anh chị em cũng nghèo,
Người giúp việc nghèo (?)
Con chó của em nghèo (?)
Chiếc xe em cũng nghèo (?)
Tóm lại cả gia đình em đều nghèo.

Tôi thích bài luận văn này vì âm điệu tiết tấu sao mà giống những bài luận văn của tôi. Tôi không nhớ học năm nào có một bài luận “Hãy bình giảng câu sau đây: Gắn mực thì đen, gần đèn thì sáng.” Tôi đã viết như sau:

Nhập Đề: Chúng ta hãy bình giảng câu “Gắn mực thì đen, gần đèn thì sáng”.

Thân bài: Mực thì đen hay xanh, nếu ta ở gần mực thì có ngày sẽ bị dơ, mực dính tay hay dính quần áo thì sẽ lấm đen. Khi tối ta đốt đèn lên thì sẽ sáng.

Bình luận: Mực là dụng cụ học sinh dùng để đi học, nếu không có mực thì làm sao đi học. Đèn thì sáng nhưng gần đèn sẽ bị nóng hay đụng vào sẽ bị phỏng cho dù đèn điện hay đèn dầu.

Kết luận: Như vậy nên gần mực hay gần đèn.

Bài luận này tôi được cho 2 điểm vì có công viết. Sau này tôi còn biết thêm thành phố Las Vegas là thành phố cờ bạc và nhiều đèn nhử thế giới, như vậy chúng ta có nên gần đèn ở những nơi như thế không???

Mỗi lần Thầy Phước phát bài luận văn lại cho học trò. Thầy hay đọc bài mẫu những bài mà Thầy cho điểm cao. Thường thì bài của chị Lê thị Dung, Nguyễn thị Phụng, Lâm thị Lệ, Trần Kiến Võ,... được đọc lên cho cả lớp làm bài mẫu, những anh chị này được Thầy Phước yêu mến hơn cả. Sau đó Thầy đọc tên từng đứa để nhận bài, thường thì thầy sắp theo thứ tự điểm, đứa nào điểm cao được phát trước. Cứ

mỗi lần như vậy tôi phải chờ dài cổ ra, có khi mỗi cả cổ vì tôi ngồi bàn đầu mà Thầy lại đứng giữa lớp... thế là cứ trông hoài mà chẳng thấy kêu tên. Nhưng rồi cũng được gọi tên mình và mừng vì trên tay thầy còn một bài nữa đó là bài của Châu Xung.

Sau những giờ Việt văn như thế Châu Xung và tôi hay tìm nhau nói chuyện... có lẽ đồng hội đồng thuyền hay cùng chung hoàn cảnh dễ thông cảm nhau hơn. Năm 1974 Vũ Thành An có sáng tác bản nhạc “Đời đá vàng” và mới phát hành cách đây mấy năm trong đó có những lời mang tâm trạng của hai chúng tôi lúc bây giờ.

Một buổi chiều tôi đứng trước nhà nhìn trời hiu quạnh thì gặp Lâm thị Lệ đi ngang, Lệ là người láng giềng cũng là bạn học cùng lớp. Lệ đứng lại hỏi:

- Long làm bài luận của Thầy Phước chưa?

Tôi đáp nhẹ re:

- Chưa, Lệ à.

- Ngày mai nộp rồi đó.

- Lát nữa sẽ làm.

Lệ hiểu tôi nên nói:

- Thôi đừng làm... Lệ cho mượn, ngày mai Lệ nghỉ học nên không nộp bài, cứ chép đi không ai biết đâu.

Tôi còn tự ái nhưng vẫn mừng vì không phải ngồi cầm viết suốt đêm mà chẳng ra cái ôn chi cả và đành nhận bài của Lệ rồi chép lại để nộp cho Thầy Phước.

Một tuần sau, tới giờ thầy trả lại bài thì tên tôi được phát trước nhất. Thầy Phước nhìn tôi bằng cặp mắt ngạc nhiên và ngờ vực, rồi Thầy phát bài tiếp. Sau khi xong Thầy quay trở lại chỗ ngồi của tôi, Thầy định hỏi điều gì nhưng vì không còn đủ giờ giảng bài, nên Thầy bỏ qua. Thật là hú vía! Tuy nhiên, tôi cũng “mắc cỡ mình ên” vì sự gian lận nầy.

Sau giờ tan học, tôi về nhà trăn trở suốt đêm... lòng tự trọng, tự ái nổi lên... như thế này thì không thể chấp nhận được... Từ đó, tôi quyết chí nâng cao trình độ Việt văn của mình. Mỗi ngày sau khi đi học về, tôi chạy đến phòng đọc sách ngang Ty Kiến Thiết, ngồi đọc suốt buổi chiều... từ tạp chí, báo chí tôi đều dành đọc hết. Từ trang đầu tiên tin chiến sự, bình luận, xe cán chó, cho đến dụng cụ, đến trang hai, trang ba mực gỗ rớt tơ lòng của bà Tùng Long cho tới Z28, chú Tư Cầu, sang trang cáo phó, chúc mừng, quảng cáo cao đơn hoàn tán.....Tóm lại, đọc đi đọc lại không thiếu chữ nào. Từ từ tôi cũng được lên hạng thay vì hạng 46/47, nay được 45 vì thằng Trần Trung Tiên bỏ học để đi Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn.

Hôm nay những dòng chữ nầy đến được các bạn

là nhờ thầy Võ Tấn Phước, Lâm thị Lệ và Châu Xung.

Thầy Phước tận tâm dạy dỗ cách làm luận, cách đặt câu... học trò của Thầy ngày một tiến bộ thêm. Nhờ cái nhìn ngò vức của Thầy đánh động lòng tự trọng của em mà cố gắng học hỏi. Nhờ thầy không có thời giờ đặt câu hỏi tại sao tự nhiên em có thể viết bài luận hay mà em tránh được câu trả lời dối trá hay nếu nói ra sự thật thì chắc em phải bỏ học luôn. ..Thầy Phước đến thăm gia đình tôi tại Cali, khi Thầy làm một chuyến Mỹ du năm 2004. Hiện giờ thầy ở Montreal, Canada an hưởng tuổi già bằng những chuyến du lịch khắp thế giới. Em mang ơn Thầy rất nhiều.

Bên cạnh thầy Phước, Lâm thị Lệ hướng dẫn cho tôi cách đặt câu văn và khuyến khích tôi đọc những quyển sách hay để tôi có nhiều ý tưởng phong phú hơn, có biết đâu tôi là thí điểm đầu tiên để cô giáo Lệ có thêm kinh nghiệm để làm hành trang trở thành cô giáo Việt văn giỏi sau này. Lệ hiện định cư ở Brisbane nước Úc. Gia đình tôi và Lệ liên lạc e-mail hàng ngày, thỉnh thoảng gọi nhau thăm hỏi để tưởng chừng như hai gia đình gần nhau như ngày nào. Cám ơn Lệ mọi việc, hy vọng sẽ có ngày gặp lại nhau.

Khi còn học Trung Học, Châu Xung là chỗ dựa tinh thần của tôi vì anh đã hy sinh đứng hạng sau tôi trong những giờ Việt văn, gương can đảm tiếp tục đi học của anh làm tôi noi theo và khi ở Đại Học anh đã giúp tôi hoàn tất chương trình Cao Học. Sau khi đậu Tú Tài hai, tôi lên Sài gòn tiếp tục học, còn anh thì học tại Cần Thơ. Hai đứa không gặp nhau cho đến khi tôi được chuyển từ chiến trường về gần Sài Gòn sau một năm tác chiến. Nhờ có văn bằng Tốt Nghiệp Đại Học, tôi có cơ hội đi học tiếp bậc Cao Học, thời gian này tôi gặp lại Châu Xung đang theo học 2 năm Cao Học tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh niên khóa 72-74, khi ra trường anh

phục vụ tại Bộ Xã Hội Sài Gòn. Tôi thường đến nhà anh chơi, anh cho tôi xem Nguyệt San Cấp Tiến mà anh góp mặt cùng các Giáo Sư nổi tiếng thời bấy giờ. Những bài viết của anh súc tích, sắc bén khi bàn về chính trị, kinh tế, xã hội...Tôi hỏi anh làm thế nào mà từ một học sinh đứng chót của một tỉnh lẻ về viết văn mà nay lại sánh vai với những cây viết có tầm vóc quốc gia như thế. Anh chỉ khiêm nhường mỉm cười. Lúc đó tôi cũng đang theo học bậc Cao Học, vì không có giờ để vào thư viện tìm kiếm các tài liệu cho nên cứ vài ba tuần tôi đến nhà anh đưa đề tài của Giáo Sư rồi cùng anh thảo luận và nhờ anh vào thư viện tìm tài liệu... rồi sau đó tôi viết bài để nộp cho Giáo Sư phụ trách từng môn. Anh đã đi sát bên tôi trong suốt 16 tháng trong việc cung cấp sách vở và tài liệu để tôi làm bài. Tôi còn nhớ bài luận văn cuối cùng trong đời đi học của tôi là ngày 30 tháng



Hình: HD Lâm thị Lệ (HD 61-68)

3 năm 1975, cũng là ngày Châu Xung từ giã tôi để ra miền Trung lập phái đoàn cứu trợ nạn nhân chiến cuộc. Nghe đâu anh còn là ứng cử viên sáng giá để trở thành Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Ba Xuyên sau này, nếu kế hoạch được thực hiện....Nhưng từ ngày đó tôi không gặp lại anh, tôi đã tìm kiếm anh suốt 35 năm. Bây giờ bạn ở đâu hãy lên tiếng đi, tôi vẫn thường cầu nguyện cho anh... mong rằng anh vẫn còn sống một nơi nào đó trên thế giới để chúng ta còn có dịp ôn lại những bài luận của TRƯỜNG TRUNG HỌC HOÀNG DIỆU, BA XUYỀN.

Cali, những ngày cuối Xuân 2010.

Trịnh Kim Long (HD 61-68)

một bông hoa rừng

Bài tựa như vậy có đúng không hay là nên đặt lại là ‘Một Bông Hoa RUỘNG’ vì ở tỉnh Sóc Trăng đâu có rừng!!! Mà không chừng đề tựa như vậy các bạn chơi ác độc là “một bông hoa rụng hay rụng” thì trật lất đó.

Thưa các bạn, ngay cả cái tên của tôi cũng còn không đúng nữa nên đời lúc nào cũng lộn xộn. Ba tôi đến chỗ khai sanh khai tên là Lâm Thiện Quang, dzậy mà người khai bộ chắc chỉ nghe xong tiếng QUA là viết tên HOA luôn. Tên đã không đúng rồi mà ngày sanh dường như cũng tuốt lốt luôn. Giấy khai sanh để là 4 tháng 10 năm 1948 nhưng má tôi luôn nói là ngày 3 tây. Vì lộn xộn tên và ngày tháng năm sinh nên đời tôi cái gì cũng lung tung hết và từ từ các bạn sẽ thấy là đúng.

Năm nay đáng lẽ phải cố gắng qua Mỹ dự Đại Hội Hoàng Diệu ở Cali để gặp lại thầy cô cùng bạn bè cũ nhưng rồi cũng không được nên hẹn nữa và tôi mượn quyển đặc san này để kể lại những kinh nghiệm xưa cho vui.

1- Thuở trẻ sanh ra và lớn lên ở Kinh Rẫy, một làng ven sông cách quốc lộ số 4 một cây số, Sóc Trăng 32 cây số và Phú Lộc 2 cây số. Đi học lớp năm ở Phú Lộc bằng đường tắt băng qua sinh lầy đồng ruộng và nhất là cái cầu Phú Lộc với mấy miếng ván trên cầu cách nhau khá rộng,

làm mỗi khi nhìn xuống sông là sợ lợt hết sức. Cũng may mắn là học ở Phú Lộc chưa được bao lâu thì phải cuốn gói vào Ngã Năm theo ba tôi và đã học hết trường mẫu giáo tại đây.

Những ánh lân tinh lấp lánh ngoài đồng ruộng ở Rẫy, ánh đèn mần xông eo ọt, cây cầu vệ sinh sau nhà ở đồng trống sao mà nó xa quá, một lần lựt quá lớn nước lên đến thành giường, nhà vách lá mái tôn nền đất, một gia đình ba bốn mạng ngủ chung một giường, những tiếng phen và la hoảng “cáp dzuôn” hay “cướp, cướp” là những kỷ niệm nhớ đời. Những lần chặn sông bắt cá, tắm hồ ao, đi cày với ông cậu và ăn cơm với thịt tép rang nước mắm để nhớ mãi hương vị sao mà ngon ời là ngon.

Năm ông Ngoại mất trước 1960 được ngồi trên xe mộ trên đường ra nghĩa địa ở rẫy. Cũng không nhớ nhiều về ông, chỉ biết là ông rất hiền từ và sống nuôi ba người con khá lâu khi bà Ngoại bỏ đi Trà Vinh. Bởi vậy cái tên Trà Vinh cũng là địa danh được nhớ đến nhiều sau Sóc Trăng.

Lúc ở Ngã Năm học mẫu giáo thì những năm đầu còn bên chợ nên đi về dễ dàng và cũng bởi vậy mà bị đòn nhiều vì sau giờ học hay ra nhà lồng chợ chơi phá phách, đánh lộn (chắc là không thắng lần nào rồi?), bắt cá lia thia, v.v... Đến chiều về thì ngồi trước nhà canh chừng lúc nào thấy ba

mình không để ý thì dzọt vô nhà, vì nhà lúc đó là tiệm nữ trang “Tân Bình” có tủ cao trưng đồ nên dễ núp. Mặc dù ba tôi bận thế mà tối nào cũng hỏi và xem bài làm, cùng chỉ dạy thêm và chắc lúc đó “ngu” lắm sao mà bị đòn hoài.

Một lần ở trường trong giờ chơi cái đầu bị thủng một lỗ sâu vài ly, vì lúc đang ngồi chơi thấy bị gần cửa sổ rồi khi đứng lên thì đụng vái chốt cửa. Không hiểu có phải nhờ bị thương ở đầu mà sau này cái “huyết khôn” được mở ra nên học giỏi hơn? Một lần đi chơi ngoài đồng tưởng là đã xong đời con nít rồi khi té vô hố bùn lún mềm. Một ký ức không tốt nhưng đậm ghi trong trí nhớ đó là bác Mạnh trai, thợ may, ở sát bên nhà bị bắt đi mất tích luôn và nhiều trường hợp như vậy xảy ra trong những năm trước 1960. Nhà bác Mạnh có ba cô con gái rất dễ coi, vậy mà tôi cũng không “giúp hay dzót” được cô nào chắc cũng tại phải đi học xa ở Sóc Trăng và ngày xưa đi tàu thủy từ Phú Lộc vô Ngã Năm rất mất thời giờ mà còn sợ VC nữa và hiện giờ thì không hiểu họ ở phương trời nào.

2- Muốn vào lớp đệ thất trường trung học công Hoàng Diệu là phải thi. Đậu “dự khuyết” với hạng sáu thì có giỏi gì đâu nên tưởng là đã phải “dzăn vô Trần Văn” rồi nhưng rồi từ từ cũng được nhận vào HD năm 1959, thiệt là hú hồn! Xa

Kinh Rẫy thân yêu có má (chúng tôi kêu bằng Vú và kêu ba bằng Chệt vì là người lai Tiểu Châu mà lì) tôi nhớ là đã khóc quá xá chừng chắc còn hơn bản nhạc “Khóc một giòng sông” nữa.

Ra Sóc Trăng, năm đầu tiên ở tạm nhà cô ba Lang nằm trên đường thẳng góc với trường HD và chỉ cách có vài chục thước thôi. Trong nhà có người bạn trai cùng niên bà con tên Thảo (giờ cũng không biết tìm đâu), cùng đi học và cùng tập nấu bún riêu cua “đồng” v.v...Nhưng đến cuối năm thứ hai thì ba tôi mua nhà ở hẻm 1, đường Nguyễn Bình Khiêm (nay là 30 tháng 4) kế bên chùa Cao Đài để nuôi mấy anh em đi học cho tiện và rẻ.

Trong hẻm có Trần Kim Ěm (em rể tôi), Bùi văn Chấn, Trịnh Kim Long và anh Quang kế bên nhà và vài người nữa. Cũng tại nhà nầy má tôi mới biết thằng con trai lớn của mình với tên “cúng cơm” Quang còn có tên Hoa ở trường Hoàng Diệu nữa. Số là lần đầu mấy bạn tới chơi hỏi có Hoa ở nhà không thì không ai biết hết (chuyện nầy có thiệt 100%) và còn bà con dòng họ cũng không ai biết LT Hoa là ai cho tới ngày tui đi Úc cuối năm 1966 lận.

Từ đệ thất đến đệ tứ sức học cũng bình thường thôi có “dở” nữa là khác. Nhưng không hiểu sao thầy Nguyễn Ngọc Cường (nay đã quá vãng) thương tui và ĐTN quá chừng có lẽ vì hiền và chăm chỉ nên nào cho sách vở, kêu đến nhà các thầy chơi (ở trước mặt trường) và luôn khuyến khích hay chỉ dẫn. Từ năm đệ tam cho đến đệ nhất nhờ “lù khù có ông cù độ mạng” nên học khá ra bằng chứng là trong ba năm liên tiếp Hoa, Đơm và Thại đều đứng đầu lớp theo thứ

tự 1,2 và 3.

Vài kỷ niệm thời trung học.

Ban ngày khi học ở nhà thì thường ngồi trên võng (giăng trên giường gỗ) đung đưa em Hằng ngủ, đến chiều ăn cơm xong thì đi dạo mát (hay là “mắt”) trên xe đạp ngoài đường giữa v.v...

Chúng tôi có TV Hải, NK Nghĩa, PH Minh, DM Tân, NV Thành, TV Trí và NT Thảo là thường đến nhà TX Hòa ở Bãi Xàu ăn thịt bò nướng ngói hay bắt cá dưới rạch quanh nhà.

Năm 2001 tôi có đến thăm Hòa, hai bác và một lần nữa mới sau Tết Canh Dần năm 2010. Rất mừng khi thấy hai bác ở tuổi 90 mà còn minh mẫn và xin nghiêng đầu kính phục người bạn Hòa đang một tay chăm sóc cha mẹ mình.

Những cây vú sữa ở Ty Bưu Điện (nhà ông cậu của PH Minh cũng là ba của chị em nhà Tôn Nữ BQ, MT, MD) là nơi mấy anh em tụ họp rất thường nhưng tiếc thay không có bạn nào “mọc rễ” ở nhà này.

Xin cảm ơn anh Mạch Khá, người bạn cùng lớp đã chỉ cho tôi cách viết “chữ nhìn kính – mirror image”. Đó là cách viết chữ hàng dọc từ trên xuống dưới và khi muốn đọc thì phải nhìn từ phía sau của tờ giấy hay là đọc chữ phản chiếu trên tấm kính soi mặt (bay giờ vẫn viết được lối chữ nầy và xếp chim giấy).

Cuối năm đệ nhị hai cha con dắt nhau đi Sài Gòn mua chiếc xe gắn máy Goebel láng coóng và tôi phải chạy về Sóc Trăng mặc dù trước đó chưa có nhiều kinh nghiệm, bởi vậy nghĩ lại vẫn còn thấy mình gan. Không bao lâu sau NK Nghĩa đến chơi và mượn chở bạn tham quan. Khi đi nói là khoảng một tiếng sẽ trở về nhưng không hiểu kẹt mưa hay gì mà năm sáu tiếng đồng hồ

sau mới về với xe dính sinh bùn và ba mình đang có mặt ở nhà chờ, thiệt là một trận lo đáng nhớ.

Những anh em bạn học trong hẻm tối tối hay tụ họp ở đầu hẻm cho mát và có một đêm tôi và Ěm đã độ tài sơ sơ cho vui và cũng may không có ai sức trán hay u đầu. Nhớ hoài.

Biết bao buồn vui và kỷ niệm thời trung học thân yêu nhưng để trở lại câu chuyện học, thì rằng sau hai lần đậu Bình Thứ, nhờ chó ngáp phải ruồi vớt được cái Ưu cho Tú Tài II nên bà con ai cũng mừng dùm.

3- Tưởng rằng lúc ấy, 1966 tôi sẽ dự thi vào các trường Đại Học Y, Dược, Nha hay KT Phú Thọ ở SG hy vọng vào KT Phú Thọ hay Y, Dược, Nha như những bạn khác, nhưng nhờ ba tôi, mặc dù đang làm ăn giờ dài mệt mỏi ở Ngã Năm ông có đặc điểm là hay nghe đài phát thanh VOA, BBC và Úc đều đặn mỗi ngày cộng với cái bản đồ thế giới nên ông có nhiều tin tức cập nhật. Ba mới kêu tôi xin học bổng Colombo Plan đi sang Úc học thử xem sao. Nhờ lời khuyên nầy mà cuối cùng tôi đã khăn gói lên đường sang Úc vào ngày 30 tháng 12 năm 1966 học ngành kỹ sư hóa học và đi tuốt luốt đến ngày hôm nay.

Một vài chuyện đáng kể ra.

Đúng lý ra là bay qua Úc vào tháng 11, 1966 với nhóm hơn 20 người nhưng vì mê đánh bài tứ sắc và anh NH Hùng đi cinê trễ cũng không đến tòa đại sứ Úc lấy vé máy bay vào ngày hẹn. Chắc bởi lần mê nầy mà tui không còn ham đi casino cờ bạc nữa cho đến bây giờ.

Trước khi lên SG chờ đi Úc thì má tôi cho ra đời người em trai và cũng là út trong nhà vì vậy em Linh bao nhiêu tuổi là tôi ở Úc bấy nhiêu. Trước khi qua Úc tôi bị

cảnh cáo là nên coi chừng “mọi da xanh” ăn thịt người vì tưởng rằng Úc chắc có nhiều rừng rậm như Phi Châu, sau này thì chỉ có ở gần người thổ dân thôi. Ba tôi cho một chiếc nhẫn và một sợi dây chuyền để khi “kết” thì bán mà ăn, nhưng tôi từ chối chiếc nhẫn và chỉ đeo sợi dây chuyền đến nay. Một bảo vật đó.

Kể từ năm 1965 bộ giáo dục của Úc đưa ra chính sách mới là gửi sinh viên Colombo Plan (CP) từ những xứ Á Châu đến những trường ĐH ở cùng khắp nước Úc, những trường xa xôi cách thành phố Sydney một vài ngàn cây số. Nhiều cô sinh viên lần đầu tiên xa gia đình bị chấn động tinh thần quá mạnh phải bỏ cuộc và hồi hương sớm.

Đến Sydney được chừng hơn 30 ngày thì khăn gói lên xe lửa đi Brisbane và ở lại đây một tuần trước khi bay lên Townsville, một thành phố miền bắc tiểu bang Queensland cách Sydney hơn 2.000 km. Khi đi nghĩ rằng sẽ có hai cô theo đó là TK Hoa và HT Năm nhưng, lại chữ nhưng ác liệt, cô Hoa đòi ở lại Sydney cho bằng được với gần 20 sinh viên khác còn cô Năm thì gia đình giữ lại học y khoa vì quá đẹp và nghe đâu hiện đang hành nghề ở Cali. Quá uống.

Thế là một mình một bóng của nhóm CP 1966 bay lên Townsville cùng với anh sinh viên người Singapore. Đến nơi có các anh qua năm 1965 ra đón ở phi trường (nhóm này còn có chị NT Xuân Thu). Các anh “mừng hụt” vì tưởng rằng có cô em gái LT Hoa đến!!! Học ở ĐH James Cook hai năm rồi về Brisbane năm 1969 vì trường mới mở nên thiếu lớp. Ở một thời gian ngắn thôi vậy mà cũng mang theo to ở đầu gối vì té xe gắn máy ở

trong cư xá và cũng may xe không hư và không bị cô bạn Cynthia bắt đền.

Về Brisbane, học xong bằng KS Hoá Học 1970 và cũng vừa đủ điểm nên xin học bằng Master tự túc vì đã hết tiền học bổng. Lúc đó phải vừa làm Giảng nghiệm viên (gọi Demonstrator hay Tutor), xem phòng thí nghiệm và chấm điểm bài viết cho sinh viên ngành KS hóa học và đi làm thêm ở ngoài. Trong ba năm học này Toà Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa chỉ triển hạn sổ thông hành mỗi lần sáu tháng thôi cho nên có lúc ở Úc không hợp pháp dưới con mắt của chính phủ VNCH. Cuối cùng rồi cũng trình luận án vào đầu năm 1974, sau khi kết ở Brisbane với cô trận lụt vĩ đại vào tháng giêng 1974.

Chương trình Colombo cho phép sinh viên tốt nghiệp được quyền đi tìm việc thực tập một năm trước khi hồi hương và trong thời gian này kinh tế Úc khá bê bối nên quyết định đi xa và cuối cùng tìm được việc làm ở Gove, thuộc Northern Territory cách Darwin 600 km về phía đông, với công ty sản xuất bột nhôm từ bô xít của hãng Thụy Sĩ Nabalco. Vài năm đầu tôi là người Việt thứ hai (có bà Gái vợ của ông Úc coi cổng) ở thành phố 4.000 dân sát biển này, với vài ngàn người thổ dân cách Gove chừng 15 km, nhiều cua, cá và cá sấu; sau đó là người duy nhất và trước khi về lại Brisbane thì ở chung cư xá với anh ĐN Hùng gần một năm, người trở thành anh em cột chèo của tôi.

Thay vì đi làm một năm rồi về nước phục vụ quê hương vào năm 1975, tôi đã “kết” lại nơi đây gần 7 năm và đến cuối năm 1980 mới về lập nghiệp ở Brisbane đến ngày hôm nay. Thật ra thì lý do chính để

về lại Brisbane là để gặp gia đình Lê/Êm cùng mấy đứa em vừa từ đảo Bidong sang được vài tháng. Cũng vì ở quá xa cộng đồng người Việt và không lẽ sống “cu ki” mãi nên đành bỏ cái job ngon trở về lại Brisbane đoàn tụ anh em vào tháng mười 1980 rồi nhìn đời bước qua trang mới.

4- Sau khi về lại Brisbane đôi ba tháng, được CĐNVTD ở Brisbane bầu làm trưởng ban âm nhạc với nhiệm vụ tổ chức đêm văn nghệ cho bà con trong dịp Tết. Lần đầu tiên, đêm văn nghệ được tổ chức và trình diễn ngoài trời tại căn cứ tị nạn Wacol (bây giờ là một trại tù to).

Cũng nhờ làm việc tình nguyện này tôi được gặp người bạn đời Hương, cựu học sinh Lê Văn Duyệt SG. Và để rồi với bao thăng trầm trôi nổi của cuộc sống, nhờ hồng phước của cha mẹ ông bà, bốn người con (3 gái, 1 trai) của chúng tôi đã qua, sắp hết hay là đang ở ngưỡng cửa ĐH.

Cái job đầu tiên 20 năm ở Brisbane là xưởng chế tạo phân bón hóa học và thuốc giết côn trùng, sâu bọ. Cái job thứ hai ở một hãng khác cũng chế tạo thuốc trừ sâu, cỏ cũng là công việc cuối cùng, chỉ được ba năm thì hãng bị cháy vào ngày 25 tháng 8 năm 2005, một đám cháy hóa học to nhất ở tiểu bang Queensland từ trước đến giờ. Hãng cháy rụi chỉ còn lại phòng thí nghiệm và văn phòng (nhưng không dùng được vì ô nhiễm) nhưng tôi phải ở lại đúng ba năm để cung cấp giấy tờ cho vài vụ kiện tụng, giúp giải quyết chất độc lỏng cũng như đặc trong xưởng. Rất tiếc thay cho đến bây giờ công chuyện trong xưởng này vẫn chưa giải quyết xong mặc dù chính phủ tiểu bang đã bỏ ra hơn 30 triệu đô la

Úc.

Vào năm 1987 tôi có dịp đi công tác ở Mỹ và đã gặp gia đình TK Long/ Loan và thầy NN Cường ở Cali và thấy trò đã có những giờ than mặt bên nhau. Dù lúc đang ở Úc học hay khi bắt liên lạc được vài năm sau biến cố 30 tháng 4, 1975 thầy trò tôi lúc nào cũng tìm cách thư cho nhau và thăm hỏi thường xuyên cho đến khi không may thầy sớm trở về với Chúa sau khi về hưu được vài năm.

Rời trường THPT thân yêu từ năm 1966 tôi chỉ đi xe đạp ngang qua một lần chậm rãi sau Tết Canh Dần năm nay và tôi xin dành lại những diễn tả về cảm nghĩ v.v...về trường xưa cho các bạn khác.

Vài tấm hình lưu niệm quý giá nhất lúc xong lớp đệ nhất là những tấm ảnh chụp dưới cột cờ có thầy LN Linh và đám bạn thân tôi đã kể ở trên. Thật là vui khi bắt liên lạc được với thầy Linh, hai lần đến thăm cô Lý Hồng Mộng và thầy Diệp ở SG, gặp lại PH Minh sau 20 năm và V Ch. Quốc sau 44 năm và rất nhiều bạn cũ trong nhóm HD trên mạng. Tôi giữ tờ giấy một đồng mới toanh có chữ ký của cô Mộng rờn rã hơn bốn mươi năm, thế mà khi về VN cuối năm 2008 và biết chắc sẽ đến thăm cô, tìm hoài không được cái đồng bạc đó. Tức thật.

Người ta bảo rằng “người già sống cho quá khứ còn trẻ cho tương lai” là đúng thật.

Bây giờ về hưu được gần hai năm rồi và thời gian qua mau quá và tôi chẳng có gì để than phiền cả, vậy là vui thú điền viên rồi còn gì phải không? Giờ hầu như mỗi ngày tôi đều tập 2 hay 3 bộ trong những bộ môn thể thao tập thở như Taichi, Khí Công Y Học (Medical Qigong), Bát Đoạn Cẩm (Pa Tuan Tsin), Suối

Nguồn Trẻ, Chinese Yoga, Mentalphysics Exercises v.v... để có được sức khỏe tốt như vậy theo tôi là may mắn nhất rồi.

Các bạn ạ tôi còn cái may mắn nữa là đã hấp thụ được lối sống rất đơn giản của mẹ tôi cũng như tánh rất hiền hòa (lơ là hay là phè phè) từ thân mẫu nên khá dễ hòa đồng với mọi người, mọi giới. Còn tôi học và nhớ những gì từ ba? Khi đang học ở trung học ông già thấy thằng con bắt chước hút thuốc điếu thì ba tôi khuyên rằng, ông hút là để được tỉnh táo làm đồ nữ trang mặc dù biết là không tốt cho phổi vì bị bệnh khạc đàm luôn cho tới nay. Ông không đi chùa chiền nhưng nói làm ăn thì phải có lời để nuôi

gia đình, nhưng không làm vàng thấp để lời nhiều và sống rất ngay thẳng. Ông lúc nào cũng khuyên chúng tôi ăn học để được sướng thân do đó trong đám con không có ai theo nghề bán vàng.

Được một cái may mắn nữa là dù về hưu nhưng với nghề tay trái là đi làm lễ hôn phối cho 99% người Việt từ năm 1995, tôi phải cười vui hoài (nếu không dzậy thì không có khách là cái chắc). Qua cô em gái Lệ, người bạn là thi sĩ Minh Giang đã tặng cho tôi năm bài thơ chúc mừng hôn lễ vào năm 2004 và xin cảm ơn MG vì rằng ai ai cũng thích những bài thơ duyên dáng đó trong những buổi lễ quan trọng nhưng thường thì đầy tiếng cười dòn tan.

Tôi xin ghi lại đây bài “Mừng Hôn Lễ” để tặng tất cả các bạn và hãy tưởng tượng như tôi đang đọc cho quý bạn trong ngày trọng đại xa xưa vậy mà.

*Mừng cho đôi bạn nên duyên
Sanh hiểu con cái ngoan hiền thêm vui
Cùng nhau chia sẻ ngọt bùi,
Hôn nhân bền vững thương yêu suốt đời.
Dù cho cuộc thế đổi dời,
Nguyễn xin khẩn khít không rời bỏ nhau.
Khi nghèo chia sẻ chấu rau,
Giàu sang tận hưởng bình an phước lành.
Hôm nay duyên nợ đã thành,
Trăm năm chúc bạn đồng hành ấm êm.
HUƠNG HOA tỏa ngát bên thêm,
Chúc cho hai bạn trọn niềm ước mơ.*

Để kết thúc bài viết vòng vo này, tôi xin chúc các bạn một sức khỏe dồi dào, một tâm an lạc và sẽ còn gặp dài dài với bốn câu thơ vừa vào hai câu “Happiness shared happiness doubled; Sorrows shared sorrows halved” như sau:

*“Hạnh phúc chia, hạnh phúc gấp đôi,
Nỗi buồn chia, nỗi buồn sẽ vơi.
Lỗi lầm nên thả không nên giữ,
Học tánh vị tha để thanh thoi.”*

Lâm Thiện Hoa
HD59-66

Chiều. Thời khắc của tàn tạ một ngày. Trời níu kéo những tia nhạt cuối cùng trên nền đỏ thắm. Tà dương bắt đầu của những thương nhớ xa xôi từ một vùng ký ức mù mờ nào đó nằm lắng sâu trong chiều dài tình cảm. Tại sao như vậy? Vì chiều là triệu chứng của sự tàn phai, ra đi, đồng nghĩa với sự mất mát. Chiều là không còn nữa. Chia tay. Chiều là “Khỏi sự đi trong ánh sáng, và bước dần vào trong bóng tối... Bên này đàn Nam giao là ngày và bên kia thành phố Huế là đêm... Chiều lên dần dần, chiều không xuống...”. Đó là những áng tản văn đẹp nhất của một thời lãng mạn xa xăm: Chiều của Xuân Diệu! Chiều của Hồ Dzuénh trong chuyến tàu lên mạn ngược, thở những làn khói âm u từ núi rừng Việt Bắc đầu kém về tiêu sọ:

*“Trên đường về nhớ đây.
Chiều chập đưa chân ngày.
Tiếng buồn vang trong mây...”*

Tại sao lại “nhớ đây” và “tiếng buồn” lại “vang trong mây” như thế trong thế giới của loài người trên mặt đất này trong một buổi chiều núi rừng mà lại không rơi vào một thời điểm khác, ở bất cứ nơi đâu? Mọi cái đều có lý do riêng của nó, chỉ có nhà Thơ họ Hồ mới cảm nghiệm được lúc đó, trong

phút giây, mà chúng ta không nên hỏi vì sao? Đó là những chiều trên quê hương êm ả. Chiều của Việt Bắc và chiều của Nam Giao. Nhưng chiều ở đây thì sao? Chiều của lưu vong biệt xứ. Chiều của thương nhớ xa xăm, đâu phải một ngày, mà là của mười năm hay hơn thế nữa. Mười năm của một đời người, chứ đâu phải mười năm của Thiên Thu? Xuân Diệu và Hồ

khoảng

chiều

** Tùy bút
Thầy Nguyễn Tư Thiếp*

Dzuénh “nuôi” chiều trong chính lòng mình, nhưng tôi “xa” chiều trong nỗi nhớ mênh mông của một ly khách, lặn đạn ven trời mà trong thâm tâm tự biết chắc mình đã mất hướng tìm về khi bài Thơ này được làm ra đã lâu, có tên “Tiếc màu nắng” vào một buổi chiều tàn trên phố nhỏ Newtown - nơi chốn của những người Thổ dân say khướt:

*“Một mình xuống phố đìu-hiu,
Thấy mình đứng giữa khung
chiều buồn quanh.*

*Đưa tay ôm giấc mộng lạnh,
Tiếc màu nắng vội, ngày xanh
qua rồi!*

*Mười năm cát lở, sông bồi,
Chừ, em bèo giạt thuyền trôi
phương nào?”*

“Phố” của người, và “Chiều” cũng của người. Chỉ có “Nỗi buồn” là của riêng tôi! Vài trăm năm sau, những người Việt trong nước sẽ thấy cha ông của họ nhìn và chịu đựng chiều như thế nào trên đất khách và họ sẽ hỏi vì sao? Lúc đó chỉ có tiếng trả lời của Hư vô, vang vọng từ một thứ Lịch sử đau thương không ai mô tả nổi mà Mệnh nước đã đẩy đưa, và người

trong ta...

ta sẽ xếp trong kho tàng Văn Hiến hơn 4000 năm dựng nước có thêm nền “Văn học lưu vong” buồn thảm không giống ai! Có những buổi chiều, người ta chỉ dùng để “nhớ” và để “đau”, thường được gọi là “Chiều tưởng nhớ”. Nhưng nhớ “ai” và nhớ “gì”, thì mỗi người một khác mà không ai chia sẻ được với ai, ngoài những thổn thức riêng tư âm ỉ giữ kín trong lòng dài lâu, đôi khi chỉ trang trải được với chính mình bằng những giọt nước mắt âm thầm phía sau đời sống...

Sydney bây giờ đang bắt đầu có những buổi chiều nóng bức ngay trong mùa Đông. Mặt trời đỏ khé sau đồi ánh lên nền thỉnh không màu quan hà nhức nhối, làm cho tôi có cảm giác máu lửa nảy vọt trong lòng. Tôi sợ. Sợ mình, sợ người, sợ cuộc đời này quá đổi, mà vẫn không hiểu vì sao? Tôi không lãng mạn như một nhà Thơ kia, để thấy “Lửa đến từ những ngưỡng cửa của cuộc đời, đốt cháy mười đầu ngón tay bằng những khối nhựa đường nóng bỏng”(???), mà - với tôi - là lửa đã đổ trên đầu của tuổi hai mươi trong những tháng

năm tôi chưa kịp sống!

Chiều nay tôi ngẩn ngơ, nhớ lại một buổi chiều quê nhà tình cờ trên con đường mòn dọc theo bờ sông ngẫu dục trong con nước rút, ngồi lên những vế rác bần kéo ra biển mênh mông... Trong bộ đồ Treillies nhuộm đen đầy phèn, tôi vác cái xẻng, đi chân không, đội nón rom che nửa khuôn mặt sạm của người tù binh chưa kịp phơi pha, tay cầm khúc mía vừa đi vừa xước sau một ngày công tác thủy lợi ngoài đồng mỗi mết, tôi đã gặp Nguyễn Đình Sinh - người bạn đồng nghiệp ngày xưa dạy trong cùng vài trường, cùng môn Triết Tây, nhưng hần được đổi về Sài Gòn trước ngày mất nước. Hần vẫn thư sinh, trắng trẻo như thường vì hần không hề dính líu gì tới cuộc binh lửa, mà tôi đã hứng chịu nhiều oan khiên. Hần vẫn mang kiếng cận, bỏ áo trong quần, loại quần còn sót lại của thời “oanh liệt”, chỉ có đôi dép da mang dưới chân là sự đổi thay. Hần gặp tôi ngỡ ngàng. Tay vịn bờ vai tôi mà cứ tưởng như mộng mị với đôi mắt rung-rung hơi nhúu mày một chút, nhớ lại lần sau cùng tôi giao cho hần ở vỉa hè trường Lam-Son cuốn sách quý dày cộm: “Zarathoustra parlait ainsi” trong đó có tấm hình trắng đen của tác giả, là Nietzsche: râu ria, đôi mắt sáng quắc, mà hần nói hần rất thích. Tôi tặng hần như một kỷ niệm bạn bè, dù hần là dân Bắc kỳ chính hiệu mà lại ưa tôi dân Trung kỳ lúc nào cái đầu cũng cứng, vì tôi đã lớn lên trên sỏi đá, xứ chật hẹp đến nỗi tên người dân không cần chữ lót ?!! Hần chỉ chọn tôi để giao cho 7 lớp Triết hần đang phụ trách dở-dang mà hần phải bỏ để đổi về Sài Gòn như một giấc mơ của mọi Giáo sư thời bấy giờ, ngoại trừ tôi. Hần vịn vai tôi thực lâu, rồi lắc đầu nói trong sự tuyệt

vọng: “Tôi toa quá! Thế này là thế nào mới được chứ?”. Tôi chỉ cười buồn, nói nhỏ: “Người ta lên voi, thì xuống chó đã đành. Chứ tao lên voi ngày khỉ nào đâu! Nhưng thôi, Zarathoustra parlait ainsi, mà toa.? Et j’ai eu ma souffrance jusqu’à la lie!” (Zarathoustra đã nói như thế! Và tao đã uống nỗi đau đến tận cạn...). Nói “linh tinh” vậy, nếu có vài ông “Công an Khu vực” lai vãng gần đó, thì tai họa ngôn ngữ có thể xảy ra bất cứ lúc nào cho những người vốn tù rạc như tôi! Chúng tôi kéo nhau vào một quán nước bên đường, kêu hai ly cà-phê xây-chùng, uống vào muốn ỏi vì mùi của hạt còng rang. Hần khoe với tôi, về Sài Gòn lấy được cái “Cao học Tâm lý”, dạy được trường lớn Võ Trường Toản, cùng nhiều trường tư, hy vọng có thể về Bộ làm Thanh tra ban Triết. Tôi chỉ nói, mừng cho mày lúc ấy, nhưng giờ thì muộn quá rồi. Mày chưa thấy tui tao sống đâu! Cứ nhìn tao bây giờ, rồi nhân lên cho 100 thì sẽ thành tao lúc đó trong trại tù. Giờ tao sắp được có “quyền Công dân” rồi,, nghĩa là ngay bây giờ tao chưa được “làm người bình thường”, mày hiểu chưa!?

Cách nay vài tháng, tôi gặp anh bạn ở đây là Đ.D hỏi tôi có biết N.Đ.Sinh hay không, trước 75 dạy Triết ở ST? Tôi mừng rỡ nói tôi thân với nó lắm - đôi khi là một người ơn, vì hần có nhường cho tôi một số lớp Triết ở đó trước khi về Sài Gòn, thì ông bạn nói rằng ông bà con “cô cậu ruột” với Sinh. nên nhờ ông bạn bà con gần với Sinh này, tôi được biết thêm là sau 75 hần rất sa sút chỉ đi dạy kèm Toán kiếm ăn, lại xào xáo vợ con... Tôi bùi ngùi, nói cho tôi xin địa chỉ hần để gửi hần ít tiền, vì tôi vốn là kẻ “nặng tình”. Ông bạn ừ e nói

địa chỉ để ở nhà không nhớ, sẽ cho sau....

Thế rồi chiều nay, cũng trong cái shop bán sách đó, ông bạn cho tôi biết Sinh đã qua đời vì bệnh lao. Lòng tôi chùng xuống thấp. Bạn bè tôi muốn hết, lớp chết trận, lớp chết tù, giờ chết đói và chết bệnh mà tôi có làm gì cho họ được đâu, ngoài những gói quà gửi giáp vòng mỗi người một ít, nhưng biết bao nhiêu cho đủ, khi tôi cũng còn bà con ở Việt nam và bản thân có dư giả gì, ngoài những tiếc thương, ân hận...

Sinh à, Zarathoustra đã nói như thế, mày đã nói như thế, và tao cũng đã nói như thế trong buổi chiều gặp nhau bất ngờ bên bờ sông nước rút, khi tao mới xong thủy lợi ở Trường Khánh về, áo quần đầy sinh, rách tả tơi. như thằng ăn mày, vai vác cái xẻng cán dài bèn ngọt, tay cầm khúc mía, vừa đi vừa gặm cà-ton.. đâu còn là tư cách của anh “Giáo sư Triết, lẫn Văn chương” ngày xưa, lúc nào cũng sơ-mi trắng ngắn tay, cà-vat rạng rỡ, quần sậm, giày Ý bánh bao ... như thừa nào ? Ngày tình cờ gặp mày, dù đôi rách, khổ cực, nhục nhã...nhưng tao vẫn thấy có bạn bè, có Quê hương. Giờ qua đây tao có đủ thứ mà mày mong ước, như hàng triệu người VN khác mong ước, nhưng có một điều tao không nỡ nói ra, vì chẳng ai tin. Đó là tao đang thương nhớ ngày đêm cái mà mày đang chối từ, đang coi thường, lúc mày đã hiểu được vì sao một vị Thần Hy-lạp khi búng chân ông ta lên khỏi mặt đất thì ông ấy sẽ ngã lăn ra chết ngay. Mỗi người lưu vong là chiếc bóng vị Thần đó, làm sao họ quên được quê hương mà mình không thể sống được trên đó mới là niềm đau, mới hiểu được vì sao một nhà Văn lưu vong Tiệp

khắc viết "Đối với.Nghệ sĩ chỉ có một hình phạt hiệu nghiệm nhất, là bắt họ lưu đầy đất khách" và dẫn chứng hùng hồn nhất là trường hợp nhà Văn Solzenytsine của Liên xô, giải Văn chương Nobel, khi nghe tin Liên xô sụp đổ, ông từ bỏ hết cả tài sản, vợ con tại Mỹ mà chỉ vội về nước với chỉ 7 thùng sách viết bằng tiếng Nga mà thôi ??? Và như vậy, tao đã chết trước mày cách nay mấy chục năm khi tao chọn ngồi trên chiếc thuyền con dật dờ trôi ra biển cả mà không biết mình sẽ về đâu, trong một đêm mưa bão. Lần gặp mày trên bờ sông nước rút ngày xưa nơi gần mấy lò Bún phía dưới cầu Quay, mày rung-rung lúc nhìn thấy tao như một thằng ăn mày vì trong đầu mày vẫn in bóng dáng tao là một anh Giáo sư Triết bảnh bao, mặt mày rực rỡ của tuổi xanh trước đó, chứ đâu phải một thằng tù rạc, đi chân không, mặc quần nẩy màu phen, đội cái nón rom đầy sinh, vai vác cái leng và tay cầm khúc mía vừa đi vừa xước lon-ton giữa đường như một thằng vô lại. Mày biết không, mỗi lần đào xong được khúc mương do chúng nó chia cho, bề dài 2 thước, rộng một thước rưỡi, lòng máng, sâu 1.5 thước, thì tao thường nằm xuống, ngửa mặt nhìn trời, gối cái áo dưới đầu, thấy nó vừa người như một cái huyết. Mùi đất mới phả ra, tự nhiên tao nhớ tới cái "lòng huyết lạnh" trong Thơ Đinh-Hùng và tao muốn nằm luôn dưới đó cho rảnh thân. Tao có nói gian, xin làm con mày suốt đời. Bây giờ ý nghĩ đó tao vẫn còn cầm giữ trong đầu khi nơi hồ sơ bệnh lý của tao không hiểu vì sao, dù tao rất kín, người ta đã ghi rằng: "Having intention of suicide" (có ý định tự tử) lúc tao đã ra nước ngoài - nơi mà mày rất muốn đến...

Thôi, giờ mày "đi" cho khỏe tấm thân. Có lẽ về tao - mày chỉ nên nhớ người bạn ngày xưa ở vỉa hè trường Lam Sơn, khi tao giao cuốn sách quý tặng cho mày, có bức hình Tác giả màu trắng đen mà mày rất thích là Nietzsche, thằng cha Triết gia Đức vĩ đại, đã từng làm đảo lộn tư tưởng Châu Âu thời bấy giờ., không có vợ con, chỉ thích ôm đầu những con ngựa kéo xe hôn vừa khóc vì thấy chúng vất vả quá, tội nghiệp ...mới "đau" ??? Có tử tế hơn thì mày nghĩ đến dòng sông nước đục tình cờ - nơi đó tao đã gặp mày trong con người thực của tao nhất lúc đó, không e ngại, không hổ ngươi, mặc cảm gì ở một nơi mọi giá trị đều bị đảo ngược hết, mà tao cũng chẳng ân hận gì,

vì tao thật sự đã sống: "J'ai vécu!", như một nhân vật đã nói trong cuốn phim mà tao với mày đi xem tại rạp Nhị Trưng, sau khi hẩn lưu lạc khắp nơi, và bất ngờ gặp lại người bạn cũ hỏi: "Lâu nay, mày đã làm trò gì?".

Xin cho mày quên đi mọi thứ, nhưng chỉ nên giữ lại những "buổi chiều" trong lòng, mà cuộc đời này đã trao tặng, như mình đã sống! Nietzsche khi buồn, chỉ biết chơi Dương cầm bằng đôi cùi chỏ, nhưng khi buồn tao chỉ ra đời nằm một mình, và muốn uống ực vào lòng những "bóng tà dương", mà mơ có một chút mặt trời ấm áp trong đó...

*Nguyễn-Tư

(www.nguyentusweb.com)

thơ
Nguyễn Tư



Mưa
ở
phương này

*Chưa bao giờ mưa như hôm nay,
Mưa liên-miên như nín chân ngày,
Hàng cây chìm khuất trong màu mắt,
Sợi mưa buồn võ ở trên tay...*

*Chưa bao giờ mưa như hôm nay,
Nhớ chao ơi, mưa ở phương này,
Những mùa rét ướt vùng quê Ngoại,
Nước trắng đồng trong lớp mưa bay...*

*Chưa bao giờ mưa như hôm nay,
Chiều Kontum, khói núi giăng đây,
Dẫn quân qua suối, lòng nghe lạnh,
Tiếng vượn buồn hú ở trên cây!!!*

*Chưa bao giờ mưa như hôm nay,
Đồi Dakto trong lớp mây dày,
Dừng quân đêm, chờ qua biên giới,
Hạt mưa nào "da ngựa bọc thây"!!!!*

*Chưa bao giờ mưa như hôm nay,
Mấy chục năm lưu-lạc phương này,
Nhìn mưa, xui nhớ đời biên trấn,
Xa lắm rồi, sao vẫn đâu đây!??*

*Chưa bao giờ mưa như hôm nay,
Rả-rích boài, giọt mưa trên tay....*

Khi được chọn vào Không Quân, hầu hết chúng tôi được gửi sang Mỹ để học bay. Trước khi xuất ngoại, chúng tôi bắt buộc phải qua một giai đoạn học Anh ngữ tại Việt Nam. Thông thường mỗi người cần có khoảng sáu tháng thì mới đủ tiêu chuẩn để du học xứ người. Với sáu tháng rèn luyện một ngôn ngữ ngoại quốc thì thật sự vốn liếng hiểu biết của chúng tôi chẳng được là bao. Và lại, từ một quốc gia chậm tiến như Việt Nam, đi đến một xứ văn minh nhất thế giới như Mỹ, thì còn rất nhiều thứ để học chứ không riêng gì ngôn ngữ. Khi bước lên phi cơ, bộ quân phục mỗi chàng đều mang đầy đủ tên, huy hiệu cùng cấp bậc của mình. Trên vai bên trái là hai chữ “Viet Nam” nằm ngạo nghễ thách thức. Ngôn ngữ không thông, phong tục không rành, tên nào cũng háo hức ra đi, nhưng thật sự tên nào cũng lo lắng những bờ ngõ sẽ gặp nơi xứ lạ quê người. Những câu chuyện vui vui dưới đây diễn tả những gì mà những chàng “Phi công hào hoa” gặp phải!

Chuyện này do một ông niên trưởng của tôi kể lại:

Lần đầu tiên bước lên một chiếc phi cơ to lớn, anh Sinh Viên Sĩ Quan Không Quân rất là bờ ngõ. Xúng xính trong bộ quân phục trang trọng, anh không dám làm gì để mất mặt quốc gia. Sau khi phi cơ lên đến cao độ đã định, một cô chiêu đãi viên hàng không đi mời hành khách dùng nước. Cô đến hỏi anh:

- “Would you like something to drink?”

Vì bất thành linh, anh Sinh Viên Sĩ Quan lính quýnh rồi ú ớ. Bao nhiêu vốn liếng Anh Ngữ anh vừa mới học không biết đi đâu hết. Cô chiêu đãi viên có lẽ có nhiều

kinh nghiệm với khách ngoại quốc nên hỏi tiếp:

- “Coffee?”

Anh gật đầu. Cô lại hỏi tiếp:

- “Tea?”

Anh lại gật đầu. Cô chiêu đãi viên lại hỏi thêm lần nữa:

- “Milk?”

Anh lại gật đầu một lần nữa. Cô chiêu đãi viên ra đi, vài phút sau trở lại với cả ba thứ: coffee, tea và milk. Anh Sinh Viên Sĩ Quan thấy nhiều thứ quá quýnh lên, chẳng còn nhớ cách xưng hô mà mình đã học, lắp bắp nói:

- “Thank..... You..... sir.”

Chuyện sau đây do một người bạn của tôi kể lại:

Sau khi đáp xuống phi trường San Francisco, tất cả du học sinh được đưa về Travis Airforce Base nghỉ qua đêm để ngày hôm sau đến Texas thụ huấn. Hai người bạn của tôi vào “Cà phê tía” (Caf-

eteria) để ăn tối. Một trong hai anh bạn của tôi tự tin là mình có thể nói tiếng Anh không trở ngại. cầm cái khay trong tay, mạnh dạn đến ngay người đứng sau quầy, anh order:

- “Give me two hams.”

Người đứng sau quầy bèn đưa cho anh hai lon bia Hamn. Bất ngờ quá, anh ta bị ú ớ, không biết phản ứng làm sao, đành để hai lon bia Hamn trên cái khay, đi thẳng ra bàn và thú thật với bạn mình:

- “Tao order hai miếng thịt ham mà nó đưa cho tao hai lon bia Hamn!”

Đang đói mồm meo, hai lon bia Hamn không giải quyết được vấn đề. Sau cùng anh đành sắp hàng trở lại và lần này khôn hơn, anh dùng ngôn ngữ quốc tế:

“This.”

Với ngón tay chỉ vào cái khay thịt ham và mọi chuyện sau đó đều

chuyện du học

(KỂ CHUYỆN ĐỜI XƯA TRƯỚC 1975)

Lạc Long Huỳnh Quốc Phú (HD 61-68)

được ổn thỏa.

Cũng tại cái “Cà phê tía” này, một anh trong nhóm của tôi đến quầy order fried chicken. Cái danh từ “Fried chicken” rất dễ nói và dễ hiểu nên anh tự tin không có gì trở ngại. Không ngờ người bán hàng hỏi ngược lại:

- “What’s size?”

Vì không phòng bị, cũng như chẳng hiểu người bán hỏi gì nên anh ta ú ớ. Thấy mặt anh ngớ ra, người bán hàng hỏi tiếp:

- “King size?”

Anh ta thật sự chẳng hiểu gì cả, nhưng sợ ú ớ lâu quá thì què nên “yes” đại. Không ngờ hậu quả của chữ yes đó đã làm cho anh phải ôm một cái thùng fried chicken to tổ bố, vừa đi, vừa bỡ ngỡ, vừa kinh hoàng. Một điều đau đớn là anh ta phải trả hơn mười đô la cho fried chicken, lại còn phải năn nỉ người khác ăn giùm, thật đau điếng!

Những chuyện dưới đây là do chính tôi gặp phải:

Sau khi xuống phi trường Oakland, mặc dù đang là mùa đông, không hiểu tại sao cả toán của tôi đều bị khát nước kinh khủng. Trong lúc ngồi đợi xe bus để về Travis Airforce Base, chúng tôi thấy cái máy bán soda. Thấy, nhưng với áo mũ đại diện cho Việt Nam, chẳng thằng nào dám tới mua để lộ cái nhà quê của mình. Mọi người ngồi chung quanh và nhìn chằm chằm vào cái máy này. Một vài thằng làm bộ đi lại gần để quan sát, nhưng thật sự cũng không tên nào dám đứng lại để mua. Bất ngờ, một thằng con nít Mỹ khoảng mười tuổi tới mua nước uống. Khoảng ba mươi cặp mắt nhìn chằm chằm vào những động tác của thằng Mỹ con này. Sau khi thằng Mỹ con đi rồi, một thằng mạnh dạn từ từ bắt chước lại những động tác của thằng

con nít đó. Một ly nước cam rót ra, anh chàng đầu tiên mừng rỡ cầm lên uống. Thế là cả đám đồng loạt đứng lên sắp hàng để mua. Một điều tức cười là tất cả mọi người đều chỉ lựa nước cam mà thôi, bởi vì không ai dám bấm thử cái nút khác.

Sau khi về đến Travis Airforce Base, chúng tôi được xếp sáu người vào một phòng. Một anh lấy đồ đi tắm. Khi vào trong nhà tắm, loay hoay mãi mà anh vẫn không mở nước lên được. Anh ta gọi cầu cứu thì một anh thứ hai bước vào giúp, anh này cũng vụng sang trái rồi sang phải và cũng không có nước. Nghe ồn ào, tôi bước vào tìm hiểu. Bất thành linh anh chàng đầu tiên nắm cái cục vặn kéo ra. Nước bắn ra tung tóe, ba thằng chúng tôi đang đứng chen chúc trong cái phòng tắm chật hẹp nên nháy ra không kịp, tất cả đều bị ướt. Thì ra là vậy: “Pull to open” cả bọn đều cười khanh khách vì vừa học được một bài học... ướt át.

Thời tiết tháng giêng, mùa đông lạnh căm căm. Chúng tôi biết là nhà của Mỹ có máy sưởi, máy lạnh. Sau một hồi quan sát, chúng tôi nhận ra chỗ để chỉnh, nhưng thật sự chỉnh nhiệt độ như thế nào chẳng thằng nào biết, chỉ sợ rằng, thay vì bật sưởi, lỡ bật nhầm máy lạnh thì bỏ bu. Sau một hồi bàn tán, cả sáu thằng đồng ý là có sao để vậy người ơi, đừng có tài khôn mà mang họa. Tối hôm đó sáu thằng trong phòng tôi đều rên rỉ vì lạnh, mặc mấy lớp áo, quần mền kín mít cả đầu lẫn mình mà vẫn thấy lạnh thấu xương, suốt đêm chẳng thằng nào ngủ yên giấc. Sáng dậy, vừa ra khỏi phòng, tôi gặp một thằng ở phòng kế bên, chưa kịp than với hần là lạnh quá thì đã nghe hần chửi thề:

- “Đ.M. nóng quá!”

Tôi mở mắt tròn xoe nhìn hần thì hần giải thích:

- “Đ.M. mấy thằng không biết vận tằm bầy tằm bạ làm nóng quá, tao phải xuống đất ngủ cho đỡ nóng!”

Tôi nghe xong không thể nhịn được cười. Tôi cũng nói cho hần biết là phòng của tôi thì ngược lại: lạnh thấu xương!

Thử ban đầu ấy, những chàng phi công của Không Lực Việt Nam Cộng Hòa là những anh chàng nhà quê ở xứ lạ quê người. Nhưng rồi, chỉ cần một thời gian ngắn ngủi, những anh chàng nhà quê này hội nhập vào đời sống của cái xứ văn minh nhất thế giới này một cách nhanh chóng. Chỉ một tuần lễ thôi, chúng tôi đã biết thế nào là “Sale,” thế nào là “Clearance Sale.” Anh nào cũng biết xăm xoi những bảng giá màu vàng màu đỏ mỗi khi đi “shop.” Thậm chí, chỉ hai tuần sau, một anh trong nhóm của tôi còn khoe là đã làm “mánh” trên cái máy bán soda. Anh kể là sau khi bỏ tiền vào máy, anh đập nguyên bàn tay cùng một lúc vào nhiều nút lựa chọn, đồng thời khai triển cả quyền cước lẫn xô đẩy. Chỉ có vậy thôi mà cái máy bán soda đã thưởng cho anh gần mười lon nước.

Có những kinh nghiệm mình học một cách dễ dàng, tuy nhiên có những kinh nghiệm phải trả một giá rất đắt thì mới biết được:

Tại Lackland Air Force Base, chúng tôi được ở trong những barracks to lớn và được sắp xếp hai người vào một phòng. Trong phòng mỗi người đều có tủ lạnh riêng. Nếu muốn nấu nướng thì có nhà bếp ở tầng dưới. Hầu hết du học sinh Việt Nam đến Mỹ đều thích tự tập nấu ăn trong lúc rảnh rỗi. Cũng chính vì vậy, nên thùng rác

trong phòng mỗi người thường hay có tàn tích của những thức ăn dư thừa.

Câu chuyện xảy ra là khi một con chồn hôi (skunk) vào lục lọi thùng rác của một anh trong barrack. Mặc dù cái mùi hôi của con chồn hết sức kinh khủng, nhưng vì bộ lông trắng đen của nó hấp dẫn quá, nên anh ta không cảm lòng được muốn giữ nó lại làm... của riêng. Kết quả thảm khốc thì quý vị có thể tưởng tượng được rồi: anh ta lãnh đủ cái độc chiêu từ cái đuôi của con chồn. Mùi hôi thúi của “độc chất” này đã làm cả barrack phải di tản. Riêng cá nhân anh thì phải vào bệnh viện, nơi đây anh được bác sĩ ưu ái thân tặng mấy cục xà bông thơm nhất với lời nhắn nhủ: “Ráng xài cho hết mấy cục xà bông đó nhé!”

Một tuần lễ anh được nghỉ học. Một tuần lễ chỉ làm có ba việc: ăn, ngủ và tắm. Một tuần lễ làm người cô đơn vì không một ai muốn đến gần anh ta.

Sau đó, cho dù là được đi học lại, tất cả mọi người trong lớp đều kỳ thị anh ra mặt: trông thấy anh, người nào cũng một tay bịt mũi, một tay cầm sách vở của mình dời sang chỗ nào xa anh nhất, không một ai muốn ngồi gần anh cả. Quả là một kinh nghiệm đau thương, tuy nhiên, nhờ vậy, anh đã để lại kinh nghiệm quý báu này cho những người đến sau...

GEAR UP, GEAR DOWN.

Trong cuộc sống hằng ngày, có những việc hết sức là thông thường, nhưng đối với những người từ một quốc gia có một lối sống hoàn toàn khác, thì những điều thông thường đó cũng cần phải học.

Trong Không Quân, danh từ “Gear-up” là để chỉ máy bay rút bánh xe vào sau khi đã cất cánh.

Ngược lại là “Gear-down” để chỉ máy bay hạ bánh xe xuống trước khi đáp...

Khi vừa bước lên chiếc phi cơ vĩ đại để đến xứ người thì những chàng phi công tương lai gặp ngay cái cầu tiêu kiểu Mỹ. Nguyên tắc của cái cầu tiêu này nó hoàn toàn ngược lại với cái cầu tiêu ở Việt Nam.

Khi còn ở bên nhà, muốn làm cái việc trời sinh này, người ta ngồi chễm chệ, hai chân dấn sát vào người, hay còn gọi là “Gear-up.” Sau khi đến Mỹ, muốn làm cái việc “tỉ tê” này thì lại phải thông hai chân xuống, hay là “Gear-down.”

Những nhà cầu tập thể trong barrack cho du học sinh là một dãy nhiều cái dính liền nhau, ở phía dưới để trống để người bên ngoài có thể nhìn thấy là có người đang “bay bổng” bên trong. Sự việc xảy ra là nhiều cái nhà cầu nhìn phía dưới thì chẳng thấy ai, nhưng mà lạ chưa, sao cửa đóng then cài một cách chắc chắn vậy?... Nếu để ý, thì một lát sau, hai cái càng từ từ hạ xuống, thì ra là vậy, một chàng phi công đang biểu diễn “air show” với gear-up. Hầu hết các “air show” này là của phe ta, những người chân ướt chân ráo mới đến cái “Xứ Cờ Hoa” này.

Một ông sĩ quan liên lạc của Không Quân trong một cuộc họp mặt đã giáo huấn đàn em mới đến xứ Mỹ như thế này:

“Mấy anh nhớ là sau khi cất cánh trong nhà xí, thì đừng có quên gear-down để đài kiểm soát nhận diện các anh. Tuy nhiên khi qua đến trường bay, sau khi cất cánh lên trời, thì nhớ gear-up, nếu không thì máy bay rớt...bỏ mẹ!...”

ĐÁI ĐƯỜNG

Nếu quý vị đọc và nghĩ bậy, thì đúng là ý nghĩa của nó đấy.

Đái đường có nghĩa là đái ở ngoài đường, không phải trong nhà cầu, cũng không phải là bệnh tiểu đường.

Tuy cái đái đê có hơi thô tục, nhưng đó là điều tôi muốn diễn tả. Phân vân mãi, tôi không tìm ra được một danh từ thanh tao nào mà có thể diễn tả được cái hành động trần tục nhưng rất cần thiết này. Thôi đành giữ nguyên chữ đái đường vậy.

Tất cả những du học sinh đến Mỹ đều không có xe riêng. Lý do là không có tiền mua xe và việc lấy bằng lái cũng nhiều phiền phức. Hơn nữa những tai nạn xe cộ có thể gây trở ngại cho thời gian du học, cho nên Không Quân cấm khóa sinh lái xe.

Nếu cần ra phố San Antonio thì hai ba thằng gọi một chiếc cab để cho đỡ tốn kém. Do đó phương tiện di chuyển chính của tất cả du học sinh Việt Nam là “lô-ca chân.” Cho dù là Không Quân đi nữa thì cũng đường trường xa, con chó nó tha con mèo chứ không còn cách nào khác.

Lackland Air Force Base là một căn cứ Không Quân rộng lớn. Đi bộ từ chỗ này đến chỗ kia là...một nghỉ.

Ông Trời sinh con người ra có nhiều điều rắc rối: bắt mình ăn, bắt mình uống, rồi lại bắt mình cho ra. Chính vì như vậy đôi lúc phe ta bị kẹt giữa đàng, biết làm sao đây? Nhìn tới nhìn lui, thôi thì tìm cách giải quyết cho lẹ!

Một ông niên trưởng khu trục đi tu nghiệp tuyên bố với đàn em như vậy:

–“Đ.M. Tôi bảo đảm với mấy anh, giữa đêm khuya thanh vắng mà thấy một tên Mít đứng nhìn trời hiu quạnh bên đường, thì chắc chắn là còn một hoặc vài tên nữa

đúng dài đầu đó!”

Lời tuyên bố của vị niên trưởng khu trục thật dí dỏm và đúng trăm phần trăm. Nhưng mà biết làm sao đây? Trời thì lạnh, đường thì xa vời vợi, niên trưởng chỉ biết chửi thề mà không chỉ đàn em cách giải quyết thì cũng như không! Vả lại, việc này cũng là nhân chi thường tình mà. Máy thẳng lính Mỹ sang Việt Nam, sau khi nhậu nhẹt ở mấy cái bar, tụi nó làm còn bạo hơn nữa đó. Minh làm lại trên đất Mỹ này thì coi như là huê mà, phải không niên trưởng?!!...

Thời gian đầu tại Lackland Air Force Base thuộc thành phố San Antonio, Texas, chúng tôi được ôn lại số vốn Anh ngữ đã học ở Việt Nam. Mỗi lớp có khoảng mười người, thường là do một bà giáo đảm trách. Những thầy giáo dạy chúng tôi đều là dân sự, họ rất lịch sự và hay bàn thảo nhiều đề tài ra ngoài sách vở hầu giúp chúng tôi mở mang kiến thức về nước Mỹ, đồng thời họ cũng muốn tìm hiểu nhiều hơn về nước Việt Nam. Khi những đề tài bàn tới văn chương thì phú thì trời ơi, vốn liếng Anh ngữ của chúng tôi làm gì mà tới đó được!!! Nhưng mà không sao, người ta nói, trong cái khó nó ló cái khôn. Vả lại được lựa vào Không Quân thì phải biết xoay trở chứ, nếu không thì máy bay làm sao mà cất cánh được.

Khi bàn về sự phụ bạc của một người đàn bà, một anh Mít ta tài khôn dẫn giải một câu nói trong văn chương Việt Nam:

- Nàng ôm cầm sang thuyền khác.”

Nói tiếng Việt thì dễ lắm, nhưng còn phải dịch ra tiếng Anh cho bà giáo hiểu nữa. Với sự tiếp sức của đồng môn anh ta bèn dịch thành:

“She takes the guitar goes to

another boat.”

Đúng quá, sát nghĩa quá, chủ từ, động từ và túc từ đều đầy đủ. Duy chỉ có cây đàn thì không biết phải dịch làm sao cho chính xác! Thôi thì lấy đại cây guitar thế vào cho dễ hiểu, ai cũng biết cây guitar hình thù như thế nào mà phải không?

Khi đề tài đi vào sâu hơn, một anh cắc có bàn về hai câu:

- “Hồi chuông Thiên Mục, canh gà thọ xương.”

Cái này mới rắc rối đó. Hồi chuông Thiên Mục thì còn hiểu là chuông ngân lên của chùa Thiên mục ở Huế, chứ canh gà thọ xương thì không thằng nào biết canh gà là mấy giờ mà thọ xương là cái gì? Không biết, nhưng mà đã lỡ tài khôn nói ra rồi thì cũng đành phải dịch, dịch sát nghĩa thì vừa không hiểu chính xác ý nghĩa của câu thơ, lại vừa không đủ chữ, thôi thì cương đại một cách ngắn gọn vậy:

“Hồi chuông Thiên Mục, canh gà thọ xương.”

Dịch thành:

“The bell rings, chicken soup.”

Vừa ngắn, vừa gọn, lại vừa có hương vị đậm đà của phở gà lòng trứng non nữa, tuyệt quá mà! Thế rồi sau khi dịch, cả bọn trong lớp đồng tình diễn một màn giải thích, vừa nói vừa múa chân tay, vừa diễn tả cả mặt mày lẫn thân thể. Bà giáo thấy thơ văn gì có mấy chữ mà cả bọn giảng hoài cũng không hết ý nghĩa của nó, đâm ra khâm phục cả một nền văn hóa thâm sâu của một dân tộc có tới bốn ngàn năm văn hiến...

CHÚ THÍCH

Kính thưa quý vị, “Chuyện du học” đã xảy ra hơn bốn mươi năm rồi. Ngày ấy những chàng trai trẻ theo nghiệp kiếm cung mới tuổi

hai mươi, vì theo binh chủng hào hùng “đi mây về gió” nên có cơ hội đem chuông đi đánh xứ người. Gặp lúc khó khăn nên xoay trở dịch “Hồi chuông Thiên Mục, canh gà thọ xương” thành “The bell rings, chicken soup.”

Bốn mươi năm sau, chàng trai già này kể lại chuyện đời xưa. Nhân lúc Google ra website phiên dịch ngôn ngữ, tôi hăm hở nhờ dịch hai câu thơ bất hủ này. Cứ định ninh thời buổi thông tin hiện đại, “đỉnh cao trí tuệ” của loài người sẽ dịch hay hơn. Nào ngờ sau vài giây suy gẫm, tôi phá lên cười ha hả làm bà vợ của tôi ngạc nhiên. Tôi bèn chỉ cho bà ấy:

-Em coi nè, Google dịch:

“Hồi chuông Thiên Mục, canh gà thọ xương,”

thành

“Feedback tone Thien Mu, Life bone chicken soup.”

Rồi tôi lại tiếp tục cười ha hả:

- Em thấy không, sau bốn mươi năm trôi, với những đầu óc siêu việt, Google “xoay trở” còn khó khăn hơn tụi anh hồi xưa nhiều đó...

Nói xong, tôi thích chí vừa cười vừa hát nghêu ngao: “Ôi phi công danh tiếng muôn đời.....ừ u u u ú ú...”

THAM KHẢO

<http://translate.google.com.vn/#>

Trước năm 1975, những “đồ phụ tùng” của đàn bà làm tại Mỹ rất được các bà các cô ở Việt Nam ưa chuộng. Nhiều chàng phi công Việt Nam đến Mỹ, ngoài nhiệm vụ học cho thành tài để về phục vụ quê hương, còn thêm một nhiệm vụ nữa là mua về những thứ mà vợ hoặc người yêu của mình ưa thích. Ngôn ngữ không thông, đường

xá không rành, vậy mà phải mua những món hàng khó ăn khó nói đối với một người đàn ông nam nhi chi chi. Ấy vậy mà chỉ bốn tuần sau khi đến Mỹ, một anh trong nhóm của tôi khoe rằng:

- “Tao vừa mới gửi về cho vợ tao một thùng đồ.”

Một anh hỏi:

- “Mới tới thôi mà mầy gửi cái gì về sớm vậy?”

Anh ta trả lời:

- “Thì là mấy cái đồ linh kinh của đàn bà đó.”

Anh ta than thở về những sự khó khăn mà anh đã gặp. Anh nhắc nhớ lại những điều khó nói, khó diễn tả với cô bán hàng. Một tên trong đám chọt hỏi:

- “Nhưng mà mầy làm sao biết cái size của bà mà mua?”

Anh ta chưa kịp trả lời, thì một anh khác nhanh miệng lên tiếng:

- “Bộ mầy không biết à, nó thử sẵn cái bàn tay như vậy từ Việt Nam qua đó.”

Vừa nói, tên này vừa vênh váo, vừa đưa nguyên bàn tay xò ra tượng hình cái ngực của người đàn bà...Cả bọn chúng tôi đều phá lên cười, chỉ trừ anh chàng gửi đồ về cho vợ thì lại cười với bộ mặt tên tò.

Cho dù là nhiệm vụ khó khăn thế nào đi nữa, đã lỡ khoác lên người bộ chiến y của một binh chủng bị gán cho cái tên là “Hào hoa phong nhã,” thì những chàng phi công cũng đành phải ráng hết sức mình mang cánh bay về để đáp bên em... Ôi cuộc đời mà không có em, thì giống như là chiếc phi cơ của anh không có phi trường để đáp vậy!

San Jose, CA. Tháng Tư, 2010

Lạc Long Huỳnh Quốc Phú

(Hiện nội edit)

thơ Lâm Hảo Dũng

Không Bao Giờ Thấy Nữa

Không còn nữa thuở nắng vàng chim sẻ
Em hoa tươi đùa giỡn bướm sân trường
Không còn nữa tâm hồn xanh thiếu nữ
Buổi hẹn hò lúu quíu bước chân vương
Như giấc mộng các nàng tiên cổ tích
Cuốn mù tăm lòng ngổng mối duyên trời
Đã bay mất theo chặng đường của tuổi
Đã âm thầm gọi lại chút buồn tôi
Không còn nữa em thơ đời cấp sách
(Đời ly hương mây tím dạt dờ bay)
Không còn nữa trái tim người nóng cháy
Yêu chân thành đến chết một người thôi
Tôi xa quá bay là tôi mất hết
(Thời trăng sao tuyết lộ đến nơi rồi)
Còn sót lại mắt hồ vương ánh nước
Chút tang thương huyền hoặc gọi riêng tôi



Biết Tìm Đâu Em Muôn năm vẫn Thiếu

Biết tìm đâu thời chân vương tóc rối
Em gom mây làm nắng đẹp sân trường
Nên có kẻ mộng bay ngoài cửa lớp
Khi cuối mùa hoa phượng đỏ đơm bông
Biết tìm đâu hồn thơ in giấy mới
E muôn năm còn mang nghĩa đại khờ
Tôi nhớ hoài đôi mắt ướt như mưa
Đã giam suốt đời tôi trong đáy ngục
Biết tìm đâu cái thời tôi xanh tóc
Tình lang thang không khoảng ấm tâm hồn
Sống trên rừng yêu gái Thượng H'mong
Nên đôi lúc con tim thường nhuốm bệnh
Biết tìm đâu thôi em đừng lẫn thẩn
Đời tang thương thủy táng tự lâu rồi
Hãy mở lòng du đảng ném trao tôi
Dù héo bất dù phơi ngàn vết sẹo

Biết tìm đâu em muôn năm vẫn thiếu
Một tình yêu man dại đến hoang đường

Tài liệu trong bài này không thấy ghi trong Lịch Sử Việt Nam. Đây là tài liệu đặc biệt do sự đóng góp của các nhân sĩ người Việt gốc Miên trong thời gian chúng tôi khảo cứu về lịch sử miền này từ năm 1960 đến 1974. Chúng tôi chân thành cảm ơn Nghị sĩ Sơn Thái Nguyên, Nghị sĩ Đại tá Kim Khanh, Tổng Giám Đốc Tổng Nha Miên Vụ, Dân Biểu Sơn Thi cùng các vị Dân Biểu Việt gốc Miên khác: Thạch Phen, Kiên Sốt, Danh Nở, Châu Sokan . . .

Vùng Ba Thắc

Vùng Ba Thắc, có khi còn gọi là Ba Thít, hay Ba Sắc là vùng trũng nằm ở Hậu Giang: từ Cần Thơ đến Cà Mau. Người Việt gốc Miên sống đông trong vùng này. Người Miên chuyên làm ruộng, cấy loại lúa nổi, có sở trường giao thông đường thủy, nên tập trung ở vùng trũng nhiều hơn vùng cao.

Trong Lịch Triều Tập Kỷ của Ngô Cao Lãng viết bằng chữ Nho có nói tới vùng Ba Thắc trong thời kỳ các chúa Nguyễn mở mang lãnh thổ trong vùng châu thổ Cửu Long.

Dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm: hai tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu sát nhập làm một tỉnh mang tên mới: Tỉnh Ba Xuyên. Đây là trung tâm vùng Ba Thắc.

Vùng trũng, Vùng Cao

Sông Cửu Long bắt nguồn từ Tây Tạng, dài gần 5000 km, băng qua tỉnh Vân Nam Trung quốc xuống biên giới Thái-Lào, vào Cambodge.

Từ Cambodge, sông Cửu Long băng qua Châu Đốc vào Việt Nam chia làm hai nhánh gọi là Tiền Giang và Hậu Giang song song chảy ra biển. Giữa hai con sông phù sa bồi lên tạo thành vùng đồng bằng ngập lụt (về mùa mưa). Vùng này nằm trong phạm vi các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Người Phù Nam, tiền thân của người Miên, gọi là vùng trũng. Trong khu vực rộng lớn sinh lầy thuộc tỉnh Đồng Tháp có một cái Tháp 10 tầng, Tháp này đo người Phù Nam xây từ thế kỷ thứ V. Trong Tháp ghi: “Phong cho Hoàng Tử Gunavarman trị

vì một lãnh thổ sùng đạo, được chinh phục từ vùng đồng lầy”.

Điều này chứng tỏ người Phù Nam nói chung, người Miên nói riêng thích vùng trũng hơn vùng cao. Chữ Miên chính là chữ Phù Nam. Đó là sự kết hợp giữa chữ Sanscrit và chữ Phạn Pali (gốc Ấn Độ). Chữ ghi trong tháp là loại chữ này.

Qua Sa Đéc, sông Tiền chảy chậm lại. Sông Hậu vẫn chạy đều theo các vết nứt của đất, nhờ nhiều vết nứt thiên nhiên, sông Tiền chia thành nhiều nhánh bồi phù sa, hình thành vùng tam giác Vĩnh Long, Mỹ Tho, Cần Thơ. Đây là vùng rất tốt cho việc cấy lúa và làm rẫy, trồng các cây ăn trái. Người Việt, người Hoa đổ vào đây làm ăn buôn bán.

Năm 1679, Chúa Nguyễn Phúc Tần đã đưa hơn 3000 người Hoa định cư trong vùng Mỹ Tho, Đồng Nai, Gia Định. Nhóm 3000 người Hoa này do các tướng nhà Minh như Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiến, Trần Thắng Tài, Trần An Bình đi trên 50 chiến thuyền vào cửa biển Đà Nẵng xin làm thần bộc chúa Nguyễn. Họ là tướng lãnh nhà Minh vùng Quảng Đông nhà Minh bị diệt, họ vượt biển vào Đà Nẵng. Chúa Nguyễn Phúc Tần cho họ vào định cư tại nước Chân Lạp trong vùng cao Đồng Nai, Mỹ Tho, Vĩnh Long.

Nhóm người Hoa này được gọi là người Minh Hương, có truyền thống về thương mại. Định cư ở đây, họ cấy cày, trồng trọt hoa màu và đóng thuyền để chuyên chở hàng hoá nội địa và buôn bán với người nước ngoài. Kinh tế phát triển, họ mang bà con, người làng từ Trung quốc sang. Vùng nào có nhiều người Miên, người Hoa đổ xô đến đó. Người Miên chuyên làm

ruộng, làm rẫy, người Hoa buôn bán. Các vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh . . . là những vùng nhiều người Miên ở thôn quê chuyên làm ruộng, trong khi các thị trấn như tỉnh lỵ, huyện, xã . . . người Hoa chiếm đa số.

Tên Ba Thắc từ đâu mà ra?

Theo ông Sơn Thái Nguyên thì Ba Thắc là tên một vị hoàng tử Lào. Hoàng tử này đem quân từ

Lịch sử miền Nam

Bùi Sỹ Thành biên khảo

Lào sang Cambodge, rồi vào Việt Nam theo sông Mekong. Họ chiếm vùng trũng vì sở trường của họ là di chuyển bằng thuyền. Họ đóng quân ở vùng đất Sóc Trăng bây giờ. Chữ Sroc: ấp, vùng. Trăng: Treng có nghĩa là vùng trũng. Sóc Trăng có nghĩa là vùng trũng. Ở vùng Bãi Xàu Sóc Trăng có ngôi chùa mang tên Ba Sắc, tức đền thờ Ba Thắc.

Quân Lào từ Sóc Trăng đổ xuống Bạc Liêu. Người Miên gọi Bạc Liêu là Pôn Liêu có nghĩa là quân Lào. Tên Bạc Liêu từ đó mà ra.

Quân Lào bị quân Indo Khmer tấn công phải rút về Sóc Trăng, đóng tại bãi Xàu (Bãi Xàu là thị xã huyện Châu Thành, tức huyện Mỹ Xuyên). Bai: Com. Xàu: sống. Bai Xau có nghĩa là com sống. Quân Lào đang thổi com, chưa chín đã bị quân Indo Khmer tấn công, phải bỏ chạy... Số người Lào này sau bị người Miên đồng hoá.

Tên các địa danh ở miền Nam thường do tiếng Miên: Sa Đéc (tiếng Miên Phsar là chợ. Đéc là Sắt. Sa Đéc: Chợ Sắt). Ở Sóc Trăng có các vùng tên lạ như Trà Canh, Trà Quít, Trà Công... tìm hiểu mới biết Trà chính là Tà. Tà là Ông, như vậy có nghĩa là Ông này, Ông nọ, chứ không phải tên riêng.

Chúa Nguyễn và người Miên

Đây là trọng tâm của bài này. Người Miên rất đông trong quân đội của chúa Nguyễn. Ở Cầu Kè, Trà Vinh có đền thờ một vị tướng người Miên, gọi là Đài Bác Tướng Quân. Chúa Nguyễn đã phong tướng cho vị này. Để đồng hoá người Miên, chúa Nguyễn phong cho người Miên sáu dòng họ: Thạch, Kim, Kiên, Danh, Châu, Sơn.

Người Miên không có dòng họ. Họ lấy tên Bố làm Họ cho con. Như vậy, Họ chỉ có một đời. Riêng nhà vua có dòng Họ như Norodom Shi-

hanouk (họ Norodom).

Mãi tới đời Minh Mạng, người Miên bắt buộc ghi một trong các dòng họ đã được chúa Nguyễn ban cho. Từ đó, người Miên ở Việt Nam có họ đứng trước tên. Những người Miên ở Cambodge mang dòng họ là những người Miên từ Việt Nam sang. Thí dụ: Thủ Tướng Sơn San, Thủ tướng Sơn Ngọc Thành đều là người Trà Vinh. Các Nghị Sĩ, Dân Biểu Việt gốc Miên ở Việt Nam mang các dòng họ kể trên: Sơn Thái Nguyên, Kim Khanh, Sơn Thi, Kiên Sốt, Thạch Phen, Châu Sokan...

Ghi Chú 1

Người Việt có mặt tại vùng sông Cửu Long, Nam Vang, Thái Lan từ bao giờ?

- Theo Faira, Phụ tá Thám Hiểm Pinto (Bồ Đào Nha) đến vùng Đông nam Á 1535 đã gặp người Việt sinh sống vùng duyên hải và hai bên bờ sông Cambodia, tức sông Mekong.

- 1665 Giáo sĩ Chevreuil tới nam Vang đã thấy hai làng Việt Nam với dân số 500 người.

- 1867 Loubère có ghi trên bản đồ một hòn đảo Ayuthia, kinh đô Xiêm là nơi cư trú của người Việt. Theo LC Baurec cho biết vào giữa thế kỷ 19, dân số miền nam Việt Nam là 7,8 triệu.

- Theo thống kê của Pháp, dân số miền Nam. 1880: 1,56 triệu; 1890: 1,96 triệu; 1900: 2,6 triệu; 1910: 3,05 triệu; 1920: 3,58 triệu; 1930: 4,3 triệu.

Ghi Chú 2

- Trong thời kỳ Gia Long 1802-1820: Miền Nam vẫn chưa thành lập Tỉnh, mặc dầu thành lập các Thôn, Xã, Huyện, Phủ. Phủ Gia Định nắm toàn quyền hành chánh và quân sự từ Phủ Bình Thuận cho đến Hà Tiên. Tổ chức hành chánh nằm chung với quân sự trong một

cơ quan gọi là Gia Định Thành do một vị Tổng Trấn làm tư lệnh. Vị Tổng Trấn thời Gia Long là Lê văn Duyệt. Việc tổ chức cai trị miền nam thành các trấn: Bình Thuận, Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Thanh. Gia Định gọi là Phiên trấn. ngoài ra, Hà Tiên được coi là một trấn do Mạc Cửu, sau là Mạc Thiên Tứ, cai quản. Các vùng đông người Miên như vùng Ba Thắc, Trà Vinh vẫn được tự trị.

Sang thời Minh Mạng, sau khi Lê văn Duyệt chết, Minh Mạng thành lập tỉnh Gia Định trực thuộc kinh đô Huế. Kế đó thành lập tỉnh An Giang (bao gồm Long Xuyên, Cần Thơ). Vùng Ba Thắc (Sóc Trăng, Bạc Liêu) thành Phủ Ba Xuyên, thuộc tỉnh An Giang. Phủ này vẫn được tự trị, quan Phủ là người Miên. Sau đó thành lập tỉnh Hà Tiên (Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc). Tổng Đốc coi hai tỉnh An Giang và Hà Tiên là Trương Minh Giảng. Các tỉnh khác là Vĩnh Long, Biên Hoà.

Miền nam trong thời vua nhà Nguyễn gồm 6 tỉnh. Ba tỉnh miền Đông là: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường. Ba tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

Người Pháp xâm lăng miền Nam năm 1861, chiếm cả sáu tỉnh và đặt 6 tỉnh này là thuộc địa của Pháp. Pháp thành lập các tỉnh mới: Gò Công, Bến Tre, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu.

Bùi Sỹ Thành



*Kính tặng Quý Thầy Cô trường
Hoàng Diệu ngày Nhà Giáo VN-
Riêng kính tặng Thầy Ngô Kim
Thạnh, Thầy Đào Ngọc Ấn và Thầy
Quách Xiêm.*

Quê nội tôi ở miền Trung nước Việt. Những buổi chiến chinh chưa lui khỏi cuộc đời, dành cho bao người con phương xa nơi nương thân lại là rẻo đất của miền Tây Nam Bộ bằng phẳng với những xe trâu, và hàng hàng rơm rạ phủ kín đường thôn trong tiếng sáo ngày mùa. Những đời lưu dân không dám nhận nơi đâu là cố lý, vậy mà thoát cái bốn mươi năm đã in đậm tâm hồn... Và nơi đây đã bằng bạc khoáng trời cát trắng thùy dương trong nước và gạo cơm Nam Bộ, cùng nuôi dưỡng và nuôi chúng tôi lớn lên... chật vật mà kỳ thú, gieo neo mà đầy những mến thương.

Sóc Trăng quê tôi không có cây đa và bến nước, mái đình và hàng cau nghiêng bóng của nghìn năm thơ ca. Quê tôi có dòng sông Cầu Quay bốn mùa vàng óng phù sa và lững lờ những rặng lục bình như phiêu linh vĩnh viễn, không biết về đâu... Quê hương Sóc Trăng luôn như một lời thì thầm mong bước người phương xa một lúc quay về. Tôi yêu quê tôi trong từng tiếng gáo gạo kêu kịt sớm mai Bắc Tà Ky Mã Tộc, từ tiếng đê lò rền ở khu chùa Cao Đài, từ tiếng chuông ngân nga bên này làng Chung Đôn xanh bóng tre, cho đến giọng giòn tan người em gái Kh'mer mỗi mùa lúa chín Ór ôm bóc ...

Đặc biệt không lẫn lộn trong ký ức lúc mờ lúc tỏ của một trung niên, ngôi trường cũ thường hiện về trong những giấc mơ của người ngỡ mình luôn ở tuổi cấp sách. Cả những khi mơ màng tượng về một

ngôi trường nào đó, ví như khi đọc về một ngôi trường, không hẳn là mơ, thì lúc nào hình ảnh của trường Nam Tĩnh Lý và Trung học Hoàng Diệu vẫn luôn hiện ra trong tâm trí tôi. Hẳn nhiên ngôi trường ấy chính là chuẩn mực trong trí nhớ - trong lành nhất, tinh khiết nhất, êm ái nhất... Cũng vậy khi nghe nhắc đến một bến tàu, một dòng sông, thì hình ảnh hiện ra trong trí óc tôi

thường là dòng sông Cầu Quay với bến Nguyễn Văn Kiểng tấp nập xe cộ và ghe xuồng. Khi nhắc đến một lần tiễn biệt kẻ ở người đi, tôi tự khắc nhớ lại hình ảnh của bến xe Gôi- Lịch Hội Thượng....

Những dãy hành lang Hoàng Diệu vắng lặng của những năm 1980 đến trường sớm...vẫn mãi vang vang trong tôi tiếng guốc những ngày thu nhập học. Vẫn



Trường *Hoàng Diệu*

Sóc Trăng

Lê Vĩnh Trương
(niên khóa 82-85)

còn đó trong tôi những tà áo trắng chấp chới bay trong ánh nắng sau cơn mưa phùn mùa hè thị xã. Trời nắng mà vẫn mưa mong manh những tơ trời làm vàng óng lên áo trắng học trò đầy hoa mộng. Không hiểu ngày xưa Thanh Tịnh có trong tâm tư những tà áo ấy hay không mà ông mô tả ngày đầu đi học êm đềm quá... Hàng năm cứ vào độ cuối thu.. lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc...

Có một thời tiếng trống được thay cho tiếng chuông leng keng khi hết giờ; cái trống da trâu to phải đến hai ba người ôm uy nghi đặt trước cửa văn phòng cũng gọi cho chúng tôi nhiều kỷ niệm. Cái trống ấy có khi đặt bên kia hành lang gần mấy dãy khuynh diệp và bạch đàn và đã có lần bọn tôi đá trái banh đánh thùng từ bên sân tả của dãy văn phòng và phòng giáo viên.

Đạo ấy những cây cồng cổ thụ xanh tươi cứ rơi lịch lịch những trái cồng cong queo trong mùa gió lớn. Gió từ sông cầu Quay thổi sang Hoàng Diệu, gió từ bên dưới miệt ruộng vườn nhà ông Ba Khâm thổi đến, lúc thì phàn phật rặng bạch đàn lúc thì rì rào như cơn man mát lục bình bên hồ mênh mông sau lưng Miếu Bà Hòa, gió mang những tiếng đàn réo rắt đến từ khu Trường Hưng, gió mang theo những âm thanh rộn ràng từ ngoài chợ với cái mùi trứng muối và xa bầu đặc trưng Sóc Trăng. Và gió mang vọng tiếng ngân nga chuông chùa Tịnh Độ...

Những cánh chim đã bay đi bốn phương trời biết có còn ai nhớ về trường cũ cùng những sớm chiều mưa, nắng, gió với âm thanh của muôn vàn kỷ niệm. Uy nghi mà lóng lánh sắc màu của mùa xuân tuổi trẻ.....

Tôi xa trường đã hơn hai mươi năm. Những lần trở về, tên trai tơ ngày xưa luôn cố tìm cách nào đó để khi thì xe ôm, khi thì xe lô, khi thì tản bộ qua cổng trường ngày xưa để tưởng rằng trong những lớp học thâm nghiêm kia vẫn còn đó bóng dáng uy nghiêm của Thầy Cô tôi cùng bao nhiêu người bạn cũ. Cũng để tưởng rằng tâm hồn mình được thêm một lần tắm lấy nắng mai hồng, còn bên kia những cánh hoa xuân là những tà áo một thời vương cánh bướm...

Chính tại ngôi trường này tôi đã nhận được những lời dạy bảo, trách mắng và những khích lệ ân cần của những người Thầy ân sâu nghĩa nặng. Những lúc tưởng như quy ngã trong đời, may thay, tôi còn kịp nhớ về những lời yêu thương đó để vịn vào mà đứng dậy... Những lần về thăm trường cũ, chúng tôi có may mắn gặp lại những Thầy Cô: có người còn ở đó, cũng có người đã chuyển đi nơi khác. Song ký ức chúng tôi vẫn trào dâng một niềm thành kính và tin yêu lạ thường! Như thể Thầy, Cô và lũ chúng tôi vẫn còn đó đọc sách, ngâm thơ, mài mò những dòng đại số, những bài lý hóa sinh, rồi lật lại những trang sử địa nước nhà....

Tôi xin được một lần được sờ lấy bàn tay gầy gò của Thầy

tôi, được cung kính vòng tay và cúi đầu chào gương mặt khắc khổ nhưng sáng ngời hạnh phúc của Cô tôi. Cho chúng em được hôn những bàn tay cũng lấm tấm phấn, rạng ngời như mái tóc Ân Sư. Có phải chính tháng năm đã kết nên màu mái tóc cũng là màu phấn ân tình-kiên trì nhẫn nại và rất đổi bao dung? Màu trắng thương mến ấy sẽ mãi trong tôi, ấm lành như hoa như nắng khung trời thị xã mấy độ xuân về.... Hoàng Diệu của tôi ơi...

Lê Vĩnh Trương
(niên khóa 82-85)



thơ Hương Chiêu

Vân một dòng trôi

*Qua dãy vựa bông lòng vẫn nhớ
Dòng sông con nước giữa hai đầu
Cầu Bón xuôi chảy qua cầu Đổ
Thuyền ghe thăm bóng biết về đâu*

*Quen lắm mực sông ngày mưa nắng
Cầu Đổ em về buổi sớm trưa
Nước lụt học trò bơi lồm bồm
Rau rác trôi quanh những miếng dừa*

*Vậy đó thương sao miền thơ ấu
Ngay cả dòng sông không có tên
Buồn theo mấy khúc sông vựa lấp
Hai chiếc cầu đưa chạnh nỗi niềm.*

*Ngơ ngác đứng trên nền đất mới
Đất cứng sao lòng tôi lún sâu
Vẳng tiếng bạn hàng rao ơi ơi
Dòng sông quen đã chết bôm nào*

*Sóc trắng trở lại một mình tôi
Buồn hay vui phố xá đông người
Ai bát dòng sông đi biển biệt
Hồn tôi xanh mãi một dòng trôi*

Mỗi khi tạo một tài khoản email hay một tài khoản để mua hàng trên mạng Internet thì ai cũng phải trả lời một số câu hỏi dùng để nhắc nhở khi mình quên password hay là username, những câu hỏi như là tên của người bạn thân thời tiểu học, trung học, hay tên của Thầy Cô giáo đầu tiên, tên của quyển tiểu thuyết hay quyển sách yêu thích, hay tên của con chó hoặc con mèo đầu tiên của mình... những câu hỏi như vậy đã khơi gợi trí nhớ của tôi về một thời thơ ấu với Thầy Cô và bạn bè thời trung học, tiểu học và xa xưa hơn nữa là cái thời học lớp vỡ lòng.

Trước khi vào tiểu học tôi được đi học lớp vỡ lòng trong xóm do Ông Út tôi dạy, Ông Út là chú ruột của

tuổi thơ

ba tôi, ông là thầy giáo trường tiểu học xã Phú An, huyện Châu Thành tỉnh Cần Thơ, ông đã về hưu và mở lớp dạy vỡ lòng cho con cháu. Ở lớp vỡ lòng này tôi không có nhiều kỷ niệm để nhớ, chỉ nhớ mang máng bài học thuộc lòng Ông Út thường đọc cho cả lớp nghe: “Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa



mẹ như nước trong nguồn chảy ra...” hay là những câu châm ngôn như “Không thầy đố mày làm nên”, “Tiên học lễ, hậu học văn”, hay “Có học phải có hạnh”.

Hồi đó mấy chị em tôi thường được về quê nghỉ hè hay nghỉ Tết ở nhà cô Bảy tôi. Ba tôi gọi mấy chị em tôi tá túc với cô Bảy cho cô Bảy vui và chị em tôi cũng có dịp thay đổi môi trường để sống với đời sống thôn dã, biết câu cá, biết tắm sông, biết bơi lội, biết đi ruộng mót lúa, và biết ra vườn hái trái cây tiếp cô Bảy tôi đem bán ngoài chợ để dành dụm tiền đem về nhà sau khi nghỉ hè ... Ba tôi thường trở lên đón mấy chị em tôi về lại Sóc Trăng sau đợt nghỉ hè. Sau năm học vỡ lòng trong lớp của Ông Út, tôi về học tiểu học ở Xài Ca Nã, xã Đại Tâm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong đám bạn học chung thời tiểu học ở Xài Ca Nã, Đại Tâm có hai bạn Lâm Thị Nhị và Lâm Thị Hiền rất ấn tượng trong trí nhớ của tôi. Hiền và Nhị học chung với tôi có lẽ từ lớp một (tức là lớp năm hồi đó), cho tới lớp năm (tức là lớp nhất hồi đó). Ngôi trường tiểu học

cộng đồng Đại Tâm cũ kỹ đơn sơ, bạn bè trong lớp toàn những người Việt gốc Miên hoặc gốc Hoa hoặc mix Miên và Hoa. Tôi còn nhớ năm học lớp nhất là lớp năm bây giờ, Lâm Thị Hiền, đứa bạn người Miên của tôi, đã rất vất vả khi viết chính tả, bài nào Hiền cũng viết sai chính tả gần hết có bài bị không điểm có bài được nửa điểm thiệt là tội nghiệp, tôi thấy thương bạn quá nên đã làm tài khôn chỉ cách cho Hiền viết



yêu dấu

Hồng Nhan

để bớt trật lỏi chính tả, và từ từ Hiền đã viết chính tả khá hơn, nhưng cũng còn trật nhiều, sau năm lớp nhất Hiền nghỉ học ở nhà luôn không thi lên đệ thất, từ đó đến nay tôi không còn biết tin tức gì về Lâm Thị Hiền nữa. Tôi chỉ còn nhớ mang máng có một lần tôi đi bộ chắc khoảng ba hay bốn cây số tới nhà Hiền chơi, nhà Hiền với nhà tôi rất xa nhau, nhà tôi ở tại chợ Đại Tâm còn nhà Hiền ở tận Trà Lôn đi khỏi chùa Chén Kiểu rồi còn đi sâu vô làng, ở phía trước và sau sân nhà nhỏ Hiền có trồng nhiều cây táo, loại trái nho nhỏ giòn giòn, chua chua chát chát và chắc thịt này hồi đó tụi tôi rất thích, cứ trèo lên hái trái ăn hoài không chán, hình như loại táo này chỉ có ở các vùng ở Sóc Trăng vì khi tôi lên Cần Thơ thì không thấy có cây táo nào như vậy, những ngày tháng đó tôi đã học được chút đỉnh tiếng Miên như là “xi bai (ăn cơm), hóp bai (dùng cơm), tàu xa (đi chợ), tàu na (đi đâu), tàu te (đi về nhà), phất tức (uống nước)” hay là “mì cảnh Hiền là ọ là ạch (nhỏ Hiền đẹp gái quá)” hoặc là

“bồn ơi xà lạnh ôn tề (anh ơi có thương em không?)”, mấy câu này dễ ợt chắc ai từng ở Sóc Trăng cũng đều đã biết qua.

Lâm Thị Nhị có lẽ là người Miên lai Tàu, sau khi thi rớt năm 1967, năm sau 1968 Nhị và tôi thi đậu vô đệ thất trường Hoàng Diệu, lần đầu tiên đi học được mặc áo dài, nhưng vì nhà xa mà cha mẹ không dám cho đi xe đạp nên hai đứa phải đi xe lôi ra Sóc Trăng học, thiệt là mắc cỡ quá chừng, hai đứa mặc áo dài chạy lúp xúp lon ton như hai con rối ... hai chuyến đi về từ nhà ra bến xe lôi và từ bến xe lôi về nhà, như là một cực hình cho hai đứa tôi vì thế hai đứa tôi cứ chạy nhảy lanh chanh không đoan trang nhu mì cho ra vẻ con gái gì hết; chả trách các bà hàng xóm xúm nhau ra nhìn, chắc ai cũng cười chê con gái sao không đầm thắm gì hết, đúng là “vô duyên chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy, chưa mời đã ăn”. Thiệt ra hai đứa tôi đã quá lúng túng một phần hãnh diện vì đã thi đậu vào trường công, được làm nữ sinh Hoàng Diệu, phần còn lại do cái áo dài vướng víu chưa quen, ở lứa tuổi con nít này làm sao mà tề chỉnh cho được nên lúc nào cũng lúng ta lúng túng vụng về, chân muốn bước chậm lại nhưng trống ngực thì đánh lô tô báo phải lo chạy cho mau, đúng là “dân chơi Xài Ca Nã”, bọn bạn học trong lớp thường chọc ghẹo tụi tôi như vậy!

Xài Ca Nã cũng là tên tộc của xã Đại Tâm, hình như có hai truyền thuyết về cái tên Xài Ca Nã, truyền thuyết thứ nhất nói xứ này xưa kia có nhiều xoài ăn không hết rồi sau đó xoài được chắt vào cái nã để dành cho nên ai cũng có “Xoài Cã Nã” vì dân ở xứ này hay dùng cái nã; cái nã đan bằng tre, có nắp đậy và có cái quai để xách giống như cái giỏ đựng trầu loại lớn của mấy bà già trầu xưa. Truyền thuyết thứ hai nói là vì xứ này hay xài cái nã nên gọi là xứ “xài cái nã” ... lâu ngày “Xoài Cã Nã” hay “xài cái nã” bị đọc trại ra là “Xài Ca Nã” nghe lý luận cũng có lý và xuôi tai nên ai nghe cũng gật gù chấp nhận.

Xài Ca Nã có nhiều loại trái cây đặc biệt ít nơi nào có như trái chùm ruột ngọt và trái táo xanh vàng nho nhỏ. Ai đã từng ăn trái chùm ruột ngọt ở Xài Ca Nã sẽ nhớ mãi vị ngọt tự nhiên của nó có pha lẫn một chút vị chần chát; làm sao tôi quên được cái giỏ đan bằng lá dừa nước chứa đầy trái chùm ruột ngọt mà ba tôi đem về nhà sau buổi dạy học ở trường xã Tham Đôn; có một cái gì đó đã gây cho tôi một ấn tượng rất sâu đậm về cái giỏ đựng trái chùm ruột ngọt này, hình như lúc đó tôi thắc mắc tại sao lại có một người học trò chịu khó đan cái giỏ và hái nhiều trái chùm ruột ngọt tặng cho ba tôi như vậy, nhưng cái lý do chính có lẽ là vì tôi rất thích trái chùm ruột ngọt nên nhớ mãi

chuyện này. Xài Ca Nã còn có trái cóc rừng, cây cóc rừng cũng cao lớn và lá của nó cũng giống như lá của cây cóc thường. Trái cóc rừng có vỏ và thịt rất mỏng, cắn vào một miếng là thấy có vị chua chua nhưng rất chát, chỉ cắn một miếng thôi là đủ chát rồi, nhưng cái hột cóc mới là món ăn đặc biệt, hột cóc màu ngà ngà có hình bầu dục, và có rất nhiều nước chua chua thanh thanh rất hấp dẫn, ăn xong sẽ ghiền, sau khi ăn cóc rừng rồi uống nước vào sẽ thấy nước rất ngọt, hình như đưa nào trong bọn tôi hồi đó cũng thích ăn hột trái cóc rừng. Sau khi ăn trái cóc rừng giọng nói sẽ thanh tao hơn, khi hát giọng hát sẽ trong trẻo hơn nghe rất hay. Tôi rất thích trái cóc rừng này!

Xài Ca Nã trong tôi là những ngày thơ ấu học ở trường Tiểu Học Cộng Đồng Đại Tâm, có cây bàng lớn ở giữa sân trường, có cái trống thật to bọc da bò ở hai đầu, có hai cái dùi bằng gỗ ngày nào cũng được dùng để đánh trống tám lần, bốn lần cho buổi sáng và bốn lần cho buổi chiều, lần đầu trống báo hiệu cho giờ chào cờ vào học, lần thứ hai trống báo hiệu giờ ra chơi, lần thứ ba trống báo hiệu hết giờ chơi phải vào học, và lần thứ tư trống báo hiệu giờ tan trường. Trường xã có hai buổi học đều đặn như vậy, mỗi khi nghe trống đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào học thì mọi học sinh đều chạy tới trước cửa lớp mình để xếp hàng vào lớp học, tôi nhớ có một lần chắc là năm học lớp nhì (tức là lớp bốn bây giờ), buổi trưa tôi ngủ quên bỗng giật mình thức dậy chạy vội đi học khi nghe tiếng trống đánh thùng thùng, chắc là tới giờ ra chơi, không biết hôm đó tôi bị làm sao mà ngủ mê đến như vậy, tuy là vô lớp không bị cô giáo rầy nhưng tôi rất lấy làm xấu hổ nên tôi nhớ hoài cho đến bây giờ. Tiếng trống trường là âm thanh quen thuộc gần gũi nhưng rất thiêng liêng trong tâm hồn tôi, mỗi khi nghe tiếng trống trường đánh thùng thùng là tôi có một cảm nhận rất thiêng liêng về bốn phận và trách nhiệm của một người học sinh là phải ngoan ngoãn và chăm chỉ học hành, phải biết vâng lời Thầy Cô và quý mến bạn bè.

Hồi đó tôi như bà cụ non rất ít khi cười, nét mặt lúc nào cũng đăm chiêu, nhưng khi có bạn chơi giỡn thì cũng phá phách chút chút với nhau. Tôi còn nhớ năm học lớp ba với ông Thầy người Miên, rất tiếc lâu quá tôi không nhớ tên Thầy, có lẽ tên Thầy là Mai Bút, như lời của Trầm Thị Ngọc Loan đã nhắc cho tôi; Ngọc Loan cũng là học sinh Hoàng Diệu 68-75 ban Toán và Pháp văn. Em của Ngọc Loan là Ngọc Liên, hai “cô công chúa xinh đẹp” con gái của Thầy Bâu, Ngọc Loan học sau tôi một lớp ở trường tiểu học Đại Tâm, tôi biết Ngọc Loan và Ngọc Liên qua những lời khen ngợi

ngưỡng mộ của các bạn tôi và các gia đình hàng xóm trong xã Đại Tâm, xã nhỏ nên mọi người đều quen biết nhau. Hai chị em Loan Liên đã được cô Bầu chăm sóc rất chu đáo được trang phục rất đẹp mỗi khi ra đường, nhìn giống như hai chị em sinh đôi; hai chị em Loan Liên có làn da trắng mịn đẹp như bông với mái tóc đen huyền óng ả, khi thì cột hai chùm khi thì thắt bím, khi lại xõa dài ra rất xinh xắn dễ thương như hai con búp bê Nhật Bản ai cũng tấm tắc khen ngợi; tưởng cũng nên nhắc thêm là xã Đại Tâm có rất nhiều người đẹp ở nhiều lứa tuổi khác nhau, ở lứa tuổi của tôi có Lâm Thị Bạch Cúc là một trong những hoa khôi được cả xóm chú ý và ngắm nghê... Ngọc Loan bây giờ là Hiệu Phó trường Trung Học Phổ Thông Cơ Sở (là trung học đệ nhất cấp xưa) Đại Tâm, trường này nguyên là trường tiểu học ngày xưa của tôi.

Thầy Mai Bút có lẽ vì thấy tôi ít cười ít nói nên

thường kêu tôi lên hát cho các bạn trong lớp nghe, có hôm Thầy kêu tôi đứng làm mẫu với ba khuôn mặt khác nhau cho các bạn biết thế nào là vẻ mặt vui, vẻ mặt buồn và vẻ mặt bình thường, hình như Thầy cũng có kêu một vài bạn khác lên làm mặt buồn, mặt vui và mặt bình thường để cho tụi học trò phân biệt được những cảm xúc trên nét mặt của từng người, nhớ lại thấy Thầy rất hay với những ý tưởng sâu sắc sáng tạo trong cách giảng dạy làm sao cho học trò hiểu về cảm xúc trên những khuôn mặt. Tôi nhớ có lần Thầy dạy tập vẽ, đề tài là vẽ một cuốn sách khá dày, tôi thích nhất bài tập vẽ này vì theo tôi nó rất dễ vẽ chỉ cần phác họa sáu bảy đường thẳng và hai đường cong cong cho gáy sách và tô bóng lợt lợt bằng viết chì dọc theo đường kẻ của từng trang sách là xong. Nhưng đến bài vẽ cho ngày kế tiếp thì Thầy cho vẽ tự do, tôi không biết vẽ cái gì bèn lật quyển sách giáo khoa ra thấy có hình củ khoai tây tròn tròn méo méo, tôi đặc ý thấy dễ nên vẽ củ khoai tây vào trong bài tập vẽ, thấy

hình cũng vui vui như là một bức tranh tuyệt tác của mình, nghĩ lại tức cười quá, ai thử đòi vẽ củ khoai mà tưởng như là một sáng tác nghệ thuật ... may mà Thầy cũng chấm điểm khá, tôi nghĩ chắc Thầy hơi thiên vị vì tôi là con gái đồng nghiệp của Thầy. Thầy còn hay nói lặp đi lặp lại Nhan Nhị, Nhị Nhan, sao tên hai em giống tên hai chị em quá, thế là sau đó tôi và Nhị càng tỏ ra thân thích với nhau hơn. Trớ trêu thay, khi lên học trường Hoàng Diệu thì Nhị phải vào lớp đệ thất A2 còn tôi thì học lớp đệ thất A1. Vài tháng sau khi nhập học lớp đệ thất năm 1968, gia đình tôi dọn lên

Sóc Trăng, tôi và Nhị ít gặp nhau từ đó.

Tôi bắt đầu cuộc sống mới với những người bạn mới trong lớp đệ thất A1, lúc đó tôi chưa quen biết và chơi với các bạn cùng xóm nên vẫn lẻ loi cuộc bộ đi học một mình, ấn tượng sâu sắc tôi còn nhớ khi học lớp đệ thất là các bạn ở Phú Tâm như Minh

Phượng, Hoa Lang, Ngọc Hạnh và chị Thu Hà đã chạy tới bàn của tôi hỏi có phải tôi là cháu của Thầy Sáu, lúc đó tôi ngỡ người ra vì không biết Thầy Sáu là ai, tôi có một người chú bà con, tôi thường kêu là chú Sáu, tên chú là chú Sáu Hùng, chú là giáo viên dạy tiểu học ở Phú Tâm, tôi ngỡ ngần hỏi lại có phải là Thầy Sáu Hùng không thì các bạn ấy cười ồ nói không biết chỉ biết tên Thầy là Trần Văn Sáu ... lúc đó tôi chợt biết mình đã lỡ khai "tên tộc" của chú Sáu rồi ... thế nào cũng bị chú Sáu rầy... năm lớp đệ lục cũng chưa quen nhiều bạn, chỉ có Trầm Thị Kim Đáng cùng quê Đại Tâm học chung lớp, Kim Đáng học trường Trần Văn một năm trước khi thi vào Hoàng Diệu.

Năm đệ thất là năm tôi học tệ nhất trong suốt bảy năm học ở trường Hoàng Diệu, trong năm này tôi chẳng có bạn thân trong lớp, chẳng có hoạt động văn nghệ hay báo chí gì cả, chỉ biết ngắm trời trăng mây gió, ngắm nhìn các "cô giáo người đẹp" như cô Hằng dạy Pháp văn, và cô Hoàng Oanh dạy Việt văn ... tôi

TRƯỜNG TRUNG HỌC
HOÀNG - DIỆU
BA - XUYẾN

Niên-khoá 1971 - 1972

THÀNH-TÍCH BIỂU

Lớp CHÍN A1

Họ và tên học-sinh: NGUYỄN HỒNG NHAN
(viết bằng chữ in)
Số danh-bộ: 21/68

HIỆU-TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC
HOÀNG-DIỆU
BA-XUYẾN



LỜI - PHE
VỀ
HỌC-LỰC VÀ HẠNH-KIỆM

MÔN HỌC	ĐIỂM VÀ TẾNH GIÁO SƯ	ĐỀ NHẤT BẢN NIÊN	ĐỀ NHỊ BẢN NIÊN
VIẾT VĂN	Phân Quang Bình	KL. Rút chắt	Nguyen KH
CÔNG ĐẲN GIÁO-ĐỨC	Đoàn Trung	Ưu điểm	CHAM
SINH-NGỒ	Quang Giới Bình	Khai. Có tiến	Nguyen KH
SỐ-ĐỊA	Đoàn Trung	Khai. Có tiến	Nguyen KH
TOÁN	Đoàn Trung	Ưu điểm	CHAM
LÝ-HÓA	Đoàn Trung	Khai. Có tiến	Nguyen KH
VĂN-VẬT	Đoàn Trung	Ưu điểm	CHAM
ÂM-NHẠC			
HỘI-HOÀ			
NƠ-CÔNG, GIA-CHÍNH			
THỂ-DỤC			

Lời phê tổng quát:

1. GIÁO-SƯ HƯỚNG-DẪN LỚP (Họ và tên: Đoàn Trung)
Đoàn Trung

2. BAN GIÁM-ĐỐC (Tên chủ) Họ và tên: Đoàn Trung chức vụ: Hiệu trưởng

Tháng 10 năm 1971
TRƯỜNG TRUNG HỌC
HOÀNG-DIỆU
BA-XUYẾN

còn nhớ cô Hằng là vợ của bác sĩ Khôi, cô rất đẹp, một vẻ đẹp rất cao sang và thanh lịch, áo dài của cô có đủ sắc màu rất thanh nhã nhưng không kém phần lộng lẫy, ngày nào cô cũng được đưa đón đi dạy bằng xe hơi, cô mang guốc cao gót có gót bằng sắt nhọn, là model thuở ấy, mỗi bước chân cô đi ngang qua lớp tôi làm vang động một góc trời cộp cộp cộp... với dáng đi mạnh dạn như vậy mà không ngờ cô lại vấp vì tai nạn xe trên Đà Lạt. Từ đó tôi thấy cuộc đời không còn đẹp như mình tưởng nữa nên có phần dăm chiêu hơn, có lẽ tôi đã biết suy tư cho cuộc sống và có nhiều điều tâm sự nhưng chưa biết tỏ cùng ai... nên đã ghép nối mọi thứ lại với nhau và hy vọng sẽ có vài người bạn thân trong năm học tới.

Năm lớp đệ lục Thầy Trần Lộc dạy môn toán có nói hai đường thẳng song song thì không bao giờ gặp nhau, nhưng sẽ gặp nhau ở vô cực (hay là vô cùng), lúc đó tôi tự hình dung một điểm nào đó ở vô cực xa vời vợi thì làm sao mà đi tới được. Tiếp đó là những khái niệm về không gian hai chiều với mặt phẳng và các hình tứ giác, tam giác, lục giác, hình tam giác cân, và tam giác vuông cân ... sau đó tới hình trụ và hình lăng kính trong không gian ba chiều ... hay các bài đại số với các số âm và số dương, số thực và số nguyên tố ... với những ngày miệt mài với những định lý và định đề toán học tôi đã tìm ra bạn đồng cảm của mình và tìm được hai đứa bạn thân là Nguyễn Thị Ngọc Yến, và Tạ Thị Chuôn, hai đứa rất giỏi Toán, chúng tôi đã cặp bè cặp bạn cùng nhau học hỏi và đi học thêm môn Toán với Thầy Trần Xung Thấu ở đường Miếu Bà Hỏa, có năm thì học Toán với Thầy Lý Ngọc Hiếu ở trường Tố Như, lúc đó sao tụi tôi lại “mê” toán đến thế, bây giờ nghĩ lại thấy sao mình siêng quá!!! Nhưng sao học vẫn không giỏi bằng ai?! Có lẽ là vì ham học thì ít mà ham chơi thì nhiều...

Trong cuộc hành trình kết bạn, số bạn trong nhóm của tôi ngày càng tăng lên trong năm lớp đệ ngũ với Nguyễn Thị Chính, trưởng lớp Trần Thị Hai, Hứa Lý Hương, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Thắm ... tụi tôi thân nhau cho tới cuối năm lớp chín; kỷ niệm một thời của tôi với các bạn là những ngày đi phổ biến báo trung học Hoàng Diệu, hay những mùa hè cùng nhau đi tàu xuống thăm vườn nhà cô Bảy tôi ở Phú An Cần Thơ, nghe Chuôn nói Hứa Lý Hương vẫn còn giữ mấy tấm hình chụp của Chuôn và tôi. Rất tiếc tôi đã bỏ mất những lá thư mùa hè của Chuôn gửi cho tôi vào mùa hè năm lớp đệ ngũ, lúc đó hai đứa tôi rất thân với nhau. Hai đứa tôi hay viết thư qua lại kể cho nhau nghe những chuyện vui buồn, và những nhớ nhung về nhau khi tôi lên Cần Thơ nghỉ hè, còn Chuôn thì ở

lại nhà, đi học thêm một mình với Yến và các bạn khác như là Nguyễn Thị Rãnh, người đẹp có đôi mắt buồn Penseé; sau khi chia bạn Rãnh và Chuôn rất thân vì hai đứa học chung một lớp. Những ngày nhóm “ngũ quỷ” Chuôn, Vân, My, Thắm, Nhan đi bộ tung bụi mù khắp con đường Nguyễn Tri Phương, nói cười vui như pháo nổ, rồi bất thành linh có một ngày đẹp trời nọ một tên con trai chạy ra đón đường Thắm chọc ghẹo, Thắm là người xinh đẹp nhất trong nhóm ngũ quỷ chúng tôi, Thắm học A2 nhưng do đi học chung đường nên chúng tôi kết thành ngũ quỷ, rủ nhau đi học mỗi ngày; lúc đó Thắm hoảng sợ thụt lùi lại, nhưng cả bọn đã quyết tâm tiến lên và đồng thanh kêu lớn “cái đồ chó điên sửa bậy!” làm hấn sợ quá biến luôn từ đó. Thật ra thì hấn đã lẻo đẻo đi theo chọc ghẹo Thắm nhiều lần trong những ngày đó, những lần trước, tuy tự xưng là “ngũ quỷ” nhưng chưa phải là “ngũ quỷ” thiệt, tụi tôi chưa biết phải phản ứng chống trả ra sao nên chỉ âm thầm lặng lẽ bàn mưu tính kế trả đũa hấn, cho đến lần này, nói cho cùng đó cũng là nhờ công ơn dạy dỗ của Thầy Nguyễn Hiền Tâm, Thầy hay nói nếu tụi bây ra đường có đứa nào theo chọc ghẹo thì cứ coi như là “chó điên sửa bậy”, ý Thầy kêu tụi tôi tránh ra xa ai dè tụi tôi ỷ đông xúm nhau “xì nẹt” làm hấn ta hoảng sợ, chiêu này thành công thật lòng tụi em rất nhớ công ơn của Thầy!!

Rồi lên lớp Mười B2 tôi có nhiều bạn hay đi chơi chung như Trần Thị Hai, Vương Huệ Phân, trưởng lớp Lý Thị Kim Dung, Bùi Kim Uyên, Dương Thị Bạch Tuyết, Trịnh Thị Thảo, và Thái Thị Hồng, bên con trai tôi chỉ nhớ có Dương Minh Hoàng ... vì câu nói độc đáo của trò Hoàng vào năm lớp 11 khi Thầy Thiếp đang giảng bài về Truyện Kiều, Hoàng nói: “Thưa Thầy, em thấy Kiều đâu có đẹp sao mà ông Nguyễn Du khen Kiều đẹp quá vậy?” Thầy Thiếp hỏi lại: “Sao em biết là Kiều không đẹp, em thấy Kiều ở đâu?”, Hoàng chỉ vào tấm hình minh họa chân dung Kiều trong cuốn sách Việt văn, Thầy và cả lớp cười ồ, lúc đó Hoàng ngớ ra không hiểu vì sao cả lớp lại cười, Thầy Thiếp giảng giải cho trò Hoàng hiểu đó chỉ là hình phác họa chân dung thôi chứ không phải là hình chụp chân dung thật sự của nàng Kiều, à thì ra vậy, trò Hoàng tiu nghỉu nhoén miệng cười cầu tài ... Cũng vào năm lớp mười tôi gia nhập nhóm Du Ca cùng với những sinh hoạt văn nghệ của trường, những sinh hoạt này đã làm cho tôi có nhiều bạn bè hơn như Nguyễn thị Thu Hà, Trần Tuyết Hạnh, Trần Ngọc Ánh, Trương thị Ngọc Thủy, Nguyễn thị Thu Cúc, Mạnh Thu Hồng, Trương văn Sùng, Mã Thành Long, Nguyễn Hồng Võ, Nguyễn Hữu Lộc, Nguyễn Anh Kiệt, Mạch Hút Sơn,

Kiều Công Thành, Mã Thành Phúc... với những sinh hoạt du ca và cắm trại vui tung bừng, tôi không còn nhớ gì về nhỏ bạn Lâm Thị Nhị cho dù Nhị cũng vẫn học lớp A2 chung một trường Hoàng Diệu với tôi...

Khi lên lớp mười hai B1 một số bạn đã chuyển qua ban A, nên các bạn còn lại của ban B học chung với nhau, lúc này bên bạn gái có Lý Thị Kim Dung, Vương Huệ Phân, Trần Thu Hương, Ngô Thị Hoa Lang, Nguyễn thị Rãnh, Lê thị Lựa, bên bạn trai có Triệu Ngọc Thành, Trần Minh Đức, Trần Lái, Lưu Quốc Bửu, Dương Minh Cảnh, Nguyễn Hồng Sơn, Huỳnh Phú Khung, Huỳnh Thanh Thiên ... Lúc đó tôi nhớ Thầy Lê Khắc Thanh dạy toán tập hợp gồm có nhóm, vành, thể với các tính giao hoán, tính phân bố và tính phối hợp, rồi tới toán giải tích, tính toán diện tích hình học, ma trận, số phức và

các hàm số phức. Có nhiều lần các bạn hỏi Thầy học Toán để làm gì, nó có ứng dụng gì sau này cho các ngành học nào không mà sao những công thức tính toán cùng những khái niệm xem ra ngày càng trừu tượng khó hiểu hơn. Tôi nhớ lúc đó câu trả lời của Thầy cũng rất là trừu tượng, có lẽ vì Thầy không thể nói ra được những điều mà học trò chưa học

tới vì chỉ gọi thêm nhiều thắc mắc chất chồng... thôi các em đã làm bài ra kết quả rồi, không cần tìm hiểu hết gốc gác ngọn ngành trong từng vấn đề của bài toán làm chi. Tôi mãi mê trong sinh hoạt và học tập thường ngày nên không còn chú ý đến người bạn ngày xưa, cho dù Lâm Thị Nhị và tôi vẫn học chung với nhau dưới mái trường Hoàng Diệu, tôi tự hỏi không biết trong những ngày tháng ấy Nhị đã có bạn thân khác chưa, Nhị vẫn còn nhớ tới tôi hay là Nhị cũng đã quên mất tôi như tôi đã quên mất Nhị?

Sau những năm dài không ai nhắc tới, tôi đã quên bằng hai người bạn thân thời tiểu học, hôm nay lục lại ký ức, tôi đã nhờ các bạn ở Đại Tâm tìm giúp Lâm thị Nhị. Trầm thị Ngọc Loan cho hay Nhị bây giờ là cô giáo dạy học ở Kế Sách, đã lâu không thấy về Đại Tâm, có một tin vui là Lâm thị Nhị bây giờ đã có nhà

ở Sóc Trăng, Ngọc Loan hứa sẽ hỏi thăm để tìm số điện thoại của Nhị cho tôi; còn Lâm thị Hiền thì đã lâu không ai biết đến, có lẽ Hiền bây giờ đã là bà nội hay là bà ngoại trong vùng xa xôi của xóm chùa Chén Kiếu. Hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ có dịp về lại quê xưa để ghé thăm xã Đại Tâm để tìm lại những người bạn một thời thơ ấu của tôi tuy chúng tôi không có nhiều kỷ niệm với nhau nhưng sao mỗi lần nghĩ về những ngày tháng ấy tôi có cảm giác rất êm đềm, rất hồn nhiên, ấm cúng và rất thơ mộng trong tâm hồn tôi...

Người ta nói thời gian là phương thuốc mầu nhiệm vì thời gian sẽ hàn gắn những vết thương lòng, và có một điều chắc ai cũng thừa nhận là thời gian có tỉ lệ thuận với tuổi đời, thời gian và tuổi đời như là hai

trục tọa độ x và y

với sự tương quan biểu diễn qua dạng hàm số bậc nhất y bằng x. Thời gian và tuổi đời liên quan nhau một cách rất đơn giản, nhưng những tương quan của cuộc đời con người thì phức tạp hơn nhiều, đó là một hàm số nhiều bậc và nhiều biến số, ít nhất cũng là hàm số bậc hai hay bậc ba với những biến số không lường

trước được; cuộc đời bạn có thể có dạng đường biểu diễn của một nửa hình parabola thuận chiều từ dưới đi lên trên, nhưng cuộc đời tôi có thể có dạng hình sin, hay hình cosine... đó là hình dạng của những ngọn sóng thủy triều khi lên khi xuống, những ngọn sóng này có điểm cực đại và cực tiểu riêng của nó cùng với những chu kỳ khác nhau đã tạo ra sự khác biệt cho mỗi một cuộc đời của tôi và của bạn bè tôi.

Nhưng dù sao đi nữa thì tuổi thơ và kỷ niệm dấu yêu thuở học trò sẽ mãi mãi êm đềm sống trong ký ức tình bạn của chúng mình phải không các bạn thân thương của tôi?

Hồng Nhan (68-75)

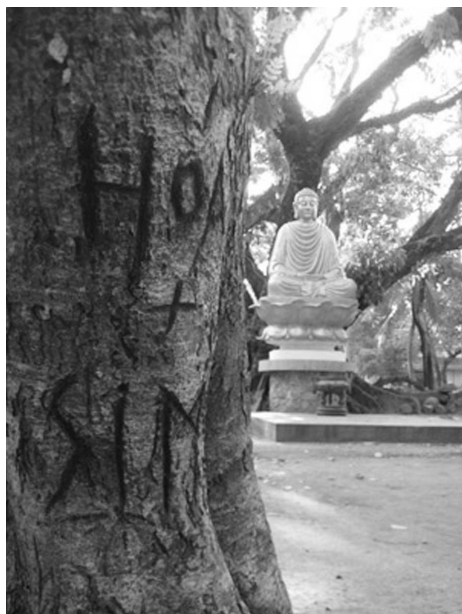


Uyên, Thảo, H.Phân, Nhan, Hai

ngôi chùa trong

tâm trưởng

GS Nguyễn Văn Sâm



B ầu Ốc Tiêu vừa đi vừa đá trái cầu thằng Đạt mới cho. Cầu vừa chun ghê, chỉ có ba miếng vảy cá còn bao nhiêu là da cắt tròn vanh thiệt khéo, da thiệt, đá êm mà đầm vô cùng, không bao giờ xệt bậy, mới thử có mấy cái mà thằng Bửu đã cảm thấy điều khiển cầu nầy dễ dàng, đá một ngàn cái coi như dễ ẹt. Bốn cái lông gà thuộc loại đẹp, mới, không biết thằng Đạt kiếm ở đâu mà đầy đủ lông tơ, chưa thấy chỗ nào xước ngược. Đá đâu độ chừng năm chục cái, và di chuyển khoảng đường chừng bằng một hơi u mọi nó đá hất trái cầu lên vai, lấy vai huých xệt ngang trước mặt thằng Đạt, tuyên bố đồng dục:

‘Tao chịu cầu nầy quá, từ bây giờ trở đi thằng Đạt, thằng Oanh, thằng Nhân được quyền chép Toán của tao, chỉ cần tụi bây chép khác

khác một chút thì được, ổng không thể nào biết đâu. Bữa nào có Toán cần nộp bài tụi bây nhớ tới trường sớm, tao đưa bài và chỉ mảnh lối cho chép...’

Cả bọn hoan hô nó còn hơn anh hùng thắng trận trở về sau một thời gian dài gian khổ chống ngoại xâm.

Thằng Bửu Ốc Tiêu tiếp tục đá tiếp, giữ trái cầu trên không cho đến khi tới trước nhà mình mới ngừng lại chụp trái cầu bỏ gọn vô túi, mỉm cười tự thưởng.

Thằng Đạt nãy giờ vẫn lẻo đẻo theo sau, nói nhỏ với Bửu:

‘Tao cho mày hai chục mai ăn hủ tít, mỗi tháng cũng đều có như vậy, nhưng mà từ nay mày không được cho thằng nào coi bài nữa ngoài mấy đứa tụi tao. Ai cũng làm bài được thì còn ai học dở, phải có đứa đội sổ mới được, tụi tao đội nhiều rồi, bây giờ phải thế vai.’

Thằng Bửu nhớ tới thằng Phan, ông già thằng nầy thảng trước năn nỉ nó cắt nghĩa bài giùm giúp vì nhà nghèo thằng con nghỉ học nhiều nên bị mất căn bản. Nếu nó học dở không lên lớp được năm nay thì bị đuổi phải ở nhà thôi. ‘Cháu mà giúp nhà bác thì như là cháu cắt được năm bảy kiếng chùa...’ Ông nói giọng tha thiết, mắt rung rung.

Thằng Đạt còn nhấn mạnh: ‘Nếu mày giúp thêm tụi khác thì mỗi tháng không có hai chục, lúc tụi tao đi chơi không cho mày theo, tụi tao ăn gì mới cho mày ké chút đỉnh thôi...’

Thằng Bửu đắn đo một chút rồi gạt đầu. Không giúp thằng nầy thì giúp thằng khác, có chuyện gì đâu. Mình nhà nghèo cần tiền. Nó chào thằng Đạt, một tay mân mê trái cầu một tay cho vào túi cảm nhận xấp tiền, vừa bước vô nhà vừa hút gió một cách vô tư.

Tôi có người bác ruột, bác Ba, tu ở cái cốc trong khuôn viên nhà vốn

là một khu vườn dứa rộng rãi. Hằng ngày tôi được đánh thức dậy bằng tiếng mõ lốc cốc, tiếng kệ kinh ê a của sư bác khi trời mới vừa hừng sáng. Má tôi nói sư bác trước dạy học cũng nổi tiếng trong vùng, bỗng nhiên từ nhiệm về đây dựng cốc tu hành, chắc có tâm sự gì đó. Má còn nói kệ kinh công phu sáng của sư ít nhứt cũng đánh thức người chung quanh dậy đúng giờ, đó là chưa kể gương kiên nhẫn của sư là một bài học quý giá nên theo. Buổi chiều, trời mới chạng vạng là sư đã có thời kinh tối, chăm chỉ, không ngày nào mệt mỏi. Cái cốc của sư bác là nơi tôi thăm viếng khi thiếu lũ bạn cùng lứa để rong chơi ngoài đồng hay tắm sông, bẻ mía, lật dứa, tát đĩa, mò cá... Lần nào sư bác cũng cho trái cây cam quýt, chuối, đu đủ... chín rục có những dấu tích đổi màu do chung hơi lâu trên bàn Phật. Nhiều khi qua cốc lúc sư đương thời kinh, tôi tự nhiên ngồi ở một mép chiếu để lắng nghe cái âm thanh huyền bí có sức ru ngủ mình với tất cả sự thích thú và lòng kiên nhẫn đợi chờ được sư bác vò đầu nói vài ba câu chuyện đời rồi cho ê hê bánh trái.

Lần nào cũng vậy trong khi chờ đợi, tôi tò mò nhìn mấy tấm tứ thời treo trên vách lá vẽ hình ông Phật ngồi nhắm mắt tham thiền hay ngắm nghía hình quỷ dữ mặt xanh nanh vàng, đầu u nắn năm bảy cục đang lấy chĩa ba đâm người hay kéo lưỡi cắt họng thiên hạ. Lúc rảnh rang sư bác thường cất nghĩa về những bức tứ bình đó và thường nhấn mạnh bây giờ là đời mạt pháp quỷ sứ ma vương tràn đầy ngoài đường, đức Phật Bồ Tát cũng xuống thế độ nhơn nhưng ít thành công hơn thời Thượng Nguyên vì con người bây giờ làm điều xấu quá nhiều.

Tôi thắc mắc là sao ngoài đường

không bao giờ thấy quỷ sứ, ma vương gì hết. Sư bác cười, vò đầu tôi hỏi: ‘Con có bao giờ thấy thằng ăn trộm, thằng đâm thuê giết mướn không? Nó trộm đồ mà người ta đổ biết bao nhiêu công khó mới có, nó nhận tiền người nầy để chém giết người kia... nhưng mặt mày nó ngoài đời cũng bình thường như chúng ta mà thôi. Đó là quỷ sứ nhập thân hay là ma vương hiện hình đó con. Thợ vẽ vẽ mặt mày ma vương có nanh vuốt là để cho dễ thấy dễ biết mà thôi, chớ thật sự quỷ sứ ma vương không khác gì người thường hết đâu con. Vậy nó mới sống chung lộn với người đời, mới hại người ta được.’

‘Còn Phật thì sao sư bác? Phật có hào quang trên đầu. Phật chỉ ngồi tham thiền thôi phải không sư bác?’

‘Đó là Phật ngày xưa lâu lắm rồi. Thời mạt pháp nầy Phật xuống thế gian ở mọi nơi, lúc nào chung quanh ta cũng có Phật, cũng có Bồ Tát giúp ta tranh đấu chống ma vương. Chỉ tại lòng ta không đủ tín thành để chấp nhận đó là Bồ Tát mà thôi.’

‘Sư bác nói khó quá con không hiểu.’

‘Này nhe! Phật không xuống thế bằng một nhân thân, mà xuống thế thành muôn vạn người vô hình hay hữu hình ở khắp bên mỗi người chúng ta. Phật trợ duyên từng người để biến người đó thành Bồ Tát trong một thời khoảng ngắn. Nếu người nào thành Bồ Tát nhiều lần, thành Bồ Tát lâu dài thì sau nầy khi chết sẽ được siêu độ. Nhưng bên cạnh người đó cũng có quỷ sứ, ma vương hiện diện. Nó xúi giục làm bậy như trộm cắp, láo xược, ngoại tình, gian dối, ức hiếp để dành giựt ruộng vườn nhà cửa của kẻ cô thế... nếu người nào nghe theo chúng thì biến thành ma vương một thời gian. Biến thành ma vương nhiều lần thì khi chết sẽ

bị đọa địa ngục đời đời chịu khổ hình dưới âm ty không thể đầu thai.’

Tôi vùng ôm mặt khóc lớn, nước nớc:

‘Vậy con sẽ bị đọa địa ngục. Sư bác cứu con với. Con ăn cắp hết ba trái xoài của bà nội vú trong khạp gạo rồi đổ thừa cho thằng em con. Lần trước nải chuối sứ cũng vậy. Con cũng lén cạy ống heo của đứa em gái nữa, mỗi ngày cạy lấy một chút, con cũng bẻ trộm mía của hàng xóm, con cũng ăn hiếp thằng Tùng nhà xóm trên vì nó nhỏ hơn con.’

Sư bác tôi từ tốn giải thích:

‘Những lúc làm điều xấu như vậy con đã biến thành ma vương thời gian đó. Nếu con biết mình làm xấu mà chừa đi, mà ăn năn làm lành trở lại thì ma vương không thể dụ dỗ con để làm nô lệ cho nó nữa. Lâu ngày nó chán bỏ đi kiếm người khác dễ dụ dỗ hơn. Làm điều tốt thì con đã hóa thân thành Bồ Tát lúc đó. Bồ Tát hay ma vương là những trạng thái ngắn hạn trong lòng mỗi con người, không phải là trạng thái hằng cửu. Lúc làm Bồ Tát thì người ta sung sướng thơ thới lòng, mặt mày sáng sủa rạng rỡ như có hào quang tỏa ra. Lúc làm ma vương thì lòng nóng như bị thiêu đốt, khó chịu, mặt mày đăm chiêu buồn lo. Đó là lửa dục thiêu đốt lòng, đó là những u nắn mọc ngược vào trong tâm não, đâm vào phía bên trong của người con.’

Tôi lý sự trả treo:

‘Vậy thì con người đồng thời là Bồ Tát và ma vương?’

‘Đúng vậy! Khi hành động vì người khác, mình là Bồ Tát, khi hành động có hại cho người khác để lợi cho mình, ta là ma vương. Nói là nói đơn giản như vậy, chứ hành còn hạnh nữa. Hành vi Bồ Tát nhưng tâm hạnh ma vương thì cũng là ma

vương thôi. Mà thôi! Con buồn ngủ rồi, ta sẽ nói chuyện hành và hạnh trong dịp khác.'

Tôi buồn ngủ thiệt tình, mấy từ ngữ khó nuốt trôi như hóa thân, trạng thái ngắn hạn, trạng thái hằng cửu, lửa dục hào quang mà không thấy được, u nần mọc vào bên trong tâm não nhảy múa loạn xạ trong trí tôi.... Tôi cũng ngán ngẩm khi nghe đến các khái niệm hành và hạnh. Chúng không hấp dẫn bằng nải chuối thơm kim, mấy trái quít và hai chén chè trên bàn Phật trước mặt đang cười cười mời gọi.

Sư bác tôi nhìn thấy ánh mắt ước muốn của cháu mình, nói trong nụ cười hiền từ:

'Con đương bị ma vương dụ dỗ đó. Bây giờ còn nhỏ thì chẳng sao đâu, ma vương chỉ dụ được những việc xấu nhỏ, nhưng đừng để ma vương có dịp lớn lên trong tâm hồn mình. Quan trọng là phải chống lại những cám dỗ của ma vương.'

Sư bác tôi đứng dậy nhón chum hạ đĩa trái cây xuống, hào phóng đưa cho đứa cháu trần tục của mình thiệt nhiều quà của Phật.

Chỉ đợi có vậy, tôi kéo banh vạt áo trước ra đựng, hai tay ôm chặt, chạy u ra tuốt mé ruộng ngoài rìa vườn nhà nơi thường có mấy thằng bạn trang lứa tụ tập trêu ghẹo, phá phách...

'Xuống xe qua bac bà con cô bác ơi!' Người lơ xe vừa nhảy xuống, xe vẫn còn trờ bánh tới nhẹ nhẹ, đã ca bài ca xưa cũ. 'Chỉ có ông bà già là được ngồi lại trên xe, còn ai thanh niên thì xuống đi bộ qua bac nhe! Tôi trước kia mà nhận giấy qua bac.'

Mọi người lục tục xuống xe, người lếch thếch đi tìm chỗ tiểu tiện, kẻ xăm xăm vô quán kiếm chút gì đó dần bụng, giáo Bửu theo đám đông bước về phía trước, chỗ xét giấy, nơi đây thằng lơ xe đã đợi sẵn chìa cho

khách của xe mình tấm giấy trả tiền qua bac. Giáo Bửu nhìn đoàn xe nhà binh rồi lắc đầu ngao ngán: 'Điều này hai ba giờ đồng hồ nữa biết xe mình nhúc nhích được chưa. Xe nhà binh ưu tiên mà đi hành quân dài sọc như thế này tới bao giờ xe dân sự mới được qua.'

Anh bước vô đám đông để nghe điệu ca vọng cổ mùi tận mạng do một nghệ nhân lỡ thời đương xuống giọng xê. Nghệ nhân cụt hết hai tay tới cùi chỏ, chỉ còn lại lủng lẳng hai cánh trước. Anh ta mang trước ngực một cái lon sữa bò là chỗ đựng tiền do khách bộ hành mủi lòng thương hại bố thí cho. Cái micro được cột vô một cánh tay cụt, khi nghệ nhân cất giọng ca thì giờ lên, người cụt đã canh vừa đủ tầm cho âm thanh có thể bắt được.



Giáo Bửu hờ hững nghe, cũng bâng quơ ngó người đàn bà già trước tuổi đi sau nghệ nhân, ôm cây đàn. Bỗng anh như nhảy nhồm lên hỏi lớn:

'Phải vậy đó không Phan?'

'Phải! Bửu còn nhìn tôi sao? Tưởng giả bộ quên tôi rồi!'

Giáo Bửu ứa nước mắt, hai tay

choàng qua ôm bạn:

'Hơn chục năm rồi mình không gặp nhau. Cuối năm học đó mình không bao giờ gặp lại bạn nữa.'

Người chung quanh tò mò nhìn sự tương phùng của hai người bạn. Người đàn bà của Phan lãnh đạm ngó bạn của chồng.

Giáo Bửu xăng xái mời hai người ghé vào quán gần đó...

Bên ly trà đá người nghệ nhân kể lại đời mình với một giọng thiết bình thường nhưng Giáo Bửu nghe như kim đâm vô tim từng cái từng cái đau điếng hồn:

'Tôi mất căn bản về Toán và Sinh ngữ, anh chỉ giùm thì biết chút chút vậy thôi, Khi anh quá bận thì tôi đành chịu. Cuối năm đó thi lên lớp rớt, phải về quê làm ruộng với ông già. Anh cũng biết vùng xôi đậu mà, ban ngày bên quốc gia, ban đêm họ về, tuyên truyền, bắt lính.... Họ bắt mình theo vô bụng. Thời chiến tranh mà! Vướng vô vòng thì không chuyện này cũng chuyện khác. Trong một trận chống càn, tôi bị pháo trúng.... tàn phế nên được tản cư ra chợ đã năm sáu năm nay. Còn sống là may. Có người vợ chịu thương chịu khó theo mình cũng là một cái may nữa. Gặp anh, anh không sợ mất thể diện mà nhìn bạn, tôi sung sướng vô hồi. Mấy năm nay tôi sống trong bi thiết chán chường lúc nào cũng muốn rũ sạch bụi trần để ra đi. Đời mình còn gì nữa đâu để ham hố níu kéo. Chưa làm được vì còn một mụn con thơ và người đàn bà tri kỷ.' Giọng Phan nhỏ dần như tiếng thở dài hiu hắt. Giáo Bửu nghẹn ngào ray rút trong tâm, thấy dường như mình có lỗi.

Tôi đi trả nợ cho nửa quê hương thất trận hơn mười năm mới trở về, ngờ ngác giữa dòng đời bon chen xào xáo nhưng hiếm hoi chân tình với người chung quanh gần gũi. Cha

tôi đã mất, sư bác cũng đã siêu linh
tịnh độ hơn bảy tám năm nay rồi.
Những buổi chiều buồn, tôi lang
thang vô cái cốc hoang phế đóng
kín cửa, phủ lớp bụi trần từ ấy để
tìm chút dư vị tuổi thơ. Một lần tôi
tò mò mở một gói giấy dầu đặt ở cuối
góc trang thờ Phật, ngoài có đề mấy
chữ nắn nót: Kinh Phật A Di Đà. Tôi
mở ra, ngoài hai gói kinh còn có một
gói tiền toàn giấy nhỏ một trăm, hai
trăm, năm trăm, một ngàn, hai ngàn
.. và một bức thơ gói cho tôi.

Phong Điền, ngày tháng năm vô
vọng.

Tuấn con,

Tiền nầy sư bác chắt mót kỳ khu
hơn hai chục năm mới có được. Đối
đi đối lại thì ra thế nầy, đủ để mua
mười lượng vàng hay cất một kiếng
chùa nho nhỏ cho Phật tử có nơi đến
chiêm bái đáng Từ Phụ. Đủ tiền thì
sư bác thỏa mãn ước vọng xây chùa
đồng thời thất vọng về chính mình,
té ra bao nhiêu năm nay mình lặn
lội cực nhọc, mình dè xén khiêm tốn
vì một số tiền, mình cười với tín hữu
nầy, vâng dạ với tín hữu kia vì số
tiền đó.

Ngôi chùa phác họa trong tâm
tưởng hướng dẫn cái hành Bồ Tát,
còn cái hạnh Bồ Tát của sư bác nằm
ở đâu? Cất chùa lớn rồi thì sư bác
phải dính vô chuyện duy trì chùa,
bảo vệ chùa, sư bác sẽ sinh hoạt
chùa chớ còn đâu tâm trí để tu hành
kệ kinh, sư bác sẽ làm chuyên chùa
sự chứ đâu phải làm chuyện Phật
sự. Cái hạnh Bồ Tát suốt đời sư bác
nhắm về coi như mỗi lúc càng chạy
ra xa.

Khám phá ra điều nầy, sư bác thấy
bao nhiêu năm nay tưởng rằng mình
làm đúng hóa ra sai. Sư bác tạ lỗi
với chư Phật bằng cách tuyệt thực từ
tức cho đến ngày được về châu Phật
tổ. Số tiền nầy con có toàn quyền sử
dụng theo ý muốn, có ích cho con hay

cho người khác đều được.

Nhưng con nên nhớ cái hạnh đáng
quý gấp mấy lần cái hành.

Cầu nguyện ơn trên gia hộ cho con.
Thích Giác Nguyên.

Chỗ ký tên thế danh lâu ngày mực
nhòe nhoẹt không đọc được, cố gắng
lắm mới nhìn ra là Nguyễn văn Bửu.

Số tiền đó má tôi chép miệng than
rằng với thời giá, mua chưa đầy ba
chỉ vàng, một cái chùa bình thường
nho nhỏ ở vùng quê lúc nầy cũng
phải tốn gấp trăm lần số đó. Ngồi
nhìn gói tiền lâu ngày ầm mốc, bốc
mùi tanh tanh từ những bàn tay
dính đầy dầu mỡ, cát đất, cá thịt
của chúng sanh nghèo khổ khi cúng
dường cho sư, tôi quyết định đem
đốt bỏ để giải thoát hương linh sư
khỏi vương vịu với nó nữa. Nơi chốn
thiên lương kia chắc sư không còn
thắc mắc về hạnh hạnh, theo tôi hai
khái niệm nầy hòa quyện lẫn nhau

không có lần ranh phân biệt, càng
biện biệt ta càng bị bủa vây không
lối thoát...

Xếp bằng chỗ ngày xưa sư bác đặt
bồ đoàn ngồi gõ mõ tụng kinh, tôi
đốt từ từ những tấm giấy bạc thiệt
như người ta đốt giấy tiền vàng mã.
Ngọn lửa xanh lân tinh từ tốn ngùn
cháy, liếm từ chút từ chút, mấy cái
hình trên giấy bạc bỗng chốc trở
nên méo mó dị dạng. Tôi chợt mơ
hồ thấy nụ cười hiền từ của sư bác
quanh quẩn đầu đây.

‘Mong sư bác siêu thăng, hành
và hạnh Bồ Tát chẳng qua là những
điều dạy đạo lý giúp người đời sống
từ bi vị tha, sư bác đã hành thiện,
đã sống xứng đáng là một con người
khi cố gắng thực hành một ước vọng
không vì mình. Sư bác đáng được
về cõi tịnh hằng miên viễn như một
Bồ Tát...’

Nguyễn Văn Sâm
Victorville, CA 12/09

GIỜ CHƠI !!!

*
CHIM CÓ Ê HÔNG?

Một chị nhà quê vào ủy ban đăng ký
kết hôn.

Chị cán bộ công an hỏi:

- Lấy chồng lần đầu hả ?

Chị nhà quê:

- Dạ, lần đầu.

Chị cán bộ hỏi:

- Tên gì? Ở với nhau từ bao giờ?

Chị nhà quê:

- Dạ, Nguyễn thị Chim, mới ở với nhau
tối hôm qua.

Chị cán bộ:

- Mới ở với nhau tối hôm qua à?

Chim có ê không ?

Chị nhà quê đỏ mặt ấp úng không nói
gì. Chị cán bộ bực mình gần giọng:

- Tôi hỏi chị Chim có ê không?

Chị nhà quê then thùng thối thè:

- Dạ lúc đầu cũng hơi ê... ê ...

Chị cán bộ bực tức quát lên:

- Tôi hỏi chị tên Chim không có chữ ê
hay là tên Chiêm có chữ ê? Mắc mớ
gì đến lúc đầu với lúc sau. Vớ vẩn!

*

Trên chuyến xe buýt, một bà lão
khoảng 70 tuổi không còn răng đem
tới cho anh tài xế một bạch đậu phộng
và mời anh ta ăn.

Thấy bà lão tốt bụng, anh tài xế tỏ ra
rất xúc động và rồi rút cảm ơn. 10 phút
sau bà lão lại mang tới một bạch khác,
rồi tiếp tục đưa cho anh bạch đậu phộng
thứ 3... 4... 5...

Tới lần thứ 6, chị không nổi anh tài xế
hỏi:

- Bác không nhai được đậu phộng tại sao
lại mua nhiều vậy?

Bà lão phều phào trả lời:

- Tôi biết chứ, thế cho nên tôi mới mút
hết sô cô la ở ngoài và chừa đậu phộng
lại cho cậu ăn đó...

*

Một goá phụ than thở với bạn.

- Bây giờ chồng tôi đã mất, tôi cũng
chẳng muốn sống nữa. Tôi sẽ đi theo
anh ấy thôi.

- Tôi xin chị, chị hãy để cho anh ấy
được thanh thản thêm một thời gian
nữa.

Nếu Hoàng Diệu thập niên 60 có thầy Nguyễn Hiền Tâm luôn lẽ phè như một kẻ sĩ muôn đời bất mãn, thầy Võ Tấn Phước nghiêm và ít nói đúng tác phong nhà giáo, thì thầy Trần Phạm Hiếu dung hòa được hai mẫu người trên, duy có điều ăn mặc chải chuốt hơn thầy Phước mà mang phong cách phảng phất hình ảnh một nghệ sĩ sang trọng hơn nhà giáo sinh bất phùng thời là thầy Tâm.

Tôi học thầy Hiếu năm đệ tứ, năm lột xác của tuổi học trò, năm được chuyển lên học buổi sáng với các đàn anh đệ tam, nhị, nhất, xa rời các lớp đàn em thất, lục, ngũ,

đã được thầy Hiếu văn nghệ hóa thành một môn học vui với nhiều mẩu chuyện du lịch sự, thiên hạ sự . . . của Thầy và nhất là những bài học được thi vị hóa bằng thơ văn của Francois Sagan, Appolinaire . . . và ê a cả những bài hát của Trịnh Công Sơn trong lúc giảng bài, cái phong cách thầy làm chúng tôi mê tít, có đứa còn học thuộc lòng những câu thầy ngâm nga để . . . giựt le với bạn gái mình. Mà chẳng mê tôi sao được khi tuổi mới lớn này được uơng bằng mật ngọt của kiến thức thu thập từ một giáo sư Triết dạy . . . Pháp văn, quần ủi ly trắng tấp, áo trắng dài tay manchette double tươm tất, cà vạt màu sắc bốn mùa

Thường thì sau khi ra bài tập cho học sinh làm, thầy Hiếu hay có thói quen thung dung tháo kính nhóp dầy như cái đít ly, rồi ngồi mơ màng theo khói thuốc, bọn tôi cứ len lén bò lên từ phía dưới chiếc bục cao để bàn giáo sư ngồi, rút từng điếu thuốc từ bao thuốc của thầy trên bàn, mà thầy chẳng bao giờ bắt được bao giờ vì độ cận quá nặng (bọn chúng tôi đặt tên Thầy là thầy Hiếu cận để phân biệt với thầy Hiếu La Thoại Tân, còn các thầy thì gọi thầy là Hiếu già!).

Một năm trời làm môn sinh học thầy về Pháp văn lần . . . thuốc lá Pall Mall, cái khói thuốc thơm lừng này bám sâu vào máu của chúng tôi, nên đến khi “xếp bút nghiên theo việc đao binh” tôi đâm ra nghiện nặng hút thử thuốc lá điếu thon dài hấp dẫn này, và nhất là mùi khói thơm phưng phức bám vào cả ngón tay kẹp thuốc vàng uơng.

Lớp đệ tứ P2 tôi học thời ấy là một tập hợp khá nhiều thành phần học sinh, từ những thằng nhỏ nhất là Nguyễn Thanh Đoàn, Huỳnh Hữu Đức, Hồ Anh Dũng, tôi . . . rồi còn có Nguyễn Ngọc Hồng, Nguyễn Văn Lộ, Nguyễn Văn Bự, Nguyễn Văn Mánh . . . , còn có cả những người lớn hơn mà tụi tôi không thể xưng hô ngang hàng được như Lý Sanh Nguyên, Lương Văn Út, Mạch Xường, Nguyễn Văn Mánh . . . những người bạn này mà sau năm đệ tứ này, khi đủ 18 tuổi, đã phải khăn gói rời trường dấn thân vào cuộc chiến. Vì vậy, ảnh hưởng của ngày mai xa trường của lớp học sinh này cũng lây sang chúng tôi và làm chúng tôi thấy mình . . . lớn hơn, quen với nhiều trò chơi của học sinh lớn mà các học sinh các lớp khác ít có được: ngoài thời gian quán xá, chúng tôi còn bắt chước thầy Hiếu, lê la ở quán Kim Tềnh

Về Thầy

Trần Phạm Hiếu

Phan Trường Ân (65-70)

còn mãi miết chạy đuổi trên sân trường buổi trưa nắng gió. Thầy Hiếu dạy Pháp văn, môn học chẳng lấy gì làm vui với cái tuổi thích đánh bi-da ở bàn bi-da chị Năm xéo cổng trường, lê lết ở cà phê Trang, ở Quên Đi, hay quán Quỳnh, ngang trường Providence để tập làm người lớn . . .

Vậy mà không hiểu sao cả lũ chúng tôi lại chẳng khi nào “cúp cua” giờ Thầy dạy. Giờ Pháp văn khô khốc và mỗi miệng phát âm

thay đổi hài hòa. Thế nên, chúng tôi thần tượng thầy lắm, và kết quả là, hai phần ba học sinh bắt đầu tập phì phà Pall Mall y chang như . . . tay chơi chánh hiệu (dĩ nhiên là chỉ dám phì phà ở các nơi mà người lớn và thầy cô vắng bóng), vì thần tượng “thầy Hiếu” của chúng tôi không lúc nào thiếu điếu thuốc trên tay, thầy ít tốn diêm quẹt lắm, thuốc cứ môi nhau điếu này đến điếu khác, và cháy trên tay thầy liên tục . . . suốt giờ dạy.

Huệ Hương. Trời ơi, tôi còn nhớ như in cái ông chủ quán da ngâm đen với một müt ruồi và vài sợi râu loảng quăng trên gò má, trông có vẻ khó khăn, nhưng lại . . . từ bi bất ngờ với hai thằng nhóc như tôi và Đoàn, ngồi hàng giờ để chỉ uống một ly sinh tố mà ngẫu nhiên . . . cộp một đồng các tạp chí bày bán ở đó từ Diễn Đàn, Văn, Bách khoa, Khởi Hành, và vô số báo chí thời ấy như Thần Chung, Đuốc Nhà Nam, Chính Luận, . . . Thỉnh thoảng, tôi vẫn nhớ hình ảnh thầy Hiếu trầm ngâm bên ly cà phê đen, khói thuốc lẳng đặng qua đôi kính cận dày cộm, hờ hững nhìn đầu đầu với tờ báo trên tay, ở đó, hay một vài quán xá quen thuộc khác . . .

Nhưng buồn thay, vì một vài lý do, tôi lại không theo lời thầy dạy, thay vì học hành đàng hoàng, lại tình nguyện chọn nghiệp nhà binh. Tôi vào trường Bộ Binh Thủ Đức ở giai đoạn cao của cuộc chiến, ra trường chọn đơn vị ở Sóc Trăng, rồi bị quay trong cái guồng máy khô khốc đó, quên bẵng cả một thời tuổi nhỏ rất đẹp ở trường lớp

của mình.

Năm 73, sau một trận đánh mà trung đội tôi chỉ huy bị thiệt hại nặng nề, về lại tỉnh lỵ trong cực cùng chán nản, tôi cùng một vài người lính vào một quán nhỏ, quán sinh tố Thành Nguyên gần tiệm hót tóc Cây Me, sau một châu nhậu quất quay, nóng lên vì một vài thanh niên tóc dài đùa giỡn quá lố, vài người lính theo lệnh tôi đuổi hết khách trong quán ra ngoài, thầy Hiếu là một trong những người khách có mặt lúc ấy. Tôi sững người khi nhận ra thầy, vẫn áo trắng dài tay, nút cài tay hằn hoi, cà vạt trang nhã và đôi mắt buồn buồn sau cặp kiếng dày ngày xưa, đang nhặt nhanh thuốc lá, tờ báo bước ra . . .

Tôi chào thầy, xưa thuộc cấp của mình ra ngoài, rồi lí nhí xin lỗi thầy và rời quán. Thầy Hiếu kéo tay tôi lại, rút cho tôi điếu Pall Mall, vẫn hiệu thuốc ngày xưa thầy hút, cẩn thận đốt diêm môi cho tôi điếu thuốc, giọng nhẹ nhàng khuyên nhủ:

- Em có chuyện buồn phải

không? Về ngủ đi!

Sau ngày đó, tôi không còn dịp gặp lại thầy, nhưng biết tự chế hơn trong những cơn say lạng quạng của dân nhà binh chết sống, vì tôi nhớ đến thái độ dễ dàng và bao dung của thầy ngày ấy.

Năm 1978 ra khỏi trại cải tạo, tôi lơ mơ về thành phố, nghe lại chuyện tang thương dâu bể của nhiều người xa lạ, thân quen, trong đó có cái chết của thầy Hiếu. Thầy Hiếu chải chuốt của tôi ngày xưa, đã chết trong nghèo khổ cùng cực . . . đến không có nổi một chiếc quan tài. Tôi hình dung lại cái dáng dấp nhỏ thó gầy gò của thầy ngày xưa, quần ủ lỵ thẳng tắp, áo trắng dài tay manchette double tươm tất, cà vạt màu sắc hài hòa.

Và trong những cơn say bây giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn như còn nghe như có tiếng thầy khuyên nhủ tôi trong cơn say ngày nào:

- Em có chuyện buồn phải không? Về ngủ đi!

Phan Trường Ân



Hình: HD Lâm thị Lê (HD 61-68)

Thầy

Toán

CỦA TÔI

ĐÔNG ĐĂNG

Ba năm đệ nhị cấp tại trường Hoàng Diệu tôi học đều nhất là môn toán. Học đều và...hay. Bởi vậy các thầy toán của tôi, tôi vẫn nhớ hoài tới bây giờ.

Lên lớp 10, lần đầu học chung con gái, tôi hơi nhút nhát nên không có biểu hiện gì xuất sắc trong học tập. Thầy Phan Văn Nhiều, dạy toán, nghe đầu đó, biết tôi là em của...anh tôi. Mà anh tôi là học trò cưng của thầy, nên thầy quan tâm tôi hơi nhiều so các bạn khác. Thầy hay bất ngờ kêu tôi lên bảng giải những bài toán mà phần lý thuyết thầy mới vừa giảng ngay trước đó. Mấy bàn đầu trong lớp toàn con gái thướt tha, hay nghịch ngợm chọc phá, khiến tôi lúng túng vì lý thuyết mới học chưa nhập tâm lắm lại bị tiếng cười khúc khích phía sau lưng. Thấy tôi ngẩn ngơ dòm đề bài, tay thì bẻ cục phấn ra làm mấy khúc, thầy biết ý, gợi ý cho tôi. Bản tính tôi cũng thuộc lanh lợi có được từ sự bưng chãi giữa chợ đời nên tôi tiếp thu sự chỉ dẫn của thầy cực nhanh. Nhờ vậy tôi thoát nạn mấy lần. Biết cách giảng dạy của thầy, tôi, bằng mọi cách sắm cho được cho mình một quyển sách toán. Với hoàn cảnh tôi lúc đó, có cuốn sách toán là quý vô cùng. Có sách tôi siêng đọc trước

một mạch luôn cả cuốn. Những lần sau lên bảng tôi đã tự tin hơn. Con gái chọc riết không thấy kết quả nữa nên đổi qua....cười khi gặp mặt. Từ đó tự dưng tôi học toán hay lên hẳn, toàn điểm 20, đứng đầu lớp nữa. Cuối năm thầy Nhiều đột ngột chuyển lên Sài Gòn. Tôi chỉ nhớ, trước khi hề chia tay, thầy có gặp tôi, chúc tôi học giỏi sau này thi đỗ cao, có tương lai tốt đẹp. Nụ cười hiền từ của thầy tôi nhớ mãi... Mấy năm trước thầy được mời về dự Hội trường. Tối hôm tới, sau khi gặp nhau bên bàn ăn, thầy nói tôi chở thầy vòng vòng thăm lại Sóc Trăng sau ba mươi mấy năm xa cách. Thầy vẫn nhớ từng góc phố, con đường, tên từng học trò cũ. Thầy nay đã nghỉ hưu. Tiếc là tôi còn hơi vô tâm chưa tìm hiểu về cuộc sống của thầy. Nhưng tôi biết sau năm 75 như nhiều nhà giáo khác, gia đình thầy gặp rất nhiều khó khăn. Học trò mỗi đứa mỗi nơi, chưa có sự nghiệp nên chắc cũng không mấy trò có cơ hội trả nghĩa thầy đúng lúc. Nhớ lại chuyện dạy toán của thầy, mỗi thầy có cách truyền đạt riêng. Có lẽ tôi học toán

giỏi, một phần do áp lực từ sự quan tâm của thầy, một phần do tôi biết sớm thích nghi với cách dạy của thầy, và một phần từ những tiếng cười khúc khích phía sau lưng.

Lên lớp 11 thầy dạy toán là Trần Lộc. Tương thầy to, giọng thầy rõ, truyền cảm. Tôi nhớ thầy hơi cao, dáng cong cong mỗi lần thầy nghiêng người nhìn xuống đám học trò từ trên bục khi thầy vừa giảng vừa viết bài lên bảng. Thầy giảng bài từ tốn, quan tâm đều tới tất cả học trò. Sự chăm lo hết lòng của thầy có kết quả rõ rệt. Điểm trung bình môn toán có tăng lên, và không học sinh nào thi lại. Mười năm trước, trong lễ cưới con gái thầy Phái ở quận 3 trên Sài Gòn, tôi tới sớm, gặp bàn khách có mặt trước. Nhìn kỹ, toàn là...thầy cũ, có thầy Lộc nữa. Tiệc cưới chưa diễn ra, thức ăn dĩ nhiên chưa có, nhưng bàn thầy trò tôi vui bằng mấy đám cưới cộng lại. Thầy Phái tạm quên vai trò đang giữ, vô đóng vai bạn xưa, thầy cũ khiến khi lễ cưới diễn ra, bàn thầy trò tôi chai bìa la liệt và no hết rồi. Chưa đã, sau đó thầy trò kéo nhau bằng



Honda vô trung tâm quận 1 uống bia hơi chế biến tại chỗ cho biết mùi vị. Không biết lúc đó sao thầy trò tôi uống được nhiều như vậy. Chắc cái tình thầy trò, tình đồng nghiệp thắm thiết, chắc ân tình đồng nghiệp, thầy trò lúc có có rất nhiều điều tốt đẹp cho nhau đáng quý, đáng nhớ trong lòng khiến nay có dịp hội ngộ, nhắc nhở khiến ân tình xưa sống dậy mạnh mẽ, khiến thầy trò tôi vui vẻ và thấy khỏe hơn, uống hoài không say.

Hồi đầu năm nay tình cờ gặp lại thầy ở lễ cưới con người bạn trung học của tôi ở Vũng Thơm. Sau sự chào hỏi thân tình như mọi lần, tôi chợt có chút bùi ngùi. Vì thấy sức khỏe thầy không như xưa nữa. Thầy đi đứng có phần chậm hơn và có người chở thầy tới dự tiệc. Tôi chợt nhớ chuyện mười năm trước, nhớ thầy với chiếc honda nữ cũ, nhanh nhẹn len lách giữa chốn phố hoa Sài Gòn với gương mặt rất tình cảm, vui vẻ để cùng đồng nghiệp, trò cũ đi uống bia chơi. Điều lắng đọng trong tôi là tôi ấn tượng với trí nhớ của thầy. Thầy vẫn nhớ tên trò dù mấy chục năm không gặp. Thầy nhớ rõ tôi chắc một phần do tôi là học sinh chăm học của thầy, nhưng phần chắc hơn là tấm lòng của thầy, kỳ vọng, dõi theo bóng những học trò xưa. Chắc thầy sẽ rất vui khi biết tin học trò nào đó của mình đỗ đạt, làm được chuyện tốt. Tôi nguyện trong lòng sẽ luôn xứng đáng là một niềm vui nhỏ nhỏ tới các cô thầy.

Lên lớp 12, mấy nụ cười khúc khích năm nào ngán môn toán, chuyển qua ban vận vật gần hết. Lớp còn 6 bạn nữ, bằng một phần tư trước đó, lớp như mất phần sinh động, giờ học như có buồn hơn, bù lại có thầy dạy toán trẻ, rất sôi nổi, thầy Phạm Xuân Dũng. Thầy tốt

nghề hạng cao, ra trường được chọn nhiệm sở xa cách quê nhà Đà Lạt. Thầy nói cái tên Ba Xuyên nghe lạ lạ, thầy còn trẻ đi cho biết đó biết đây. Người đáng trung bình, tướng đi mạnh mẽ, giọng giảng ồn ồn với cái nhìn nghinh nghinh chứa trong đó niềm đam mê nghề nghiệp, thầy giảng xong một mạch, quay hỏi vậy các trò biết không. Nhiều tiếng đồng thanh là không biết! Bởi những ngày đầu thầy giảng nhanh quá, giọng thầy không phải khó nghe nhưng khi giảng nhanh sẽ khó nghe...kịp! Dĩ nhiên những bài sau đó thầy giảng chậm hơn, dễ tiếp thu hơn.

Năm đó, ngành giáo dục bước qua năm thứ hai thi tú tài IBM, nghĩa là thi trắc nghiệm và chấm bài bằng máy tính IBM. Lớp học cắt lực cho kịp chương trình, làm bài tập thiệt nhiều cho quen cách thức thi mới, bởi nội dung phần toán rất nhiều và toán có hệ số cao nhất, nên là môn học quan trọng nhất. Có lần thầy nhờ tôi viết bài tập toán lên giấy stencil để kéo in ra nhiều bản, để cả lớp làm bài tập cho nhanh khỏi chép đề. Thầy nhờ tôi vì chữ thầy viết có học sinh phần nản khó coi, phần thầy còn nhiều chuyện phải lo toan. Thầy nhờ tôi vì tôi viết chữ đẹp và học giỏi toán hàng đầu trong lớp. Được vài lần, sau đó thầy đưa sấp bài nhờ tôi chấm điểm luôn! Khi tôi vào lớp 12 tôi đã học xong chương trình toán 12 trong mấy tháng hè, nên với tôi làm toán không chút khó khăn, nên việc thầy nhờ tôi tiếp không làm tăng giả tạo điểm toán tôi trong các bài tập. Thậm chí đề thầy viết sẵn kêu tôi viết lên giấy stencil, tôi thấy bài tập nào chưa tốt, tôi thay bằng bài hay hơn nữa! Có mấy bạn thân trong lớp mấy chục năm sau mới dám nói sao chữ

viết các bài tập hồi đó giống chữ của tôi! Tôi thấy chuyện này qua lâu rồi, không cần giữ kín, tôi xác nhận với mấy bạn khiến tụi nó có chút bất ngờ. Đợt thi tú tài ngay năm 75 trong mấy chục lớp 12 toàn tỉnh, chỉ có hai lớp có học sinh đậu hạng A, có lớp tôi, có tôi. Thi tú tài ban toán lúc đó có ba môn là toán, văn, sinh ngữ. Toán hệ số cao nhất. Vậy là thầy Dũng dạy tốt mới có trò giỏi, mà biết đâu trong đó có chút công nho nhỏ của...tôi nữa! Xưa thầy tính về xứ Ba Xuyên cho biết đó đây, không dè thầy định cư luôn. Sau 75 tôi và thầy người nơi kẻ ngã, tôi xa nhà mười mấy năm liền. Tình cờ hơn 20 năm sau thầy trò gặp nhau trên đường phố Sóc Trăng khi thầy đang là hiệu trưởng trường trung học ở Ngã Năm ra tỉnh họp. Thầy nán lại tỉnh lỵ một đêm để hai thầy trò nói chuyện nhiều hơn. Không dè buổi sáng chia tay đó đến nay hơn mười năm tôi chưa gặp lại thầy, chỉ mấy lần thăm hỏi thầy qua điện thoại. Giọng thầy vẫn sôi nổi, âm hưởng vui vẻ thuở nào dù biết thầy đang gặp nhiều cái khó chuyện đời riêng.

Ân tình các thầy với tôi nói sao cho vừa. Tôi chỉ suy nghĩ mình ráng sống tốt là cách trả nghĩa làm thầy cô vui lòng nhất. Hơn nữa đời người, tóc đã bạc, chân đã chùn tôi ráng làm tròn lời hứa trong tâm. Không chỉ riêng các thầy toán, những cô thầy khác nữa, mỗi người để lại trong tôi nỗi niềm riêng, ấn tượng riêng. Và tôi để những ân tình đó chung ngăn trong tâm tưởng, ngăn đó được giữ kỹ, khó phai pha theo thời gian. Để mỗi khi gặp lại bóng dáng xưa, cái ngăn kia tự động mở ra, quá khứ ủa về, niềm vui dâng lên, vui lắm, đáng quý lắm.

ĐÔNG ĐĂNG

Thư gửi
thầy

PHAN VĂN NHIỀU

Nguyễn Hồng Phúc

Thưa thầy kính mến,
Em rất tiếc đã không đến để thăm thầy cô những lúc về Việt Nam.

Nhưng nhìn những hình ảnh chụp được nhân dịp Hợp mặt truyền thống Hoàng Diệu vừa qua, đã cho em cái cảm giác thân thương như đã được gặp thầy ngày hôm ấy. Nhân dịp chị Tuyết về Việt Nam em vội viết vài hàng thăm hỏi sức khỏe của thầy cô và gia quyến.

Trước hết em xin gửi lời thăm hỏi ân cần, và lời cầu chúc thân tâm thường an lạc cho gia đình thầy cô.

Chắc Thầy còn nhớ đưa học trò Nguyễn Hồng Phúc lớp 10B1 năm 1971-72 và rời trường Hoàng Diệu sau mùa hè đỏ lửa 1972.

Cũng nhờ ơn Thầy đã xin Sư Huynh Huệ Trưởng Lasan Khánh Hưng lá thư giới thiệu Phúc vào học lớp 12B2 trường Taberd Sài Gòn tháng 7 năm 72. Sau đó vì sự chuẩn bị cho 2 kỳ thi Tú Tài năm 1972-73 đã chiếm hết thời gian của em và sau khi đậu tú tài 2, em xin du học Canada và bốn ba trên xứ người cho đến ngày nay...

Mới đó mà đã hơn ba mươi tám năm rồi, cuộc đời là bể dâu với biết bao nhiêu thay đổi. Vậy mà có

lúc nào đó trong cuộc đời, em vẫn nhớ đến một khoảng trời xanh bên ngoài khung cửa, hàng cây phượng đỏ nở rộ mỗi độ xuân về, nơi ấy đưa học trò lơ đãng ốm yếu của thầy, có lúc đã thả hồn lơ mơ theo cánh chim bay ngoài cửa sổ...

Thưa Thầy, có những kỷ niệm xưa ba mươi mấy năm trôi qua mà chúng em không thể nào quên. Nhắc lại thuở còn đi học với các thầy cô năm ấy, chân dung người thầy cao quý trong đó em nhớ thầy nhiều nhất, vì lẽ em rất hứng thú với môn toán của thầy. Thầy cũng là một trong những vị giáo sư Toán trẻ tuổi tài năng mà em ghi nhớ, cùng với những thầy Nguyễn Tư Thiếp và Nguyễn Ngọc Lân.

Vì thầy có những ý nghĩ mới mẻ sáng tạo trong việc dạy học như cho những bài toán tính ngầm trong lớp sau mỗi chapter làm cho lớp học vui nhộn và hứng khởi tranh đua. Xin lỗi thầy vì xa xứ đã lâu cho nên văn chương không chau chuốt như ngày xưa thân ái nữa. Xin thầy thông cảm và rộng lòng cho. Thầy là thế hệ đã đi qua và chúng em là thế hệ sẽ bước tới, thầy đã chia sẻ cho đám học trò nhiều chuyện đời buồn vui bên ngoài khung cửa. Nó như một khám phá mới lạ bên

ngoài thế giới học trò, bỗng dung em có cảm tưởng mình được chấp đôi cánh, bay bổng vào vùng trời của sự hiểu biết. Em cảm ơn thầy rất nhiều, nhờ vậy mà sau này em nhìn đời bằng đôi mắt khoan dung hơn, quảng đại hơn để dễ dàng chia sẻ với mọi người ngay trong những hoàn cảnh khó khăn và đau lòng nhất.

Thầy ơi! Thầy có nhớ lớp học nam sinh và nữ sinh học cùng nhau năm ấy không hở thầy? Chúng em là lũ học trò đang tuổi mới lớn nên nhiều tâm tư lộn xộn lắm. Thời của hoa mộng trong lúc chiến tranh đang bành trướng mạnh nhất. Ngày nào dưới học bàn các nữ sinh cũng có một tờ giấy học trò xếp làm hai làm tư, trong đó là mấy vần thơ, có khi lại là một lời tỏ tình rất ngu ngồ, ngẩn ngui mà người gửi đã chẳng ký tên vì đó là lời tỏ tình vô tư của con trai ở lứa tuổi 16-17. Cũng có khi tác giả những lá thư ấy là lũ kẹp tóc nữ sinh chọc ghẹo nhau, mà có khi chỉ là những tia nhìn đắm đắm lên lút trao nhau...

Cũng nhờ ơn thầy luyện môn toán vững vàng cho nên lúc lên học lớp 12B2 ở Taberd Sài Gòn Phúc học không kém dân Sài thành. Năm ấy Phúc lại dẫn đầu 3 môn toán, vật lý và công dân. Học sinh Taberd lúc ấy ngạc nhiên tại sao có 1 đứa nhà quê lên tỉnh học mà trội hơn dân Sài thành môn toán và vật lý nhỉ! Nhưng Phúc không đứng đầu hết các môn khác vì dưới tỉnh mình ngày xưa chưa có phòng lab cho môn hoá, vạn vật và điện để thực tập. Hơn nữa, dân Sài Gòn ai cũng muốn đi du học sau tú tài 2 cho nên môi trường cạnh tranh để đi học sinh ngữ lúc ấy rất lan rộng. Những Hội Việt Mỹ, Văn Hoá Pháp và Đức tràn ngập học sinh. Vì môi

trường cạnh tranh ngay từ lúc bắt đầu trung học cho nên 1 đứa học sinh từ tỉnh lên thành khó mà dẫn đầu được những môn như sinh ngữ anh pháp và môn học có lớp...

Thế rồi Canada trở nên quê hương thứ 2 của em và thời gian cứ trôi qua...và chúng em bắt tin tức của bạn bè và thầy cô cũ...cho đến năm 1977.

Mùa hè năm 1977 Phúc có đến thăm thầy Nguyễn Thái Lâm và ăn một bữa cơm trưa với thầy cô. Thầy cô trông vẫn như xưa. Thầy vẫn mập mạp và to lớn như người Đại Hàn... Thầy tâm sự rằng đã qua được gần một năm và đang dạy sinh ngữ cho một trường trung học ở Montréal. Thầy rất thất vọng, đúng ra là chán nản về cách đối xử của học trò tây phương. Gặp lại học trò cũ thầy rất đổi vui mừng vì trùng phùng hội ngộ và thầy rất cảm kích và rất quý học trò Việt nam, theo thầy vì các học sinh Việt nam thì kính thầy trọng đạo. Có lẽ thầy sẽ không dạy tiếp tục một ngày gần đây. Vài năm sau đó thầy cô có đến dự tiệc cưới của vợ chồng chúng em. Rồi khoảng một năm sau đó gia đình thầy dọn về Toronto sinh sống bằng nghề bán life insurance. Hơn mười năm sau đó (1989) thầy cô sang Paris để thăm thầy Ngô Trọng Bình và lúc đó thầy và cô lâm trọng bệnh, thầy Bình sau này kể lạiCách đây vài năm các bạn bè Hoàng Diệu cũ có thấy tin chia buồn phân ưu Thầy Michael Nguyễn Thái Lâm trên báo địa phương Toronto. Mấy bạn không dám chắc là thầy Lâm vì có chữ Michael đứng trước tên thầy. Và kể từ đó thầy Ngô Trọng Bình bắt tin không còn tin tức gì của thầy cô Nguyễn Thái Lâm nữa...Dầu sao đi nữa thì đây cũng không phải là một tin vui cho cựu học sinh và

thầy cô Hoàng Diệu nên em không có ý định đề cập nhiều hơn...

Sau này em cũng có liên lạc với các thầy Ngô Trọng Bình và thầy Nguyễn Tư Thiếp. Nhưng vì đường xá xa xôi nên chỉ hỏi thăm và liên lạc qua internet và email. Nghe nói thầy Nguyễn Ngọc Lâm đã sang Mỹ, nhưng chúng em vẫn bắt tin thầy. Không biết thầy có tin tức gì của thầy Nguyễn Ngọc Lâm không ạ...

Thỉnh thoảng em email hỏi thăm thầy Thiếp ở Sydney. Thầy chỉ trả lời qua loa cho có lệ chứ không nói rõ về đời sống riêng tư của mình. Theo lời lẽ của thư thầy thì hình như thầy ấy không hài lòng với số phận của mình, có vẻ chán đời và bất chấp những chuyện thị phi trần tục...

Ngồi ngẫm nghĩ lại thắm thoát chúng em đã tha hương ở Canada đến 37 năm, dù nơi nào cũng có những nỗi cực nhọc của cuộc sống. Nhưng ở đây, em cũng có chút thì giờ để viết thư thăm thầy, để viết 1 phần những tâm sự của mình.

Nước Canada không phải thiên đàng mà cũng chẳng phải là hoả ngục thầy ạ, ta có quyền chọn lựa cái nào đỡ xấu nhất, đấy là lý do tại sao thầy trò mình xa cách gần nửa vòng trái đất 1 thời gian lâu dài...

Cuộc sống bôn ba xứ người làm cho mình lúc nào cũng bận rộn. Những lần về VN thăm gia đình thì quá ngắn ngủi trong khi đó bà con dòng họ rất nhiều và rải rác khắp mọi miền trên đất nước, phải đi thăm tất cả dòng họ thì mất rất nhiều thời gian của mình. Cho nên hầu như không có dịp tốt để hội ngộ thầy trò, để hàn huyên tâm sự.

Viết đến đây em cảm thấy tại sao mình lại nhắc nhiều về quá khứ mà chưa đề cập gì đến vấn đề hiện tại.

Em hi vọng nhận được hồi âm của thầy, trong thư hồi âm xin thầy chia sẻ những suy tư trần trụi cũng như sự hài lòng trong cuộc sống trước và sau thời dạy học...

Khi thầy viết bằng bụi phấn rơi



Ảnh chụp năm 1974: Trịnh Tấn Tước, Khưu Hữu Hiếu, Thầy, Nguyễn Văn Hai và Lâm Đắc Huệ

roi

*Có hạt bụi nào rơi trên
bạc giảng*

*Có hạt bụi nào rơi trên
tóc thầy*

*Em yêu phút giây này,
thầy em tóc như bạc thêm*

*Bạc thêm vì bụi phấn
cho em bài học hay...*

Đây là bài thơ mà em nghĩ có ý nghĩ sâu xa nhất đã làm lòng em chạnh lại với 4 câu thơ này, làm em nghĩ đến công ơn thầy cô dạy dỗ sau bao nhiêu năm trời cho không biết bao nhiêu lớp học sinh đi qua, mà thầy cô cứ lặng lẽ bước chân âm thầm và tâm tư để cho những giờ học hay nhất.

Em xin tạm dừng bút nơi đây. Em viết thư này bằng màu xanh. Vì nghĩ màu xanh là màu của hi vọng. Hi vọng thầy cô và gia đình được bình an, khỏe mạnh và vui tươi với những kỷ niệm cũ thời dạy học...Hi vọng dân mình càng ngày càng khấm khá hơn. Hi vọng đất nước mình càng ngày càng phát triển hơn để theo đuổi kịp mức tiến triển của những xứ tân tiến trên thế giới...

Nguyễn Hồng Phúc.

Học trò cũ của thầy

Tái bút: Phúc nhờ chị Tuyết trao thư này lại Thầy Cô.

Địa chỉ: 995 Rembrandt

Brossard, Québec
Canada J4X 2E9

Thầy

LÂM CỘNG HƯỞNG



Thời hoàng kim trường Hoàng Diệu là một trong bốn trường nổi tiếng có học sinh học giỏi nhất miền Tây. Học sinh giỏi, trước hết nhờ vào sự nỗ lực của bản thân. Nhưng sự nỗ lực đó sớm được thăng hoa phải nhờ sự dìu dắt, nâng đỡ của cô thầy. Bởi vậy có câu thầy giỏi trò giỏi. Trường Hoàng Diệu có nhiều trò giỏi, tất nhiên gốc bởi trường có nhiều cô thầy giỏi.

Tôi tính góp chuyện dong dài về thầy Lâm Cộng Hưởng dạy toán, đầu ba năm đệ nhị cấp của tôi tại trường Hoàng Diệu thầy chưa bước vào lớp tôi. Bởi tiếng tăm thầy làm tôi chú ý và ngưỡng mộ. Trước 75, ngoài chuyện đả trách giờ lên lớp theo lịch, phải làm tròn trách nhiệm nặng nề là hiệu trưởng trường trung học công lập duy nhất của tỉnh, thầy còn dạy thêm ở nhiều trường trung học tư thực và các khoá luyện thi. Lịch lao động của thầy chắc sẽ đầy đặc, thời gian thông

thả chắc eo hẹp, tưởng như thầy sẽ không còn tâm trí đâu mà nghiên cứu phương pháp giảng dạy sao cho ngày tốt hơn. Ngược lại đằng khác, nhiều học sinh ham học với thầy bởi thầy có cách truyền đạt luôn súc tích sao dễ hiểu, dễ nhớ. Nói vậy để thấy năng lực tư duy của thầy thật tuyệt vời. Môn toán là môn học khô khan, nhất là những tiết học gần giữa trưa, lớp học nóng và chật, học sinh khó tập trung, học khó vô...Thầy giảng lượng giác bằng câu lục bát, nghe qua rồi khỏi học bài: Sin bằng cạnh đối chia huyền/Cosin ta lấy kề huyền chia nhau/Còn tang ta hãy tính sau/Đối trên kề dưới chia nhau ra liền...Thầy hay nói chuyện vui để học sinh tỉnh táo. Có một chuyện vui mấy chục năm sau vẫn còn nhiều trò nhớ về cái lạ, cái quái của thầy nhằm mục đích như nói ở trên. Để học sinh chú tâm, thầy khởi đầu tiết học bằng kể chuyện xưa, chuyện Tôn Thợ Tường làm thơ Đường trần tình chuyện theo giấc Pháp qua bài Từ Thứ qui Tào, và bài thơ bị Phan Văn Trị xướng, vạch tội. Thầy đọc bài xướng của thầy, nguyên văn là:

Thảo đâu dám sánh kẻ cày ruộng

Muối xát lòng ai thì nấy ngứa

Ở Hán còn nhiều ruộng cột bụi

Về Tàu chỉ xá một cây cưa

Mãng nghe tin mẹ không nâng chén

Ngồi tưởng ơn vua lệ muốn ứa

Chẳng dặng khôn Lưu thừa đại Ngụy

Thân này tự nguyện đứng kẻ giữa.

Tất nhiên tiếng cười sẽ vang lớn, khó đo. Học trò sẽ cười muốn chảy nước mắt, bởi chưa thấy bài thơ nào lạ, toàn âm trắc, đọc lên nghe tức tức sao đâu. Tất nhiên học trò không cậu nệ tới nội dung bài thơ, chỉ thấy vui lạ ở ý tưởng phá cách lạ lùng mà thôi. Và chắc chưa

có bài thơ nào kỳ cục tới như vậy. Vậy mà bài thơ này từng được đăng báo lâu lắm rồi đó. Đầu tháng chín rồi, nhân lễ khai trường Hoàng Diệu, thầy Hiền Tâm dạy văn, hiện ở trên Sài Gòn, có về dự. Ở buổi cơm, thầy Tâm và thầy Hưởng mày tao vui vẻ vì cả hai là cùng thời và thầy Tâm đọc bài thơ cũ mèm này tại bàn ăn, tạo ra bao tiếng cười vui nhộn, tốn thêm bia! Nhắc để thấy cái lạ, ấn tượng của bài thơ tưởng chừng lảng nhách này!

Hôm rồi thấy thầy trên đường đang chạy xe gắn máy rất nhanh. Sau đó tình cờ có dịp gặp mặt thầy, tôi nhắc chuyện chạy xe. Thầy nói mấy chục năm qua, mỗi lần về thăm nhà ở Tây Ninh thầy đều tự đi về bằng xe gắn máy; rồi lịch dạy dày quá, phải chạy nhanh cho kịp, riết thành thói quen. Thầy nói có phần đúng, nhưng thật ra do thầy có sức khỏe tốt, nay trên bảy mươi rồi, đã hưu trí, thầy vẫn chạy xe nhanh bởi thầy vẫn duy trì được tinh thần minh mẫn và sức lực dẻo dai. Thầy khoe đã mở hàng cây súng bắn tốc độ cảnh sát giao thông và chia cho trò coi giấy phép lái xe lủng một lỗ tròn tròn! Bên cạnh chuyện vui vui, đây ấn tượng về thầy, cũng nên biết thầy Hưởng là nhà giáo ưu tú đầu tiên

của trường Hoàng Diệu. Thầy từng dự Đại hội thi đua toàn quốc, thầy là Phó chủ tịch Hội khuyến học tỉnh Sóc Trăng, thầy đang rất khỏe, sẵn lòng làm hài lòng các trò nào muốn nhờ vả ở kiến thức của thầy. Thầy cũng là người thầy cuối cùng của trường Hoàng Diệu trước năm 75 hàng ngày còn cặm cụi làm toán với lũ học trò.

Nhìn lại quãng đường dài bốn mươi năm gắn bó với trường Hoàng Diệu sẽ thấy thầy là người có thời gian tại trường dài nhất, khó có cô thầy nào phá nổi kỷ lục đó. Với thời gian đó, thầy đã đào tạo biết bao lứa học sinh, và tôi như chưa nghe học sinh nào phàn nàn về cách dạy của thầy, chỉ có khen. Chắc chắn thầy là thầy toán giỏi hàng đầu của trường Hoàng Diệu, và hơn nữa cái giỏi của thầy đã lan tỏa rộng lớn, có tác động có ích tới biết bao thế hệ học trò. Chiếc đồ cũ hơn bốn mươi năm vẫn còn bền lắm, hôm trước may gặp lại thầy, thầy vẫn sôi nổi góp chuyện và thầy còn nhiều trăn trở, thầy than phiền: “Sao học trò bây giờ ít chuyên cần như ngày xưa...”. Tôi chưa vội bàn về nhận xét của thầy, chỉ muốn nói cái tâm của thầy, một nhà giáo mẫu mực vẫn luôn đỏ tươi nguyên.

MINH HOÀNG

thơ Lâm Hảo Khôi

Người quê ở Sóc Trăng

Tưởng quên rồi sao tôi lại nhớ
Mưa nắng người quê ở Sóc Trăng
Chiều gầy cánh nghiêng đời cây xếp lá
Lạnh tay về hoa mấy nụ băng khuâng
Tưởng quên rồi đường Hai Bà Trưng
Đi trong tối những đêm buồn thiếu điện
Chạm bàn chân cho bàn tay quyến luyến
Sợ biển đời sóng tạt nụ hôn xa
Cám ơn trời tháng bảy mưa qua
Mái lá nhà tôi mỗi ngày mỗi dột
Như mái tình tôi muộn màng khóai thuốc
Như mái đời tôi chèo chống lắc lư
Tưởng quên người tay ấm phong thư
Khi ra biển câu thơ buồn ở lại
Tôi theo con đường có quán café bên góc trái
Nắng theo người mưa tí tách theo tôi
Những mùa đi rừng bạc vắng tằm hơi
Mưa và gió sao làm nên lửa ấm
Trái đất tròn khi qua biển rộng
Chút men xưa làm rượu ngọt say người
Lá xanh vườn sao nhớ miếng trầu tươi
Têm vôi đỏ mẹ ngồi nhai đón tết
Cám ơn người lòng còn thơm lá biếc
Nên mùa đi còn gọi phần hương về.

Mưa trên đồi

Mưa chiều đuổi nắng trên đồi thấp
Nghiêng lá che người mắt cổ hương
Buồn đi áo ấm che vai lạnh
Dốc nhỏ nằm đau ngóng phố phường
Mưa đã từng phen chào vĩnh biệt
Nắng về đốt cháy ngọn đồi xanh
Em về đốt cháy vườn thanh tịnh
Chim chóc kêu nhau bạc mấy cành
Em cũng là mưa đêm ở lại
Cũng chào vĩnh biệt lúc trăng lên
Buồn đi áo lạnh che vai ấm
Đêm thiếu hơi người khăn áo quen
Chiều ta mưa thấm lên đồi cũ
Cây cỏ về xanh nhớ áo đi
Sân hoa trắng rụng ngàn thư mỏng
Là gọi buồn đi có đợi về

Trường Hoàng Diệu:
về
những người
làm
thơ
tôi từng biết

LÂM HẢO KHÔI

Vào những năm của thập niên 60, thời cực thịnh của nền văn học Miền Nam theo đà nở rộ của các bút nhóm văn nghệ tinh lẻ ở miền Nam trên các nhật báo ở Sài Gòn hàng ngày đăng thơ, truyện ngắn của anh em văn nghệ một cách đều đặn kể cả các tạp chí văn học. Phần lớn họ là học sinh sinh viên một số là công chức hoặc đã đi vào quân đội. Chỉ nói riêng ở miền Tây và trong phạm vi hiểu biết rất hạn hẹp chúng tôi ghi nhận một số nhóm hoạt động như sau:

- Châu Đốc với nhóm của anh Ngô Nguyên Nghiễm, nhóm này

phát triển mạnh một thời và vào thập niên 70 phát hành đặc san Khai Phá với sự trình bày mỹ thuật của Lưu Nhữ Thụy, cũng như in thơ cho người trong nhóm. Cần Thơ có nhiều người làm văn nghệ nổi tiếng, nhưng tôi chỉ biết vài anh em trong nhóm Về Nguồn của anh Lê Trúc Khanh, anh Lê Trúc Khanh còn phụ trách “Chương trình thi văn Về Nguồn” trên đài phát thanh Cần Thơ, cũng giống như chương trình Mây Tần của nhà thơ Kiên Giang trên đài phát thanh Sài Gòn. Cà Mau có nhóm Đất Mũi với Hoài Diễm Từ.

Riêng tại Sóc Trăng tôi có nghe tên một số người làm thơ thời đó như: Lan Sơn Đài, Lê Trường Giang, Triều Uyên Phụng.

Phần ghi chép nhỏ này chỉ giới hạn riêng trong ba bút nhóm đã được thành lập và hoạt động dưới mái trường Hoàng Diệu trong thập niên 60 mà thôi.

Thời đó chúng tôi chỉ là lũ học sinh ham mê thơ thần cho nên tập tành làm thơ gửi cho các báo và tạp chí ở Sài Gòn, gửi xong thì chờ tin ở mục “Tin thư” hoặc mục “Bài nhận được” của tòa soạn. Khi có bài được đăng báo thì mua tờ báo về rồi chuyển nhau đọc. Học lớp mười chúng tôi vẫn chưa dám ngồi quán cà phê, tôi cảm thấy ngồi quán cà phê là một điều gì khác thường lắm cho nên bọn tôi thường họp nhau trong lớp hoặc ở nhà đứa này đứa kia trong nhóm.

Hồn Trẻ 20

Tôi không nhớ rõ năm và nguyên do nào đẩy đưa chúng tôi họp thành bút nhóm. Chỉ nhớ một bữa nọ Vũ Ngọc Đức và Đặng Phước Đức tới rủ tôi cùng đi tới nhà một cô nữ sinh cùng trường để mời cô ấy vô nhóm thơ. Sau này biết cô ấy là Đỗ thị Minh Giang.

Sau đó một thời gian nhóm Hồn Trẻ 20 ra đời. Như vậy nhóm Hồn Trẻ 20 đã góp mặt trên các báo và nguyệt san ở Sài Gòn khoảng giữa thập niên 60.

Trưởng nhóm: Trương Đức (bút hiệu Vũ ngọc Đức)

Các thành viên trong nhóm gồm:

Đặng Phước Đức (bút hiệu Thương Tử Tâm), Võ Minh Đường (bút hiệu Triều Phụng Dung), Huỳnh Kim Xoàng (bút hiệu Lê Lệ, Đỗ thị Minh Giang (bút hiệu Hồng Diễm), Lâm Hảo Khôi (bút hiệu Trần Tử Lan), Nguyễn văn Em

(bút hiệu Khánh Xuyên), Lý Thừa Nghiệp (Trầm Mặc Nghệ Thế)

Ngoài ra còn có một số người của nhóm không phải là học sinh Hoàng Diệu, gồm: Lê Tiền Duyên, Phù Sa Lộc, Trương Thanh Thùy (Nguyễn Nghĩa), Trần Kiều Bạt.

Viết tới đây tôi cảm thấy thiếu một điều gì nên điện thoại xuống Melbourne hỏi Lý Thừa Nghiệp mới biết thêm chi tiết: Lý Thừa Nghiệp (tức Trầm Mặc Nghệ Thế) cùng Vũ Ngọc Đức và anh Thuận cũng là dân Hoàng Diệu (không bút hiệu) là 3 người sáng lập nên nhóm Hồn Trẻ 20. Anh Nghiệp còn cho biết trong nhóm lúc đó còn có một nhân vật nữ khác với bút hiệu Song Thương. Tôi muốn ghi lại đây vài kỷ niệm với từng người trong nhóm.

1-Vũ Ngọc Đức (VNĐ)

Cha mẹ anh đều là người Hoa nên sau này anh em thân mật gọi anh là Đức Tàu, anh vẫn vui vẻ nhận cái biệt danh đó. Dường như mọi hoạt động gì của chúng tôi đều do VNĐ sắp đặt. Có lần anh đề nghị ra một tuyển tập lấy tên là “Lung Trần”, kêu gọi anh em mỗi người góp một bài thơ. Một tuần sau thơ thì có nhưng làm sao gom góp tiền đủ để in. Chúng tôi chợt nhớ tới nhà sách Thanh Quang một địa điểm rất quen thuộc...

Nhà sách Thanh Quang nằm ở đường giữa trục đường Hai Bà Trưng, Sóc Trăng là nơi chúng tôi thường tới coi báo cộp, khi nào báo có đăng thơ trong nhóm thì mới bấm bụng mà mua tờ báo đó. Còn không thì cứ đọc xong xếp báo lại chỗ cũ chào ông chủ một cái rồi đi về. Tôi không biết ông tên gì nhưng chắc là ông quen lắm những gương mặt coi báo cộp hằng ngày của bọn tôi. Thật ra “nghề này” còn có cả một ông giáo già dạy Việt văn ở

một trường tư nữa. Ông này đã mất lâu nay và từng mang băng đồ sau 30 tháng 4, nên không cần phải nói tên ông ta ở đây.

Nhà sách Thanh Quang thật sự không phải sống nhờ bán báo bán sách mà chính là nhờ vào những cái máy in. Tuyển Tập Lung Trần của chúng tôi được ông chủ nhà in nhận lời in chiều hôm đó bọn tôi mừng rối rít bởi phải qua nhiều giờ thương thuyết với ông chủ nhà in. Bọn tôi đưa xin tiền cha mẹ, đưa mượn bạn bè, đưa cầm cái đồng hồ gom lại chỉ được chưa đầy phân nửa tiền in. Tôi nhớ ông nói với chúng tôi một câu rất thân tình “thôi phần còn lại chú cho tụi mày thiếu, chừng nào bán được thì trả sau”. Ngày lấy thơ, tuyển tập thơ của chúng tôi là một mảnh giấy in khổ bằng nửa tờ báo. VNĐ cột chồng thơ sau xe đạp rủ tôi cùng đạp xe đi nhà bà ngoại Đức ở tuốt dưới Kho Dầu. Bước vô nhà vừa chào bà ngoại xong tôi nghe Đức lên tiếng “bữa nay bà ngoại cho tụi con ăn cơm ở đây với bà ngoại nghe”. Bà ngoại Đức vừa vo gạo vừa hỏi “chớ giấy tờ gì vậy con?”. Đức trả lời “thơ”. Thơ là cái gì? Bà hỏi tiếp. Thì thơ là thơ chớ gì, mà ngoại không biết đâu. Tôi im lặng nghe mẩu đối thoại giữa Đức và bà ngoại vừa xếp tuyển tập thơ của chúng tôi.

Ngày hôm sau chúng được bày trên kệ ở vài nhà sách như Tiến Hóa, Tân Sanh và dĩ nhiên nó cũng ngồi một chỗ khiêm nhường nhưng sáng sủa trong tiệm sách Thanh Quang. Sau đó chúng tôi còn có tuyển tập “Lá”.

Hết lớp đệ nhị VNĐ bỏ học lên Sài Gòn theo nghiệp làm báo, có thời làm tờ Sân Khấu Kịch Trường (?) chuyên viết về các ca sĩ cải lương cho nên anh cũng thạo thức

lo âu chia sẻ buồn vui với họ khi cánh màn nhung khép lại. Có lẽ vì thế mà suốt mấy mươi năm cho tới bây giờ VNĐ vẫn còn gắn bó với sân khấu cải lương. Anh chuyển từ người mê thơ thành người mê viết về sân khấu. Dường như anh chưa in tập thơ nào dù thời học sinh anh làm thơ đăng báo rất nhiều. Rất tiếc chúng tôi không có một bài thơ nào của VNĐ.

VNĐ hiện sống ở Sài Gòn.

2- Đặng Phước Đức

Do trùng tên với Trương Đức nên anh em gọi anh là “Đức con” phân biệt với Đức tàu. Có lẽ thời đó anh yêu người con gái cùng trường Hoàng Diệu tên là Tâm nên lấy bút hiệu là Thương Tử Tâm (TTT). Tôi có 2 lần tháp tùng đi thăm bạn gái của Đức. Lần thứ nhất khi gia đình cô Tâm dời về Cần Thơ bởi ba cô ta chuyển về đó. Nhà mới của cô ở trong một con hẻm đường Phan Thanh Giản. Khi vào con hẻm đó Đức kêu tôi đi sát mé nhà còn Đức đi phía ngoài. Ngang qua nhà Đức không dám nhìn vô, dặn tôi cố nhìn coi có thấy cô Tâm không? Căn nhà mái tôn vách ván sơn màu xanh lá cây hôm đó không thấy ai cả. Thật tình tôi cũng chưa biết mặt mũi cô Tâm ra làm sao. Chỉ có vậy thôi mà hai đứa phải lặn lội từ Sóc Trăng ngồi xe đò lên tới Cần Thơ. Cũng may chiều hôm đó được ba Đức đang làm việc ở Cần Thơ dẫn hai đứa đi ăn một bữa cơm gà Hải Ký ngon lành.

Lần thứ hai Đức rủ tôi đi xa hơn, đó là một quận lỵ nhỏ nằm trên đường đi Rạch Giá. Chúng tôi ngồi xe lam lên bến xe mới mua vé đi. Hỏi thăm người bán vé cho biết mỗi ngày chỉ có một chuyến đi và một chuyến về mà thôi. Nhìn đồng hồ, tính giờ đi giờ về chúng tôi chỉ còn độ hai tiếng cho cuộc

trùng phùng hội ngộ này. Cuối cùng là - những chiều không có em - chúng tôi lại ngồi trong quán cóc bên lề đường chờ chuyến xe về từ Rạch Giá. Người con gái đó không có nhà. Cả hai lần thăm người yêu đều không gặp, không biết những lần khác thì sao.

*Phải chi làm được con mưa nhỏ
Rơi mái nhà em đỡ nhớ nhau.*

Đức đã viết như vậy gần 40 mười năm trước. Anh cũng chưa in cho mình tập thơ nào. Lúc chúng tôi làm tuyển tập thơ Úc châu, Đức muốn tham dự nhưng đã trễ, hẹn kỳ sau hoặc có thể anh sẽ in riêng cho mình một tập vì đã hơn 40 mười năm làm thơ, thời gian quá dài để một người làm thơ in tác phẩm của mình.

Năm 2009 có dịp qua Cali, nghe người bạn Hoàng Diệu kể chuyện về cô Tâm. Câu chuyện kết thúc rất là thương-tâm. Người ta thường nói trời không chiều lòng người. Bạn tôi đã bỏ bút hiệu thời học trò yêu người không dám nói như kiểu bài thơ “Khối Tình” thập niên 40. Nhưng rồi chuyện đời có phải là những con sóng nhỏ cuốn trôi đi không bao giờ trở lại. Có hôm nào một mình trên bến nước chợt thấy hồn mình như muốn chìm tan theo những con sóng nhỏ xa xôi.

Thương tử Tâm hiện sống ở Mỹ.

3- Lý Thừa Nghiệp, thời học sinh tôi không có nhiều dịp gặp anh, anh bỏ học sớm đi vào quân đội sau những ngày tháng lang bạc ở Sài Gòn. Tới trại tỵ nạn Thái Lan anh đã gởi thơ cho Làng Văn và khi định cư ở Úc anh bỏ bút hiệu Trầm Mặc Nghệ Thế thời học sinh. Nay dùng tên thật để ký các bài thơ mang màu sắc và triết lý Phật giáo.

Tôi thích những bài thơ anh làm về mẹ.

Tiếng ai như lá trong vườn

Đã rơi từ thuở nỗi buồn còn xanh.

hoặc:

*Tay cầm một mảnh tình chung
Đốt lên thì thấy muôn dòng lệ bay*

Thơ anh cũng được nhiều người phổ thành nhạc. Nhạc sĩ Văn Giảng lão thành cũng cư ngụ ở Melbourne đã phổ nhạc nhiều bài thơ của LTN. Anh đã có thi phẩm “Bọt Nước Xao” in riêng và “Lung Linh Hoa Tạng” in chung với tỳ kheo Thiện Hữu. Anh cũng phát hành 3 CD nhạc phổ từ thơ anh do các nhạc sĩ ở Úc viết nhạc.

Anh hiện sống ở Melbourne.

3- Võ Minh Đường bút hiệu Triều Phượng Dung, anh học sau tôi vài lớp không có dịp gặp nhau nhiều. Năm 92 anh gởi tặng tập thơ “Bên Khung Cửa Mặt Trời” in cùng năm. Một đoạn trong bài được dùng làm tên cho tập thơ:

Anh biết là chim chở mùa đi

*Đôi cánh nhẹ có chút gì lưu luyến
Mặt trời nhỏ bay hoài khung cửa mở*

Buổi mai còn bỡ ngỡ nhớ ngày xưa.

Nghe nói dạo sau này anh uống nhiều rượu.

Võ minh Đường mất ở Cần Thơ năm 2004 để lại tiếc thương cho các bạn bè, nhất là những người yêu thơ.

4- Huỳnh Kim Xoàng

Anh học cùng lớp với Đặng Phước Đức yêu cô nữ sinh cùng trường tên Lệ nên có bút hiệu Lệ Lệ và cô Lệ sau này là vợ anh. Dường như anh ít viết nhứt là sau 75. Rất tiếc là không có nhớ bài thơ nào của anh.

Anh hiện sống ở Sóc Trăng.

5- Đỗ thị Minh Giang,

Chị là người nữ duy nhứt trong nhóm mà tôi biết, bút hiệu Hồng Diễm. Gần đây có lẽ HD làm khá nhiều thơ. Không biết chị có in tập thơ nào chưa? Trên trang web

Hoàng Diệu có thơ chị. Ngoài ra còn thấy thơ chị ở nhiều trang web khác kể cả những bài thơ được nhiều người viết thành nhạc.

Hồng Diễm đang sống ở Mỹ.

6- Về phần người viết bài này, tôi chưa in tập thơ nào chỉ đóng góp trong các tuyển tập với anh em ở Úc châu.

Về các anh em trong nhóm nhưng không phải là HS Hoàng Diệu:

7- Phù sa Lộc

Tên thật là Diệp Ngọc Sơn, anh làm nhiều thơ, anh phục vụ quân đội trước 75. Sau này vẫn tiếp tục viết. Gừng càng già càng cay cho nên năm 89 anh có tập “Thơ tình tuổi 40”. Một đoạn trong bài Chuyện Tình trích trong tập thơ trên

Tôi ho đâu phải vô tình

(Đến hồi lá phổi bất bình cái môi)

Tôi ho là để ho thôi

Cho nhà em bớt lẻ loi tiếng người.

Phù sa Lộc đang sống ở Cần Thơ.

8- Nguyên Nghĩa

Tôi biết Nghĩa từ thời còn là anh học trò nhà ở bến Bãi Sậy Chợ Lớn. Thời mới tập tễnh làm thơ anh có bút hiệu là Trương Thanh Thùy. Chỉ gặp nhau một lần ở nhà chị của Lệ Lệ ở Chợ Lớn thối đó đường như anh học lớp đệ tam rồi mãi cho tới khoảng 89 được thư anh từ Canada sau đó là tập truyện “Chờ Chết” do Xuân Thu ở Mỹ in. Tập truyện viết về những ngày phục vụ trong binh chủng pháo binh sư đoàn 21 của anh. Tập này có nhiều truyện rất hay, tiếc là anh viết không đều tay. Sau tập đó anh làm báo và không còn thấy truyện của anh nữa, cả thơ cũng ít đi. Anh cũng có bài thơ về mẹ rất cảm động

Sờ tay trong bóng đêm đen tối

Tưởng có đâu đây bóng mẹ nằm

Có thời anh làm thơ ký toà soạn cho Làng Văn.

Anh hiện sống ở Mississauga Canada.

9- Trần Kiều Bạt

Là người không học Hoàng Diệu nhưng anh em trong nhóm biết tới nhiều vì máu lang bạt kỳ hồ của anh. Tên thật là Lê Tấn Nhứt, anh cả trong gia đình có 9-10 anh em. Tôi có rất nhiều kỷ niệm với Trần Kiều Bạt nhứt là những năm tháng học ở trường Khoa học Cần Thơ, cuối tuần tôi hay lên lộ 19 cạnh hăng nước mắm Nam Kỳ ghé nhà Bạt ăn những bữa cơm gia đình ngon lành do má anh nấu. Anh là người mê văn nghệ, cả những cô em gái cũng vậy, ai cũng có giọng ngâm thơ rất truyền cảm và giọng ca rất hay. Tôi Mỹ khoảng thập niên 90, máu giang hồ thơ túi rượu bầu vẫn đầy trong anh.

Anh đã mất ở Mỹ trong một tai nạn xe cộ năm 2005. Trong tạp chí “Thư Quán Bản Thảo” do Trần Hoài Thư chủ trương ở tập số 37 có một chương tưởng niệm nhà thơ Trần Kiều Bạt. Tôi tìm ở đó bài thơ rất cảm động anh nói về mẹ trích trong bài viết của Lương thư Trung viết về anh:

Khi về thấy trước hàng ba

Mẹ tôi hùi hắt ngời pha nổi sầu

Tám lòng năm cũ còn đau

Nhìn qua mái tóc mẹ, màu phai đi

(Ghi chú của người viết: Trên các trang web có một nhà thơ khác là Trần kiều Bạc, với Bạc chữ c cuối là một nhà thơ khác)

Nhóm Khuôn Mặt Học Trò.

Đây cũng là một nhóm thơ của những HS Hoàng Diệu. Anh em trong nhóm này có lẽ trẻ hơn chúng tôi. Nhóm có lẽ cũng thành lập sau HT 20. Tôi không biết hết thành viên trong nhóm chỉ nhớ người trưởng nhóm là Bùi văn

Bình. Nhóm này cũng một thời có nhiều thơ đăng trên các báo ở Sài Gòn.

Bùi văn Bình đang sống ở Sài Gòn.

Nhóm Cung Thương Miên Nam

Theo tài liệu tôi nhận được từ anh Trần phù Thế ở South Carolina để bổ sung thêm cho những phần thiếu sót của tôi về nhóm này. Nhóm CTMN được thành lập ngày 15-2-1963 với những thành viên ban đầu là HS Hoàng Diệu và sau này có thêm anh em không phải là dân Hoàng Diệu xin gia nhập nhóm.

Trưởng nhóm: Trần văn The bút hiệu Mặc Huyền Thương.

Thành viên: Lâm Hảo Dũng bút hiệu Avye và Mây Viễn Xứ, Lưu Văn Nguyễn văn Hạnh bút hiệu Triệu Ngọc, Nguyễn Lệ Tuân, Trần Biên Thùy.

Tôi nhớ khoảng thời gian thành lập và những năm sau nhóm CTMN đã đóng góp nhiều cho các Giai phẩm Xuân của trường HD vào mỗi dịp Tết. Nếu anh em HD nào còn lưu giữ được những Giai Phẩm Xuân HD những năm 60 thì sẽ rõ điều này. Vì là đàn anh trong trường nên được thầy cô chiều cố và tin cậy. Thật ra cũng nhờ khả năng viết lách của các anh trong nhóm.

1- Trần văn Thế (Mặc Huyền Thương)

Sau này đi vào quân đội anh vẫn làm thơ và lấy bút hiệu mới là Trần phù Thế cho tới nay. Nhớ người bạn học trong nhóm HT 20 là anh Khánh Xuyên quê Đại Ngãi, cha mẹ anh muốn cho ngôi nhà gần trường HD, tan trường tôi thỉnh thoảng ghé chơi và nhiều lần gặp anh Mặc Huyền Thương ở đó. Chúng tôi thường ngồi tán gẫu với

anh rồi chép thơ gửi báo. Anh The là người ăn nói điềm đạm và có vóc dáng của một nhà giáo đạo mạo hơn là một nhà thơ giang hồ lãng mạn. Khoảng đầu năm 80 tình cờ lang thang trên con đường cũ, con đường rất quen và rất lạ, con đường đã mòn bao nhiêu gót giày thời sinh viên ở trường Khoa học cũ ĐH Cần Thơ tôi gặp anh đang lai rai với một HD cùng lớp. Lúc đó anh đi tù mới về, bà chị có ngâm cho bình rượu thuốc để anh uống hồng trĩ các căn bệnh do chế độ tù còn tiềm ẩn trong cơ thể anh. Bàn nhậu hết rượu anh về rót một lon guigoz rượu thuốc mang tới, rượu thuốc ửng màu vàng nhạt như màu trà trông rất ngon. Tôi không biết uống rượu nhưng cũng chệnh choáng hơi men chiều hôm đó.

Tiệc tàn chia tay tôi vượt biên định cư ở Úc còn anh đi HO. Tôi Mỹ anh viết cho các tạp chí Miền đông Hoa kỳ và các tạp chí văn nghệ khác như Thư Quán Bản Thảo...

Anh đã in 2 tập thơ: Giỡn Bóng Chiêm Bao (2003) và Gọi Khan Giọng Tình (2009). Cả hai tập thơ đều được anh em và những người yêu văn nghệ yêu mến. Ngoài ra anh còn góp mặt trong các Tuyển tập của nhóm Văn hóa Pháp Việt xuất bản ở Pháp. Anh cũng được mời giữ trang Giới thiệu các người làm thơ trên trang web Trẻ News ở Mỹ.

Tôi thích bài Bậu Về trong Gọi Khan Giọng Tình của anh

Bậu về liếc mắt đong đưa

Gió xuân đầy mặt như vừa chín cây

Bậu về má đỏ hây hây

Ta mười lăm đã lòng say bậu rồi....

Anh Trần Phù Thế đang sống ở South Carolina Mỹ.

2 - Lưu Văn: Học cùng thời với anh Trần Phù Thế. Nhớ thời những năm sáu mươi, Anh LV gửi

bài cho một Giai phẩm Xuân HD, trong một bài thơ anh viết có câu: *Tôi vẫn đón Xuân bằng chén rượu Bằng dòng khói thuốc quện không gian*

Vị giáo sư Việt văn phụ trách tờ báo đã gọi anh lên để anh được nghe “giảng bài”. Ông nói Em còn trẻ là học sinh mà sớm bi quan tập tành rượu chè thuốc lá đón Xuân thì không được. Không biết kết thúc câu chuyện ra sao.

Thời ở HD anh LV làm thơ và còn viết truyện ngắn.

Anh đã in 4 tập thơ. Dịch truyện từ Anh sang Việt ngữ 9 tác phẩm. Lưu Vân hiện sống ở Sài Gòn.

3- Lâm Hảo Dũng:

Ban đầu mới làm thơ anh lấy bút hiệu Avye. Cùng tham gia làm các Giai phẩm Xuân HD. Hết lớp đệ tam anh rời HD lên học Nông Lâm Súc Cần Thơ. Có lẽ xa nhà sớm nên anh đổi bút hiệu là Mây Viễn Xứ. Giai đoạn này anh quen biết nhiều anh em cùng trường học tới từ Châu Đốc, trong đó có Trần Biên Thùy cũng là thành viên của Cung Thương Miên Nam sau này. Chính thời gian ở trọ trong con hẻm gần nhà Lê Tấn Nhứt đã làm Nhứt mê thơ hơn và nhà thơ Trần Kiều Bạt xuất hiện sau đó. Theo bước chân những HD khác anh đi vào quân đội phục vụ trong binh chủng pháo binh. Đơn vị anh đóng là thành phố mà nhà thơ Vũ Hữu Định đã có bài thơ nổi tiếng, thành phố Pleiku.

Thời gian trong quân đội anh ký tên thật cho các bài thơ viết về cuộc chiến và dùng bút hiệu này cho tới nay.

Chu Pao ai oán hờn trong gió

Mỗi tác khấn sô một tác đường...

Có một thời thơ anh được trích giảng cho học sinh lớp 11- 12, khi các em chọn Việt ngữ là môn nhiệm ý và được tính điểm trong kỳ thi tốt

nghiệp trung học ở tiểu bang NSW Úc. Bài “Tôi Vẫn Biết Em Buồn Bên Mái Lá” từng được trích dạy.

*Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá
Hàng búp xưa đôi búp nhú ơ hờ
Đất xa trời bao năm mà đất nhớ....*

Lâm Hảo Dũng đã in 3 tập thơ Ngày đi thương sợi khói bên nhà (Nhân Văn Hoa kỳ 1985)

Tóc em dài em cài bông hoa lý (Việt Publication Canada 1989)

Đi giữa thời tan nát (Tác giả ẩn hành).

Lâm Hảo Dũng hiện sống và làm báo ở Vancouver, Canada

4- Triệu Ngọc:

Anh cũng tham gia sinh hoạt trong CTMN nhưng ít thấy thơ anh xuất hiện. Dường như chỉ một thời gian ngắn sau đó anh không còn sinh hoạt nữa. Sau này khi dạy học ở Kế Sách tôi gặp anh, hai vợ chồng anh là giáo viên dạy trường tiểu học, anh có một căn nhà nhỏ ở cạnh trường. Thỉnh thoảng tôi ghé chơi uống một tách trà chờ ít khi nghe anh bàn chuyện thơ văn.

Anh đang sống ở Việt nam.

5- Trần biên Thùy

Không phải là dân HD, anh quê Châu Đốc. Không biết có in tập thơ nào chưa?

6- Nguyễn Lê Tuấn:

Quê Sài gòn cũng không là dân HD. Trước 75 anh có in tập thơ “Việt nam quê hương máu và nước mắt”. Nguyễn lệ Tuấn đã mất ở Sài gòn.

Thưa các bạn trên đây chỉ là những ghi nhận theo trí nhớ của tôi. Ghi lại để nhớ cho một thời sinh hoạt của một số anh em HD. Thời gian hơn 40 năm gần nửa thế kỷ chắc cũng đủ dài để chúng ta quên đi rất nhiều chi tiết vụn vặt nhưng thú vị.

Chúng tôi cũng nêu một số trường hợp mà chúng tôi vừa biết

gần đây:

- Anh Phan trường Ân (Phan Anh Dũng) hoạt động trong lãnh vực báo chí ở Mỹ và là người lo cho ĐS HD.

- Hoặc như anh Nguyễn Ngọc Mạnh là một trong 7 người trong ban biên soạn quyển sách “30 Năm Văn Học Nghệ Thuật của người Việt ở Úc”, một quyển sách biên soạn khá công phu (xuất bản ở Brisbane 2005 Úc châu).

- Anh Phạm Hùng Kiệt là người đóng góp nhiều cho trang web HD anh là người đầu tiên mà chúng tôi liên lạc để tới với ĐS HD.

- Ngoài ra còn rất nhiều HD khác mà chúng tôi mới biết khi đọc các ĐS kể cả các thầy cô đã viết bài cho HD.

Cũng như trong tựa của bài viết chúng tôi cũng ghi nhận về những người cầm viết từng là giáo sư HD:

1- Thầy Nguyễn Tư Thiếp, bút hiệu Nguyễn Tư. Đã in trên mười tác phẩm gồm: thơ, truyện ngắn và truyện dài.

Thầy Nguyễn Tư đang sống ở Sydney, Úc châu.

2- Thầy Võ Tấn Phước, bút hiệu Võ Kỳ Điền.

Đã in một số tập truyện ngắn. Tập truyện đầu “Kẻ Đưa Đường” được nhiều người ưa thích.

Thầy Võ Tấn Phước đang sống ở Montreal, Canada.

Tên tuổi của 2 vị giáo sư HD này thì chúng ta ai cũng biết qua các tác phẩm đã xuất hiện trên các văn đàn hải ngoại hơn ba thập niên qua.

Lâm Hảo Khôi

Bố Tôi

THU HƯƠNG (68-75)



Tại sao lại gọi là Bố, ngay cả đám bạn thân nhất của tôi cũng ngỡ ngợ. Ở Sóc Trăng và không phải là dân Bắc di cư mà gọi ba má là Bố Me thì có lẽ hơi kỳ cục ở đây. Đó là do mấy ông anh tôi đi học ở Sài Gòn, bắt chước bạn Bắc kỳ nên gọi như thế, và chúng tôi đồng loạt hề nhau gọi Bố Me mà tôi thật sự không biết từ lúc nào. Về sau cả xóm nhà cư xá cảnh sát cũng thi nhau gọi Ba chúng nó là Bố, có lẽ vì thấy ngộ, vui vui.

Tôi là đứa con gái thứ bảy trong gia đình. Me tôi vẫn thường bảo do tôi sinh thiếu tháng nên có hơi ẻo uột. Mỗi ngày trước khi đi làm, Bố dùng khăn bông ủ trong lòng cho ấm rồi quần quanh tôi, hy vọng hơi ấm của Bố sẽ giúp tôi ngủ ngon, hay ăn, chóng lớn. Tôi vẫn hay vênh váo với các anh vì tin rằng Bố cưng mình đặc biệt hơn, nhất là Bố hay nửa đùa nửa thật “mấy đứa con trai ồn ào, phá phách không chịu nổi”. Các anh chị tôi ngoài tên trong khai sinh, còn thêm tên ở nhà Minh, Vân, Hải, Bình, Luận...tới phiên tôi chắc Bố mẹ hơi... nhàm nên kêu là bé Bảy cho tiện việc sổ sách. Sau đó gia đình tôi có thêm bé Tám, Bé Chín rồi ...bé Chót, hy vọng tới đây là vãn tuồng. Không ngờ bé Chót đến

giờ... chót phải đổi tên bé Mười vì bé Út ra đời. Càng gây cản hơn khi Út ít trong vòng chỉ hai năm thôi phải biến thành Út lớn vì Út nhỏ không hên mà góp mặt. Chưa hết, sau đó Me tôi sinh thêm “chung nữ” cuối cùng đành trở lại kêu tên bé Hồng vì không còn “nick” nào thích hợp cho cái sự thôi, nữa, phân vân của Bố Me. Tới bây giờ cho dù cả bọn chúng tôi cũng hơi...trọng tuổi rồi, gia đình vẫn kêu chúng tôi y chang như thế. Riêng Bố lại đặc biệt gọi trại bé Bảy thành bé Buối, đám con nít lối xóm tha hồ cười nắc nẻ mỗi lần nghe Bố kêu tên tôi, rồi không biết tự khi nào chúng nó xúm nhau “bé Buối ơi, bé Buối hời” tới nỗi khi vào học trường HD cũng có đứa chơi xấu khai tên đó ra cho các bạn cười chơi. Có lần được nghỉ giữa giờ vì Thầy đau bệnh sao đó, chúng tôi lang thang ngoài chợ, Bố trông thấy tôi trước nên kêu “Bé Buối”, tôi mắc cỡ với đám bạn cười khúc khích sau lưng nên chống tay lên hông cong cớn “Con ra đường tên là TH lặn, chứ đâu phải tên đó đâu mà bố gọi kỳ vậy”.

Mỗi năm vào mùa tựu trường, không phải là Me sắm sửa cho tôi từng chiếc áo dài tọ, đôi giày sáng đan quai trắng mà chính là Bố. Thậm chí đến cái cặp da thật

đẹp, lúc ấy mỗi buổi đi về tôi ôm cặp trước ngực, ngẫm hãnh diện với đám bạn gái đang xuýt soa, nhưng rất tiếc tôi chưa cảm nhận được sự ấm áp của tình cha con, bây giờ nghĩ lại mới thấy tình yêu của Bố dành cho mình vô bờ bến tuy rằng tôi không hề nhớ Bố Mẹ đã từng lần nào nói câu “thương con quá” như tôi vẫn lập đi lập lại hằng ngày với các con mình bây giờ.

Bạn tôi gần đây viết cho tôi khoe con gái nhỏ của anh đeo theo anh, ngủ với anh thường hơn với mẹ cháu, làm tôi nhớ lại hồi khoảng bốn năm tuổi tôi cũng thích ngủ với Bố. Bố tôi đi nhậu sau giờ làm việc buổi chiều nên hay về trễ, mà Bố ngủ ở nhà sau tối om. Tôi vốn sợ ma nhưng đêm nào cũng xâm mình ngủ trước chờ Bố. Tôi nổi tiếng ngủ xấu tính vì chòi đạp lung tung. Sáng ra thế nào Bố tôi cũng cần nhàn “ngủ không được vì con bé nhui chân vô người suốt đêm”.

Mỗi kỳ lãnh lương của bố là niềm vui to lớn của bọn tôi. Ngày chúa nhật đó chúng tôi được ra chợ ăn bánh bao, xú mại, uống sinh tố mít, mắng cầu và tranh nhau xin nếm thử ly xây chùng đắng nghét của Bố. Nếu lỡ như hôm đó có đứa nào rằng sâu cần tới bàn tay của mấy chú nha công ở đường giữa chăm sóc ,thì

nhất định sau đó chúng tôi sẽ mất mũi choàm ngoàm vừa thút thít khóc, vừa chỉ tay vôi vĩnh cho mình đôi dép nhựa có đính con bướm hồng, cái băng đô màu xanh lơ và chai sơn móng tay đỏ chói trong tiệm Hồng Hương đối diện, mà Bố lúc nào cũng chịu đám con gái nhỏ, bỏ mặc lời phản đối của các anh chị lớn cho rằng “Bố cưng tụi nó quá”...

Bố tôi đặc biệt thích tự tay cắt tóc cho đám con gái. Có khó gì đâu, chỉ với cây kéo và chiếc lược nhỏ, một buổi trưa hè nào đó, Bố dụ khi “cắt tóc ngắn cho mát” và bắt chúng tôi xếp hàng rồi từng đứa, từng đứa ...ông miệt mài, chăm chỉ cắt, tỉa. Bum bê là kiểu duy nhất Bố tôi sẽ lần lượt “đắt” cho sáu đứa con gái nhỏ, chị Ba của tôi lớn hơn bọn tôi nhiều nên ưu tiên miễn dịch, được vào tiệm Tân Tiến Hồng Sơn “phi dê” đằng hoàng. Vì chờ tới phiên mình hơi lâu nên khi ngồi cho Bố cắt, bọn tôi buồn ngủ gục lên gục xuống, kết quả là sau ót bị hót lên y chang kiểu tóc thời trang bây giờ mà tôi mới đổi. Tiếc rằng lúc ấy không phùng thời nên các thiếu, các chị hàng xóm cứ cười không khách sáo mỗi lần nhìn tụi tôi chơi đùa trong sân với mái tóc “bum bê đồ miêng dừa”. Sau màn cắt tóc thường

thì Bố tôi lỗ to vì phải móc túi phát tiền “thần” cho bọn tôi đang bắt đầu khóc nhè vì ngồi lâu tê cứng gần chết, vì cắt tóc hồng dui gì hết, vì Bố xí gạt, cắt tóc rồi mà đầu có mát gì đâu à.

Nhớ có lần tôi mê chơi nhà chòi đang nắng suốt buổi trưa rồi bị cảm nên đầu hâm hấp nóng. Tôi ngủ vùi bỏ com chiều,

Bố đi làm về lật đật trở tôi dậy để đánh gió. Tôi ngang ngạnh viện cớ “không thích mùi dầu cù là” làm trận làm thượng với Bố, khóc lóc để Bố năn nỉ, dỗ dành mãi mới thôi.

Vào cái tuổi bắt đầu nhận biết sắc diện mọi người chung quanh, tôi thấy Bố tôi rất hiền lành, ít nói, đẹp người, lúc nào

thơ Trần Phù Thế

bậu về

*bậu về
mắt liếc đong đưa
gió xuân đầy mặt
như vừa chín cây
bậu về má đỏ hây hây
ta mười lăm đã lòng say bậu rồi*

*bậu còn
chơi ác nói cười
những câu dí dỏm
chết đời ta chưa
bậu về nhớ nắng thương mưa
bình như cây cỏ cũng ưa bậu về*

*như là
có chút nắng hè
như là có cả chùm me chua lừng
như là xoài tượng thơm dòn
chấm vào nước mắt, chút đường khó quên*

*bậu về Đại Ngãi mình ên
bỏ quên kẹp tóc
bắt đền tội ta
bậu quên là tại bậu mà
tại sao lại bắt đền ta một đời*

tội này không chịu bậu ơi!

quần áo cũng thẳng nếp, tinh tươm. Bố tôi làm việc ngành Cảnh Sát, ban Tư Pháp, chuyên ngồi văn phòng nên mọi người hay gọi là Thầy N. Bureau. Mỗi ngày Bố đi làm với chiếc xe đạp cọc cạch, buổi trưa về nhà ăn cơm, lúc nào cũng dừng ngang để pò mua một cục nước đá mang về để tăng thêm hương vị cho ly bia mát lạnh của Bố. Có Bố “hậu thuẫn” nhiều khi cũng có lợi, vì mỗi lần có tên bạn trai nào bị xét giữ giấy tờ, Bố đem về cho con gái gửi lại bạn...lấy le. Khi đám con gái chúng tôi tới tuổi làm thẻ căn cước, các chú bác trong ty Cảnh Sát biết mặt tôi nên ưu tiên cho chúng tôi vào trước và đặc biệt không lấy tiền lệ phí. Thế là cả bọn có tiền kéo nhau ra đầu cầu Boong chỗ bến xe đi Bãi Xàu có xe nước đá đậu đồ bánh lọt, sau khi chè chén phủ phê, có đứa kinh hãi phát giác dưới đáy ly nước mắng cầu sót lại vài con...giòi, cả bọn xanh mặt ghê sợ nhưng rồi tuổi học trò ngây thơ hiền lành đâu biết làm gì chỉ xúm nhau cười ngoác ngoéo và đặt tên quán là Voi đen, nói trại của gioi huyền (giòi) ... Sau đó chúng tôi vẫn tới lui quán như chưa hề có chuyện gì xảy ra, có con nhỏ bạn mẹ uống sinh tố mắng cầu đến nỗi tụi tôi gọi nó là ..Ha đen, nó cũng chịu và chết tên tới bây giờ.

Tôi có mặt trong đoàn Du Ca của trường Hoàng Diệu, mỗi lần đi sinh hoạt phải mặc đồng phục. Ngang qua tiệm sửa xe có mấy anh chàng táo tợn trước tán tỉnh không được về mặt khó đăm đăm của tôi, sau sinh sự nói lái thật to hai tiếng Du ca, con bé tái tê về nhà khóc lóc âm ỉ, Bố lại phải ra mặt



Rảnh Hương Ảnh

kêu ông chủ tiệm sửa xe “nói đệ tử của anh đừng chọc con gái tôi”. Ngày kế tiếp, con bé đi ngang qua trong bụng đánh lô tô chuẩn bị tinh thần đề cao cảnh giác, nhưng không hiểu sao “bọn trời đánh” chỉ đưa mắt nhìn bốn cô nương và...im thin thít. Tôi còn tưởng bỏ bọn nó ngán mình rồi, hóa ra...

Mỗi lần đi nhậu về hơi sửa, Bố thường nằm trên võng nghe ngao. Bài hát duy nhất Bố tôi thuộc lâu là...bài Quốc ca, ngày nào Bố cũng hát Quốc ca, có

lần Bố thử hát bài “Việt nam”, và chị tôi nổi tiếng hát hay nhất nhà với biệt hiệu Bà Bầu, lãnh nhiệm vụ nhắc tuồng, vừa lời hát vừa nhịp điệu lên cao hay xuống thấp. Tôi nghĩ, chắc tôi thừa hưởng di sản ca hát từ Bố nên tôi cũng ca dở không kém Bố là mấy, chỉ có điều tôi thuộc rất nhiều nhạc, thế

thôi. Bố không thích các con cãi nhau, mỗi khi đám xây lổ cổ tụi tôi đánh lộn hay rầy rà, nạnh hẹ, Bố chỉ nhẹ nhàng khuyên “khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau”. Mười hai đứa con, nhưng chưa một lần dùng roi vọt để đánh, chỉ lời khuyên lơn hiền từ và những bài thơ ngụ ngôn của La Fontain là công cụ dạy con suốt đời của Bố. Tôi học ở Bố điều này và cảm thấy rất hiệu quả cho chính bản

thân mình và các con tôi. Thời cuộc đổi thay, như bao nhiêu người quân nhân, công chức cùng chung số phận hẩm hiu, Bố tôi cũng đi cải tạo hết gần bốn năm. Thời gian đó, gia đình tôi nương nhờ Bà Ngoại và Cậu Dì. Mẹ tôi tưởng như đột quỵ vì mất con, xa chồng. Anh Tư và Anh Năm tôi

chết trận ở tuổi mười tám, hai mươi. Anh Hai tôi là Trung Úy Không Quân biệt tam biệt tích sau đạo đổi đời. Ngày Bố tôi về, Bố trông thật hom hem không giống gì với hình ảnh cũ, nhưng cả họ vui mừng hỉ hả. Đứa em họ năm tuổi của tôi cứ trở mắt nhìn Bố tôi chăm chăm, trong lúc ông đang cao hứng kể lại cuộc sống lao lung, mãi rồi nhỏ mới phát biểu một câu làm cho cả nhà bật ngửa “Dượng Hai xấu hoắc chứ đâu có đẹp gì đâu mà sao ai cũng

nhắc hoài". Khi Bố tôi đi tù, em họ tôi mới chừng hơn một tuổi, bọn tôi thì ngày nào cũng nhắc Bố vì thương nhớ và hoài niệm thời vàng son cũ. Thậm chí, có lần Bé Hồng, đưa em út tôi nghiệp của tôi than rằng "Thấy nhà con Huệ ăn hột vịt muối mà em nhớ Bố muốn chảy nước mắt"...Bọn tôi vừa cười đưa em khờ vừa chảy nước mắt thật vì hoàn cảnh khốn khó lúc đó.

Tôi lấy chồng và vượt biển. Ngày rời VN, tình cờ Bố cũng có mặt tại Sài Gòn để tôi khoanh tay cúi đầu "thưa Bố, con đi" rồi lăm lăm bước theo Cậu tôi ra Bà Rịa xuống tàu. Lúc ấy, tôi cứ nghĩ chưa chắc gì đi được nên không có cảm giác sinh ly tử biệt cho mãi tận khi xa khơi, được tàu Anh vớt, tôi mới oằn mình khóc ngất vì biết từ nay sẽ vĩnh viễn không còn nhìn thấy cha mẹ, quê hương cùng gia đình thân yêu.

Rồi tin nhà đưa sang, Bố bệnh nặng phải vào điều trị hẳn trong nhà thương, một thời gian sau bác sĩ chê nên Bố về nhà Cậu Mợ tôi để anh chị em tôi thay phiên nhau chăm sóc. Thư Bố viết cho tôi có thể nhìn thấy hàng chữ đẹp, rắn rồi ngày nào nay có phần xiên xiên. Bố khen con trai tôi nói chuyện rất dễ

thương và mong sẽ có cơ hội gặp được cháu ngoại sớm hơn. Tôi không dám nói ra nhưng trong lòng đã nguyện cầu Đức Quán Thế Âm cho tôi xin mười năm giảm thọ, để đánh đổi Bố tôi được khỏe mạnh đến ngày sang đây cả nhà đoàn tụ. Nhưng lời khẩn nguyện chân thành tự trong đáy lòng đó không bao giờ thành hiện thực, vì Bố mất sau ngày gia đình tôi có giấy tờ chính thức ra đi. Tôi tự trách mình không phải là đứa con hiếu thảo nên không động lòng Trời Phật, lúc còn bé tôi ganh ngạnh, bướng bỉnh vì ý lại vào sự cưng chiều của Bố, có biết đâu rằng mấy đứa lồi xóm thêm khát được Ba chúng nó đặt cho cái tên thân yêu (cho dù chỉ là cái tên vô nghĩa và...xấu hoắc), có biết đâu rằng tình yêu con cái của Bố trải đều cho tất cả anh chị em tôi, chứ đâu riêng gì cho tôi. Dĩ nhiên đâm tang Bố, tôi không có mặt nhưng nỗi đau đớn, mất mát này suốt đời tôi không bao giờ nguôi.

Khi tôi thật sự biết ơn Trời Phật đã ban cho tôi một người cha tuyệt vời thì quá muộn cho tôi có cơ hội nhõng nhẽo với Bố tôi rằng "mãi mãi con muốn mình là Bé Buổi của Bố... Bố ơi!"

Thu Hương

ĂN

Người ta đã thống kê được rằng, cuộc đời một người đàn ông hầu hết gắn bó với chữ «ăn».

NGHIÊN CỨU 1

1. Khi còn bé thì «ăn học»,
2. Lớn thêm chút nữa thì «ăn chơi»
3. Lúc có bạn gái thì chăm chăm tìm cách «ăn thịt».
4. Ăn thịt xong thì phải «ăn hỏi» rồi «ăn cưới», cưới về phải tiến hành «ăn nằm».
5. Khi vợ đến kỳ sinh đành phải «ăn chay» hoặc «ăn vụng», sau khi vợ sinh em bé thì phải «ăn kiêng», về già rưng rưng phải «ăn cháo», xa thêm tí nữa thì theo các cụ mà «ăn xôi»...

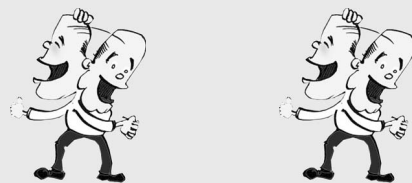
NGHIÊN CỨU 2

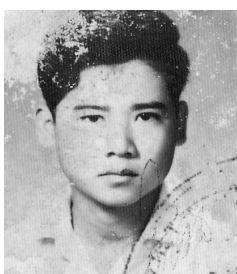
- 1- Hối nhỏ thì «ăn vóc học hay», xin tiền ba mẹ mua quà không được thì «ăn vợ»
- 2- Lớn lên học đòi thì bắt đầu «ăn diện» để tán gái, nhưng «ăn nói bậy bạ» thì có khi «ăn bạt tay»
- 3- Khi đã có vợ, sau một thời gian «ăn nằm» thì có khi «ăn năn đã muộn» và nghĩ rằng mình phải «ăn đời ở kiếp» với người này thì xem như «ăn cám hay ăn khế trả vàng» hay đúng là số «ăn may».
- 4- Khi «ăn nên làm ra» thì «ăn sung mặc sướng», rồi sanh tật nói dối vợ là đi «ăn cơm khách» nhưng thực ra là đi «ăn vụng» hay gọi là «ăn bánh trả tiền» - trót lọt thì không sao, rủi đổ bể thì có mà «ăn cám» hoặc «bỏ ăn».
- 5- Khi thất nghiệp thì sẽ có lắm điều tệ hại:
 - a. hơi tệ: «ăn không ngồi rồi», «ăn theo», «ăn bám».
 - b. khá tệ: «ăn quýt», «ăn mày».
 - c. quá tệ: «ăn trộm», «ăn cắp», «ăn cướp»
- 6- Khi cò bạc (đánh cờ, đánh bạc) mà «ăn gian» hoặc đang thắng lớn (xem như là vét sông) bỗng đứng dậy ra về gọi là «ăn xi non», «ăn lường» không cho người ta cơ hội gỡ gạc. Nếu «ăn gian» mà bị bắt quả tang hoặc «ăn xi non», «ăn lường» mà còn vênh vào, cười ngạo nghễ thì sẽ bị «ăn đấm», «ăn đá».

Nghiên cứu 3

- an phận thủ thường thì là «ăn chắc mặc bền»
 - làm quan thì thường «ăn hối lộ»
 - a đua theo người khác là «ăn theo»
 - thất nghiệp thì: «ăn tiền thất nghiệp» sau khi «ăn tiền bệnh», hoặc «ăn tiền già»... hoặc không xin được gì hết như ở VN mình thì có mà «ăn đất». Cái này trùng với mấy tay tham nhũng ở VN là «ăn xi măng - sắt - cát - đá... ăn... tất tần tật».
- Còn đánh bài gian bị bắt thì có mà «ăn trâu»! Những kẻ ngu quá thì bị chửi là «ăn cám hoặc... cứt».

sưu tầm





tìm lại hương xưa

Đặc san hội ngộ Hoàng Diệu nhận được một số hình ảnh ngày xưa của các đồng môn sư phạm hoặc cất giữ gởi đến, xin trưng bày để mọi người thưởng lãm.

Ban biên tập sẽ không chú thích tên tuổi trong hình để mọi người tự tìm hiểu . . . cho trí nhớ có cơ hội làm việc!!!





đời dòng kỷ niệm

Lâm thị Phụng

Viết cho những người
bạn cùng lớp và cùng
trường HOÀNG DIỆU



Chiếc thuyền nhỏ đã đưa chúng tôi xa dần Thị Xã Vũng Tàu từ tờ mờ sáng tinh sương khi mọi người còn đang yên giấc. Lúc đó chúng tôi chỉ muốn thoát khỏi sự kiểm soát của công an biên phòng sớm chừng nào tốt chừng đó, nên không ai có một suy nghĩ nào khác! Con thuyền cứ lướt đại dương, biển lặng, sóng êm! Mãi đến khi chung quanh chỉ còn trời mây, non nước... lúc đó tôi và có lẽ mọi người, mới nhận ra rằng mình đã thật sự xa quê hương rồi đây! Lòng nặng trĩu nhớ thương... tôi mới cảm nhận rằng mình đã bỏ lại sau lưng thân bằng, quyến thuộc, bạn bè và chòm xóm thân yêu! Những giọt nước mắt lặng lẽ lăn dài xuống má lúc nào tôi không hay!

Thuyền trôi bỗng bênh ba bốn hôm, không còn lương thực, chẳng còn nước uống, mọi người đều mệt lã, kiệt sức... chúng tôi ngã vào nhau, mùi tanh tưởi của nôn mửa làm tình trạng trở nên bi thảm hơn! Vào đêm thứ tư, trong lúc đang rũ rượi vì đói khát, mọi người đều sức tỉnh vì những đốm sáng từ xa hiện rõ nét, đến gần và gần hơn! Chúng tôi cầu nguyện lâm râm, một thanh niên nhanh trí đốt lửa làm dấu hiệu S.O.S. Như một phép mầu, một chiếc tàu lớn xuất hiện như một vị thần linh! Thủy thủ đoàn thả lưới xuống, chúng tôi dồn hết sức lực để leo lên chiếc tàu đó, cũng may là không một ai bị rơi xuống biển! Chúng tôi được tàu Hòa Lan cứu thoát trong cơn khốn đốn. Xin cảm ơn Trời Phật!

Thời gian lặng lẽ trôi, khoảng ba thập niên sống trên xứ người, để ổn định cuộc sống cho chính mình và giúp đỡ gia đình, chúng ta ai cũng phải tất bật làm việc! Tôi có cảm giác là mình đã quên đi tuổi xuân và không có thời giờ để cùng nhau ôn lại những kỷ niệm vui buồn của một thời đã qua!!! Bây giờ tôi xin cảm ơn đời và cảm ơn người đã cho tôi có dịp cùng các bạn được ôn lại kỷ niệm ngày xa xưa đó. Tuổi xuân thì qua rồi! “Đời” đã cho tôi những bài học quý giá, “Người” đã cống hiến những thành

quả xuất sắc, mà mạng lưới “internet” là một công trình tiêu biểu. Nhờ có nó mà chúng ta tìm đến nhau, gần gũi nhau mặc dù chúng ta sống cách xa cả đại dương!

Tôi sinh ra và lớn lên trong một tỉnh lỵ nhỏ bé mang tên Sóc Trăng. Quê tôi Sóc Trăng trầm lặng, dịu hiền với những dòng sông thanh bình, những hàng dừa rủ bóng! Quê tôi Sóc Trăng trữ tình với tiếng ve sầu dưới tàng phượng vĩ mỗi khi hè sang! Tôi đã sống một thời đầm ấm của tuổi học trò: năm (5) năm tung tăng dưới mái trường Nữ Tiểu Học, bảy (7) năm êm đềm dưới mái trường Trung học với đầy ắp những kỷ niệm mà qua trang giấy nhỏ không sao đủ để ôn lại tất cả! Tuy nhiên tôi cũng xin ghi lại đây vài nét vẫn còn rõ nét trong tôi.

Trước tiên, những bài học Hán văn của Thầy Tô Quốc đã từng làm tôi miệt mài say mê, say mê với những nét chấm phá của văn tự. Bây giờ tôi đã quên hết, chỉ còn nhớ trên dưới hai mươi chữ, và thỉnh thoảng tôi nhận ra được vài chữ quen thuộc trên những bảng hiệu thương mại của khu phố! Lần đầu tiên nhìn thấy Quốc viết những chữ viết trên bảng, tôi thích thú theo dõi, khi viết xong thầy quay lại và bắt gặp tôi đang “nguech ngoạc copy” lại... chữ mà tôi đang viết là chữ “mã” (có nghĩa là “con ngựa”), khi tôi viết xong thầy cười và bảo rằng con ngựa của tôi chỉ có ba chân, lúc đó tôi mới nhận ra rằng tôi quên một dấu chấm, chữ tôi viết có ba (3) chấm thay vì bốn (4) chấm!!! Sau buổi đó tôi cẩn thận và để ý nhiều, nhờ vậy sau này tôi viết chính xác hơn. Để ghi nhớ với một chút tiểu lâm tôi thường lẩm bầm như tụng kinh những câu:
*Thiên trời, Địa đất, Thất mất, Tôn còn,
Tử con, Tôn cháu, Lục sáu, Tam ba,
Gia nhà, Quốc nước, Tiên trước, Hậu sau...*

hoặc:

*Nhất một, Nhị hai, Tam ba, Tứ bốn
Ngũ năm, Lục sáu, Thất bảy, Bát tám...*

Còn bài Luận văn xuất sắc của chị

Quách thị Lợi thật dễ đời! Tôi thiết nghĩ bạn bè cùng lớp A và cả ba lớp B,C,D ai ai cũng biết vì thầy Từ văn Bé cho đọc bài của chị từ lớp này sang lớp khác, coi như bài “luận văn tiêu biểu “ nhất lúc đó!

Tôi cũng thích học môn Sử Địa do thầy Nguyễn Ngọc Cường phụ trách, đúng ra tôi yêu thích môn Địa Lý vì rất thích vẽ và tô màu những Bản đồ. Lúc đó tôi thường chú ý và thuộc lòng những địa danh quan trọng của các quốc gia trên thế giới, vì yêu thích nên tôi rất siêng năng về môn này, do đó kết quả những bài kiểm tra được điểm không tệ lắm!

Trong những môn học, Việt văn tôi không khá mấy, lại thích con số, vẽ hình, chứng minh, giải toán thôi, nên tôi chọn bạn B khi lên Đệ Tam. Con gái ở các lớp bạn B ít ỏi, đa số nam sinh, mà các bạn nam sinh của lớp tôi thì hiền lành, dễ thương lắm...chỉ có phá phách chút đỉnh thôi! Cho nên tôi cũng nhớ một kỷ niệm nhỏ về sự đùa nghịch này. Có lần các bạn nam sinh thấy Cô Mười đi ngang lớp -nhất là lớp của Thầy Linh- thì kiểm lý do về bài học để đem con số mười (10) ra làm thí dụ! Quả không sai: Nhất quỷ, nhì ma, thu ba học trò! Chắc Thầy Linh và Cô Mười cũng đã tha thứ cho việc đùa nghịch này!

Rồi cũng sẽ có dịp chúng ta nhắc cho nhau nhiều hơn những câu chuyện của tuổi học trò. Tôi xin tạm ngưng để đốt nén hương cầu nguyện cho những Thầy Cô và bạn bè đã mất vì chiến tranh hay vì tai nạn, già yếu, bệnh tật... Xin gửi lời tri ân đến tất cả Thầy Cô hiện đang sinh sống rải rác mọi nơi trên thế giới và lời cầu chúc sức khỏe, câu mong các Thầy Cô được sống an vui và hạnh phúc.

9.5. 2010

PL

Bạn Bè Là...

Tình bạn không có khuôn mẫu, càng không có chuẩn mực nhưng luôn có những điều rất nhỏ nhặt để tôi nhận ra bạn trong đám đông...

Bạn bè là lần đầu tiên gặp gỡ, do tình cờ hay sắp đặt, bạn và tôi đã ngồi gần nhau, cùng trò chuyện một cách thoải mái, mỗi người đều có một ấn tượng tốt về người kia. Những lần sau gặp gỡ lại tiếp tục ngồi cạnh, tiếp tục chuyện trò. Và thành bạn bè...

Bạn bè là sau một thời gian bên cạnh nhau, cư xử dè dặt và chừng mực, mỗi người đều bắt đầu bộc lộ những khuyết điểm của mình, đôi khi cũng khiến người khác khó chịu, đôi khi những ấn tượng tốt đẹp ban đầu không tròn trịa và nguyên vẹn, bởi ai cũng có những tật xấu khó sửa. Nhưng bạn và tôi vẫn ở bên nhau, góp ý và chấp nhận, rất chân thành...

Bạn bè là đôi khi mệt mỏi, tôi đứng cùng bạn ngoài lan can lớp học, rủ rủ kể chuyện, bạn an ủi tôi bằng bất cứ điều gì bạn có thể nghĩ đến, đôi khi chẳng ăn thua, nhưng đó là tất cả những gì tôi cần lúc ấy. Và thỉnh thoảng tôi còn chẳng buồn kể cho bạn nỗi bức xúc của mình, chỉ ngồi một chỗ buồn thiu. Bạn chạy đến ngồi cạnh, ghé tai tôi hỏi: “Mày làm sao thế?”, để khi chẳng nhận được câu trả lời, bạn chọc tôi vui bằng câu chuyện nhí nhố của mình, hoặc lại rủ tôi ra lan can đứng, kể cho tôi nghe những bức xúc bạn đã trải qua, để tôi cảm thấy mình còn sung sướng, không có gì mà cũng “ơng ẹo”...

Bạn bè là không cần phải cầu kì trong giao tiếp, yên lặng và thấu hiểu. Có những lúc tôi và bạn trò-chuyện-thân-mật (chính xác là trò chuyện thân mật chứ không phải cãi nhau), khiến những đứa khác la oai oái. Tình bạn không có khuôn mẫu, và cũng chẳng có chuẩn mực để thể hiện. Nhưng luôn có những điều rất nhỏ nhặt, đôi khi thật nhảm nhí để tôi nhận ra bạn trong đám đông...

Bạn bè. Có thể tôi với bạn không hợp cạ, có thể hay bất đồng ý kiến và bạn ít chơi với tôi nhất trong mấy đứa. Nhưng có lần tôi viết vu vơ khi thấy bạn buồn, bạn đã viết lại cho tôi, cũng bằng ấy những điều bạn chưa từng nói ra, rằng bạn thấy chúng mình cũng có nhiều điểm chung đấy chứ, rằng đôi khi bạn muốn hỏi thăm chuyện tình cảm phức tạp của tôi nhưng thấy hơi... kì quặc. Và mọi chuyện đã thay đổi, không sớm để hiểu nhau và xóa bỏ cái cảm giác kì quặc giữa chúng mình, nhưng chưa muộn để nhận ra một người bạn, nhỉ?

Bạn bè. Bạn là bạn thân của bạn thân tôi. Chúng mình ít va chạm với nhau và dù vẫn cùng viết chung Nhật kí, thỉnh thoảng lại lang thang dưới sân trường, nhưng tôi chưa bao giờ gọi bạn là bạn thân hay tâm sự với bạn về chuyện riêng của mình. Vậy mà có những lúc đi bên cạnh nhau, đang trò chuyện về một chủ đề rất chung về trường mình, lớp mình, bạn dè dặt hỏi tôi: “Bao giờ anh ý về à ???”. Bạn quan tâm đến những dòng nhật kí dù tôi chưa hề kể bạn nghe chuyện ấy. Chưa bao giờ là bạn thân, nhưng luôn luôn là bạn bè.

Bạn bè là đôi khi cũng là bất đồng quan điểm, cãi nhau rồi giận nhau đến không muốn nói chuyện hay nhìn mặt nhau như chuyện vẫn thường xảy ra như thế. Rồi một ngày nào đó, ngồi bên nhau ôn lại kỉ niệm, đứa này nói với đứa kia rằng: Mình yêu lắm cái lần mình và bạn cãi nhau, và bạn đã leo đèo theo mình xuống tận nhà để xe chỉ để cuối cùng nói một câu: “Tao xin lỗi mày” (và giá như mình đã có thể nói một câu xin lỗi nếu như hai đứa không cười xòa và xí xóa quá nhanh)

Bạn bè cũng là hai năm nỗ lực làm lành với một thằng bạn hơi “tưng tửng”, để rồi khi tôi sắp bỏ cuộc, chính bạn gọi điện làm lành. Tất cả chỉ vì mấy dòng chúc mừng sinh nhật bạn mà tôi viết vào một forum chẳng bao giờ bạn ghé qua.

Tran3t

(HD 61-68)_suutấm

Thuở còn ngồi dưới mái trường Trung Học Công Lập Hoàng Diệu, Thầy Trần Phạm Hiếu của chúng tôi đã rất đặc chí khi dùng câu ngạn ngữ Pháp “Partir c’est mourir un peu” (ra đi là chết ở trong lòng một ít) để dẫn chứng cho những định nghĩa Triết học trừu tượng trong bài Tâm Lý Học “Cảm Xúc” mà Thầy đã dạy cho lớp chúng tôi vào năm tôi đang học lớp 12. Khi tôi vừa bắt đầu “xếp cuộc leng theo việc bút nghiên” cấp sách đi học trở lại nơi xứ người để làm anh “sinh viên già” sau gần hai năm trường gian khổ đi cày “như con trâu” với đủ các công việc lam lũ cực nhọc như xúc tuyết, rửa chén, làm vườn, lau chùi nhà vệ sinh... hầu có tiền để giúp gia đình còn đang sống ở Việt Nam, lúc đó tuổi đời của tôi đã qua tuổi sồn sồn “tam thập nhị lập” từ lâu lắm rồi. Sau hai năm “thấm đòn Mỹ Quốc” với đủ các mùi vị “ra đi là chết ở trong lòng một ít” tôi lại được nghe lặp lại câu ngạn ngữ năm nào Thầy Hiếu đã đọc cho chúng tôi nghe bằng tiếng Tây. Nhưng lần này tôi được nghe qua giọng đọc thơ trầm bổng bằng tiếng Ăng Lê có pha trộn một chút hương vị cà ri nị của vị giáo sư người Ấn Độ dạy môn Văn chương cổ điển Anh khi ông đọc cho lớp English Composition 2 của chúng tôi nghe bài thơ “Leaving” của Edmond Harraucourt. Bài thơ đó như sau:

Leaving
To leave is to die a little
To die for what we love
To leave behind a little of ourselves

Wherever, we have been.

Bài thơ này tôi đã phỏng dịch ra Việt ngữ như thế này:

Ra đi là chết ở trong lòng một ít
Chết vì những kỷ niệm xa xưa mà chúng ta vẫn
hàng ấp ủ yêu thương
Bỏ lại sau lưng những mảnh đời tan vỡ của chính
chúng ta

Ở bất cứ nơi nào chúng ta đã từng sống....

Trong cuộc sống bon chen hằng ngày nơi xứ lạ quê người, tôi ít có dịp ôn lại những kỷ niệm xưa mà tôi vẫn hàng ấp ủ trong lòng. Một phần vì bận rộn mưu sinh trong bối cảnh cả thế giới đang điêu đứng vì nạn thất nghiệp, một phần do hoàn cảnh éo le cha già “năm bó gập” vẫn còn phải nuôi hai đứa con dại mà đứa nhỏ nhất mới bảy tuổi. Nhìn lại quãng đời đã qua rồi nghĩ lại, tôi nhận ra tôi vẫn còn may mắn hơn các bạn đồng môn Hoàng Diệu khác rất nhiều. Qua những lần gọi phone về quê nhà Sóc Trăng tôi được biết có rất nhiều bạn học vừa phải nuôi một bầy con dại vừa phải săn sóc người bạn đời (vợ hoặc chồng) đang bị mắc bệnh tâm thần như trường hợp của đồng môn Vương Văn Tỷ ở Vĩnh Châu hoặc đồng môn Trần Thị Lý ở Sóc Trăng. Nhưng đau lòng nhất là đã có những bạn đồng môn đã qua đời khi còn rất trẻ như Ngô Trọng Sơn (Pháp văn), Mã Thành Long, Nguyễn Văn Khải (Anh văn)... Riêng người bạn tù thuở còn thơ ấu Nguyễn Văn Khải của tôi đã qua đời cách đây

**tìm
về**

dấu chân



Nguyễn Ngọc Thạch
(HD 68-75)

xưa

đúng 27 năm khi mới tròn 27 tuổi !

Khi tôi ngồi viết những dòng tưởng niệm này, rất có thể có rất nhiều bạn đồng môn Hoàng Diệu từng ngồi chung lớp với Khải rất nhiều năm vẫn cứ lầm tưởng Khải vẫn còn đang sống đâu đó ở xứ người nhưng đã không chịu liên lạc với bạn bè. Không giống như các bạn đồng môn khác, tôi và Khải đã có rất nhiều gắn bó mật thiết từ lúc chúng tôi còn rất nhỏ. Niên khóa 1966-1967 tôi và Khải học chung lớp Nhì (bây giờ gọi là lớp 4) do Thầy Đinh văn Năm dạy tại trường Tiểu học Cộng đồng Đại Hải. Trường này lúc đó do Thầy Nguyễn văn Đàm làm Hiệu Trưởng. Thầy Nguyễn văn Đàm là thân phụ của chị Nguyễn thị Loan (HD 66-73) là bạn chí cốt của trò Trần ngọc Ánh (HD 68-75). Chị Ánh và Nừng Sâm có từng ghé thăm chị Loan tại Bà Quẹo quận Tân Phú Sài Gòn trong lần về thăm quê vừa qua. Khải, tôi và Nguyễn thị Kim Loan, hiện là Hiệu trưởng Trường Trung học Cấp 3 Đại Hải, luôn giữ đúng thứ bậc “top three” trong lớp của Thầy Năm. Khải luôn dẫn đầu lớp, tôi luôn đứng giữa và Kim Loan đứng hạng ba. Học đường đối với chúng tôi như ... chiến trường nên cả hai chàng họ Nguyễn không bao giờ làm mất đi thứ bậc.... “thông minh nhất nam tử” này. Trong trường Tiểu học Đại Hải tôi thuộc loại học khá nhưng cũng nổi tiếng phá phách. Hồi nhỏ tôi viết được cả hai tay vì tôi thuận tay trái và Thầy Năm hay dùng cây thước kẻ gỗ “khê” vào tay tôi để nhắc tôi phải viết bằng tay phải. Tôi đã rình lúc Thầy ra khỏi lớp lén lấy cây thước của Thầy quăng xuống ao rau muống trong khu “Học đường viên” tại sân trường kèm theo lời “khủng bố hăm dọa”: “Đứa nào móc tao lấy thước của Thầy, tao sẽ vùi đầu đứa đó xuống ao rau muống”. Cả lớp hầu hết là những đứa học trò quê mùa hiền lành giống như Khải nên đâu có đứa nào dám hó hé khi Thầy Năm hỏi cây thước của Thầy đâu. Cây thước này mãi đến năm sau lúc dọn ao rau muống vào mùa khô học trò của Thầy Năm đã tìm lại được cho Thầy sau mấy tháng trời nằm sâu dưới bùn của ruộng rau muống. Lúc đó cây thước đã lên nước bóng loáng, đến khi đó lũ học trò nhí mới dám nói ra tên đứa học trò đã lấy thước của Thầy vì hấn đã bỏ quê bỏ xứ đi học trường khác rồi.

Trong suốt năm học lớp Nhì chung với Khải, mỗi buổi sáng tôi lầm lũi cuốc bộ bốn cây số từ nhà đến trường Tiểu học tại Cống Đồi. Lúc đó nhà tôi nằm trên giữa đoạn đường từ cầu Ba Rinh đi vào Rạch Vọp. Đến chiều lại lủi thủi lội tiếp bốn cây số để trở về nhà bất kể trời mưa hay nắng. Vất vả nhất là những ngày trời

mưa vì lúc đó tôi phải lấy cọng dây lác cột đôi dép Lào treo toong teng trên cổ trong đoạn đường bùn đất lầy lội từ nhà ra cầu Ba Rinh. Rồi sau khi đến cầu Ba Rinh mới đi xuống bến đò của nhà máy xay lúa Ba Rinh để rửa sạch đôi chân gầy khảnh khiu dính đầy bùn đất. Sau đó mới dám “hạ thổ” đôi dép Lào từ cổ xuống chân vì đường nhựa quốc lộ nóng ran cháy giò, có tiết kiệm sợ hư đôi dép “sịn” thì cũng phải mang đôi dép vào. Đoạn đường này tôi đi chung với Khải và đã làm khổ Khải rất nhiều vì trong cặp da của tôi lúc nào cũng có sẵn cái giàng ná và thỉnh thoảng tôi hay giương cung tác xạ rất chính xác vào mấy trái bông gòn non trên mấy cây bông gòn trước cửa nhà của những ngôi nhà dọc quốc lộ hoặc đôi khi cao hứng “nê” vào mấy chú chó mực đang đi vơ vẩn ngoài đường làm chủ nhà nổi giận vác gậy chạy ra rượt hai thằng chạy... thực mạng và đã có đôi lần tụi tôi đã từng xem bị xe đụng.

Giờ đây tuy sống nơi xứ người nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn kể lại câu chuyện “lội bùn đi học mỗi ngày” cho hai cô con gái cưng nghe để khuyến khích thể hệ thuyển nhân thứ hai hãy cố gắng chăm chỉ học hành nhiều hơn. Đến cuối năm lớp Nhì, một tai nạn thảm khốc xảy ra tại làng quê nghèo của tôi khiến Ba Má tôi đã phải cấp tốc chuyển tôi về học tiếp lớp Nhất tại thành phố Cần Thơ. Điều này làm tôi rất buồn vì tôi đã phải từ giã anh bạn nhỏ Khải của tôi để đi học xa. Mỗi buổi chiều năm lớp Nhì, sau khi đi học về và đã làm xong tất cả bài tập tôi thường lén Ba Má trốn ra bãi tha ma tại cuối làng để chơi đùa với đám bạn nhỏ cattle herder(giữ trâu) trong xóm vì trong số này có vài bạn học chung lớp Nhì với tôi. Có lẽ trong suốt cuộc đời của tôi, tôi sẽ không bao giờ quên được cảm giác khoan khoái khi đang ngồi trên lưng trâu lim dim nghe tiếng sáo diều của mấy ông cụ già người Bắc từ làng Quỳnh Côi kể bên làng tôi văng vẳng kêu vi vu trên bầu trời êm ả của cánh đồng quê. Nhưng tôi đã hoàn toàn mất đi cơ hội enjoy không khí thanh bình đồng quê đó sau một buổi chiều “kinh hoàng” vào mùa hè năm 1967. Vào ngày đó trong lúc tôi đang chuẩn bị “chuồn êm” vào nghĩa địa để chơi với mấy người bạn nhỏ, như tụi nó nói úp mở “hôm nay tụi mình sẽ có nhiều trò chơi hấp dẫn lắm”, thì bất thành lình Ba tôi đạp xe về tới nhà để kiểm soát bài vở của từng đứa con xem anh em tụi tôi học hành ra sao làm tôi phải ở nhà không được đi chơi buổi chiều. Khoảng xế chiều trong lúc tôi đang ngồi chơi với mấy đứa em tại mé đường trước cửa nhà thì một tiếng nổ thật lớn kèm theo một cột khói nhỏ bốc lên tại cuối làng

làm mọi người trong làng phải ngưng hết mọi công việc đang làm để chạy đến bãi tha ma xem chuyện gì đã xảy ra. Sau đó dân chúng trong làng quê của tôi đã chứng kiến một cảnh tượng thật hãi hùng khủng khiếp giống như dân New York của Liên Hưng Thoại đã chứng kiến cảnh chết người hãi hùng trong ngày tòa Tháp Đôi bị sụp đổ năm nào. Dân chúng trong làng đã phải dùng vông (vì vùng quê nghèo làm gì có băng ca) để khiêng xác bảy người bạn nhỏ, trong đó có hai bạn học chung lớp với tôi và Khải, ra khỏi bãi tha ma. Chỉ có một bạn thoát chết vì đang bận đi đuổi trâu đang ăn cỏ ở ruộng lúa nhà người ta. Có thể kể thêm cả tôi là người cũng may mắn thoát chết vì Trời đã xui khiến cho Ba tôi đạp xe về tới nhà đúng lúc.

Mãi về sau này qua người bạn nhỏ còn sống sót dân làng mới biết được tai nạn thảm khốc đã xảy ra là do trái lựu đạn M26 của ông Ba Lé trong lúc uống rượu say đã quăng trái lựu đạn ra để dọa vợ vì vợ ông đã không chịu làm mồi cho ông nhậu tiếp. Trái lựu đạn ông chỉ quăng để唬 vợ nên không rút chốt ra đã lăn long lóc trên mặt đường và rớt xuống sông. Sau đó ông về nhà nằm ngủ vì đã quá say nhưng đám trẻ giữ trâu đã nhìn thấy trái lựu đạn rớt xuống sông và đã lén vớt lên đem ra nghĩa địa rủ nhau chơi “trò chơi chiến tranh” chết người của người lớn làm tai nạn thảm khốc xảy ra. Ông Ba Lé sau Tết Mậu Thân cũng đã theo Lưu Linh xuống âm phủ để ... nhậu tiếp vì ông đã chết vì trúng đạn M16 trong lúc gây lộn với một anh lính nghĩa quân tại đồn Cống Đôi.

Sau biến cố trên, Ba Má tôi đã quyết định “tống cổ” tôi về Cần Thơ để cho các chú tôi lúc đó đang dạy học tại Trung học Công Lập Phan thanh Giản dạy dỗ dùm. Ba Má tôi rất tin vào lý luận của chú Sáu tôi: “Thằng con anh chị học không đến nỗi quá ngu dốt nhưng ngộ nghịch lắm nên nếu anh chị không giao nó cho tụi em mà cứ để nó lộn bần đi học ở vùng quê này thì có ngày không bị súng đạn ăn thì cũng bị xe cán chết thôi”. Hiện giờ chú Sáu tôi là người đàn ông duy nhất trong cả hai bên dòng họ nội ngoại của tôi vẫn còn sống và hiện cư ngụ tại Philadelphia PA. Thỉnh thoảng trong những dịp đoàn tụ cuối tuần cô vợ gốc Sóc Trăng vui tính của tôi vẫn thường hay vui đùa nhắc lại câu nói này của chú Sáu mỗi khi có người nào trong dòng họ lỡ mồm miêng khen vợ tôi đã “khéo chọn” được ông chồng hiền lành để chứng minh rằng tôi chỉ hiền lành “sau khi” có vợ chứ thuở ấy xa xưa tôi cũng từng là thứ “lựu đạn” chứ không hiền lành đâu. Thế là lần thứ nhất tôi đã phải xa người bạn nhỏ hiền lành của tôi

để chuyển về học lớp Nhất tại Cần Thơ. Tôi đã vào học lớp của Thầy Phạm văn Út tại trường Tiểu học Cộng Đồng Thới Thạnh mà dân địa phương thường quen gọi là trường cầu Rạch Ngỗng. Thầy Út nước da hơi ngăm đen, tướng người rắn chắc và rất quý cậu học trò Bắc kỳ nho nhỏ tánh tình hoạt bát vui vẻ từ Cống Đôi mới chuyển về. Tuy nhiên giọng nói “Bắc kỳ cục” của đứa học trò này đã làm náo động lớp Nhất A của Thầy. Trong giờ ra chơi, lẫn lộn trong những tiếng la hét vui đùa Thầy đã nghe được những câu về chọc ghẹo cậu học trò nhỏ này chẳng hạn như:

Bắc kỳ con, bỏ vô lon kêu chít chít, bỏ vô đít ... hết kêu.

Nam kỳ ăn cá bỏ xương. Bắc kỳ lượm lấy kho tương ăn dần.

Bắc kỳ ăn cá rô cây. Ăn nhằm lựu đạn chết cha Bắc kỳ ...

Nghe đến câu thứ ba này thì cậu học trò Bắc kỳ nho nhỏ mới chết hệt vì ... lựu đạn đã nổi máu ... du côn lên và sẵn tay áo lên “oánh lộn” túi bụi với đám bạn đồng môn nhí đang giữ trò “ma cũ bắt nạt ma mới”. Học thì ít, oánh lộn thì nhiều, bạn hiền Nguyễn văn Khải thì đang sống ở cách xa hơn bốn chục cây số chứ đâu còn ở gần bên để can gián nữa nên kết quả học tập năm đó của tôi đã tuột dốc ... thê thảm. Đang từ “top three” tuột xuống còn “top ten”. Đến cuối năm lớp Nhất lúc tôi nộp đơn thi vào lớp Đệ Thất của trường Trung học Phan thanh Giản, chú Sáu tôi đã “phán” một câu nghe thật kém ... lạc quan: “Thi thi thi cho vui thôi chứ gần 4000 học trò lớp Nhất thi mà chỉ chọn ra tám lớp Đệ Thất 480 người mà cháu thi học xuống dốc quá nên cũng khó đậu lắm”. Vậy mà cuối cùng “chó đã ngáp phải ruồi” vì trong số 480 sĩ tử được chọn, tôi đứng hạng 61/480 làm cả gia đình tôi ... té bật ngựa ra vì ngạc nhiên và tôi đã phải từ giã trường La San Khánh Hưng để trở lại Cần Thơ. Chẳng qua là vào tháng tám năm đó, Ba tôi nghĩ là tôi không thể đậu vào trường Công Lập được nên đã cho tôi vào học trường tư thực trước vì trường tư khai giảng sớm hơn trường Công Lập. Lúc tôi vừa học xong Đệ Thất là ngay vào thời gian sau chiến cuộc Mậu Thân. Lệnh Tổng động viên đã làm cho các chú của tôi phải từ giã Cần Thơ để khăn gói vào quân trường Thủ Đức. Do không còn ai trông chừng để tôi khỏi phải “vừa học vừa oánh lộn” nữa nên Ba tôi lúc đó đang làm việc tại Tòa Hành Chánh tỉnh Ba Xuyên đã nhờ Thầy Ngô Trọng Bình, hiện đang định cư tại Pháp, thuyết phục dùm Thầy Hiệu Trưởng Phan Ngọc Răng, đã

qua đời, để cho tôi được chuyển về học lớp Đệ Lục, sau này đổi lại là lớp Bảy, tại trường Trung học Công Lập Hoàng Diệu. Khỏi phải giải thích thì cũng biết là tôi vui mừng như thế nào vì cuối cùng tôi đã được học chung trường với người bạn chí cốt Nguyễn văn Khải và vui nhất là được ở trọ chung nhà tại nhà ông “Chệt Bo” tại đường Lý thái Tổ với Khải. Ông Chệt Bo hiện vẫn còn một người con trai sinh sống tại Đất Sóc là “Ông Chệt Châu”, co-owner của khu dân cư Minh Châu đối diện sân vận động cũ. Khu dân cư này là nơi đã chôn dấu rất nhiều kỷ niệm của tôi với Khải vì trong những ngày mưa đầu mùa chúng tôi thường lội ruộng đi bắt cua tại đây đem về nấu với canh rau đay.

Trong thời gian học chung trường Hoàng Diệu, Khải và tôi đã chơi rất thân với một người bạn nhỏ cũng từ nhà quê lên tỉnh học, đó là trò Liên Hưng Thoại từ Lịch Hội Thượng lên Sóc Trăng, Thoại học cùng một lớp với Khải. Thoại ở trọ tại nhà của ông ngoại cũng chung một xóm với tôi và Khải nên hàng ngày với trang phục rất đơn giản áo thun quần tà lớn thêm cái giầy bừa đỏ toồng teng trên cổ hay chạy tới chạy lui sang nhà tụi tôi để xù xì rủ Khải đi chơi hoặc đi học. Có thể do cả hai trò này đều hiền lành nên cả hai trở nên gần gũi thân thiết nhau “như cây liền cánh như chim liền cành” giống như cặp bài trùng lúc Khải còn học tại trường Hoàng Diệu. Năm tôi đang học lớp tám, một trận hỏa hoạn đã xảy ra trong xóm nhà lá của chúng tôi và cả xóm đã xúm lại cùng nhau chữa cháy. Cậu học trò nhí lớp tám Liên Hưng Thoại cũng lấy thùng chạy đi xách

nước chữa cháy. Có thể do đôi thùng nước to hơn cái thân hình “vịt đẹt Thoại của lớp 8A3” nên Thoại “lùn” nhà ta đã bị vấp té đập nguyên cái bàn tọa xuống đất đau điếng người giống như một cao thủ Thiếu Lâm Tự vừa bị trúng nhằm... “độc chưởng”. Sau khi bị trúng độc chưởng cao thủ Thiếu Lâm này có lẽ bị rối loạn kinh mạch sao đó nên đi đứng “không được ngay ngắn” và mỗi ngày anh bạn hiền Nguyễn văn Khải của tôi đã phải “từng bước từng bước thăm” dìu

bạn Thoại đi học như diu dắt “người tình trăm năm” mất gần nửa năm trời. Gia đình Thoại lúc đó đang là chủ nhà máy xay lúa thuộc loại có cửa ăn cửa để giống như một Donald Trump của vùng Lịch Hội Thượng nên đã không tiếc tiền của bỏ ra để tìm đạo sĩ “đả thông kinh mạch” cho Thoại nhưng cho đến gần hết năm lớp tám Khải vẫn phải “tay trong tay” (giống như hai anh chàng ... gay đường Simpson của vùng downtown Philly) dắt dìu bạn Thoại đi học. Cho đến một hôm, như có một phép lạ, có một ông cụ già, hình dạng giống như một vị Đạo Sĩ ở đâu trên núi Tà Lon mới hạ san xuống đồng bằng, lon ton đi đâu lờ đường ghé vào nhà Ba Ma Thoại xin miếng nước uống cho đỡ khát. Nhìn tướng đi “không được ngay ngắn nghiêm chỉnh” của Thoại lúc Thoại bùng nước ra, Cụ đã hỏi lý do tại sao thằng nhỏ đi đứng sao khó khăn vậy. Sau khi nghe kể lại câu chuyện với vẻ mặt rất buồn bã của Mẹ Thoại cụ già đã biểu Thoại lấy giấy bút ra và sau đó đã hí hoáy ghi lại cho gia đình Thoại một toa “thần dược” để chữa trị cho Thoại. Lúc đi cất thuốc, gia đình Thoại đã rất ngạc nhiên vì giá tiền của toa thuốc “đả thông kinh mạch” cho Thoại từ vị cao tăng Thiếu Lâm bí mật kia chỉ có giá bằng một phần mười các toa thuốc đắt tiền mà gia đình Thoại vẫn mua cho Thoại. Sau năm 1978, Thoại đã đến Mỹ lúc còn rất trẻ. Sau một thời gian cố gắng vừa làm vừa học ngành Hóa Dược Thoại đã học hành thành đạt với mảnh bằng Ph.D. in Chemistry từ University of Columbia. Thoại vẫn luôn ước mơ sẽ chế biến thuốc Đông y - Herbal

medicines - thành thuốc viên để hạn chế bớt phản ứng phụ (side effects) của thuốc Tây y. Phải chăng là Thoại muốn nối gót vị Đạo Sĩ bí mật, vị ân nhân của Thoại ngày xưa, để cứu nhân độ thế chăng? Thoại có lần đã tâm sự là có hai điều làm Thoại nhà ta suốt đời áy náy trong lòng là chính nhờ thần dược từ vị đạo sĩ ẩn danh nọ mà sau một thời gian được thoa bóp bằng thuốc dược thảo, Thoại đã đi đứng bình thường trở lại nhưng đã không tìm được người thầy thuốc để đền ơn. Điều khổ tâm thứ hai của Thoại là không thể “đền ơn đáp nghĩa” cho người bạn quá cố Nguyễn

LUẬT ĐỜI

Luật... tự nhiên: Nhất vợ, nhì trời.

Luật... luân lý: Kính vợ, nhường con.

Luật... lao động: Ngày thường đi làm, ngày nghỉ làm việc nhà.

Luật... hành chính: Mọi giấy tờ liên quan đều có ghi đầy đủ tên vợ, chồng.

Luật... báo chí: Có quyền tự do ngôn luận, nhưng vợ là người phát ngôn cuối cùng.

Luật... ngân sách: Vợ là chủ trương mục, là kế toán và là thủ quỹ, chồng là người nộp thuế.

Luật... thương mại: Mọi mua sắm đều phải trình qua vợ.

Luật... doanh nghiệp: Không được đăng ký bỏ mới. Không được mở cơ sở 2, cơ sở 3.

Luật... dân sự: Không được tranh chấp với vợ trên mọi lĩnh vực.

văn Khải . Khi gặp lại tôi tại New Jersey vào năm 2005 câu đầu tiên Thoại hỏi là xin địa chỉ của Khải để thăm hỏi và “đền ơn đáp nghĩa” nhưng đã quá trễ vì Khải đã qua đời từ hơn hai chục năm về trước rồi. Tôi đã có diễm phúc lại được làm bạn đồng môn tại trường Hoàng Diệu với người bạn hiền lành nhất trên đời Nguyễn văn Khải của tôi suốt ba năm lớp 7, 8, 9. Tôi học lớp Pháp văn, Khải học lớp Anh Văn 7A3, 8A3, 9A3 chung với các bạn Liên hưng Thoại, Nguyễn hoàng Đạo, Nguyễn hồng Võ, Lý hùng Kiệt, Phạm văn Thu, Trần văn Long, Phan thanh Giang, Lâm văn Chung

Đến năm 1972 do chiến cuộc VN ngày càng trở nên khốc liệt, lệnh Tổng động viên được ban hành. Để tránh khỏi việc phải đi quân dịch sớm nhiều trò Hoàng Diệu đã “nhảy rào” khỏi trường Mẹ Hoàng Diệu để học “nhảy lớp” ở các trường khác. Lớp Khải và Thoại những trò sinh năm 1956 phải học nhảy lớp khá đông như Trần văn Long, Nguyễn văn Khải, Lý Hùng Kiệt rủ nhau học nhảy lớp hết. Khải đã bỏ lớp 10 vào học lớp 11 tại trường La San. Với tánh tình siêng năng cần cù và nhất là rất mực đạo đức và hiền lành nên tuy học nhảy lớp nhưng đến khi thi Tú Tài Khải vẫn đậu cao với hạng Ưu Ban Khen (hạng Tối Ưu, tiếng Pháp gọi là Tres Bien còn tiếng Mỹ gọi là Very High Honor) là hạng cao nhất của kỳ thi Tú Tài IBM năm 1974. Đây là một điều rất đáng tự hào cho các cựu học sinh Hoàng Diệu đã nhảy rào đi học nhảy lớp, vì “đem chuông đi đánh xứ người” mà chuông kêu to được như vậy là hách xì xằng lắm. Lúc học tại trường La San , Khải đã ngồi chung lớp với một A Số (con dâu) của Hoàng Diệu là chị Trần thị Bạch là phu nhân của trò Quách khánh Phước (HD 68-75 Anh văn) hiện đang cư ngụ tại California. Sau khi đậu Tú Tài với hạng Tối Ưu năm 1974, Khải đã rời Sóc Trăng lên Cần Thơ học tại Đại Học Khoa Học Ban S.P.C.N. (khoa học Lý Hóa Vạn Vật) làm cho tôi lại phải ngậm ngùi chia tay lần thứ hai với Khải, người bạn thân thiết lâu năm của tôi. Sau biến động thời cuộc 30 tháng tư năm 1975, Khải đã quá chán nản với cảnh đốn xe than đầy bụi bặm để lên Cần Thơ học. Đi xe đạp như Anh Nguyễn khắc Liệu của tôi , hiện đang định cư tại Úc, thì “oái” quá Khải đạp không nổi. Thế là cả hai đứa tụi tôi rủ nhau về quê làm ruộng tại Đại Hải. Và như vậy là thêm lần thứ hai chúng tôi lại có dịp đoàn tụ không phải để lo việc sách đèn mà là để cùng nhau “xếp bút nghiên theo việc ... cuộc lênh” Những tháng ngày lam lũ làm ruộng của chúng tôi tuy vất vả cực

nhọc nhưng rất vui. Hàng ngày sau một buổi đồng áng vất vả hai đứa tôi thường kéo nhau ra vườn cây ăn trái sau nhà tôi để cặp ối xá lị , uống nước dừa tươi hoặc ăn mía ... Trong tất cả mọi công việc, việc gì tôi cũng làm khá hơn Khải nhưng chỉ có hai việc tôi chịu thua hoàn toàn. Khải có thể ngồi học chăm chỉ từ ba đến bốn tiếng liên tục trên bàn học là chuyện rất bình thường. Còn ăn mía thì Khải có thể xơi một hơi từ ba đến bốn khúc trong khi tôi chưa xước xong một khúc mía.

Đến cuối năm 1977 do quá mệt mỏi với cảnh vác lênh đi đào thủy lợi trong lúc ... chủ nghĩa sách vở vẫn còn ... đầy một bụng nên nhân tiện Trường Cao Đẳng Sư Phạm Cần Thơ đang tuyển sinh hai lớp đào tạo giáo viên dạy Toán , Khải đã “xếp cuộc lênh theo việc bút nghiên” để đi học lại. Đến lúc ra trường năm 1979 Khải đã may mắn được bổ nhiệm về dạy ngay tại trường Phổ thông Đại Hải là nơi tôi và Khải đã từng học Tiểu học ở đó nay đã được nâng cấp thành trường Trung học. Đúng là “Châu về Hợp Phố” như tôi vẫn thường nói đùa với Khải lúc Khải vừa mới tốt nghiệp. Đến cuối năm 1982, sau đúng ba năm giảng dạy bộ môn Toán tại Đại Hải, thì Khải đã bị phát bệnh nan y trong lúc đang làm Phó Hiệu Trưởng của trường. Da mặt và da chân tay của Khải đã càng lúc càng bị sưng đỏ lên như người bị long ben rất ngứa ngáy. Ban đêm thì thường bị mất ngủ triền miên. Gia đình đưa Khải lên Bệnh viện Da liễu ở Cần Thơ thì bệnh viện cũng chỉ chẩn đoán qua loa là bị “bệnh ngoài da” sau đó cho uống vài loại thuốc dân tộc vớ vẩn rồi cho về chữa trị tại nhà. Ngày qua ngày sức khỏe của Khải đã ngày càng sa sút hơn. Trước

Tết năm 1983, trong lúc đi dạo vòng quanh sân sau nhà, do Khải đã quá yếu sức bước đi không vững nên đã bị trượt chân té xuống cái ao rất sâu sau nhà. May mà cậu em của Khải chạy ra vớt lên kịp nếu không Khải đã bị chết đuối hôm đó rồi. Tết Nguyên Đán năm 1983, sau nhiều năm tháng “lênh đênh phiêu bạt sông hồ”, tôi đã lần mò trở về quê cũ ăn Tết với gia đình và đã lội bộ lên thăm bạn hiền lần cuối cùng để từ giã bạn trước khi tôi ra đi đến một phương trời xa lạ, không biết được sẽ là nơi nào. Khải đã khóc và nói với tôi: “Hình như tớ bị bệnh phong cùi đó Thạch ơi vì lúc học ở La san tớ thỉnh thoảng vẫn vào trại cùi Hàn Mặc Tử để săn sóc cho các em bé chưa bị cùi nên có khi nào bị lây chẳng?”. Tôi đã gạt nước mắt trấn an bạn tôi: “Cùi gì mà cùi, đừng nói tầm bậy, bệnh cùi mấy chục năm sau mới phát ra chớ đâu có phát ra

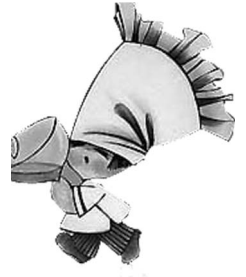
lệ bao giờ đâu và Khải có đeo găng tay nên không dễ bị lây đâu”. Tôi lúc bắt tay từ giã Khải thì Khải đã quá đuối sức không đưa tay lên nổi nữa nên tôi phải đỡ tay bạn lên ... Nước mắt tôi đã ướt đầm mặt tôi và cánh tay của bạn tôi trong giây phút đó, giây phút chia tay vĩnh biệt. Tôi không ngờ đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau.

Đúng vào đêm Khải qua đời vào ngày 14 tháng ba năm 1983, trong lúc đang nằm ngủ mơ màng tôi đã có cảm giác hình như có người nằm kế bên mình mặc dầu lúc đó tôi chỉ nằm ngủ một mình trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê. Người nằm kế bên tôi là ... Nguyễn văn Khải đang mặc bộ quần áo y như hôm tôi gặp Khải lần cuối cùng và Khải đang nhẹ nhàng nói với tôi “Tớ chết rồi Thạch ơi ! Ra đi bình an và hãy luôn nhớ đến nhau nghe”. Sau đó tôi đã bàng hoàng thức giấc và hoảng hốt tự hỏi không lẽ bạn mình đã qua đời và đã về báo mộng cho mình hay tin chẳng? Đến ngày 17 tháng ba 1983, đúng ba ngày sau ngày đó cô Năm của tôi mới tìm được tôi để báo tin buồn bạn Khải của tôi đã qua đời và đã an táng ngày 16 tháng 3 năm 1983. Tôi càng bàng hoàng hơn khi cô Năm kể lại bạn tôi đã mất đúng vào đêm tôi nằm mộng thấy bạn đang nằm kế bên tôi ... Tôi đã bật khóc vì niềm ân hận đã không kịp trở về để đưa tiễn bạn tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Sau khi đến Hoa Kỳ, tình cờ tôi đọc được vài tài liệu y khoa nói về chứng bệnh nan y “blood cancer” rồi nhớ lại những giờ phút cuối đời của bạn Khải hiền lành của tôi thì tôi nghiệm ra có lẽ Khải đã mắc chứng bệnh nan y này nên cuộc đời bạn Khải của tôi đã quá vắn số.

Ngày tháng dần trôi, thắm thoát đã 27 năm trôi qua. Thông thường những người đã qua đời sẽ rất mau chóng bị chìm vào quên lãng theo quy luật của tạo hóa: “Đời sống con người chóng qua như hương cỏ, như bông hoa nở trên cánh đồng, một cơn gió thoảng đủ làm nó biến đi, nơi nó mọc cũng không còn mang vết tích ...” luôn luôn là một quy luật ngàn đời bất di bất dịch. Nhưng đối với tôi ngày nào tôi còn hơi thở thì ngày đó hình bóng của Khải, người bạn đồng môn Hoàng Diệu lâu năm của tôi, sẽ mãi mãi là một đóa hoa hương dương tươi thắm thật đẹp trong suốt cuộc đời tôi.

*Ngọc Thạch HD 68-75 Pháp văn
Kỷ niệm ngày giỗ thứ 27 của Nguyễn văn Khải
HD 68-75 Anh văn
March 14, 1983 - March 14, 2010*

Nghệ Thuật Làm Bếp



Mẹo vặt cho

VIỆC TÈ GIA NỘI TRỢ

*

CÁCH CÁN BỘT KHÔNG BỊ DÍNH

Lúc nhào bột, cán bột để làm bánh, bột hay bị dính vào bàn rất khó chịu. Khi ấy ngoài cách rắc một lớp bột áo trên bàn, bạn có thể làm theo cách sau: để bột vào trong một cái tô, đập một lớp nylon kín rồi cho vào tủ lạnh khoảng 1 giờ. Lúc cán bột làm bánh bột sẽ không bị dính nữa.

*

CÁCH XÀO THỊT BÒ

Khi xào thịt bò muốn cho thịt mềm, sau khi ướp thịt xong, bạn hãy cho 2-3 muỗng cà phê dầu ăn vào trộn đều ướp cùng, để khoảng 20-30 phút. Lúc xào thịt hãy để lửa to đảo nhanh tay. Xào xong cho thịt ra khỏi chảo ngay. Món thịt bò xào sẽ rất mềm, vị đậm đà mà lại không dai.

*

LUỘC TRỨNG KHÔNG BỊ NỨT

Khi luộc trứng gà, trứng vịt thường hay bị nứt vỏ làm cho nước vào trong trứng gây ra mùi tanh và không đẹp. Muốn chúng không bị nứt khi luộc bạn chỉ cần cho vào nồi luộc chút muối hoặc lấy chanh xát xung quanh vỏ trứng. Trứng sẽ chín ngon và không bị nứt nữa.

*

RỬA SẠCH BÌNH THỦY TINH

Những bình thủy tinh có miệng bé muốn rửa sạch bên trong rất khó. Xin mách bạn một cách để làm cho bình thủy tinh sáng bóng như mới. Bạn hãy cho vào bình một nắm gạo, đổ một ít nước sôi vào đầy nắp kín đóng lại và lắc mạnh. Sau vài lần, bình thủy tinh của bạn sẽ sạch bóng dễ dàng.

*

DẦU ĂN TRONG NỒI BỐC LỬA

Khi bạn xào nấu với ngọn lửa to có lúc dầu ăn trong nồi bị bốc lửa. Chỉ cần đập vung lại hoặc đắp khăn ướt lên, lửa sẽ lập tức bị dập tắt. Trong trường hợp đó, không nên cho nước vào dầu ăn nhẹ hơn nước sẽ làm lửa bùng to hơn và dầu bắn ra bốn phía.

*

CÁCH VẮT CHANH ĐƯỢC NHIỀU NƯỚC

Muốn vắt được nhiều nước chanh hơn thì trước khi vắt, bạn hãy đem chanh ngâm vào nước nóng vài phút.

Lệ Toàn st

Đã hơn 30 năm xa cách, nhưng Hoàng Diệu vẫn còn trong tim tôi. Dù bụi đường đời có làm mờ mắt nhưng những kỷ niệm về trường cũ vẫn không thể phai. Nhất là những ấn tượng Cô Thầy vẫn mãi mãi không nhạt nhòa trong trí nhớ.

Làm sao quên được cô Hoàng Oanh dạy Việt văn lớp đệ thất. Cô rất đẹp, đáng người thanh thoát, quê Kế Sách có giọng Nam nghe ngọt ngào thật là triu mến.

Cô Chất dạy nữ công gia chánh, bao nhiêu năm xa xứ, ở đây những bữa ăn tự nấu các món ăn quê nhà sao mà nhớ cô da diết.

Thầy Thiên dạy nhạc, tới giờ xướng âm “đồ rê mi fa sol la si đô” là tôi sợ muốn tắt thở, hồi hộp vô cùng, lo rằng một ngày xấu trời nào đó Thầy chấm tên tôi thì khổ lắm, thầy ơi, em chưa bao giờ mơ làm ca sĩ mà. Nhớ lại cùng lớp có Bạch Phượng và Lê thị Thanh hát hay làm sao. Phải công nhận Trần Ngọc Ánh hát bài Ngậm ngùi thì hết sảy, xem ra còn ăn đứt Lê Thu, tới bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao Ánh không theo nghề ca hát.

Thầy Thế dạy môn Hội Họa. Sau này khi tôi lấy lớp vẽ “Không gian hai chiều” tại Đại Học Chicago, nhờ đã học qua từ trước, bức tranh dự thi cuối năm ấy của tôi đã được ông Giám Đốc của trường mua, và tôi là người duy nhất trong lớp bán được tranh. Tiếc rằng tôi không tiếp tục theo nghề vẽ, nghĩ lại cũng hơi buồn chút xíu.

Cô Tín dạy Anh văn lớp tôi. Cô khó tính nổi tiếng, hay nhéo tai mấy đứa không thuộc bài nên tôi rất sợ, ngày nào cũng dò bài kỹ lưỡng vì không muốn tai mình trở thành tai...lợn. Giờ bôn ba xứ người, mỗi khi cãi lộn tay đôi với tụi Mỹ, tôi đều nhớ ơn Cô đã dạy

đỡ cho tôi có khả năng chống chọi với những khó khăn của cuộc đời. Cô có trình độ sinh ngữ cao, tôi rất khâm phục

Ngoài ra lên lớp 9, Thầy Sơn đã cho những bí quyết để đọc, viết đúng văn phạm và phiên âm như “ed sau chữ t, d. Thì đọc là it thì chỉ một cây!”. Nhớ Thầy Kim dạy Sử Địa và Vạn Vật, thầy rất tốt tướng, cao ráo nhưng hơi...ít tóc (cũng có thể tại đầu Thầy bạc nên tôi cho là ít chẳng?). Một hôm, trong giờ Vạn Vật, Thầy hỏi “Các trò có biết giống gì ăn tạp nhất không? Tức là cái gì cũng ăn: thịt sống, chín, rau cải” Ánh Tuyết bị Thầy chỉ bất ngờ nên hơi ngẩn ngại “Thưa Thầy con không biết con gì” Thầy phán rằng “Con Tuyết chứ con gì! Con không ăn tạp à? Con không ăn thịt sống hay sao?”. Ánh Tuyết nhà ta đỏ mặt tía tai “Thưa Thầy, con không ăn thịt sống bao giờ...”. Thầy tỉnh bơ “Vậy con có ăn nem chua không?”. Ánh Tuyết ngây thơ đáp liền “Thưa có”. Cả lớp cười ồ.

Giờ Việt Văn của Thầy Tâm rất vui. Có hôm Thầy dạy làm văn tả người, và cho đọc bài mẫu của Vũ Trọng Phụng, bắt đầu bằng câu “Chị Doãn là người đàn bà có nhan sắc của người đàn ông không đẹp trai lắm ...” Thật ra nhà văn này rất tài tình vì chỉ cần có một câu thôi mà ta có ấn tượng rất sâu sắc với hình dạng của người đàn bà này. Lúc đó, trong tim tôi lúc nào cũng chất chứa hình ảnh Bà mẹ. Bởi thế khi đặt bút viết về Má tôi, tai hại thay tôi lại bị ảnh hưởng ít nhiều lối hành văn của nhà văn nổi tiếng này, thành thử Má tôi trong bài luận văn lớp 7 sao mà giống y chang chị Doãn. Cũng may trước khi nộp bài cho Thầy, tôi đưa cho chị Danh của tôi kiểm trước, chị mắng tôi xối xả “Sao mày ngu quá



ấn tượng Cô Thầy

Triệu thị Kiến
(HD 68-75)

vậy, Má mình đẹp vậy mà mày tả xấu như chị Doãn là sao?”.

Cũng là chuyện thơ văn tả người, nhớ lần trong giờ học của Thầy Tháo, khi nói về công trình tuyệt tác của cụ Nguyễn Du với tác phẩm Đoạn trường Tân Thanh, có đoạn thơ tả nét yêu kiều diễm lệ của Thúy Kiều “Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang”, Thầy nói để tụi em có thể hình dung nét đẹp của Kiều Thầy sẽ phác họa ra hình ảnh của Cô ấy trên bảng đen. Rồi Thầy khoanh một vòng tròn, và mất...và mũi...(theo lời thầy là y như bài thơ!). Tôi thần thờ ngắm mãi, ôi sao mà giống y như... hình ông Phật Di Lặc, chứ không có nét gì giống hình của Cô Kim-Loan-Mộng-Tuyền ôm cây đàn tỳ bà khi cô đóng vai Thúy Kiều trong tuồng cải lương và được đăng lên trang bìa của tờ báo Thế Giới Tự Do mà tôi đã dùng để bao tập. Cho đến bây giờ, chưa ai giải đáp thắc mắc của tôi là Thúy Kiều cười tươi như ông Phật Di Lặc hay đẹp nào nùng như cô Mộng Tuyền.

Khi lên lớp 10, khả năng văn chương của tôi có phần phát triển hơn trước thập phần, tôi nhớ tôi đã gồng mình xung phong thuyết trình quyển sách “Nói với tuổi 20” của Nhất Hạnh. Tôi được thầy An hết lời ngợi khen vì mới 16 tuổi mà đã hiểu được những gì người ta nói với tuổi 20! Hỏi tôi không hãnh diện sao được. Lại nữa, Thầy còn kể cho cả lớp nghe chuyện cổ tích “Có một gã ác làm nhiều điều bất lương, chết đi bị Diêm vương bắt đầu thai thành người nghèo, đông con...” Tôi rất có ấn tượng với câu chuyện này, nên vẫn mãi giữ trong lòng.

Thầy Nhiều dạy Toán, có khi Thầy viết một phương trình dài ngoằng trên bảng rồi đó “Em nào

có thể đọc được đáp số tức thì?” Thật là tức vì lúc nào bọn con trai Lực, Thoại và Minh...cũng tranh nhau lấu nhấu trả lời. Người ta nói “Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” là vậy. Các bạn cùng lớp của tôi thật là thông minh. Khâm phục! Khâm phục!

Còn Thầy Thừa dạy Lý hóa có đôi mắt long lanh hạt nhãn làm tôi nhớ lại có hôm Thầy lên lớp, Thầy vừa viết lên bảng công thức $t = ek$, thì có tiếng một cô em thỏ thẻ “thương em không?”. Thầy nhìn về hướng đó, đôi mắt vẫn long lanh nhưng không hề xao động cũng không rầy rà, Thầy chỉ nhỏ nhẹ như mọi khi “Thôi các em lo làm bài đi”. Không ngờ đôi mắt ngày xưa của Thầy có rất nhiều người vẫn nhớ và ái mộ tới giờ.

Không khí se lạnh của buổi sớm cuối thu Texas và email các bạn từ quê nhà về buổi họp trường sắp tới làm cho tâm hồn tôi chùn lắng đi, bao nhiêu kỷ niệm tuổi thơ ùn ùn kéo về. “Kỷ niệm cũng giống như những phím đàn – khi chạm tay vào, âm thanh sẽ ngân lên”. Trong tôi kỷ niệm học trò là những âm thanh lúc nào cũng văng vẳng tuyệt vời. Các Cô Thầy tôi ở mái trường Hoàng Diệu, bây giờ tuổi đã cao, người còn, người mất, tôi bôn ba xứ người chưa có dịp về thăm.

Thông qua bài viết này như lời tỏ lòng kính trọng, niềm thương mến vô bờ, lời chúc, lời thăm hỏi chân thành, như những bông hồng dâng lên Cô Thầy tôi.

Dallas 10/2007

Triệu thị Kiến

thơ Thu Trang

gửi cho nhỏ

*Gửi cho nhỏ chùm phượng hồng mới nở
Chút bụi mù . . . cơn lốc nhẹ quanh đây
(Đã xa lác buổi giao mùa thuở nhỏ)
Mộng còn xanh, lòng đã cổ . . . bao ngày*

*Gửi cho nhỏ giọt mưa nghiêng mùa hạ
Chút nồng nàn hơi đất của quê hương
Đời tất bật, nợ áo cơm vất vả
Vẫn mát xanh thời tuổi mộng thiên đường*

*Nhỏ bây giờ những tháng năm xa xứ
Cánh chim bằng, vườn mộng, buổi an vui . . .
Chùm hạnh phúc ngọt thơm môi sữa ngọt
Có khi nào nhỏ nhớ . . . một khung trời?*

*Ta gửi nhỏ một góc trời quê đó
Mưa đầu mùa phượng đỏ mất rừng rừng
Nơi ngày xưa nhỏ đi về mấy bạn
Có mất ai đắm đắm mộng theo cùng*

*Buổi giao mùa có hương thơm của đất
Guốc khua vang áo trắng rộn đường quen
Nhỏ có về kịp mùa hoa phượng nở
Để dang tay nâng tuổi hạ qua thêm . . .*

Tặng bạn bè xa xứ của tôi)

Cuối tháng ba, gần hết mùa thu, mùa thu ở Úc không giống như mùa thu ở các nước Âu Mỹ, với thời tiết dễ chịu với những con đường ngập lá vàng trên các lối đi thơ mộng ở các công viên.

Riêng Sydney thì vẫn là những ngày nóng và có hôm nóng đến độ có thể nghe tiếng máy tôn nhà ông bạn già tôi trở mình bức bối. Nhưng dù sao cũng đỡ hơn những ngày hè tháng mười một mười hai tháng. Tháng của jacaranda nở tím cả sân vườn người hàng xóm. Có người bạn thời mới qua định cư được gia đình người Úc bảo trợ về vùng Casino một thị trấn nhỏ dân thưa thớt cách rất xa thành phố Sydney. Anh nói là đi đâu cũng thấy màu tím, có những con đường họ trồng toàn jacaranda, mùa hè nở tím hết, chắc là tím hơn cả những đôi hoa sim của nhà thơ Hữu Loan. Tôi nghe bà con ở đây họ gọi jacaranda là phượng tím. Ông bạn già của tôi thì nhút định là không ưa cái màu tím này. Ông bảo cái màu tím này nó thâm lương và u ám quá. Tôi hỏi ông vậy chứ hoa phượng của ông Thanh Sơn thì sao? Ông cười.

Tôi chào ông bạn già ra về sau

khi đã xong tách café và bình trà xanh của Nhứt, ông này không ưa trà Tàu vì sợ “hóa chất ô nhiễm”. Ông là ông bạn già thường chia sẻ với tôi những ưu tư về thời thế, những chuyện thời sự đông tây kim cổ cho tới những cuộc đàn áp thô bạo ở Việt Nam, ở Miến Điện, Trung quốc. Những hy vọng rồi tuyệt vọng về một nền dân chủ nào đó sắp hình thành. Dĩ nhiên là ông cũng chia sẻ với tôi nhiều show nhạc rất hay mà tôi nhận được qua email. Trên đường về nhà tôi chợt nghĩ sao ở cái tuổi thất thập cổ lai hy rồi mà ông vẫn còn khoái nghe Nổi buồn hoa phượng. Tôi chợt nhớ những người bạn cũ năm nào. Những hình ảnh bạn bè cứ lan man trong đầu. Nhiều đêm nó cứ như cái màn ảnh truyền hình nằm chắn ngang không cho tôi đi vào giấc ngủ. Ai mà không cần giấc ngủ chứ! Chợt nhớ ông bà mình hay nói, người già hay nhớ chuyện cũ. Già thật rồi sao? Tôi nhìn tấm hình mình trên vách hình chụp kỷ thi tú tài. Hơn bốn mươi năm rồi.

Hưởng thời trung học không thân với tôi nhiều. Nhưng chúng tôi có quá nhiều kỷ niệm thời đi

dạy học ở Kế Sách và nhứt là sau ngày mất nước. Những ngày mà gặp nhau anh em cứ thở ra bởi chỉ thấy tương lai mịt mờ. Có những ngày lênh đênh trên sông Hậu giang từ cù lao Dung về Cần thơ giữa sóng nước mênh mông và thanh tịnh đó chúng tôi cố hít thở cho đầy lồng ngực cái không khí tự do không bị ô nhiễm bởi những khẩu hiệu ngu ngơ những lô nhô bảng đỏ sao vàng. Giữa trời nước mênh mông đó chúng tôi ngồi nhắc chuyện xưa. Quê Hương ở cù lao Dung, ba má gởi anh lên Sóc Trăng ở trọ nhà người thân để đi học. Ngày đó Hương là cậu học trò nhút nhát ngồi tuốt ở bàn sau chót. Ít nói ít cười nhưng rất tốt với bạn bè và lễ độ với thầy cô trong lớp. Lớp mười trai, gái học chung. Lớp mười là thời vàng son ở trung học vì không phải thi cử gì nên cứ học tà tà dưỡng sức cho kỳ thi tú tài một năm sau. Và anh để ý một cô bạn cùng lớp. Anh kể. Mỗi sáng anh tới lớp rất sớm tới chỗ cô ấy để đọc thư. Tôi hỏi sao không mang về nhà đọc. Anh cười, thư viết dưới bàn chỗ học sinh để tập vở. Đọc xong thư anh bôi bỏ liền. Tan học anh là người về sau cùng vì còn phải viết thư trả lời cho người ta. Chuyện tình viết thư bằng phấn kéo dài cũng khá lâu. Nếu tính mỗi lần viết là một lá thư thì anh có hơn trăm lá thư tình. Có lần anh được thư: “ngưng viết một lúc đi vì con bạn nó để ý”. Anh trả lời “thư sau viết chỗ anh ngồi”. Thi xong lớp đệ nhị thì chia tay. Lần cuối cùng gặp nhau ở nhà cô ấy. Tấm hình cô tặng anh còn giữ hoài trong bóp cho tới một hôm bà xã nhìn thấy khi soạn áo quần để giặt. Một cuộc chiến tranh lạnh xảy ra và hậu quả còn kéo dài nhiều năm sau đó mới hết.

Bây giờ muốn gặp nhau chúng

THƠ VIẾT DƯỚI BÀN

Lâm Hảo Khôi

tôi phải bay gần 1000 cây số đoạn đường Sydney-Brisbane. Trước 75 chúng tôi dạy học cùng quận Kế Sách. Trường của Hương ở xã Thới An Hội, lâu lâu có dịp anh ra Sóc Trăng bằng Honda thường ghé tôi chơi ở chợ quận. Có buổi sáng ngồi cà phê trong nhà lồng, cả hai cùng bị thu hút bởi một người đàn bà ngồi trong chợ. Tay bà làm động tác như một người đang xé giấy, xé xong một lúc bà lại ra điệu bộ như ném bỏ một vật gì đó. Hôm sau vô lớp tôi hỏi mấy em học trò. Chúng nó cười. A, bà xé thơ tình, người ta đặt bà đó là bà xé thơ tình đó thầy. Tôi hỏi sao mấy em biết. Một em ngồi đầu bàn nhanh miệng kể. Người ta nói hồi đó bà có chồng đi làm xa. Chồng bà có bộ, bỏ lá thơ trong túi, về thăm nhà bị bà bắt gặp bà xé thơ bỏ rồi điên luôn tới giờ. Tội nghiệp bà quá thầy...

Tôi nhắc chuyện này cho Hương nghe, nói coi chừng. Hương cười chuyện cũ mấy chục năm rồi còn gì. Bây giờ muốn có người nhắc lại chắc cũng ít ai còn nhớ. Tháng mười, mười một hàng năm tôi thường lên Brisbane thăm bạn luôn thể để nhìn hoa Phượng của ông Thanh Sơn. Hoa Phượng ở đây trồng dọc hai bên đường như hoa đào ở California hoặc ở Vancouver của Canada. Hoa Phượng có cái vẻ gì hơi nhà quê, nó thường mọc ở xứ nóng nghèo các nước Á và Phi châu. Nhưng đi dưới cái bóng rợp mát của hoa Phượng những ngày hè ở Brisbane thì không thấy quê nua chút nào mà càng làm thành phố Brisbane gần gũi với những con đường những phố xá Việt nam ngày xưa hơn. Chắc cũng phải để ý lắng nghe tiếng ve sầu nữa chứ cho đủ bộ ba: hoa phượng-ve sầu và lưu bút...

Lâm Hảo Khôi

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN THẦY CÔ VÀ ĐỒNG MÔN YẾM TRỢ CHO ĐẶC SAN HỘI NGỘ HOÀNG DIỆU

HD Quách Hoàng Tuấn
HD Trần Đình Phú
HD Phan Bạch Tuyết
HD Lai Ánh Hồng
HD Triệu Thị Kiển
HD Nguyễn Thanh Nga
HD Nguyễn Ngọc Thạch
HD Dương Minh Cảnh
HD Đinh Vinh và Trần Chánh
HD Tô Phùng Chấn
HD Dương Thành Long
HD Trịnh Tung
HD Nhâm Hòa
Thầy Nguyễn Quang Hồng và cô Hồng Vân
Thầy Nguyễn Hữu Long và chị Quách Sơn Mai
HD Lê Hồng Sơn
HD Trần Phong và chị Bích Ngọc
Cô Quách Ngân
HD Trần Bá Long
Cô Phạm thị Lê
Thầy Vũ Ngọc Phan và cô Lê Kim Đính
HD Quách Xiếu Lái
Một người ẩn danh Texas

Tổng Cộng: \$2,070.00
cùng một số hiện kim cho mượn để ứng trước in ấn (đã và sẽ được hoàn trả)

Ban thực hiện Đặc San thành thật cảm ơn mọi sự đóng góp của Thầy Cô và đồng môn bằng hiện kim, bài vở, hình ảnh, email, điện thoại khuyến khích . . .

Nhờ đó, quyển đặc san thô sơ này được thành hình, với hy vọng sẽ là một bước khởi đầu cho những ấn phẩm hoàn chỉnh hơn trong tương lai.

Trân trọng,

Nhà tui ở hẻm 3, con đường Bồ Tháo chạy từ đầu đường trại Cổ Loa đến Ngã Ba Chuồng Chó, thuở ấy hai bên đường nhà cửa quán xá còn lèo tèo, lác đác chỉ có mấy cái nhà ngói xây coi bề thế một chút như nhà bà Tư Hường cho vay bạc góp ở xéo xéo ngoài đầu hẻm mà lâu lâu thấy má tui đem vòng vàng cầm thạch ra cầm thế để lấy vốn bán hàng. Mé bên tay trái hẻm cách vài căn là nhà đúc kiểu Tây coi sang trọng của ông Đốc Múi, có Thanh Thủy, Liên Hương là con cháu nhà ông cũng học HD, cạnh bên là nhà ngói ba gian với sân gạch đỏ au của ông Vệ Hoành, có tên Bảy học cùng trường với tui... Đối diện bên kia đường là biệt thự của ông Lương y nào đó cũng một thời hoành tráng . . . sau này chia ra làm mấy căn cho mướn (?) căn chính giữa là nhà nhỏ Hai lớp A1... còn lại là xóm nhà lá với ba sắc tộc Miên- Tàu- Việt sống chen chúc với nhau hoà bình hữu nghị.

Trong hẻm tui sát hàng rào là nhà Kim Thai, sau lưng là nhà con Hà, trước mặt là nhà Tuấn sữa, tui nó học cùng thời, sanh cùng năm nhưng không hiểu bà con từ đời cố lũy nào mà đều gọi tui bằng dì, tui không khoái lắm vì lâu lâu nhỏ Kim Thai gây lộn nó cào bằng hết, con đó chần khỏi nói! Nhỏ

Hà đẹp từ hồi con nít nên mới . . . 17 tuổi nó “theo chồng bỏ cuộc chơi” sớm nhất hẻm, kể là Kim Phúc (chị Kim Thai) mới lớp 10 đã có chàng ngấp nghé... Tuấn sữa là con trai mà da trắng mịn như con gái nên bạn bè gọi chết tên tui và kêu “dì” ngọt sót, nhưng tui đồ dám kêu nó bằng “con”, nó có thể “quê độ” với đám bạn chung trường mà “quạt” tui te tua lắm chứ!

Cuối hẻm là nhà bà Ba bán xôi, má tui bán cơm tấm bánh mì bì, nên sáng nào 2 bà cũng cặp kè chấm muối mè ngồi xuống trước quán cà phê

đầu hẻm để bán cho mấy người trong xóm “một ly xây chừng với gói xôi hay với đĩa cơm tấm là xong bữa sáng “ghẻ ghề”. Mấy đứa học trò như tui thì cũng tấp qua mua bánh mì, hay xôi.. ăn dài dài cho tới trường. Cạnh quán cà phê là nhà chệt Út Chia bán hàng xén, cả xóm này nhờ cậy có mình ông, tiệm چاپ pho của người Tàu thì không thiếu thứ gì...tui đã từng chạy ra chạy vô cái hẻm ngày mấy lần để mua đồ lật vặt cho má tui, nhiều khi tui tự hỏi sao không mua một lần 5 kg đường, 10 kg gạo để trong nhà cho khoẻ ?!. Sau này tui

hiểu ra là người nghèo không bao giờ xài sang như vậy, cứ 200 đồng tiêu, 300 đồng nước mắm gói ghém đủ một ngày.. Tui biết chú Út Chia từ khi ông còn trai trẻ, rồi thấy ông tới tuổi lấy vợ, hôm đám cưới ông, tui tui cứ đứng ngó hoài cô dâu mặc đồ Xăm coi ngộ hết sức. Rồi ông có con, một bữa kia tối 2 vợ chồng ngủ mê một thế nào mà thằng nhỏ ị cứt su trét đầy đầu ba má nó, sáng ra họ kể chuyện xí xồ xí xào cả xóm đều cười vui, chuyện ngộ nghĩnh này được ghi vô làm chuyện dài xóm nhỏ..

Con đường Bồ Tháo không dài mà cũng không ngắn, học trò chung xóm chung đường đi về mỗi ngày nên biết mặt nhau. Biết nhưng không có nghĩa là chơi chung vì dù cùng chung một trường, nhưng khác ban, khác lớp và khác cả . . . giới tính nên khó mà có thời giờ gặp nhau nhiều. Hồi xưa lại hay chơi theo nhóm, theo phe (phe húi cua và phe kẹp tóc). Xóm dưới tui chỉ chơi với mấy đứa “cháu”, nhỏ Hai, nhỏ Thu Hà vì tui nó chung lớp, có Thanh Thủy bên Pháp văn, thêm xóm trên có Thu Hồ, Thanh Phương cũng dân Hoàng Diệu. Nhà tui nó có vườn cây trái mát mẻ mà lâu lâu tui tui kéo nhau lên chơi, hái bỏ đầy nón lá đem về nào mận, nào me,

tha hương ngộ ... hàng xóm

NGỌC ÁNH

cóc, ổi, xoài... Phải nói cái thời đó sao mà êm đềm thế! Đi học về là cứ tùm năm tùm ba làm bài tập đã rồi quay ra ..tám cười chí chõe, ngày nghĩ bàn chuyện ăn uống nọ kia. Nhớ có lần nhỏ Hai trở tài đồ bánh xèo, cả bọn làm biếng không đưa nào chịu đạp xe ra chợ mua rau nên bàn nhau hái rau đắp cá ngoài sân ăn đồ. Lúc đầu thấy ngon ngon, sau ngán gần chết, bây giờ mỗi lần nhắc tới rau đắp cá là tui nhớ tới nhỏ Hai và bữa bánh xèo để đời của nó.

Mỗi sáng học trò trong xóm rủ nhau đi học í ới, tui tui lợi bộ dài dài từ nhà đến trường, con đường Hai Bà Trưng lúc đó sao thấy xa lắc xa lơ.. đến ngã ba gần cầu Quay thì quẹo vô chùa Ông Bốn rồi bằng ngang Mạc Đĩnh Chi, ngay đầu đường là mối bỏ hàng, rau cải, gà vịt, xe lôi xe kéo tấp nập nên sáng sớm là khu đó ồn ào như... cái chợ! Con đường đến trường của tui tui chỉ thơ thẩn ở quanh dinh Tỉnh Trưởng cũ, với mấy cây bằng lăng nở hoa tím cả góc tường, hay vài chùm phượng đỏ ối đầu mùa mưa, một chút “lim xẹt” vàng rực trong sân Dinh, để cho lũ học trò tui tui mỗi sáng mỗi chiều nhớn nhớn đếm bước hồn nhiên ngang qua đó, thỉnh thoảng nhìn vô Dinh thấy 2 nàng tiểu thư Kiều Nga, Kiều Ngọc

đến trường bằng xe Jeep, tui nó cũng học HD, cũng một thời áo trắng nhưng để gì biết mơ mộng lang thang như tui tui!

Mấy chục năm qua nhanh như giấc mộng, bạn bè hàng xóm của tui giống như con sóng đời trôi dạt, có đứa dập dìu gần bờ, sóng bám trụ chờ đợi rủi may “trong nhờ đục.. lóng phèn”, có đứa ra khơi ba trệt bốn vuột mấy lần mới tới bến bình yên, và cũng có đứa gặp những con sóng thần đầy cuồng nộ dập cho tui tả như tui (híc!)

Mấy lần về thăm lại xóm cũ cách đây hơn chục năm, lớp già bè bạn cỡ như Ba Má tui thì ờ í e không còn một mống, lớp sồn sồn như tui tui thì vượt biển hơi bị nhiều (xuất ngoại bằng ghe hay bằng máy bay thì cũng giống vậy thôi) Thu Hà, Tuấn Sữa, Kim Phúc, Thanh Thủy, Liên Hương... đều định cư thành đạt ở xứ người, Kim Thai xui xẻo khi vừa có giấy xuất cảnh thì lại chết vào giờ chót vì bệnh ung thư gì đó. Tui nhớ nó với mái tóc dài tới hông, lúc nào cũng kẹp một bên, nụ cười hóm hỉnh, tánh xốc nổi, lạnh lợi hơn chị nó nhiều, tội nghiệp cho con cháu bà chằn của tui vẫn số bạc phần!...

Thu Hồ cũng mất vì đau tim khi tuổi đời còn rất trẻ.. Phương lưu lạc ở đâu không ai biết...Nhỏ

Hai thì chờ đợi bảo lãnh của gia đình, có lẽ nó là người bám trụ cuối cùng ở xóm tui.

Khi tui trở về thì xóm cũ đã trở thành xóm mới, đường xá mới sửa, nhà cửa mới xây, cái bảng “hẻm 3” của tui bị thụt tuốt vào trong, nép mình nhỏ nhoi giữa 2 căn nhà bề thế ngoài đầu hẻm, con đường vào hẻm như chật hẹp hơn, nhà tui đã đổi chủ, bây giờ nó là căn biệt thự hoành tráng nổi bật giữa xóm, và dĩ nhiên mất tiêu cái hàng rào bông giấy đỏ thắm một thời của tui. Buồn ời!

Rồi tui lủi thủi cũng qua tới Mỹ (sau nhỏ Hai vài tháng). Bạn bè xa xứ kết bè kết đảng trên mạng để nhớ quê hương, nhớ về một thời chung lớp chung trường HD. Tui có dịp đi đây đó và gặp được nhiều đứa thân quen, đông nhất là ở CA, còn rải rác ở các tiểu bang xa xôi khác, riêng hàng xóm tui có Tuấn Sữa thì ở bên Úc, lâu lâu cũng điện thoại thăm “di”, Thu Hà, Thanh Thủy cũng vậy, giữ liên lạc bằng “meo” để khỏi lạc nhau, điều thú vị bất ngờ là khi ghé thăm cậu em họ, ra chào tui lại là Liên Hương, vợ của hần, hàng xóm của tui.. Hôm gặp Kim Phúc ở Nam Cali, vẫn hiền lành mũm mĩm như thời con gái, cô nàng mừng ríu rít thân tình, nó mong tui mua cái nhà ở gần nó như hồi xưa cùng

con hẻm cũ, cách nhau cái giậu mồng toi để có gì í ới nhau cho ấm tình bà con hàng xóm...Tui hứa cho nó vui mà biết mình túi tiền không lấy gì rủng rỉnh lắm, mua nhà ở CA là cả một ước mơ...nhưng: Chắc! Cứ làm đại coi ra sao.

Tình cờ một hôm nhỏ HN đưa cái email của anh chàng Phutran nào đó kèm theo tấm hình lạ hoắc và nói là láng giềng Bố Thảo của tui, học trên tui một lớp thì chắc chắn không phải là cùng phe với tui rồi, nhưng mà .. Ai vậy cà? Tui thắc mắc không biết hỏi ai.

Tuần rồi lên Austin (một thành phố lớn của TX) thăm ông anh của Nừng, tui nhớ cái “meo” Phutran bèn gọi thử..ai dè gặp thiệt, anh chàng còn quả quyết tui mình (!?) là đồng hương, đồng môn, đồng xóm.. Thế là tui nhất định phải hẹn gặp tận mặt cho khỏi ầm ục trong lòng, đi không chẳng lẽ lại về không... không gặp người HD.

Thế là tui ra đứng giữa cái Mall, mặc áo màu vàng chõe để anh chàng dễ nhận diện..Chời đất, Phutran không trang nghiêm mặc veston giống như tấm hình “tờ khai gia đình” trên mạng, ở ngoài coi bụi bụi với râu tóc bờm xờm và cái áo thung màu sậm, nhưng nụ cười răng khểnh thì .. ăn đứt chò Hương! (nói vậy chớ

có dịp gặp nhau, 2 người nhe răng cười để chấm điểm coi ai . . . cắn đứt ai nhe)

Vừa gặp chưa kịp xã giao thì Phutran bắt vợ chồng tui lên xe chở một mạch về nhà Má ảnh, cũng là dịp tình cờ hôm nay sinh nhật bà cụ 84 tuổi rưỡi (nghe có vẻ lạ, nhưng sự thật là một kỷ niệm riêng của gia đình, bà cụ chọn ngày sinh nhật là ngày đầu tiên đặt chân lên nước Mỹ mà cả nhà bà được đoàn tụ đông đủ và bình yên, cũng là một ý tưởng hay, đáng trân trọng)

Một đại gia đình tề tựu quanh bàn ăn, chủ đề Sóc Trăng-Hoàng Diệu-Bố Thảo được nhắc đến hào hứng bởi vì có đến 4-5 thành viên trong nhà là dân HD, với những dây mơ rễ má thật bất ngờ thú vị. Đầu tiên là chị cả Nga, dân Nông Lâm Súc nhưng học một số thầy dạy ở HD, hỏi ra thì cũng “đồng môn” với nhau, ngoài ra là chị kết nghĩa với Hồng Nga em gái của HN, Phutran học trên tui một lớp và Mai Phương (em kế Phú) học dưới tui một lớp, cô nàng học chung với Kim (sau này là bà xã thằng bạn tui) với Kiều Ngọc, với Huệ Xuân.. Mai Phương sau này chơi thân với nhỏ Hai và giữ liên lạc tới bây giờ, Phutran học chung với Thu Cúc, Ngọc Thủy, chơi chung với Mã thành

Long, Trương Văn Sùng, Mạch Hút Sơn... nhắc lại tất cả những cái tên đều rất thân thiết với phe của tui tui thuở ấy cho đến bây giờ...Cả bọn lại hỏi về xóm cũ, bà Ba bán xôi mất, Phutran nhắc đến cục xôi cuộn trong miếng bánh phồng ngon hết biết mà gia đình đông dân số như nhà Phú thì chỉ có xôi mới trang trải đủ cho mấy cái tàu há mồm. Có lần tui ghé đốt cây nhang cho Bà mới biết anh Tín (cũng dân HD) là con trai của bà, lúc tui vô trường thì anh đã đi lính, hèn gì không biết.. vợ chồng Chú Út Chia chết lâu rồi, tiệm چاپ phôi hình như vẫn còn, thằng con “ỉa cứt su” đứng bán...Má anh Phú thì nhắc ông giáo Khỏe, ông vệ Hoàn, thiếu tá Mưu.. hàng xóm cùng thời với bà.. “những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ”, Bà nắm tay tui chỉ

mấy tấm hình đen trắng treo trên tường, hình hai vợ chồng tui chỉ và đóng một vai trò quan trọng. Tôi là cơ quan điều hành mọi hoạt động của con người và cho đến bây giờ tôi vẫn hoạt động tốt. Tôi xin được tiếp tục phục vụ”.
Kế đến là Tim: «Tôi cũng được sinh ra cùng lúc với con người, tôi giữ một nhiệm vụ cũng không kém phần quan trọng. Tôi giúp việc tuần hoàn máu để nuôi sống cơ thể và các bộ phận khác. Đến nay, tôi vẫn hoạt động tốt, tôi xin tiếp tục cống hiến”
Sau đó lần lượt các bộ phận khác cũng phát biểu.
Trong lúc im lặng bỗng có một giọng nói yếu ớt phát ra từ phía bên dưới:
«Xin thưa các anh, tôi cũng được sinh ra cùng với con người nhưng tới năm 20 tuổi tôi mới được làm việc. Nhưng công việc của tôi rất là vất vả và nặng nhọc, phải làm việc trong đường hầm hầm tối, ẩm ướt và trơn trượt. Cho nên, bây giờ tôi không còn khả năng để phục vụ nữa, tôi xin được về hưu”
Các bộ phận khác nghe thế rất tức giận liền đập bàn nói: «Ai! Ai! Có ngon thì ngóc đầu đứng dậy nói lớn xem nào? Sau 20 nămra đời mới bắt đầu có việc mà bây giờ đòi về hưu? Thế nà thế nào ??? nếu nào”
Giọng nói yếu ớt ấy lại vang lên: «Xin lỗi các anh, nếu em có thể ngóc lên được thì em xin về hưu để làm gì!”

chồng và 9 đứa con cách đây gần 40 năm, do tiệm Mỹ Dung ở Đường Giữa chụp. Tui chợt nhớ mình cũng có chụp mấy tấm hình răng thỏ ở đó... Ôi chao, thời gian trôi mau kinh khủng thiệt! Mới đó mà... ai cũng bắt đầu chớm chớm già! (chứ chưa già à nhe!)

Tự dưng cả bọn thấy như ấm lòng khi nhắc về quê cũ, tuy xa mà gần, trong tâm tưởng mỗi người vương vấn hoài hương.. Chia tay ra về với nỗi nhớ Sóc Trăng còn quanh quẩn trong từng câu nói. Bây giờ tui nhận ra Phutran là ai rồi, anh chàng hồi xưa cao gầy lêu khêu, đi học về ngang qua nhà nhỏ Hai, mà tui thì hay qua nhà nó ngồi tán dóc, d á m

hổng chừng có lúc tui ngứa miệng chọc ghẹo anh ta gì đó nên bây giờ nhớ ra hàm răng khểnh của chàng. Thôi thì “bà con xa không bằng láng giềng gần”. Tha hương ngộ... hàng xóm cũng vui quá chời, được một bữa cười đã đời, được ăn canh hông và được kết thêm một mối thân tình nơi đất khách, bỗng nhiên tui nhớ bài hát “cô láng giềng” và tức cảnh sinh tình tui muốn rống lên theo nốt rê trưởng .. Anh hàng xóm ơi! không biết anh có còn nhớ đến tôi..

TNA

710

CHƠI !!!

VỀ HƯU

Cuối cùng thì sau 70 năm hoạt động các bộ phận của cơ thể cũng tề tựu về dự cuộc họp tổng kết. Các bộ phận lần lượt phát biểu:

Đầu tiên là Não: «Tôi được sinh ra cùng lúc với con người và đóng một vai trò quan trọng. Tôi là cơ quan điều hành mọi hoạt động của con người và cho đến bây giờ tôi vẫn hoạt động tốt. Tôi xin được tiếp tục phục vụ”.

Kế đến là Tim: «Tôi cũng được sinh ra cùng lúc với con người, tôi giữ một nhiệm vụ cũng không kém phần quan trọng. Tôi giúp việc tuần hoàn máu để nuôi sống cơ thể và các bộ phận khác. Đến nay, tôi vẫn hoạt động tốt, tôi xin tiếp tục cống hiến”

Sau đó lần lượt các bộ phận khác cũng phát biểu.

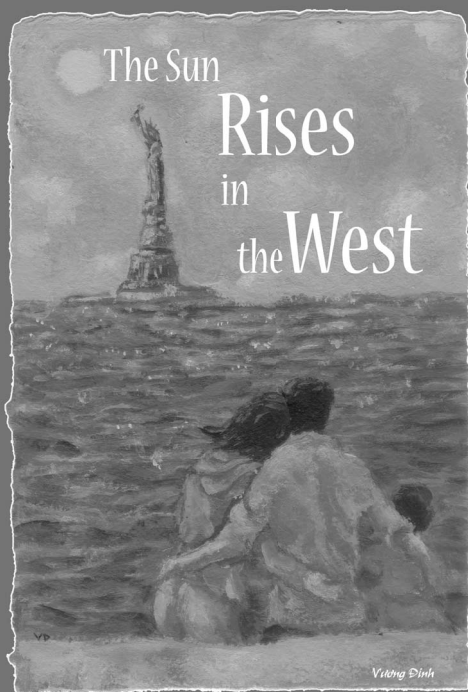
Trong lúc im lặng bỗng có một giọng nói yếu ớt phát ra từ phía bên dưới:

«Xin thưa các anh, tôi cũng được sinh ra cùng với con người nhưng tới năm 20 tuổi tôi mới được làm việc. Nhưng công việc của tôi rất là vất vả và nặng nhọc, phải làm việc trong đường hầm hầm tối, ẩm ướt và trơn trượt. Cho nên, bây giờ tôi không còn khả năng để phục vụ nữa, tôi xin được về hưu”

Các bộ phận khác nghe thế rất tức giận liền đập bàn nói: «Ai! Ai! Có ngon thì ngóc đầu đứng dậy nói lớn xem nào? Sau 20 nămra đời mới bắt đầu có việc mà bây giờ đòi về hưu? Thế nà thế nào ??? nếu nào”

Giọng nói yếu ớt ấy lại vang lên: «Xin lỗi các anh, nếu em có thể ngóc lên được thì em xin về hưu để làm gì!”

T3 (HD 61-68) sưu tầm



Phan Vũ

Tác phẩm viết bằng Anh ngữ
dày 470 trang
phát hành năm 2009
của thầy Vũ Ngọc Phan

Liên lạc: Phan Vũ

Tel: 714-894-5407

pnvu@verizon.net

thi tập
đỗ thị minh giang

Thương về
Kỷ niệm

thực hiện tại Hoa Kỳ
năm 2010



ĐỖ THỊ
MINH GIANG
1967

ĐỖ THỊ MINH GIANG



Tên thật: Đỗ Thị Minh Giang
Sinh năm 1949, Kế Sách, Sóc Trăng
Vượt biên và đến Mỹ 1980
Gia đình cư ngụ tại New Orleans 1981
Làm thơ từ 1966-1974
Nghỉ 30 năm không viết
Làm thơ trở lại từ 2004
Bài gửi lên vài Đặc San và Websites

CÔNG TÁC VỚI
- Thi Đàn Hương Thời Gian
- Văn Đàn Đăng Tâm
- Báo Nguyệt San Có Thơm
- Tạp Chí Văn Hậu

THI PHẨM ĐẦU TAY
- Thương Về Kỷ Niệm (2010)

Đỗ Thị Minh Giang

thơ

Thương về
Kỷ niệm



thương về
kỷ niệm
thơ
đỗ thị minh giang
2010

* Khung Cửa Mầu Xanh - minh Vũ Thái Hòa

2010

Xin Quý Thầy, Cô, Quý Anh, Chị, Em Hoàng Diệu
vui lòng ủng hộ và giới thiệu Thi Tập
THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM /Đỗ thị Minh Giang.
Xin đa tạ.

Liên lạc:

Đỗ thị Minh Giang
5829 S.Oak dr.
Marrero, LA 70072
504-330-2686

email:minhgdo@hotmail.com

đặc san ghi dấu ngày *hội ngộ* thầy trò Hoàng Diệu
ba mươi | tháng năm | năm hai ngàn mười
California, USA